



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

DDCI

**KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH VÀ UBND CÁC
HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ (DDCI) TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024**



**20
24**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

**BÁO CÁO THUYẾT MINH KẾT QUẢ
ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH
VÀ CẤP HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ (DDCI)
TỈNH HÀ TĨNH NĂM 2024**

Đơn vị chủ trì: Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh Hà Tĩnh

Đơn vị tư vấn: Công ty CP Công nghệ Hải Nam Tech

Hà Tĩnh, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	2
CHƯƠNG 01: TỔNG QUAN VỀ DCCI HÀ TĨNH 2024.....	5
1.1. Giới thiệu DCCI Hà Tĩnh 2024.....	5
1.1.1. Phương pháp luận DCCI	5
1.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng của bộ chỉ số DCCI Hà Tĩnh	5
1.2. Tổng quan về các CSTP và phương pháp tính chỉ số DCCI Hà Tĩnh 2024.....	6
1.2.1. CSTP trong khảo sát DCCI Hà Tĩnh 2024.....	6
1.2.2. Trọng số của các CSTP trong khảo sát DCCI Hà Tĩnh 2024.....	7
1.3. Đặc điểm của mẫu khảo sát chỉ số DCCI Hà Tĩnh 2024.....	8
CHƯƠNG 02: HỒ SƠ DCCI KHỐI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ.....	11
2.1. Tổng quan DCCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024.....	11
2.2. Kết quả đánh giá theo từng CSTP của DCCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021 – 2024	17
2.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin có xu hướng được cải thiện.....	18
2.2.2 Tính năng động và hiệu lực cải thiện toàn diện nhưng thiếu đồng đều giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh	21
2.2.3. Các kết quả cải cách hành chính tích cực giúp doanh nghiệp giảm chi phí thời gian	24
2.2.5. Môi trường cạnh tranh trở nên bình đẳng hơn.....	31
2.2.6. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương.....	34
2.2.7. Đảm bảo thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại và tranh chấp là trọng điểm để thúc đẩy thiết chế pháp lý và an ninh trật tự tại địa phương	37
2.2.8. Vai trò của người đứng đầu thể hiện nhiều chuyển biến tích cực trong cả chủ trương lãnh hành động.....	40
2.2.9. Các thủ tục tiếp cận đất đai có tín hiệu thuận lợi và thỏa đáng hơn.....	43
2.3. Tổng hợp một số góp ý cụ thể của DN/HTX/HKD với UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	46
CHƯƠNG 03: HỒ SƠ DCCI KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH.....	48
3.1. Tổng quan DCCI khối Sở, ban, ngành Hà Tĩnh 2024	48
3.1.1. Xếp hạng chung DCCI khối SBN Hà Tĩnh 2024.....	48
3.1.2. Xếp hạng DCCI đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh	56
3.1.3. Xếp hạng DCCI đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh.....	58

3.1.4. Xếp hạng DDCI đối với nhóm đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh.....	60
3.2. Kết quả đánh giá theo từng CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024	
.....	61
3.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin có sự bứt phá tích cực	62
3.2.2. Tính năng động và hiệu lực có tín hiệu tăng nhiệt trở lại	65
3.2.3. Chi phí thời gian có xu hướng giảm đáng kể.....	68
3.2.4. Chi phí không chính thức được cải thiện tích cực	71
3.2.5. Cạnh tranh bình đẳng có xu hướng tăng đều và mạnh mẽ	74
3.2.7. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự cần có thêm giải pháp để bứt phá trong thời	
gian tới.....	79
3.2.8. Vai trò của người đứng đầu SBN ngày càng rõ nét và được đánh giá cao	82
3.3. Tổng hợp một số góp ý của DN/HTX/KDH từ các đơn vị khảo sát DDCI khối Sở, ban,	
ngành	85
CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	87
4.1. Kết luận	87
4.2. Khuyến nghị.....	91
4.2.1. Khuyến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh.....	91
4.2.2. Khuyến nghị với các UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	93
4.3.2. Khuyến nghị với các Sở, ban, ngành.....	94
4.2.4. Khuyến nghị đối với công tác triển khai đánh giá DDCI các năm tiếp theo	95
Phụ lục 1: Bảng xếp hạng DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã.....	103
Phụ lục 2: Bảng xếp hạng DDCI khối Sở, ban, ngành	104
Phụ lục 3: Bảng xếp hạng DDCI khối Sở, ban, ngành (Chia theo nhóm).....	106
Phụ lục 4: Hồ sơ DDCI chi tiết của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024.....	108
Phụ lục 5: Hồ sơ DDCI chi tiết của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024.....	122
Phụ lục 6: Phương pháp tính chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024	148
Phụ lục 7: Phương pháp khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024	151

DANH MỤC VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
DDCI	<i>Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương</i>
PCI	<i>Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh</i>
TTTC	<i>Thủ tục hành chính</i>
SBN	<i>Sở, ban, ngành</i>
CSTP	<i>Chỉ số thành phần</i>
CQĐP	<i>Chính quyền địa phương</i>
CPKCT	<i>Chi phí không chính thức</i>
DN	<i>Doanh nghiệp</i>
HTX	<i>Hợp tác xã</i>
HKD	<i>Hộ kinh doanh</i>
TW	<i>Trung Ương</i>
BQLDA ĐT XD KVKKT tỉnh	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh</i>
BQLDA ĐT XD CTDD & CN tỉnh	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh</i>
BQLDA ĐT XD CTNN & PTNT tỉnh	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh</i>
BQLDA ĐT XD CTGT tỉnh	<i>Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh</i>

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh, khi các cấp chính quyền đang nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã đề ra. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất ổn và những thách thức từ quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng, việc cải thiện chất lượng điều hành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trở thành yêu cầu bức thiết hơn bao giờ hết. Hà Tĩnh không chỉ đối mặt với áp lực từ hội nhập quốc tế mà còn phải đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao từ doanh nghiệp và người dân về một môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả và bình đẳng. Đặc biệt, tốc độ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi tỉnh phải nhanh chóng cải thiện cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ công và đẩy mạnh chuyển đổi số để không bị tụt hậu trong thời đại công nghệ.

Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra 28 chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 trình Kỳ họp thứ 23, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII: dự kiến 26 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch (15 chỉ tiêu đạt, 11 chỉ tiêu vượt kế hoạch), 2 chỉ tiêu không đạt kế hoạch.

Tăng trưởng kinh tế: Tăng trưởng kinh tế đạt 7,48%, trong đó: nông nghiệp tăng 3,8%, công nghiệp - xây dựng tăng 8,2%, dịch vụ tăng 8,06%. Quy mô nền kinh tế đạt mức 113.000 tỷ đồng, tăng 10.000 tỷ đồng so với năm 2023; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhẹ từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ: công nghiệp - xây dựng chiếm 41,9%; nông nghiệp 13,4%; dịch vụ 44,7%¹.

Sản xuất công nghiệp còn khó khăn nhưng đang dần phục hồi. Tăng trưởng toàn ngành đạt 6,54%; sản lượng bia đạt 83 triệu lít, tăng 19%; điện sản xuất đạt 9,7 tỷ kWh, tăng 19%; sản phẩm mới pack pin của Nhà máy pin VinES sau năm thứ hai vận hành đạt sản lượng cả năm gần 6.000 pack, đạt 60% kế hoạch; riêng thép đạt 4,5 triệu tấn, giảm 7% so với năm 2023. Kịp thời triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển điện lực quốc gia; bảo đảm cung ứng điện cho sản xuất và tiêu dùng.

Nông nghiệp được mùa, được giá. Vụ lúa Xuân và Hè Thu 2024 có năng suất, sản lượng cao nhất từ trước đến nay; tổng sản lượng lương thực cả năm ước đạt 66,7 vạn tấn (tăng 2 vạn tấn so với năm 2023). Các mô hình nông nghiệp theo hướng hữu cơ, liên kết sản xuất hàng hóa với doanh nghiệp và tập trung tích tụ ruộng đất tiếp tục được mở rộng quy mô.

Dịch vụ, du lịch tăng trưởng khá; xuất khẩu duy trì ổn định. Việc tổ chức các hoạt động xúc tiến, quảng bá, liên kết phát triển du lịch trong và ngoài nước; du lịch biển, du lịch văn hóa khởi sắc, du lịch nông nghiệp nông thôn được quan tâm; hạ tầng

¹ Cơ cấu kinh tế năm 2023: công nghiệp - xây dựng 41,4%; nông nghiệp 14,1%; dịch vụ 44,5%.

du lịch có nhiều cải thiện, chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu của du khách. Tỉnh tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thủ tục một số dự án lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thể thao.

Phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư đạt khá. Thành lập mới 1.250 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc, nâng tổng số lên gần 12.500 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc trên toàn tỉnh. Chấp thuận chủ trương 21 dự án đầu tư tổng vốn hơn 17.500 tỷ đồng (tăng 1 dự án và gấp 5,3 lần vốn đăng ký so với năm 2023); tăng cường kết nối nhà đầu tư trong và ngoài nước (Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan) nghiên cứu các dự án sản xuất ô tô điện, năng lượng, điện tử, phát triển hạ tầng khu/cụm công nghiệp, giáo dục, du lịch.

Trước bối cảnh đó, việc triển khai Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (DDCI) Hà Tĩnh năm 2024 không chỉ là một công cụ quản trị hiện đại mà còn thể hiện quyết tâm chính trị mạnh mẽ của Đảng bộ và chính quyền tỉnh. Bộ chỉ số này giúp đo lường hiệu quả điều hành kinh tế của các cơ quan, đồng thời khơi dậy sự cạnh tranh lành mạnh, khuyến khích các đơn vị hành chính không ngừng cải tiến nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp và người dân.

Năm 2024, đánh dấu là năm thứ 03 trong giai đoạn 2021-2024 tỉnh Hà Tĩnh thực hiện đánh giá DDCI. Báo cáo DDCI Hà Tĩnh năm 2024 do Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh Hà Tĩnh, thuộc Văn phòng UBND tỉnh Hà Tĩnh chủ trì thực hiện.

Việc triển khai DDCI giúp Hà Tĩnh đánh giá chi tiết và khách quan năng lực điều hành của từng đơn vị, từ đó xác định những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục. Kết quả DDCI cung cấp dữ liệu quan trọng để tỉnh xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh. Sự cải thiện ở cấp cơ sở sẽ tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng điều hành kinh tế chung của tỉnh, từ đó cải thiện chỉ số PCI một cách bền vững, nói cách khác, điều này góp phần trực tiếp vào việc cải thiện thứ hạng PCI của tỉnh trên bảng xếp hạng quốc gia.

Báo cáo DDCI Hà Tĩnh năm 2024 được xây dựng với sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên toàn tỉnh, phản ánh tiếng nói, góc nhìn và nguyện vọng của những chủ thể chính trong phát triển kinh tế. Đây không chỉ là một bản báo cáo phản ánh năng lực quản lý, điều hành kinh tế của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện mà còn là định hướng để chính quyền tỉnh tiếp tục hoàn thiện, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hướng đến mục tiêu xây dựng một chính quyền kiến tạo, minh bạch và hành động.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ DDCI HÀ TỈNH 2024

CHƯƠNG 01: TỔNG QUAN VỀ DDCI HÀ TỈNH 2024

1.1. Giới thiệu DDCI Hà Tĩnh 2024

DDCI (viết tắt của từ tiếng Anh: Department and District Competitiveness Index) là Bộ chỉ số đánh giá năng lực cấp Sở, ban, ngành và Địa phương thuộc Tỉnh. Khảo sát DDCI để nắm bắt được mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh trên cơ sở đó nghiên cứu giải pháp nhằm:

- (i) Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh hàng năm;
- (ii) Khắc phục những hạn chế, tồn tại của những lĩnh vực được khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy các tỉnh trong nhóm đầu về PCI đều đã triển khai thành công bộ chỉ số DDCI trong nhiều năm qua và góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng bậc xếp hạng của PCI qua các năm.

1.1.1. Phương pháp luận DDCI

Bộ chỉ số DDCI được xây dựng và vận hành dựa trên các nguyên tắc và phương pháp tương tự Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (PCI) do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa kỳ (USAID) triển khai. Phương pháp luận DDCI về cơ bản tương tự như phương pháp luận PCI. Chỉ số DDCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm:

- (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra;
- (ii) Tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10;
- (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm trung bình có trọng số của các chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

1.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng của bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh

Căn cứ vào **Quyết định số 190/QĐ-UBND** ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc "*Phê duyệt bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (Viết tắt tiếng Anh là DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh*", việc triển khai bộ chỉ số DDCI hướng đến mục tiêu chung nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm điều hành các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã để thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh tỉnh Hà Tĩnh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Để đảm bảo nguyên tắc chung này, UBND tỉnh Hà Tĩnh đề ra các mục tiêu cụ thể và nguyên tắc xây dựng bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh như sau:

05 mục tiêu cụ thể của bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh, bao gồm:

- (1) Tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh;
- (2) Nâng cao hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;
- (3) Tạo sự cạnh tranh, thi đua và đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;
- (4) Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, doanh nghiệp được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện;
- (5) Trên cơ sở kết quả DDCI, nghiên cứu giải pháp để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo.

Việc xây dựng và triển khai bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh phải đảm bảo tuân thủ **06 nguyên tắc**:

(1) Nguyên tắc thực tế: Chỉ số DDCI được xây dựng dựa trên nội dung liên quan trực tiếp tới năng lực điều hành và phản ánh được các chức năng, nhiệm vụ thực tế mà các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện đang chịu trách nhiệm đảm nhận;

(2) Nguyên tắc gắn kết trách nhiệm: Nội dung của DDCI cần phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính nói riêng, năng lực và thái độ phục vụ của từng sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện nói chung;

(3) Nguyên tắc khả thi: Bộ chỉ số DDCI phải có khả năng cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế và hiệu quả cải cách hành chính liên quan đến đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư, các doanh nghiệp ở các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện;

(4) Nguyên tắc chính xác: Phải đảm bảo tính chính xác về kết quả khảo sát DDCI. Phương pháp xây dựng chỉ số, cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả phải phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu điều tra. Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát phải khoa học, thể hiện tính đại diện và độ tin cậy phù hợp;

(5) Nguyên tắc có ý nghĩa: Kết quả rút ra từ khảo sát chỉ số DDCI phải có ý nghĩa với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế cấp sở, ban, ngành và cấp huyện; thể hiện qua việc kết quả phân tích chỉ số DDCI sẽ giúp chỉ ra ưu, nhược điểm, những điểm đã làm tốt và những điểm tồn tại hạn chế để các cơ quan, đơn vị có định hướng cải thiện; đồng thời tạo sự cạnh tranh, thi đua để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện;

(6) Nguyên tắc Bảo mật: Mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát, thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát; đồng thời đáp ứng yêu cầu theo Luật Thống kê. Phải bảo mật thông tin kết quả DDCI đến thời điểm tổ chức công bố nhằm đảm bảo tính khách quan của kết quả đánh giá.

1.2. Tổng quan về các CSTP và phương pháp tính chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024

1.2.1. CSTP trong khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024

Bảng 1.1. Bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024

STT	Mã hóa	Tên CSTP	Phạm vi đánh giá	
			Khối SBN	Khối Địa phương
1	(a)	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	✓	✓
2	(b)	Tính năng động và hiệu lực	✓	✓
3	(c)	Chi phí thời gian	✓	✓
4	(d)	Chi phí không chính thức	✓	✓
5	(e)	Cạnh tranh bình đẳng	✓	✓
6	(f)	Hỗ trợ doanh nghiệp	✓	✓
7	(g)	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	✓	✓
8	(h)	Vai trò của người đứng đầu	✓	✓
9	(i)	Tiếp cận đất đai	-	✓

1.2.2. Trọng số của các CSTP trong khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024

Chỉ số DDCI được xác định thông qua tính toán các CSTP và chuẩn hóa theo thang điểm 100 (điểm tối đa là 100 và điểm tối thiểu là 1); gắn trọng số và tính điểm DDCI tổng hợp gồm điểm có trọng số của các CSTP. Việc xếp loại DDCI được quy định cụ thể theo phương pháp tính của từng năm tùy theo yêu cầu, mục đích khảo sát, đánh giá của từng năm².

Các trọng số thể hiện mức đóng góp và tầm quan trọng của từng CSTP đối với sự phát triển của khu vực tư nhân. Các trọng số được xác định dựa trên việc tham khảo các trọng số của các chỉ số trong PCI và đánh giá chủ quan về thứ tự ưu tiên của các chỉ số trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh. Các trọng số này được làm tròn và chia thành các mức (5%; 10%; 15%; 20%). Theo đó, những CSTP nào có tác động lớn hơn đến hiệu quả điều hành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thì được gắn trọng số cao hơn.

Chi tiết về trọng số của các CSTP của DDCI khối sở, ban, ngành cấp tỉnh Hà Tĩnh 2024 được trình bày trong **Bảng 1.2** dưới đây:

Bảng 1.2. Trọng số của CSTP khối sở, ban, ngành

STT	Tên CSTP	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10
2	Tính năng động và hiệu lực	15
3	Chi phí thời gian	10
4	Chi phí không chính thức	10
5	Cạnh tranh bình đẳng	10
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	15
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10
8	Vai trò của người đứng đầu	20
TỔNG		100

Chi tiết về trọng số của các CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh 2024 được trình bày trong **Bảng 1.3** dưới đây:

Bảng 1.3. Trọng số của CSTP khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

STT	Tên CSTP	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	10
2	Tính năng động và hiệu lực	15
3	Chi phí thời gian	10
4	Chi phí không chính thức	10
5	Cạnh tranh bình đẳng	10
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	10
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10
8	Vai trò của người đứng đầu	15
9	Tiếp cận đất đai	10
TỔNG		100

² Phương pháp tính chỉ số DDCI và phương pháp khảo sát được diễn giải chi tiết theo Phụ lục 05 và Phụ lục 06.

1.3. Đặc điểm của mẫu khảo sát chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024

Khảo sát DDCI dựa trên ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế, ngành nghề kinh doanh đang đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Mẫu khảo sát DDCI được lấy từ danh sách đã được xác minh, sử dụng kết hợp phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên theo danh sách do các Sở, Ban, Ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố cung cấp.

Đối với DDCI Hà Tĩnh 2024, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi được lựa chọn là mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một mã khảo sát của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát trên hệ thống. Khi đó, doanh nghiệp, hợp tác xã hay hộ kinh doanh có thể sử dụng mã khảo sát này để đánh giá chung cho cả chính quyền địa phương và Sở, ban, ngành. Chính vì vậy, cơ cấu mẫu sẽ được chia theo địa phương để làm căn cứ chọn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

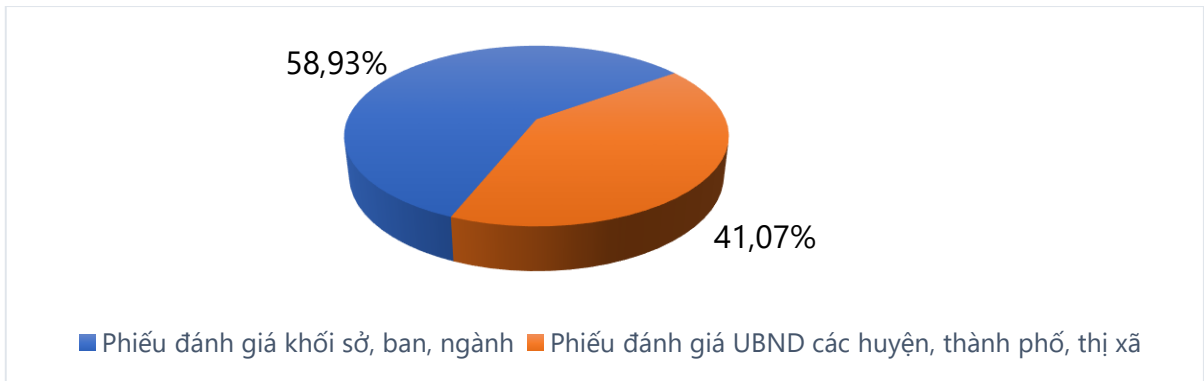
Quy mô khảo sát của DDCI Hà Tĩnh 2024 là 2.000 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể. Sau thời gian triển khai, khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024 đã thu được 1.142 phiếu khảo sát trên 2.000 phiếu phát ra, đạt tỷ lệ 57,10% (**Bảng 1.4**), cao hơn 77 phiếu so với khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2023 (1.065 phiếu). Với đặc thù thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động hành chính công, khảo sát DDCI Hà Tĩnh năm 2024 tập trung sử dụng công nghệ khảo sát trực tuyến nên 100% phiếu thu về là phiếu hợp lệ, không có phiếu không hợp lệ (**Bảng 1.4**).

Bảng 1.4. Số phiếu phát ra và thu về của khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024

	Tổng số phiếu khảo sát
Số phiếu khảo sát phát ra	2.000
Số phiếu khảo sát thu về, bao gồm:	1.142
- Số phiếu hợp lệ	1.142 (chiếm 100%)
- Số phiếu không hợp lệ	0 (chiếm 0%)
Tỷ lệ số phiếu thu về/Số phiếu phát ra	57,10%

Trong số 1.142 phiếu thu về hợp lệ, có 673 phiếu (chiếm 58,93%) đánh giá 24 sở, ban, ngành cấp tỉnh và 469 phiếu (chiếm 41,07%) đánh giá khối UBND các huyện, thành phố, thị xã (**Hình 1.2**). Kết quả này tương đương về tỷ trọng cơ cấu phiếu đánh giá so với kết quả thu được trong đợt khảo sát DDCI Hà Tĩnh năm 2023 (59,60% và 40,40%). Điều này cho thấy sự quan tâm đồng đều và ổn định trong 02 năm vừa qua của các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đến các đơn vị được đánh giá.

Hình 1.1. Cơ cấu phiếu đánh giá Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã DDCI Hà Tĩnh 2024

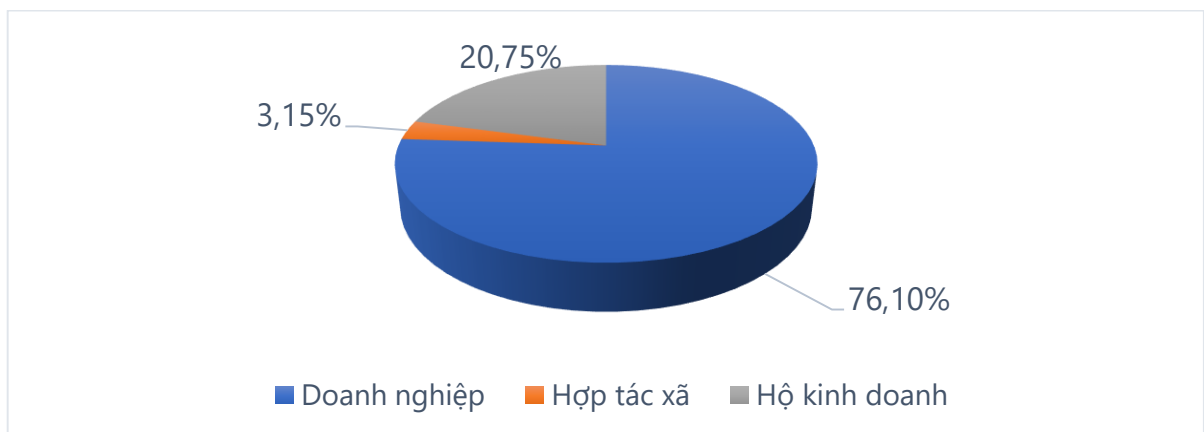


Trong số 1.142 phiếu đánh giá khối sở, ban, ngành và khối UBND các huyện, thành phố, thị xã, có 869 doanh nghiệp (chiếm 76,09%), 36 hợp tác xã (chiếm 3,15%), và 237 hộ kinh doanh (chiếm 20,75%), theo **Bảng 1.7**. Căn cứ vào số lượng doanh nghiệp khảo sát trong DDCI Hà Tĩnh 2024, cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên toàn tỉnh được lựa chọn khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024, được phân bố tại **Hình 1.3** dưới đây:

Bảng 1.5. Thống kê cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024

STT	Thành phần	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Doanh nghiệp	869	76,09%
2	Hợp tác xã	36	3,15%
3	Hộ Kinh doanh	237	20,75%
TỔNG		1.142	100,00

Hình 1.2. Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát trong DDCI Hà Tĩnh 2024





CHƯƠNG 2

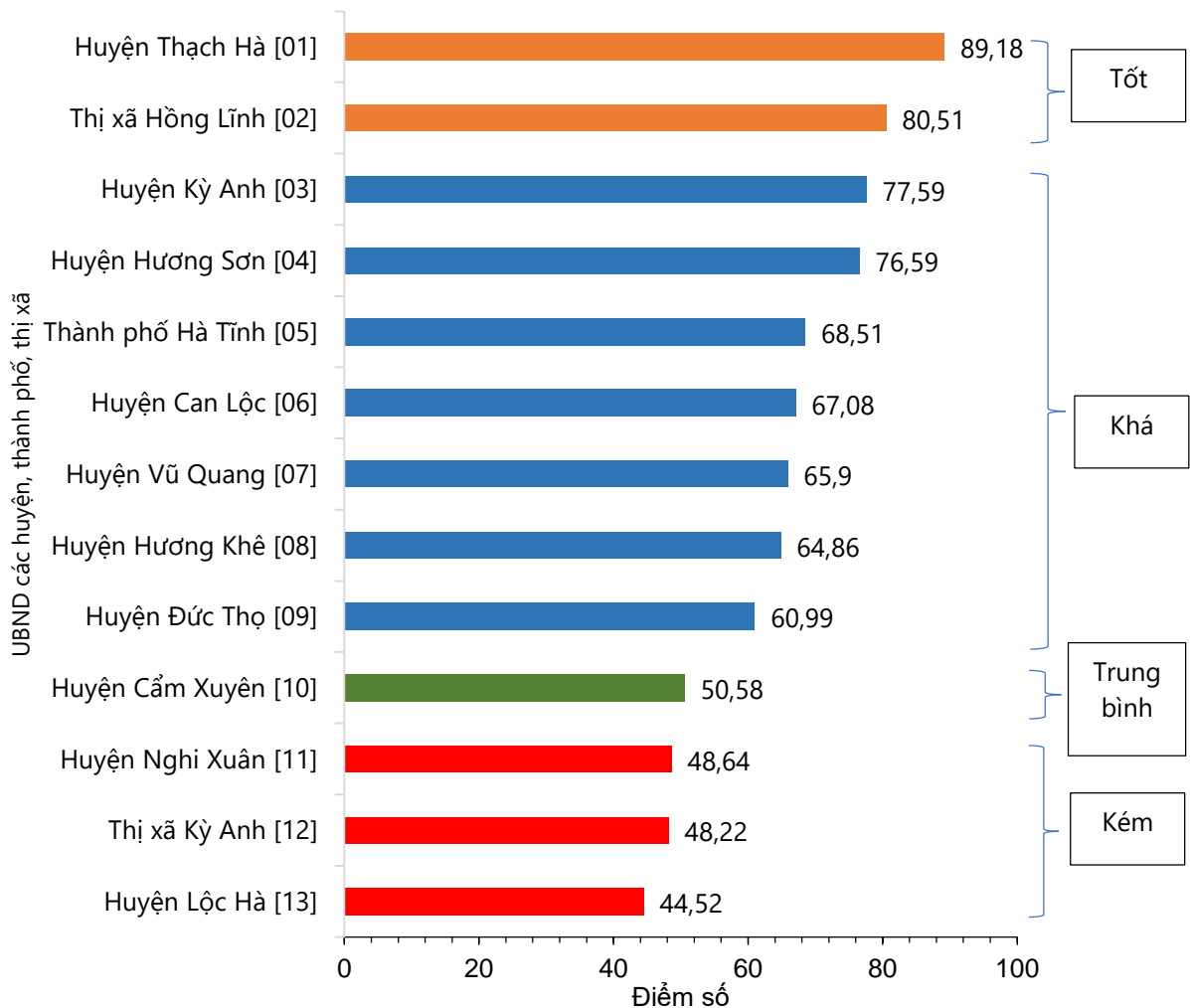
**HỒ SƠ DDCI KHỎI UBND CÁC
HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ**

CHƯƠNG 02: HỒ SƠ DDCI KHỐI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

2.1. Tổng quan DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024

Chỉ số DDCI khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu suất và năng lực cạnh tranh của các địa phương trong quản lý và phát triển kinh tế. Đây là một công cụ đánh giá chất lượng của môi trường kinh doanh và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương đối với doanh nghiệp. Chỉ số DDCI 2024 của tỉnh Hà Tĩnh bao gồm **09 chỉ số** để đưa vào đánh giá, phân loại **13 UBND các huyện, thành phố, thị xã** (sau đây gọi là địa phương) thuộc địa bàn tỉnh: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động và hiệu lực; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp; (7) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; (8) Vai trò của người đứng đầu; (9) Tiếp cận đất đai.

Hình 2.1. Xếp hạng và điểm số DDCI năm 2024 khối UBND các huyện, thành phố, thị xã



Căn cứ vào kết quả khảo sát, bảng xếp hạng DDCI Hà Tĩnh 2024 khối UBND các huyện, thành phố, thị xã được chia thành **04 nhóm**: (1) Tốt; (2) Khá; (3) Trung bình; và (4) Kém; Cụ thể trình bày tại **Hình 2.1.** bao gồm:

- Nhóm **"Tốt"** là nhóm địa phương có điểm số từ 80 điểm trở lên, bao gồm 02/13 địa phương: Huyện Thạch Hà [xếp thứ 1] – 89,18 điểm và thị xã Hồng Lĩnh [xếp thứ 2] – 80,15 điểm;

- Nhóm **“Khá”** là nhóm địa phương có điểm số từ 60 tới dưới 80, bao gồm 07/13 địa phương: Huyện Kỳ Anh [xếp thứ 3] – 77,59 điểm, huyện Hương Sơn [04] – 76,59 điểm, Thành phố Hà Tĩnh [05] – 68,51 điểm, huyện Can Lộc [06] – 67,08 điểm, Huyện Vũ Quang [07] – 65,90 điểm, huyện Hương Khê [08] – 64,86 điểm và huyện Đức Thọ [09] – 60,99 điểm;

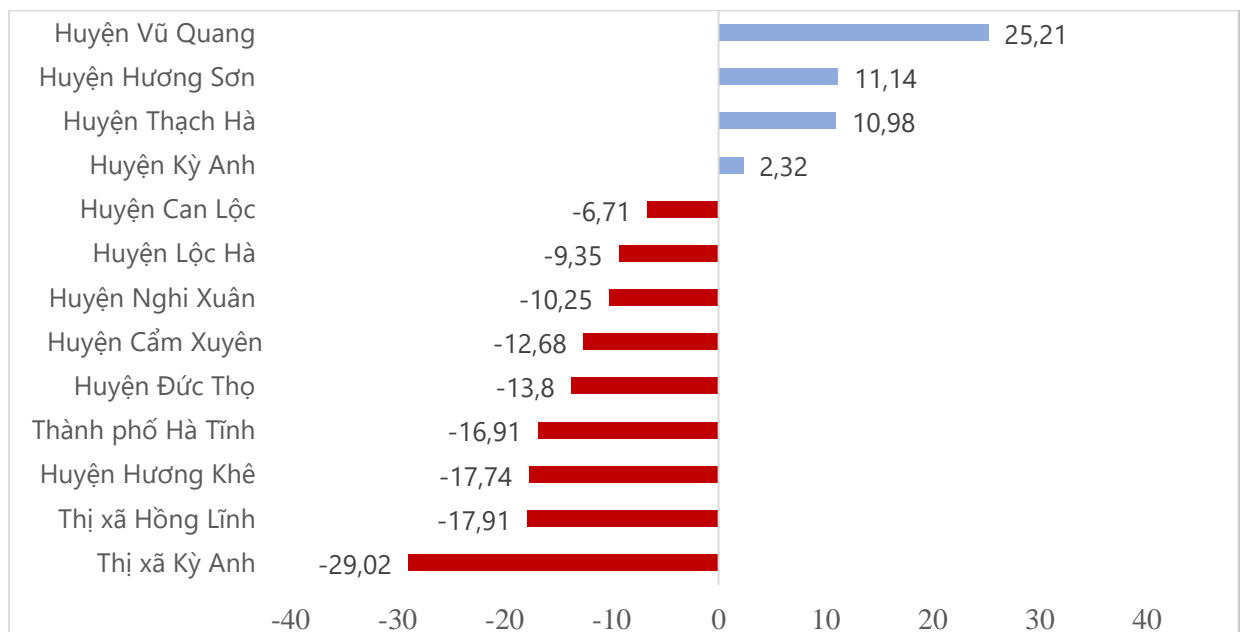
- Nhóm **“Trung bình”** là nhóm địa phương có điểm số từ 50 tới dưới 60, bao gồm 01/13 địa phương: Huyện Cẩm Xuyên [xếp thứ 10] – 50,58 điểm;

- Nhóm **“Kém”** là nhóm địa phương có điểm số dưới 50, bao gồm 03/13 địa phương: Huyện Nghi Xuân [xếp thứ 11] – 48,64 điểm, thị xã Kỳ Anh [xếp thứ 12] – 48,22 điểm, và huyện Lộc Hà [xếp thứ 13] – 44,52 điểm.

Năm 2024, Hà Tĩnh không ghi nhận địa phương nào đạt điểm số DDCI trên 90 điểm. Điểm trung bình của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã năm 2024 là 64,86 điểm (xếp ở mức Khá), có xu hướng giảm so với năm 2023 là 71,38 điểm và thậm chí thấp hơn so với mức là 69,7 điểm năm 2021. Điều này cho thấy năng lực cạnh tranh của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã đang có chiều hướng giảm. Tuy nhiên, mức giảm này cũng một phần đến từ bộ chỉ số DDCI năm 2024 đã bổ sung thêm nhiều tiêu chí đánh giá mới và loại bỏ một số tiêu chí có điểm cao trong đánh giá các CSTP (CSTP) của năm 2023.

Điểm số giữa địa phương có vị trí xếp hạng cao nhất³ và thấp nhất⁴ có sự chênh lệch khá lớn (chênh 44,66 điểm) nhưng đã giảm so với năm 2023 (chênh 57,3 điểm). Sự chênh lệch về điểm số DDCI năm 2024 giữa các địa phương đã có sự thu hẹp dần so với những năm trước là dấu hiệu cho thấy sự **cố gắng vươn lên của những địa phương ở nhóm cuối**. Tuy nhiên, khoảng cách giữa các đơn vị nhóm đầu và nhóm cuối vẫn còn khá lớn thể hiện sự khác biệt đáng kể về đánh giá chất lượng điều hành kinh tế giữa các địa phương.

Hình 2.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



³ Huyện Thạch Hà (89,18 điểm)

⁴ Huyện Lộc Hà (44,52 điểm)

Hình 2.2 minh họa mức cải thiện điểm số DDCI của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023; **Hình 2.3** và **Hình 2.4** minh họa xu hướng xếp hạng và xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2024, với **04 điểm đáng chú ý** sau:

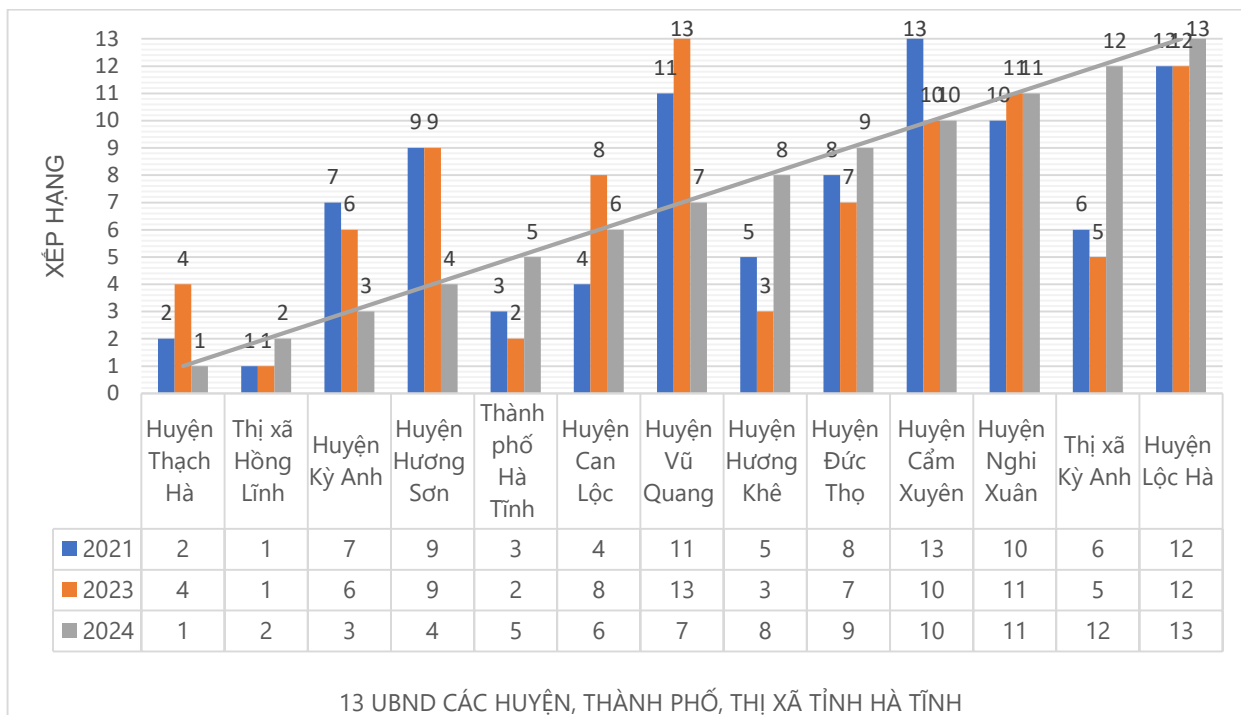
- Xu hướng tăng mạnh (tăng điểm, tăng bậc), ghi nhận Huyện Vũ Quang (tăng 25,21 điểm; tăng 5 bậc), Huyện Hương Sơn (tăng 11,14 điểm; tăng 5 bậc sau 02 năm liên tiếp trước đó đều giữ vị trí thứ 9); Huyện Thạch Hà (tăng 10,98 điểm, tăng 3 bậc) vươn lên dẫn đầu trong bảng xếp hạng 2024); Huyện Kỳ Anh giữ vững xu hướng tăng đều trong 03 năm liên tục (tăng 2,32 điểm; tăng 3 bậc) lọt vào Nhóm 3 bảng xếp hạng.

- Xu hướng giảm mạnh (giảm điểm, giảm bậc), ghi nhận Thị xã Kỳ Anh (giảm 29,02 điểm, giảm 7 bậc) dịch chuyển từ giữa nhóm Khá về gần cuối bảng xếp hạng; Bên cạnh đó, năm 2024 cũng ghi nhận sự sụt giảm trong năng lực cạnh tranh của một số địa phương, rời khỏi nhóm Tốt, dịch chuyển về nhóm Khá, như: Thành phố Hà Tĩnh (giảm 16,91 điểm, giảm 03 bậc) và Huyện Hương Khê (giảm 17,74 điểm, giảm 05 bậc). Thị xã Hồng Lĩnh (giảm 17,91 điểm, giảm 01 bậc) rời khỏi vị trí dẫn đầu trong 02 năm liên tiếp trước đó, tuy nhiên vẫn nằm trong nhóm Tốt.

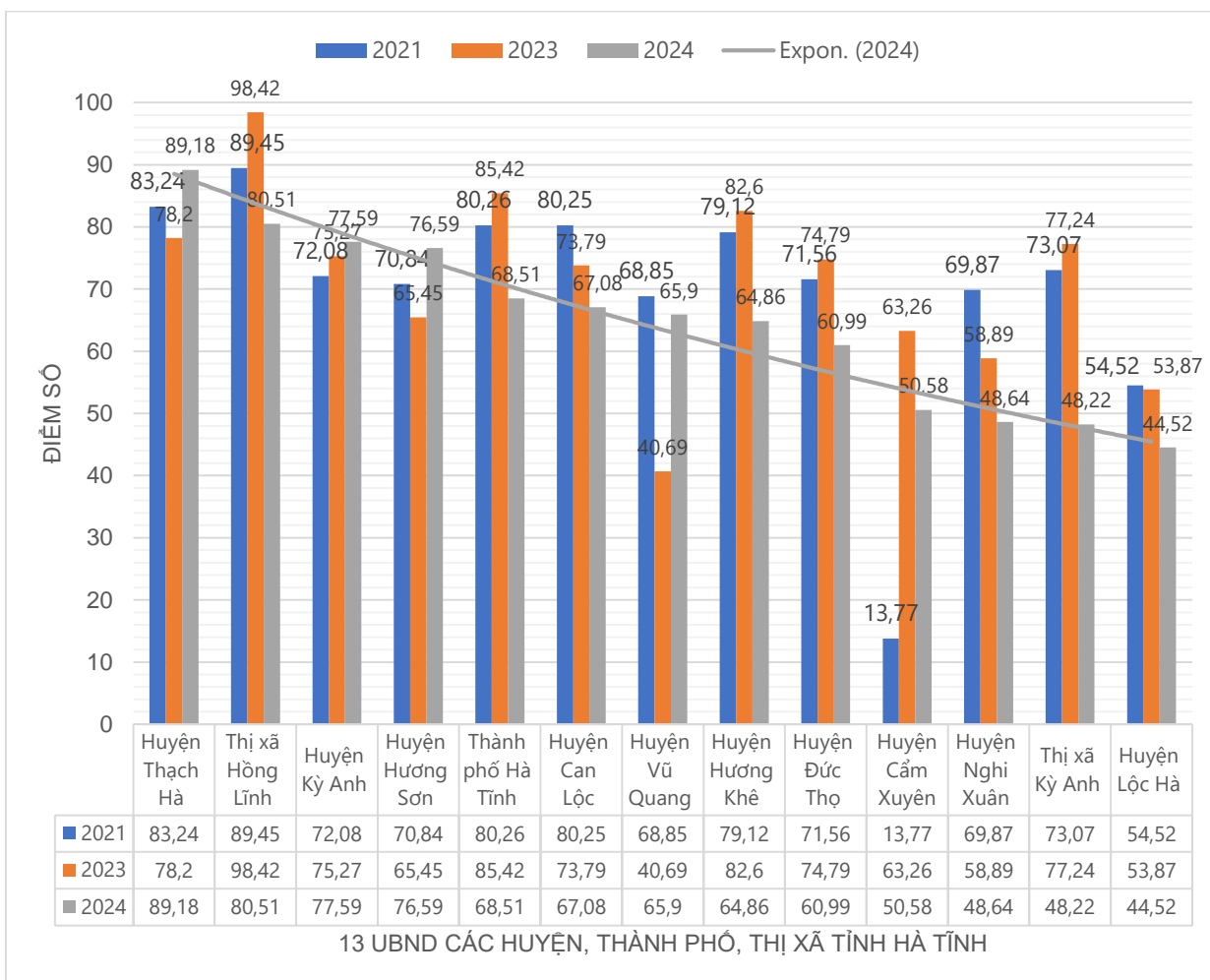
- Một số địa phương vẫn giữ vững xếp loại ở mức Khá nhưng xu hướng điểm giảm dẫn đến xếp hạng thay đổi nhẹ, bao gồm: Huyện Đức Thọ (giảm 13,8 điểm; giảm 02 bậc); Huyện Can Lộc (giảm 6,71 điểm, tăng 02 bậc). Đây là dấu hiệu cảnh báo cho năng lực cạnh tranh đang có xu hướng thiếu ổn định của các địa phương trên trong năm 2024.

- Nhóm cuối trong bảng xếp hạng 2024 gần như giữ mức độ ổn định so với 2023 và 2021: Huyện Cẩm Xuyên tiếp tục giảm điểm (giảm 12,68 điểm) nhưng tăng 03 bậc, giữ vị trí thứ 10. Huyện Nghi Xuân giảm đều trong 03 năm liên tục (giảm 10,25 điểm), giữ vị trí thứ 11 trong 02 năm liên tiếp. Vị trí cuối cùng của bảng xếp hạng của khối địa phương là Huyện Lộc Hà (giảm 9,35 điểm, giảm 01 bậc); đây là năm thứ 03 liên tục Huyện Lộc Hà nằm trong nhóm cuối của bảng xếp hạng.

Hình 2.3. Xu hướng xếp hạng DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2014



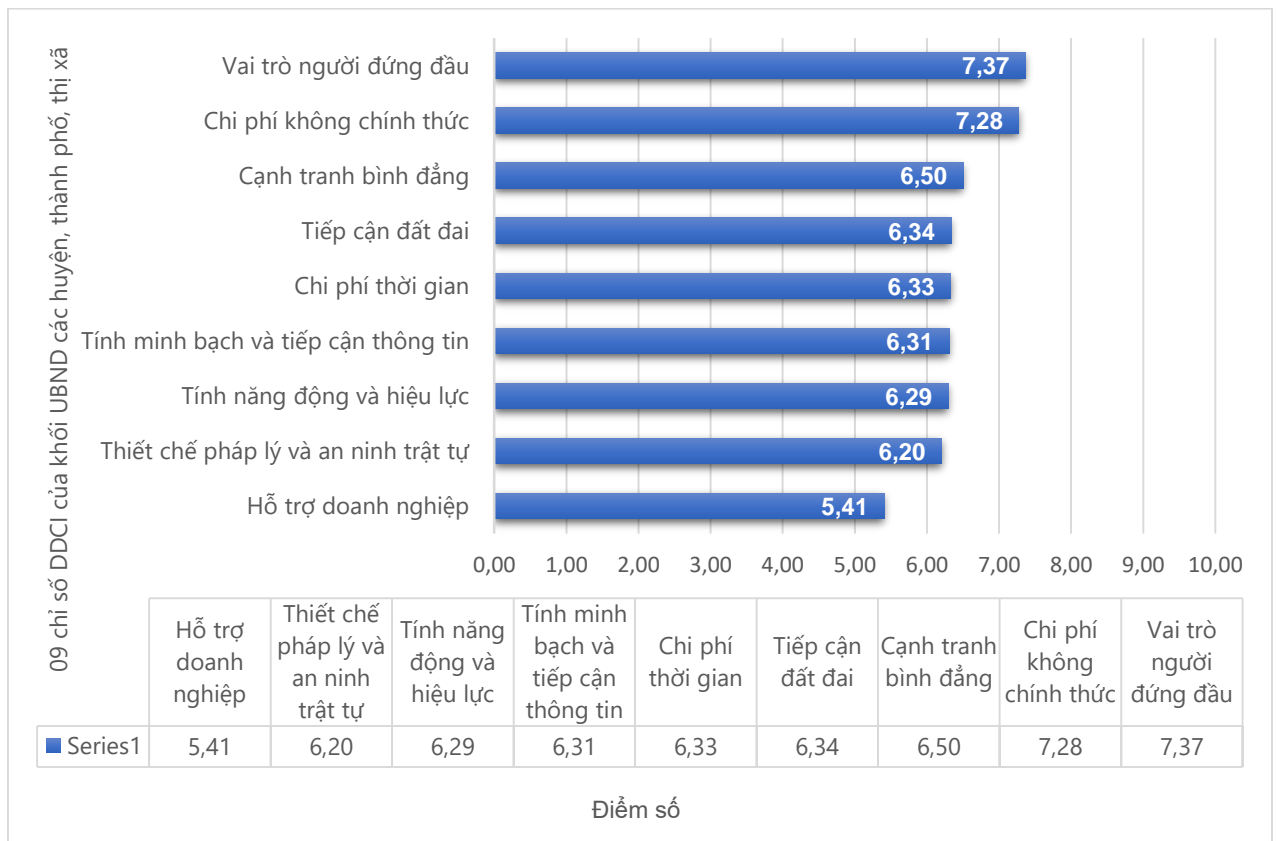
Hình 2.4. Xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2014



Hình 2.5 và **Hình 2.6** minh họa điểm trung bình của 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã năm 2024 và mức độ cải thiện điểm số của 2024 so với 2023. Có 06/09⁵ CSTP cải thiện điểm trung bình đáng kể so với năm trước và 03/09⁶ chỉ số giảm nhẹ. Tất cả các CSTP đều đạt mức điểm trung bình lớn hơn 05 điểm, phản ánh đa phần các huyện, thành phố, thị xã đều nỗ lực vươn lên ở cận trên. Tuy nhiên, điểm trung bình của các CSTP có sự khác biệt đáng kể (chênh 1,96 điểm) giữa chỉ số có điểm trung bình cao nhất⁷ và chỉ số có điểm trung bình thấp nhất⁸. Sự chênh lệch này là lớn hơn so với năm 2023 (chênh 1,46 điểm). Sự chênh lệch tăng là thể hiện của sự khác biệt lớn trong năng lực nghiệp vụ dẫn đến năng lực cạnh tranh giữa các địa phương của tỉnh.

Điểm đáng chú ý của năm 2024 là có 02 chỉ số đạt mức điểm trung bình cao nhất và mức trên 7,0 điểm, bao gồm: Chỉ số Vai trò người đứng đầu và Chi phí không chính thức, ghi nhận sự tiến bộ vượt trội so với năm 2023⁹. Bên cạnh đó, vẫn còn 01 chỉ số có điểm trung bình đạt mức thấp¹⁰ (dưới 6,0 điểm) đó là Hỗ trợ doanh nghiệp có số điểm trung bình thấp nhất (5,41 điểm) và giảm nhẹ so với 2023 (giảm 0,22 điểm).

Hình 2.5. Điểm số 09 CSTP của DDCI 2024 khối UBND các huyện, thành phố, thị xã



⁵ Bao gồm chỉ số: Vai trò người đứng đầu, Tiếp cận đất đai, Chi phí không chính thức, Cạnh tranh bình đẳng, Chi phí thời gian, và Tính minh bạch và tiếp cận thông tin.

⁶ Bao gồm chỉ số: Hỗ trợ doanh nghiệp, Tính năng động và hiệu lực, và Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

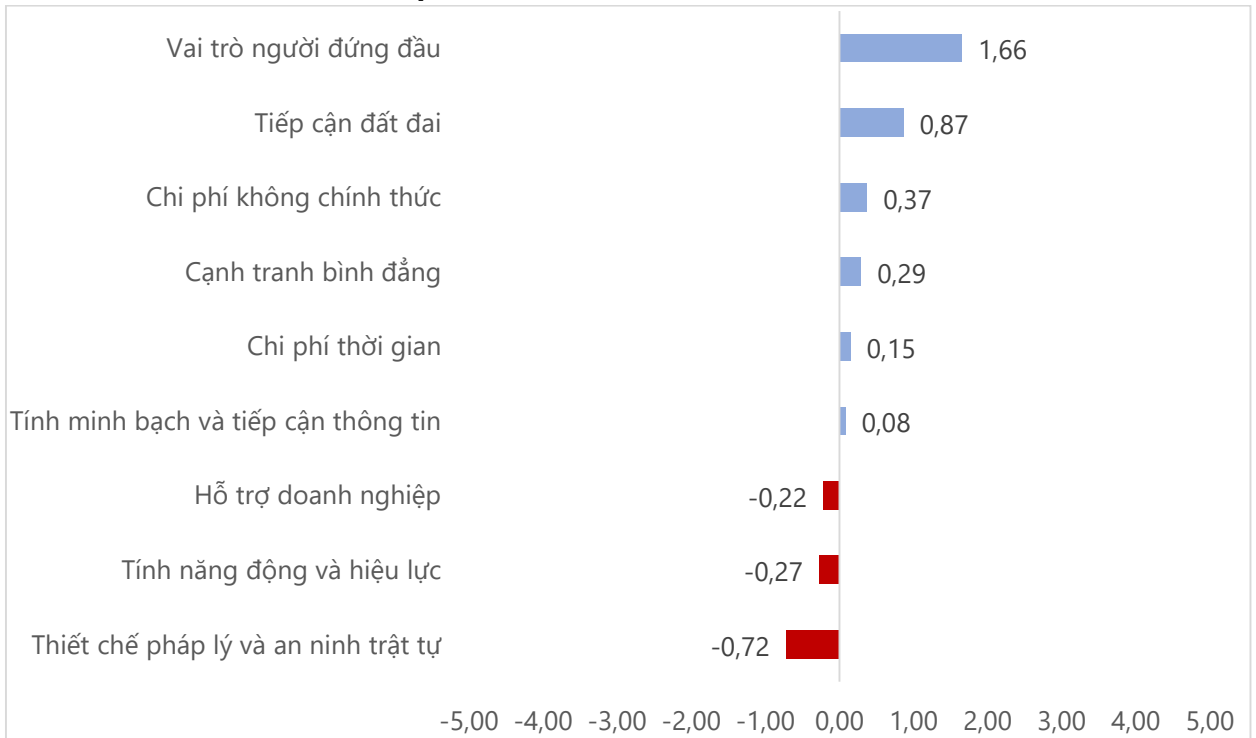
⁷ Chỉ số Vai trò người đứng đầu (7,37 điểm)

⁸ Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp (5,41 điểm)

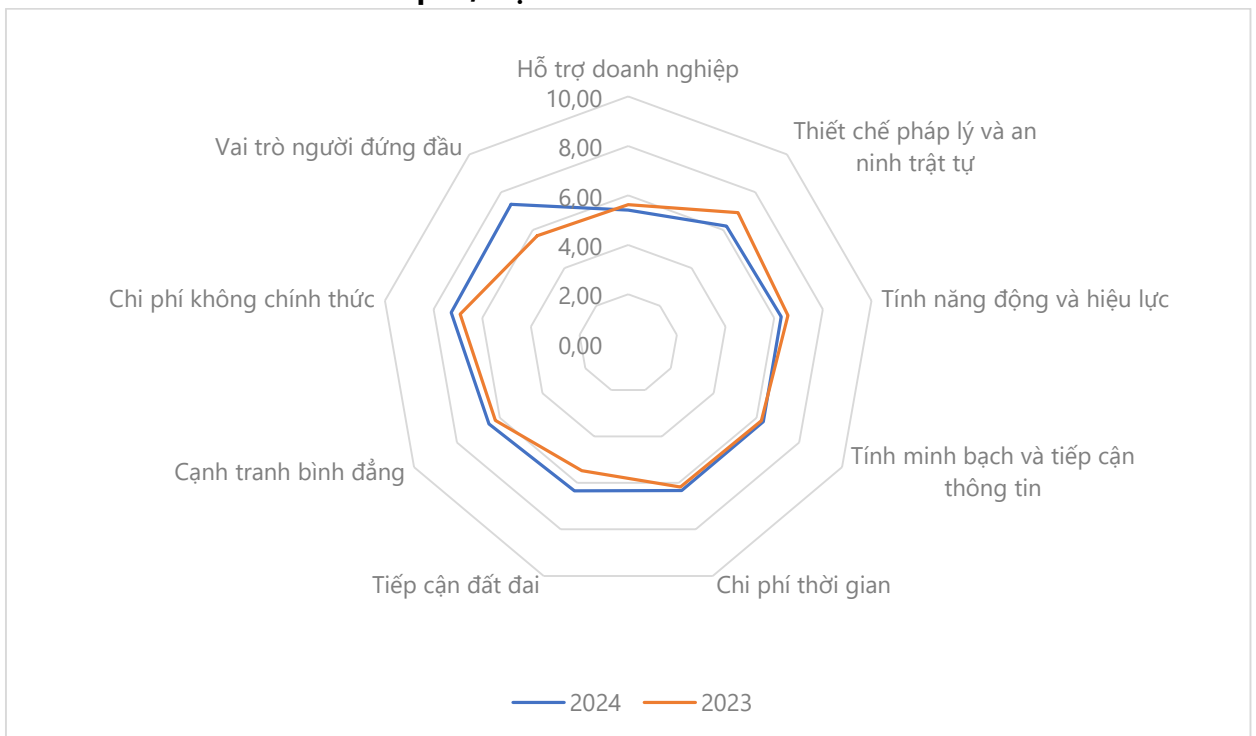
⁹ 2023 không có CSTP DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã đạt điểm trung bình lớn hơn hoặc bằng 7,0 điểm.

¹⁰ Bao gồm: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, và Hỗ trợ doanh nghiệp

Hình 2. 6. Mức độ cải thiện điểm số của 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023

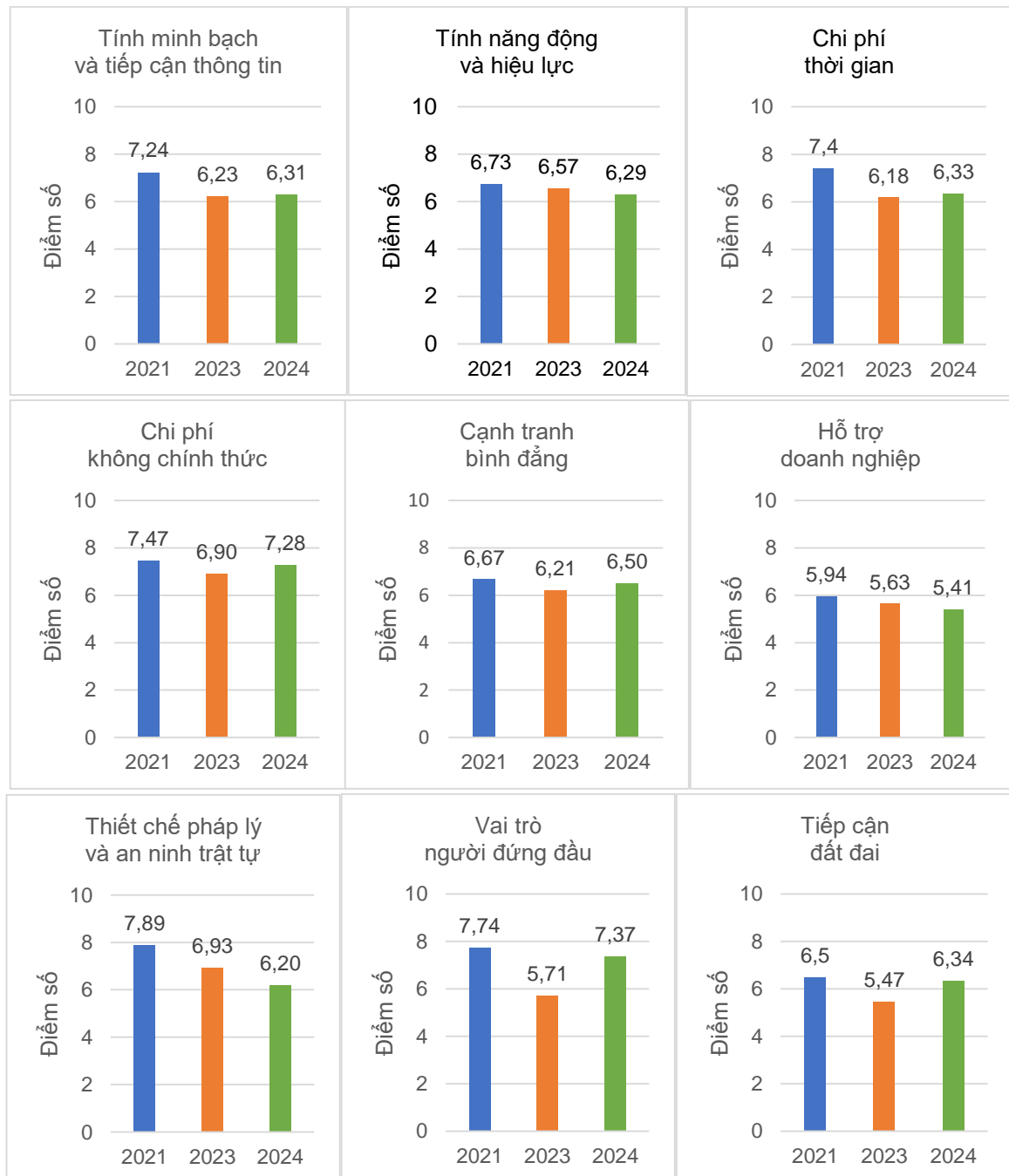


Hình 2.7. So sánh điểm trung bình của 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



2.2. Kết quả đánh giá theo từng CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021 – 2024

Hình 2.8. Điểm số 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2024



Sử dụng các dữ liệu đánh giá DDCI Hà Tĩnh giai đoạn 2021 – 2024, căn cứ trên sự thay đổi của điểm số trung bình của 09 CSTP (CSTP) tại **Hình 2.8**, báo cáo ghi nhận các nét chính của năng lực cạnh tranh khối UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2021 – 2024 như sau:

06 điểm cần phát huy:

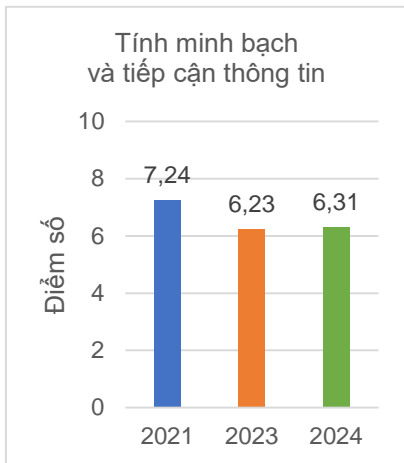
- Vai trò của người đứng đầu thể hiện nhiều chuyển biến tích cực trong cả chủ trương lẫn hành động;
- Các chi phí không chính thức có chiều hướng giảm;
- Doanh nghiệp ghi nhận được đối xử bình đẳng trong môi trường cạnh tranh;

- Các thủ tục tiếp cận đất đai có xu hướng thuận lợi và thỏa đáng hơn;
- Các kết quả cải cách hành chính tích cực giúp doanh nghiệp giảm chi phí thời gian;
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin có xu hướng được cải thiện.

03 điểm cần cải thiện:

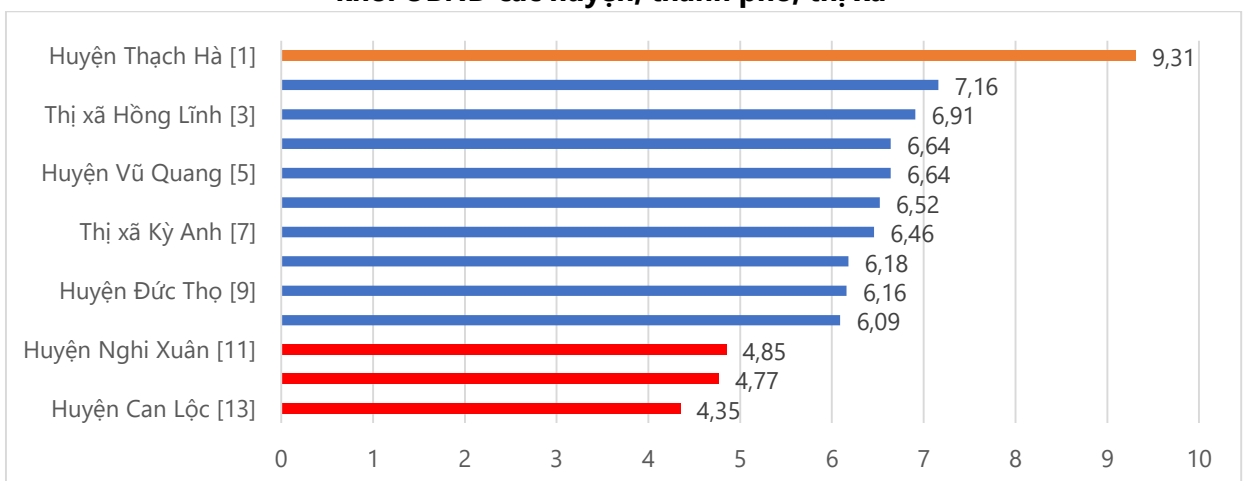
- Tính năng động và hiệu lực được cải thiện toàn diện nhưng còn thiếu sự đồng đều giữa các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh;
- Đảm bảo thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại và tranh chấp là trọng điểm để thúc đẩy thiết chế pháp lý và an ninh trật tự tại địa phương;
- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương.

2.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin có xu hướng được cải thiện



Trong nhóm các chỉ số có xu hướng tăng điểm của DDCI 2024, điểm trung bình của CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là chỉ số có mức tăng nhẹ nhất (tăng 0,08 điểm), tuy nhiên vẫn có ý nghĩa đáng kể trong việc chấm dứt xu hướng giảm mạnh của Tính minh bạch và tiếp cận thông tin trong giai đoạn 2021-2023 (giảm 1,01 điểm). Nguyên nhân chính của việc tăng điểm này đến từ sự bứt phá của Huyện Thạch Hà với 9,31 điểm, ghi nhận tăng 3,22 điểm so với 2023 và cách Huyện Kỳ Anh [xếp thứ 2] (7,16 điểm) 2,15 điểm - dẫn đầu chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là. Đây có thể là một trong những thành quả đến từ nỗ lực số hóa¹¹ giai đoạn 2023-2024 của huyện Thạch Hà. Còn lại, nhóm xếp hạng [xếp thứ 3] – [xếp thứ 10] bao gồm đa phần các địa phương duy trì điểm số của chỉ số này ở mức Khá với mức điểm từ 6,09 điểm đến 6,91 điểm.

Hình 2.9. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

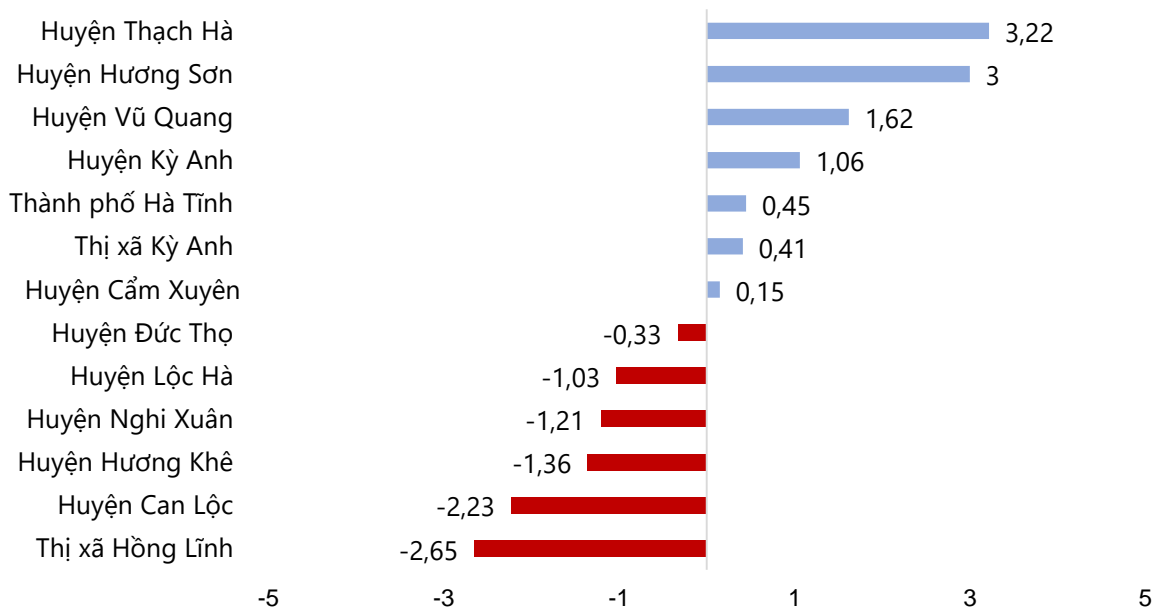


Bên cạnh đó, năm 2024 ghi nhận 03 huyện nhận đánh giá về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin ở mức Kém, bao gồm: Huyện Nghi Xuân [xếp thứ 11], Huyện Lộc Hà

¹¹ Huyện Thạch Hà số hóa thông tin về thôn, tổ dân phố (2024). Nguồn: <https://baohatinh.vn/thach-ha-so-hoa-thong-tin-ve-thon-to-dan-pho-post249251.html>

[xếp thứ 12] và Huyện Can Lộc [xếp thứ 13]. Trong đó, Huyện Can Lộc là địa phương đứng cuối bảng với 4,35 điểm, giảm đến 2,23 điểm so với 2023. **Hình 2.9** minh họa bảng xếp hạng và điểm số chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã. Có chênh lệch lớn giữa địa phương có điểm cao nhất¹² và thấp nhất¹³ (chênh 4,96 điểm), do vậy điểm số CSTP chỉ cải thiện nhẹ. Hiện tượng này hoàn toàn phù hợp với mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.10** ghi nhận 07/13¹⁴ địa phương có mức cải thiện điểm tăng và 06/13¹⁵ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Đồng thời, trực tăng và giảm cân xứng trên mô hình so sánh. Thị xã Hồng Lĩnh ghi nhận mức giảm điểm cao nhất (giảm 2,65 điểm).

Hình 2.10. Mức độ cải thiện điểm CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 06 tiêu chí đánh giá, trong đó, có 05/06 tiêu chí giữ nguyên¹⁶ như năm 2023 và bổ sung thêm 01 tiêu chí mới¹⁷.

Theo kết quả phân tích 06 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.1**, 03/06 tiêu chí đánh giá CSTP này ghi nhận mức cải thiện đáng kể trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin so với năm 2023. Cụ thể, năm 2024, 84,16% DN cho rằng Chính quyền địa phương (CQĐP) tạo điều kiện cho DN tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi mà không cần phải có "mối quan hệ đặc biệt" nào (năm 2023 là 77,05%). Bên cạnh đó, 96,19% DN cho rằng CQĐP luôn luôn hoặc thường xuyên sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn trên kênh đại chúng (trừ thông tin bí mật nhà nước) khi DN đưa ra yêu cầu (năm 2023 là 89,92%). Đối với tiêu

¹² Huyện Thạch Hà (9,31 điểm)

¹³ Huyện Can Lộc (4,31 điểm)

¹⁴ Bao gồm: Huyện Thạch Hà, huyện Hương Sơn, huyện Vũ Quang, huyện Kỳ Anh, thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh, và huyện Cẩm Xuyên

¹⁵ Bao gồm: Huyện Đức Thọ, huyện Lộc Hà, huyện Nghi Xuân, huyện Hương Khê, huyện Can Lộc và thị xã Hồng Lĩnh

¹⁶ Tiêu chí giữ nguyên: a1, a2, a3, a4, và a6

¹⁷ Tiêu chí mới: a5

chí này, sự sẵn sàng chia sẻ của nhiều địa phương được DN ghi nhận mức đánh giá cao nhất là mức tối đa 100 điểm, ví dụ như: Huyện Vũ Quang, huyện Thạch Hà, huyện Kỳ Anh và huyện Can Lộc. 92,94% DN cho rằng website và cổng thông tin điện tử của CQĐP được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, nhanh chóng với nhiều thông tin hữu ích (2023 là 81,50%), đặc biệt phải kể đến: Huyện Đức Thọ¹⁸ với cổng thông tin điện tử hiện đại và đa dạng thông tin, được doanh nghiệp đánh giá rất cao.

Bảng 2.1. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[a1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ Chính quyền địa phương là dễ tiếp cận (%)	Trung bình	90,72	83,74
	Cao nhất	96,31	89,29
	Thấp nhất	86,61	77,27
[a2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không cần có "mối quan hệ" với Chính quyền địa phương để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi (%)	Trung bình	77,05	84,16
	Cao nhất	92	94,29
	Thấp nhất	64	68,75
[a3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết thủ tục hành chính được niêm yết đầy đủ, công khai tại bảng thông tin tại Trung tâm hành chính công (%)	Trung bình	97,33	94,93
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	89,86	81,82
[a4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản (trừ thông tin bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh đại chúng khi DN đề nghị (%)	Trung bình	89,92	96,19
	Cao nhất	95,08	100
	Thấp nhất	84	90,63
[a5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đã từng truy cập vào website/cổng thông tin điện tử của Chính quyền địa phương (%)	Trung bình	-	33,07
	Cao nhất	-	60
	Thấp nhất	-	9,09
[a6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng website/cổng thông tin điện tử của CQĐP được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, nhanh chóng và hữu ích (website) (%)	Trung bình	81,50	92,94
	Cao nhất	90,32	100
	Thấp nhất	56	81,82

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

Một tiêu chí về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của năm 2024 có giảm nhẹ so với 2023 song vẫn ở mức cao. Cụ thể: 94,93% DN cho rằng "Thủ tục hành chính của địa phương được niêm yết đầy đủ, công khai tại trung tâm hành chính công" trong khi tỷ lệ năm 2023 là 97,33%. Trong đó, tiêu biểu là huyện Thạch Hà, ngay từ đầu năm 2024 đã đưa 100% hồ sơ thủ tục hành chính công khai trên hệ thống dịch vụ công, một cửa điện tử¹⁹, điều này được các doanh nghiệp địa phương đánh giá cao.

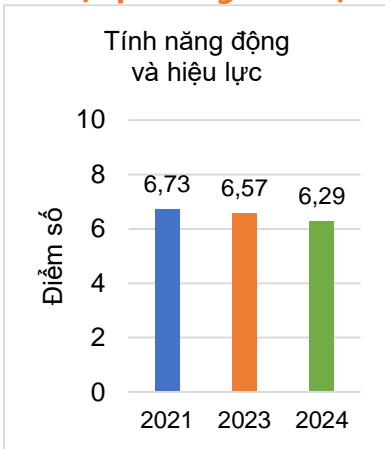
Tuy nhiên, vẫn còn 16,26% DN cho rằng việc tiếp cận các thông tin tài liệu theo quy định pháp luật từ CQĐP là chưa dễ dàng (trong khi năm 2023 là chưa đến 10%). Bên cạnh đó, chỉ có khoảng 1/3 số DN được hỏi (chiếm 33,07%) đã từng truy cập vào website/cổng thông tin điện tử của CQĐP. Đây là một trong những trở ngại trong việc tiếp cận doanh nghiệp thông qua các cổng thông tin điện tử hiện đại sẵn có của địa phương. Các giải pháp về chuyển đổi số cần đẩy mạnh cùng các giải pháp về truyền

¹⁸ Cổng thông tin điện tử Huyện Đức Thọ. Nguồn: <https://ductho.hatinh.gov.vn/portal/Home/default.aspx>

¹⁹ Huyện Thạch Hà đẩy mạnh thực hiện công tác chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan (2024). Đảng Bộ tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn: <https://hatinh.dcs.vn/huyen-thanh-pho-thi-xa/news/huyen-thach-ha-day-manh-thuc-hien-cong-tac-chuyen-doi-so-trong-he-thong-co-quan-.html>

thông để giúp các kênh thông tin chính thống được doanh nghiệp yêu thích và sử dụng thường xuyên hơn.

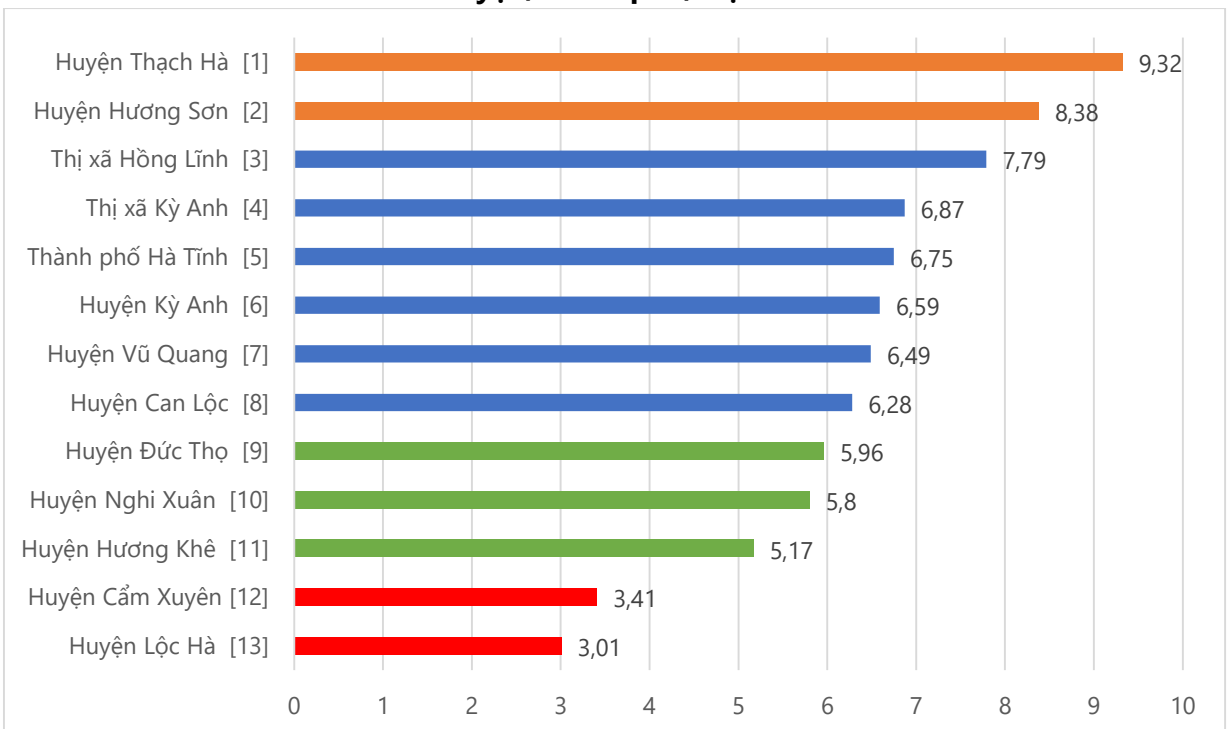
2.2.2 Tính năng động và hiệu lực cải thiện toàn diện nhưng thiếu đồng đều giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh



“Tính năng động và hiệu lực” là một trong 03 chỉ số cần dành tập trung cải thiện sau khi đánh giá các chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024 của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã. Xu hướng giảm điểm của CSTP Tính năng động và hiệu lực đã diễn ra suốt giai đoạn 2021-2024, và đến năm nay, chỉ số này đạt 6,29 điểm, tiếp tục giảm 0,27 điểm so với 2023. Mức giảm nhẹ nhưng giảm đều có thể là dấu hiệu cho thấy việc hạn chế sáng tạo và linh hoạt của CQĐP trong việc thực thi chính sách hay sáng kiến nhằm phát triển các hoạt động đầu tư và môi trường kinh

doanh trên địa bàn huyện/tỉnh giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, đây là dự đoán trên xu hướng điểm số, còn khi phân tích vào bối cảnh cụ thể thì có thể có thêm những nhận định trái chiều khác.

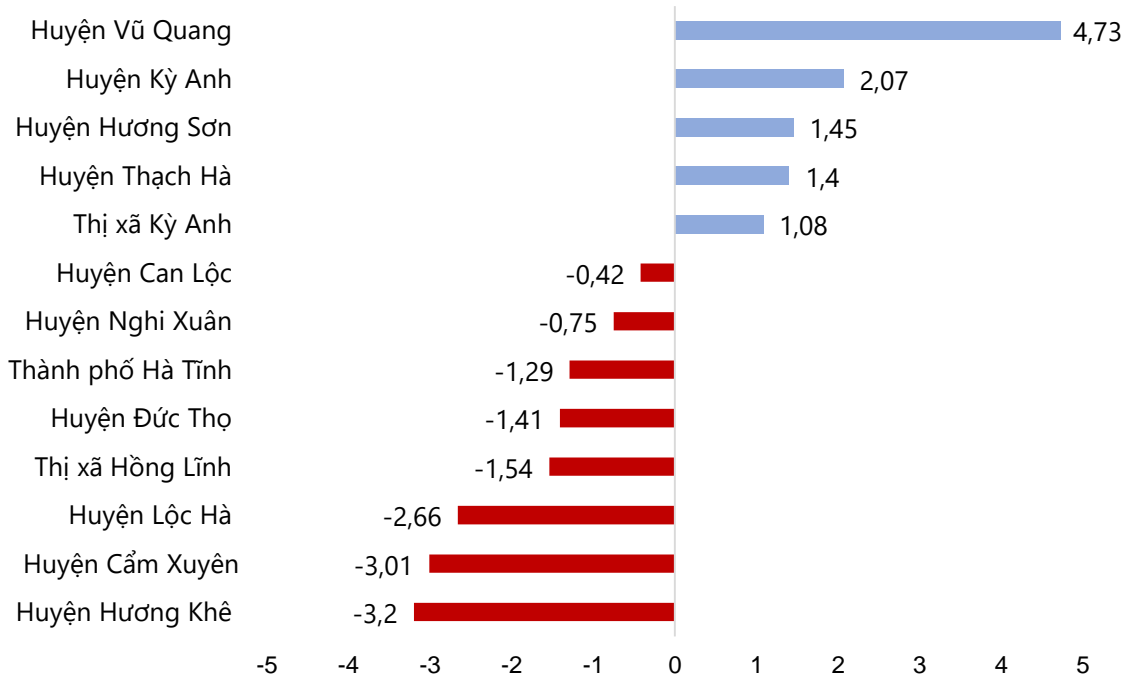
Hình 2.11. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã



Hình 2.11 minh họa bảng xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động và hiệu lực của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã. Tuy mức điểm trung bình của CSTP Tính năng động và hiệu lực giảm nhưng bảng xếp hạng CSTP này vẫn ghi nhận sự cải thiện với số điểm ấn tượng của nhóm địa phương dẫn đầu, bao gồm 02 huyện: Huyện Thạch Hà [1] với 9,32 điểm (tăng 1,4 điểm so với 2023) và Huyện Hương Sơn [xếp thứ 2] với 8,38 điểm (tăng 1,45 điểm). Đối lập với nhóm dẫn đầu là nhóm cuối trên bảng xếp hạng với số điểm đều thấp hơn 04 điểm, gồm có 02 huyện: Huyện Cẩm Xuyên [xếp thứ 12] với 3,41 điểm (giảm 3,01 điểm) và Huyện Lộc Hà [xếp thứ 13] với 3.01 điểm

(giảm 2,66 điểm). Có chênh lệch rất lớn giữa địa phương có điểm cao nhất²⁰ và thấp nhất²¹ (chênh 6,31 điểm). Đây cũng là CSTP ghi nhận mức chênh lệch cao thứ hai trong 09 CSTP đánh giá DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã năm 2024. Mức chênh này kéo điểm số trung bình giảm xuống là hoàn toàn phù hợp.

Hình 2.12. Mức độ cải thiện điểm CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Thêm vào đó, mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.12**, ghi nhận chỉ có 05/13²² địa phương có mức cải thiện điểm tăng và 08/13²³ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Huyện Vũ Quang tăng điểm vượt trội (tăng 4,74 điểm) và Huyện Hương Khê được ghi nhận mức giảm điểm cao nhất (giảm 3,2 điểm). Tỷ trọng mức cải thiện điểm số tăng ít hơn điểm giảm hàm ý sự thiếu đồng đều về chất lượng quản trị giữa các địa phương trong năm qua.

Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 06 tiêu chí đánh giá, được kế thừa từ năm 2023 và không bổ sung tiêu chí mới. Điểm đáng chú ý trong kết quả phân tích Tính năng động và hiệu lực năm 2024 là điểm trung bình CSTP giảm nhẹ nhưng tất cả 06/06 tiêu chí đánh giá CSTP đều có điểm trung bình ở mức cao và 100% tiêu chí được ghi nhận mức tăng điểm nhẹ trong công tác triển khai chủ trương từ tỉnh và TW nhằm hỗ trợ DN và cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn huyện/tỉnh so với năm 2023. Theo kết quả phân tích 06 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.2**, dễ thấy mức điểm thấp nhất của tất cả các tiêu chí đều tăng so với năm 2023, hàm ý thể hiện nỗ lực tích cực của các địa phương nhằm cải thiện Tính năng động và hiệu lực trong năm 2024. Thêm

²⁰ Huyện Thạch Hà (9,32 điểm)

²¹ Huyện Lộc Hà (3,01 điểm)

²² Bao gồm: Huyện Thạch Hà, huyện Hương Sơn, huyện Vũ Quang, huyện Kỳ Anh và thị xã Kỳ Anh

²³ Bao gồm: Thành phố Hà Tĩnh, huyện Cẩm Xuyên, huyện Đức Thọ, huyện Lộc Hà, huyện Nghi Xuân, huyện Hương Khê, huyện Can Lộc và thị xã Hồng Lĩnh

vào đó, 04/06 tiêu chí ghi nhận mức điểm cao nhất là mức tối đa 100 điểm, chứng tỏ các CQĐP đã dành được nhiều thiện cảm của các DN thông qua việc triển khai hiệu quả các chủ trương của tỉnh và TW tại địa phương. Tuy nhiên, ở một số tiêu chí, mức chênh lệch giữa điểm cao nhất và thấp nhất là đáng kể, hoàn toàn phù hợp với sự thiếu đồng đều giữa năng lực triển khai của các địa phương trên địa bàn tỉnh như kết quả tại **Hình 2.11**.

Bảng 2.2. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Tính năng động và hiệu lực khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[b1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường ĐTKD (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	83,22	87,83
	Cao nhất	89,29	97,67
	Thấp nhất	72	73,02
[b2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường trên địa bàn huyện/tỉnh (%)	Trung bình	85,18	95,70
	Cao nhất	90,32	100
	Thấp nhất	72	86,36
[b3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng hiện tượng các chủ trương của tỉnh/TW là tốt nhưng khi thực hiện tại CQĐP thì bị thực hiện không đúng (% không thấy hoặc không phổ biến)	Trung bình	82,36	96,67
	Cao nhất	92,86	100
	Thấp nhất	67,65	90,91
[b4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND tỉnh (%)	Trung bình	85,70	96,20
	Cao nhất	92,86	100
	Thấp nhất	76	90,91
[b5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP tích cực thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp vướng mắc với DN (%)	Trung bình	81,12	88,38
	Cao nhất	91,18	97,37
	Thấp nhất	64	80,95
[b6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (%)	Trung bình	89,74	95,37
	Cao nhất	93,33	100
	Thấp nhất	85,29	90,48

Năm 2024 cũng là năm tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 19/08/2009 của BTV Tỉnh ủy về "Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở xã, phường, thị trấn"²⁴, ghi nhận sự nỗ lực của các CQĐP trong việc cải thiện tính năng động và hiệu lực theo chủ trương chung của Tỉnh. Thông qua kết quả khảo sát, 87,83% doanh nghiệp dành sự khen ngợi cho CQĐP luôn luôn hoặc thường xuyên mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư kinh doanh (năm 2023 là 83,22%); và 88,38% doanh nghiệp nhìn nhận sự tích cực của CQĐP trong việc thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp vướng mắc với DN (năm 2023 là 81,12%), trong đó, Huyện Hương Sơn được ghi nhận là triển khai tích cực và có những động viên kịp thời từ CQĐP đến cộng đồng doanh nghiệp và doanh nhân trên địa bàn²⁵.

Đa số các tiêu chí còn lại tăng vượt trội trong năm 2024. 95,70% doanh nghiệp cho rằng Chính quyền địa phương luôn chủ động tham mưu và kiến nghị UBND Tỉnh

²⁴ Tiếp tục nâng cao năng lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở Hà Tĩnh (2024). Báo Hà Tĩnh. Nguồn: <https://baohatinh.vn/tiep-tuc-nang-cao-nang-luc-hieu-qua-hoat-dong-cua-he-thong-chinh-tri-co-so-o-tp-ha-tinh-post270565.html>

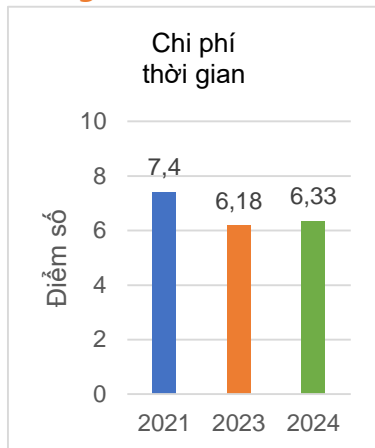
²⁵ Lãnh đạo Hương Sơn chúc mừng ngày doanh nhân Việt Nam (2024). Báo Hà Tĩnh.

Nguồn: <https://baohatinh.vn/lanh-dao-huong-son-chuc-mung-ngay-doanh-nhan-viet-nam-post275131.html>

các giải pháp cụ thể để DN được hỗ trợ tốt nhất và môi trường kinh doanh thì được cải thiện triệt để (năm 2023 là 85,18%), 03 huyện được các DN địa phương dành nhiều thiện cảm nhất, bao gồm: Huyện Hương Sơn, huyện Nghi Xuân, và huyện Thạch Hà. 95,57% DN đánh giá CQĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong năm qua (năm 2023 là 89,74%), ví dụ như huyện Can Lộc với các đối thoại về chuyển đổi số và phát triển kinh tế số tại địa phương²⁶. 96,20% DN đánh giá CQĐP thực hiện có hiệu quả các chủ trương và quyết định của UBND Tỉnh (năm 2023 là 85,70%), nổi bật là huyện Đức Thọ trong việc triển khai quy hoạch mở rộng thị trấn²⁷, huyện Thạch Hà trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia²⁸ hay công tác sắp xếp đơn vị hành chính²⁹, và thị xã Kỳ Anh trong việc phát triển hạ tầng đô thị và nâng cấp đơn vị hành chính.

Điều đáng ghi nhận là năm 2024, chỉ còn 3,80% DN cho rằng các chủ trương của tỉnh/TW là tốt nhưng khi thực hiện tại CQĐP thì đôi khi bị thực hiện không đúng (năm 2023 là 17,64%), đánh giá thấp nhất là tại huyện Lộc Hà, có thể liên quan đến việc chậm trễ trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng³⁰.

2.2.3. Các kết quả cải cách hành chính tích cực giúp doanh nghiệp giảm chi phí thời gian



Chỉ số Chi phí thời gian được ghi nhận tăng nhẹ trong năm 2024, đạt 6,33 điểm (tăng 0,15 điểm) cho thấy rằng, các CQĐP đã và đang có sự quan tâm cải tiến trong việc giảm bớt thời gian mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC) cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp dành để phục vụ các đợt thanh tra, kiểm tra.

Từ năm 2021 đến nay, tỉnh Hà Tĩnh luôn xác định cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ đột phá mang tính chiến lược³¹, triển khai đồng bộ 06 nhóm giải pháp: (1) cải cách thể chế, (2) cải cách thủ tục hành chính, (3) cải cách tổ chức bộ máy,

²⁶ Chuyển đổi số và nâng cao năng lực số (2024). Tỉnh đoàn Hà Tĩnh.

Nguồn: <https://tinhtoanhatinh.vn/index.php/vi/news/CHUYEN-DOI-SO-VA-NANG-CAO-NANG-LUC-SO-CHO-THANH-THIEU-NIEN/Lanh-dao-huyen-Can-Loc-doi-thoai-voi-hon-200-doan-vien-thanh-nien-chu-de-Chuyen-doi-so-7437/>

²⁷ Công bố quy hoạch mở rộng thị trấn Đức Thọ và vùng phụ cận (2024). UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Nguồn: <https://hatinh.gov.vn/quy-hoach-tinh-ha-tinh/tin-bai/17159/cong-bo-quy-hoach-mo-rong-thi-tran-duc-tho-va-vung-phu-can-den-nam-2035>

²⁸ Thạch Hà – Hà Tĩnh đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công thực hiện chương trình mục tiêu Quốc Gia (2024). Báo Xây dựng. Nguồn: <https://baoxaydung.com.vn/thach-ha-ha-tinh-day-manh-giai-ngan-von-dau-tu-cong-von-thuc-hien-cac-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-389410.html>

²⁹ Thạch Hà tập trung cao triển khai công tác sắp xếp đơn vị hành chính (2024). Báo Xây dựng.

Nguồn: <https://baoxaydung.com.vn/thach-ha-ha-tinh-tap-trung-cao-trien-khai-cong-tac-sap-xep-don-vi-hanh-chinh-388413.html>

³⁰ Hà Tĩnh phê bình UBND huyện Lộc Hà và thị xã Hồng Lĩnh (2024). Báo xây dựng.

Nguồn: <https://baoxaydung.com.vn/ha-tinh-phe-binh-UBND-huyen-loc-ha-va-thi-xa-hong-linh-do-cham-tre-trong-cong-tac-boi-thuong-giai-phong-mat-bang-373282.html>

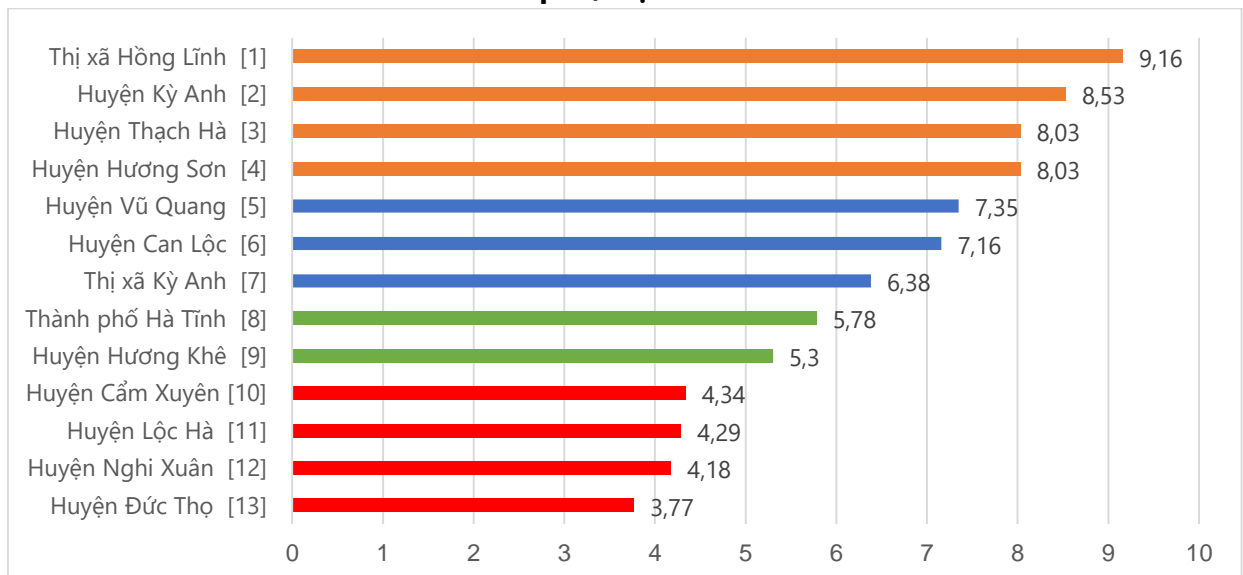
³¹ Hà Tĩnh: Cải cách hành chính được đẩy mạnh (2024). UBND tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn: <https://hatinh.gov.vn/vi/tuyen-truyen/tin-bai/11066>

(4) cải cách chế độ công vụ, (5) cải cách tài chính công và (6) hiện đại hóa hành chính thông qua phát triển hạ tầng công nghệ thông tin.

Người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có thể truy cập Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh³² một cách dễ dàng và hiệu quả giúp không chỉ tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại mà còn tăng tính minh bạch trong quá trình giải quyết TTHC. Bên cạnh đó, UBND tỉnh còn chỉ đạo quyết liệt trong việc chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích³³. Tuy nhiên, năm 2023 là một bước lùi khi chi phí thời gian bị đánh giá tụt điểm nhiều so với năm 2021, ý thức được việc đó, năm 2024, các địa phương trên địa bàn tỉnh bắt đầu tập trung cải thiện CSTP này.

Hình 2.13 minh họa bảng xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã. Năm 2024 ghi nhận sự cân xứng về số lượng giữa nhóm dẫn đầu và nhóm về cuối. Trong đó, 04 địa phương giữ mức điểm tốt (trên 08 điểm) cũng là những địa phương có mức cải thiện điểm tăng mạnh, bao gồm: Thị xã Hồng Lĩnh [1] với 9,16 điểm (tăng 0,06 điểm), Huyện Kỳ Anh [xếp thứ 2] với 8,53 điểm (Tăng 2,19 điểm), Huyện Thạch Hà [xếp thứ 3] (tăng 1,02 điểm), và Huyện Hương Sơn [xếp thứ 4] (tăng 1,67 điểm) cùng số điểm là 8,03 điểm. Bên cạnh đó, 04 địa phương nhóm cuối với mức điểm kém (dưới 05 điểm) cũng là những địa phương đang trên đà giảm điểm mạnh hoặc có cải thiện không đáng kể so với thành tích kém của năm 2023, cụ thể là: Huyện Đức Thọ [xếp thứ 13] với 3,77 điểm (giảm 1,83 điểm), huyện Nghi Xuân [xếp thứ 12] với 4,18 điểm (giữ nguyên so với năm 2023), huyện Lộc Hà [xếp thứ 11] với 4,29 điểm (tăng 0,57 điểm), và huyện Cẩm Xuyên [xếp thứ 10] với 4,34 điểm (giảm 1,36 điểm).

Hình 2.13. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

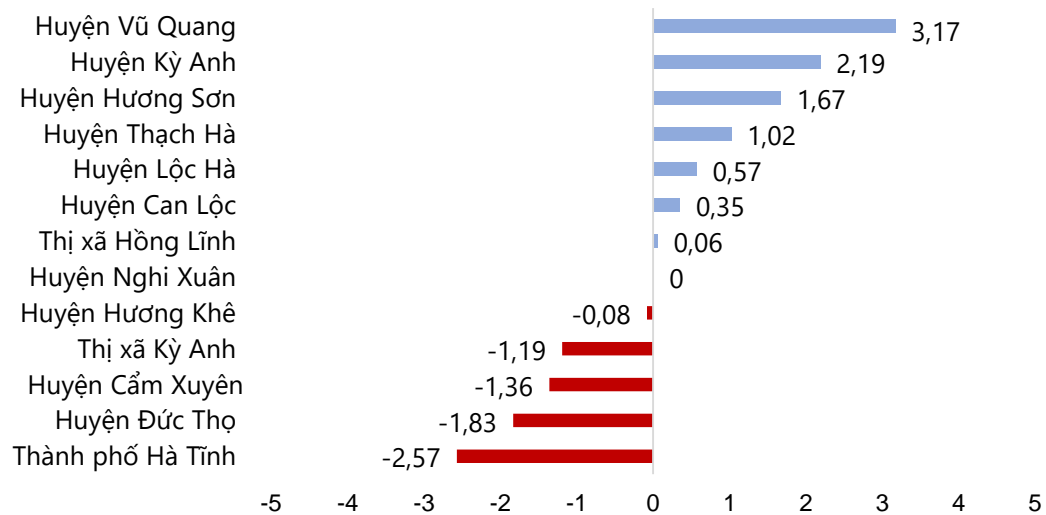


³² Cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn: <https://hcc.hatinh.gov.vn/portaldvc/KenhTin/dich-vu-cong.aspx>

³³ Chỉ đạo quyết liệt tạo chuyển biến tích cực về cải cách hành chính (2024). Báo Hà Tĩnh. Nguồn: <https://baohatinh.vn/chi-dao-quyet-liet-tao-chuyen-bien-tich-cuc-ve-cai-cach-hanh-chinh-post266871.html>

Sự chênh lệch về điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất³⁴ và thấp nhất³⁵ là đáng kể (5,39 điểm) và sự không đồng đều này giống hiện tượng của chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, là nguyên nhân làm điểm trung bình chỉ số khó vượt trội được.

Hình 2.14. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Hình 2.14 minh họa mức độ cải thiện điểm chỉ số Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã, ghi nhận duy nhất huyện Nghi Xuân giữ nguyên mức điểm năm 2024 bằng với năm 2023, còn lại, có 07/13³⁶ địa phương có mức cải thiện điểm tăng và 05/13³⁷ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Trong đó, huyện Vũ Quang tiếp tục có cải thiện điểm tăng vượt trội (tăng 3,17 điểm) còn thành phố Hà Tĩnh giảm điểm mạnh nhất trong bảng xếp hạng CSTP này (giảm 2,57 điểm).

CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 06 tiêu chí đánh giá, trong đó 04/06 tiêu chí giữ nguyên từ năm 2023 và bổ sung thêm 02 tiêu chí mới dựa trên các khuyến nghị của Báo cáo DDCI Hà Tĩnh 2024.

Theo kết quả phân tích 06 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.3**, 03/04 tiêu chí kế thừa từ 2023 ghi nhận mức cải thiện tăng mạnh trong việc giải quyết các thủ tục hành chính của chính quyền địa phương. Có 97,15% doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết TTHC của CQĐP là đúng hoặc trước hẹn (năm 2023 là 88,44%), trong đó, có 06/13 địa phương được DN thể hiện sự hài lòng tuyệt đối về tiêu chí này, bao gồm: huyện Can Lộc, huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh, huyện Thạch Hà, Thành phố Hà Tĩnh và Thị xã Hồng Lĩnh. Có 85,88% doanh nghiệp cho rằng luôn luôn hoặc thường xuyên có thể giải quyết TTHC qua các dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi DN phát sinh nhu cầu (năm 2023 là 78,13%);

³⁴ Thị xã Hồng Lĩnh (9,16 điểm)

³⁵ Huyện Đức Thọ (3,77 điểm)

³⁶ Bao gồm: Huyện Vũ Quang, Huyện Kỳ Anh, Huyện Hương Sơn, Huyện Thạch Hà, Huyện Lộc Hà, Huyện Can Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh

³⁷ Bao gồm: Huyện Hương Khê, Thị xã Kỳ Anh, Huyện Cẩm Xuyên, Huyện Đức Thọ và Thành phố Hà Tĩnh

trong đó, địa phương được DN ghi nhận cao nhất là Thị xã Hồng Lĩnh, địa phương thực hiện nghiêm túc Nghị Quyết 01-NQ/ThU về “Tăng cường lãnh đạo công tác cải cách hành chính nhà nước, giai đoạn 2021-2015”. Bên cạnh đó, có 86,51% DN được khảo sát nhận thấy sự nhiệt tình của các cán bộ trong tư vấn và hướng dẫn về những lợi ích khi giải quyết TTHC trực tuyến hoặc qua DVBC công ích.

Năm 2024, CSTP Chi phí thời gian đã bổ sung thêm 02 tiêu chí mới nhằm đưa ra đánh giá xác thực hơn về các hiện tượng có thể cản trở sự giảm thiểu của chi phí thời gian mà DN phải bỏ ra, và tín hiệu đáng mừng là, các tiêu chí này đều nhận được những đánh giá tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp. Có 93,27% DN tham gia khảo sát cho biết hiện tượng đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính là không có hoặc ít khi. Tiêu chí này đưa vào để kiểm tra chéo các thông tin liên quan đến hiệu quả chuyển đổi số và việc thúc đẩy nghiêm túc các TTHC trực tuyến trên địa bàn Tỉnh. Vậy là, vẫn còn gần 7% DN vẫn gặp khó khăn trong việc hoàn tất thủ tục hành chính thể hiện qua việc phải đi lại nhiều lần, con số này cần có phương án giảm thiểu trong những năm tiếp theo. Cộng đồng DN đánh giá tiêu chí này cao nhất và tuyệt đối tốt (100 điểm) ở huyện Hương Sơn và huyện Kỳ Anh.

Bảng 2. 3. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Chi phí thời gian khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

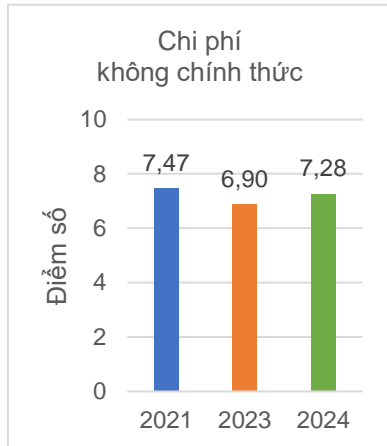
Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[c1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá thời gian giải quyết công việc TTHC của CQĐP (% sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn)	Trung bình	88,44	97,15
	Cao nhất	96,43	100
	Thấp nhất	80	87,88
[c2] Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng có thể giải quyết TTHC qua DVC trực tuyến hoặc DVBC công ích theo quy định khi có yêu cầu (% luôn hoặc hoặc thường xuyên)	Trung bình	78,13	85,88
	Cao nhất	90,16	97,67
	Thấp nhất	52	70,37
[c3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD được cán bộ tư vấn và hướng dẫn về những lợi ích khi giải quyết TTHC trực tuyến hoặc qua DVBC công ích (% luôn hoặc hoặc thường xuyên)	Trung bình	81,27	86,51
	Cao nhất	91,8	96,3
	Thấp nhất	73,53	76,67
[c4]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính (% không có hoặc ít khi)	Trung bình	-	93,27
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	86,67
[c5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết về tần suất được các đoàn công tác của CQĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra HDSXKD (% bằng hoặc ít hơn 01 lần)	Trung bình	-	90,33
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	79,37
[c6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá HĐ thanh/kiểm tra không gây cản trở đến HDSXKD, đúng phạm vi của QĐ thanh/kiểm tra và ND thanh/kiểm tra không chồng chéo/trùng lặp (%)	Trung bình	86,81	79,43
	Cao nhất	97,3	100
	Thấp nhất	73,17	33,33

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

Tần suất thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của CQĐP được 90,33% doanh nghiệp cho biết là bằng hoặc ít hơn 01 lần trong năm 2024. Trong số đó, 79,43% DN cho rằng các hoạt động thanh tra kiểm tra này không gây cản trở đến HDSXKD, đúng phạm vi theo quyết định thanh tra kiểm tra và nội dung thanh tra kiểm tra không bị chồng chéo, trùng lặp. Tuy nhiên, tiêu chí này có dấu hiệu giảm (năm 2023 là 86,81%). Bên cạnh đó, huyện Lộc Hà được DN ghi nhận là không gây áp lực về tần suất thanh tra kiểm tra nhưng hiệu quả của các đợt thanh tra kiểm tra lại không tốt, với

33,33% DN tham gia khảo sát cho rằng các hoạt động thanh tra còn gây cản trở, chưa đúng về phạm vi và chông chéo về nội dung.

2.2.4. Các chi phí không chính thức có chiều hướng giảm



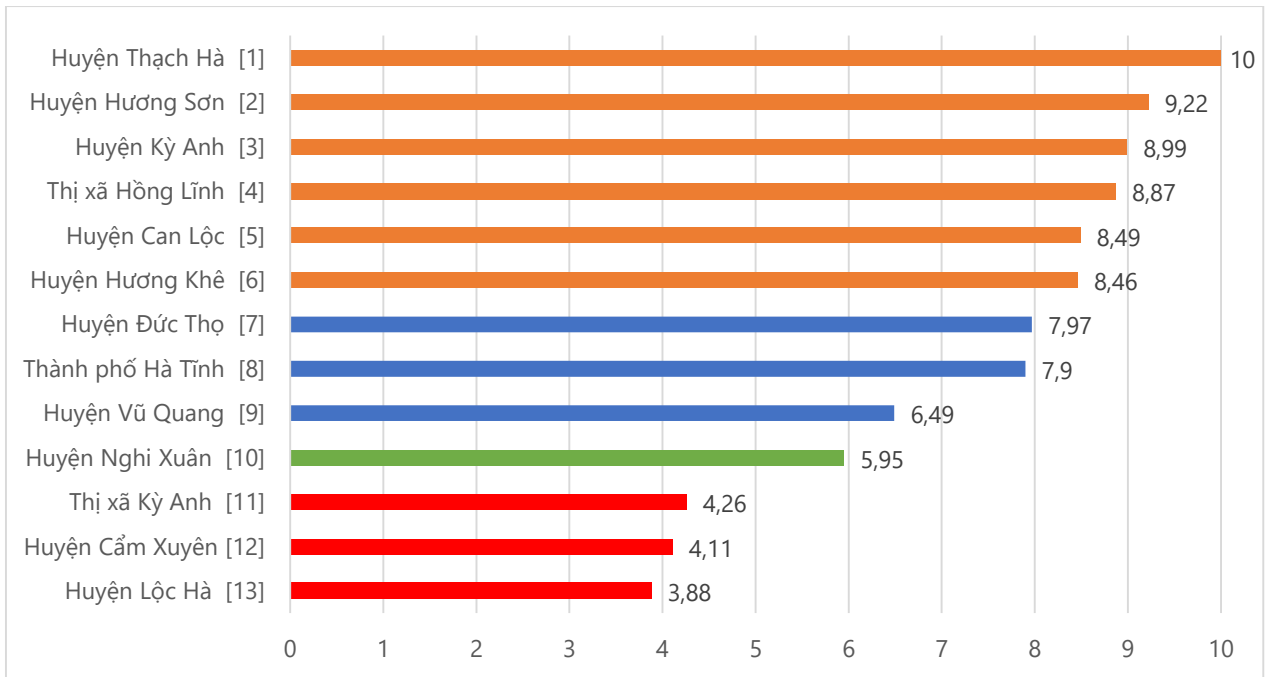
Trong năm 2024, công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực tại tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Ngày 11/3/2024, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Kế hoạch số 96/KH-UBND về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024. Kế hoạch này đề ra các nhiệm vụ trọng tâm như tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức; thực hiện nghiêm chế độ, định mức, tiêu chuẩn; kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn; và đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin.

Theo kết quả khảo sát năm 2024, điểm đánh giá trung bình của CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã đạt 7,28 điểm, tăng 0,38 điểm so với năm 2023 và cũng là CSTP đứng trong Nhóm 2 năm 2024. Điều này cho thấy các chi phí không chính thức mà DN phải chấp nhận đã có chiều hướng giảm nhờ những nỗ lực trong công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Hình 2.15 minh họa xếp hạng và điểm số của CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã với nhóm dẫn đầu được DN đánh giá cực kỳ ấn tượng. Giữ vị trí đầu bảng là huyện Thạch Hà với 10 điểm, ghi nhận 100% các tiêu chí đánh giá CSTP này là dẫn đầu khối địa phương. Bám sát tiếp theo là 06/13 huyện và thị xã giành được điểm cao ở mức tốt, như: Huyện Hương Sơn [xếp thứ 2] với 9,22 điểm (tăng 3,38 điểm), huyện Kỳ Anh [xếp thứ 3] với 8,99 điểm (tăng 1,00 điểm), Thị xã Hồng Lĩnh [xếp thứ 4] với 8,87 điểm (giảm 0,54 điểm), huyện Can Lộc [5] với 8,49 điểm (tăng 1,34 điểm) và huyện Hương Khê [6] với 8,46 điểm (giảm 0,39 điểm). Vị trí cuối bảng là Huyện Lộc Hà [xếp thứ 13] với 3,88 điểm (giảm 2,77 điểm).

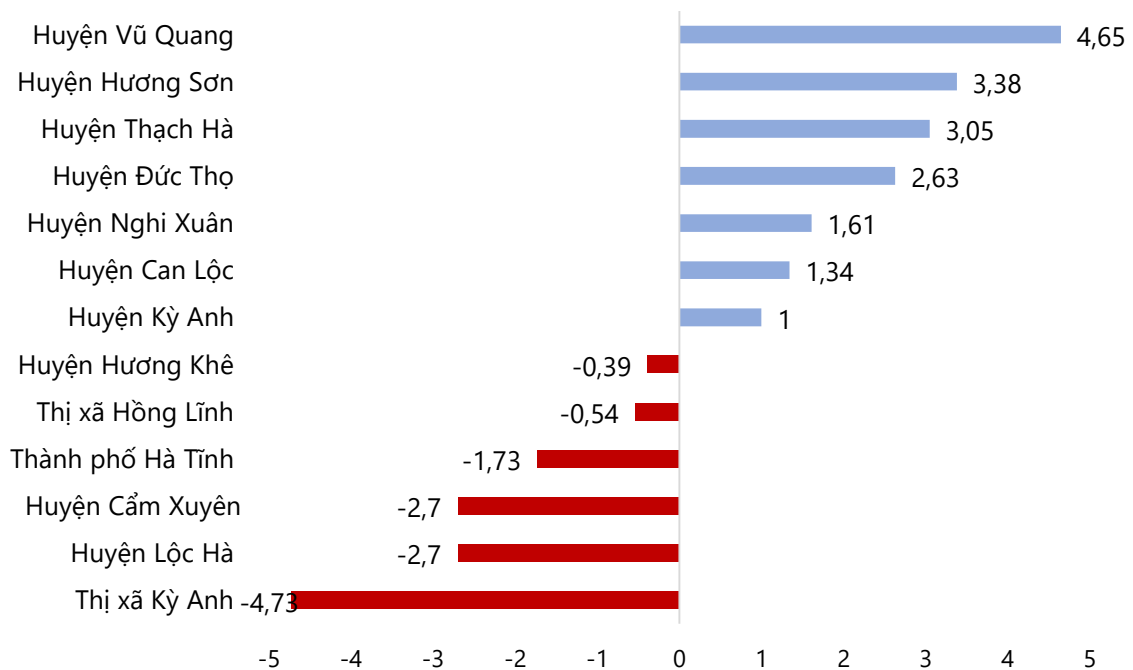
Tiếp tục có sự chênh lệch đáng kể giữa địa phương có điểm cao nhất và thấp nhất đối với chỉ số này (chênh 6,12 điểm), là mức chênh lớn thứ ba trong toàn bộ các CSTP khối UBND huyện, thành phố, thị xã. Dù mức chênh này đã giảm so với năm 2023 (chênh 7,79 điểm) nhưng về bản chất vẫn chỉ ra một sự đối lập về chi phí không chính thức mà các doanh nghiệp phải chấp nhận chi trả ở các địa phương là khác nhau rất nhiều. Nguyên nhân có thể đến từ việc một số cán bộ lạm dụng các quy định của nhà nước để gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp trên địa bàn.

Hình 2.15. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã



Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.16**, ghi nhận chỉ có 07/13³⁸ địa phương có mức cải thiện điểm tăng và 06/13³⁹ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Huyện Vũ Quang tăng điểm vượt trội (tăng 4,65 điểm) và thị xã Kỳ Anh được ghi nhận mức giảm điểm cao nhất (giảm 4,73 điểm). Tỷ trọng mức cải thiện điểm số giảm ít hơn điểm số tăng chính là việc khẳng định kết quả cải thiện chỉ số của các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Nhìn vào hình ảnh so sánh, dễ thấy nửa trên không chỉ có xu hướng tăng mà mức tăng cũng vượt trội hơn so với mức giảm điểm ở nửa dưới.

Hình 2.16. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



³⁸ Bao gồm: Huyện Vũ Quang, huyện Hương Sơn, huyện Thạch Hà, huyện Đức Thọ, huyện Nghi Xuân, huyện Can Lộc và huyện Kỳ Anh

³⁹ Bao gồm: Huyện Hương Khê, thị xã Hồng Lĩnh, thành phố Hà Tĩnh, huyện Cẩm Xuyên, huyện Lộc Hà và thị xã Kỳ Anh

Chỉ số Chi phí không chính thức (CPKCT) của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 04 tiêu chí đánh giá, nghĩa là giữ nguyên số lượng so với năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên báo cáo từ năm trước, bộ tiêu chí năm nay chỉ giữ 03/04 tiêu chí và thay thế 01 tiêu chí mới. Phản ánh kết quả tăng điểm của chỉ số Chi phí không chính thức là việc tất cả các tiêu chí đánh giá CSTP này đều có mức cải thiện tăng vượt trội và dành được sự đánh giá cao từ cộng đồng DN. Theo kết quả phân tích 04 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.4**, dễ thấy có 02/04 chỉ số được đánh giá mức điểm cao nhất là 100 điểm và mức điểm thấp nhất cũng ghi nhận trên 90 điểm, hàm ý về sự quyết liệt trong triển khai các chính sách phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 đã mang lại hiệu quả đồng đều trên toàn tỉnh.

Không chỉ có những cải thiện tích cực về hoạt động thanh tra kiểm tra không gây cản trở cho các hoạt động của doanh nghiệp, 97,68% DN cho biết rằng không phải đưa quà hay trả các CPKCT cho các cán bộ thanh tra, kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra của CQĐP (năm 2023 là 87,07%). Trong các đánh giá từ doanh nghiệp thì 06/13 địa phương được đánh giá điểm tuyệt đối 10 điểm cho tiêu chí này, bao gồm: Huyện Can Lộc, huyện Hương Sơn, huyện Kỳ Anh, huyện Nghi Xuân, huyện Thạch Hà, và huyện Vũ Quang, và các địa phương còn lại cũng giành được tỷ lệ đánh giá tốt rất cao (lớn hơn 90%), chứng tỏ các DN đa phần cảm thấy việc thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính minh bạch.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại tình trạng DN bị gợi ý đưa quà trong quá trình thanh tra kiểm tra (với 2,32% DN được khảo sát đã phản ánh). Tuy chỉ là số ít nhưng hiện tượng này vẫn cần được cắt bỏ hoàn toàn để xây dựng môi trường kinh doanh toàn diện hơn cho các DN phát triển.

Bảng 2.4. Kết quả 04 tiêu chí của CSTP Chi phí không chính thức khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

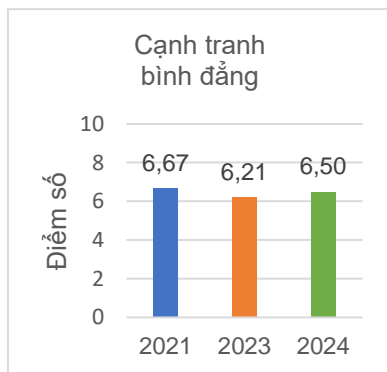
Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[d1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết phải trả CPKCT nếu muốn công việc được thuận lợi (% không đồng ý)	Trung bình	-	81,30
	Cao nhất	-	91,43
	Thấp nhất	-	61,9
[d2] Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết các cán bộ không có hiện tượng nhũng nhiễu, gây khó khăn khi giải quyết thủ tục hành chính để trực lợi (%)	Trung bình	80,68	92,40
	Cao nhất	91,18	97,14
	Thấp nhất	56	84,62
[d3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không phải đưa quà hay trả CPKCT cho cán bộ thanh/kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra (%)	Trung bình	87,07	97,68
	Cao nhất	94,34	100
	Thấp nhất	76	90,91
[d4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết mức độ chi trả CPKCT cho chính quyền địa phương so với năm 2023 (% không phải trả hoặc phải trả không đáng kể)	Trung bình	88,71	98,58
	Cao nhất	96,23	100
	Thấp nhất	76,67	93,94

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

Bên cạnh đó, vẫn còn 7,60% DN phản ánh hiện tượng các cán bộ nhũng nhiễu, gây khó khăn khi giải quyết các thủ tục hành chính để trực lợi cá nhân. Tỷ lệ này đã giảm khá nhiều so với năm 2023 (giảm 11,72%), là chuyển biến tích cực và tạo đà cho cuộc cải cách tiếp tục giảm tải chi phí không chính thức trong những năm tới đây. Có

81,30% DN khẳng định không phải chi trả CPKCT nếu muốn công việc được thuận lợi, đây là một tiêu chí đánh giá trọng điểm và trực diện cho bộ tiêu chí đánh giá Chi phí không chính thức năm 2024 thay vì chỉ đưa ra các nhận định bên lề như năm 2023 và kết quả thu được từ đánh giá của cộng đồng DN như trên là tốt. Tuy nhiên, mức điểm chênh lệch lớn giữa điểm cao nhất và thấp nhất (chênh 29.53 điểm), cho thấy, dưới góc nhìn của DN thì công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh vẫn chưa toàn diện, trong đó, huyện Cẩm Xuyên bị giảm uy tín nhất sau hàng loạt các vi phạm trong đầu tư công và đấu thầu trên địa bàn huyện.

Khi so sánh về mức độ chi trả CPKCT cho CQĐP năm 2024 so với năm 2023, có 98.58% DN nhận định mức chi trả là không hoặc không đáng kể (năm 2023 so với năm trước đó là 88,71%), ghi nhận 08/13 huyện, thành phố, thị xã được 100% cộng đồng DN tham gia khảo sát đánh giá với mức điểm tối đa, bao gồm: Huyện Can Lộc, huyện Đức Thọ, huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh, huyện Lộc Hà, huyện Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh.



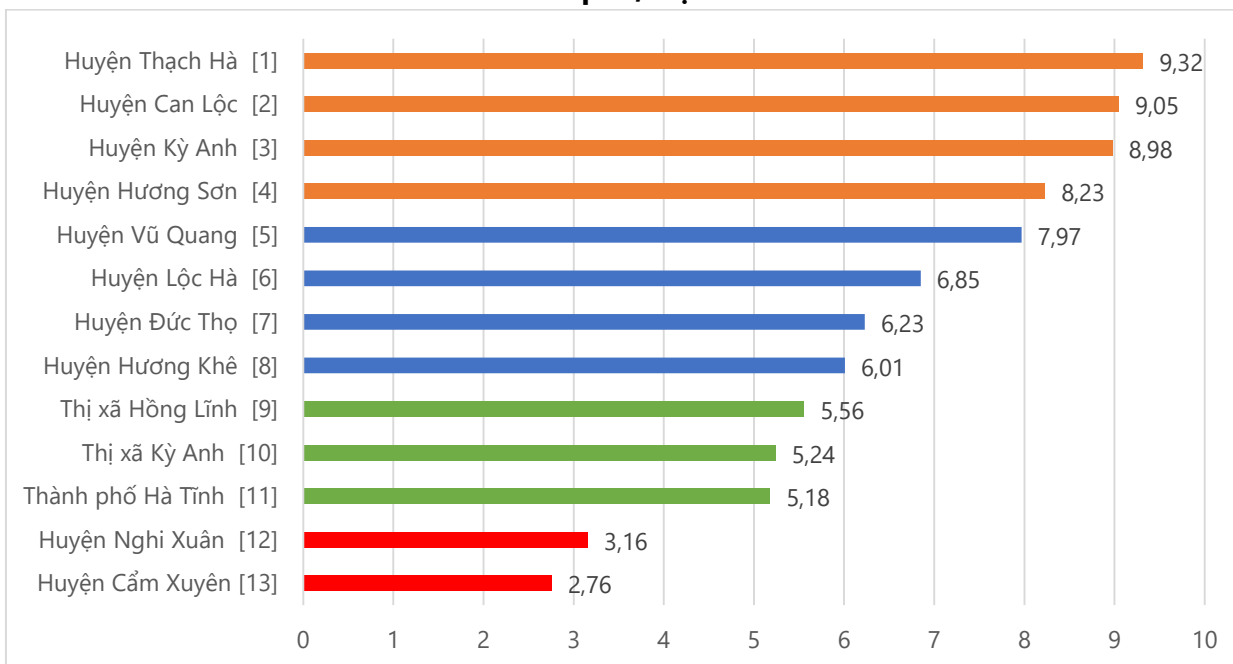
2.2.5. Môi trường cạnh tranh trở nên bình đẳng hơn

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng được đánh giá là CSTP ổn định, với điểm trung bình tăng/giảm nhẹ xuyên suốt giai đoạn 2021-2024. Năm 2024 ghi nhận một sự tăng điểm nhẹ (tăng 0,29 điểm) và nằm trong nhóm 3 CSTP điểm cao nhất của bộ chỉ số DDCI đối với khối UBND huyện, thành phố, thị xã. Đây là dấu hiệu khả quan cho thấy các địa phương đang giữ vững tinh thần phát triển môi trường cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa DN lớn và DN nhỏ, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, giữa DN có vốn đầu tư nước ngoài và DN trong nước.

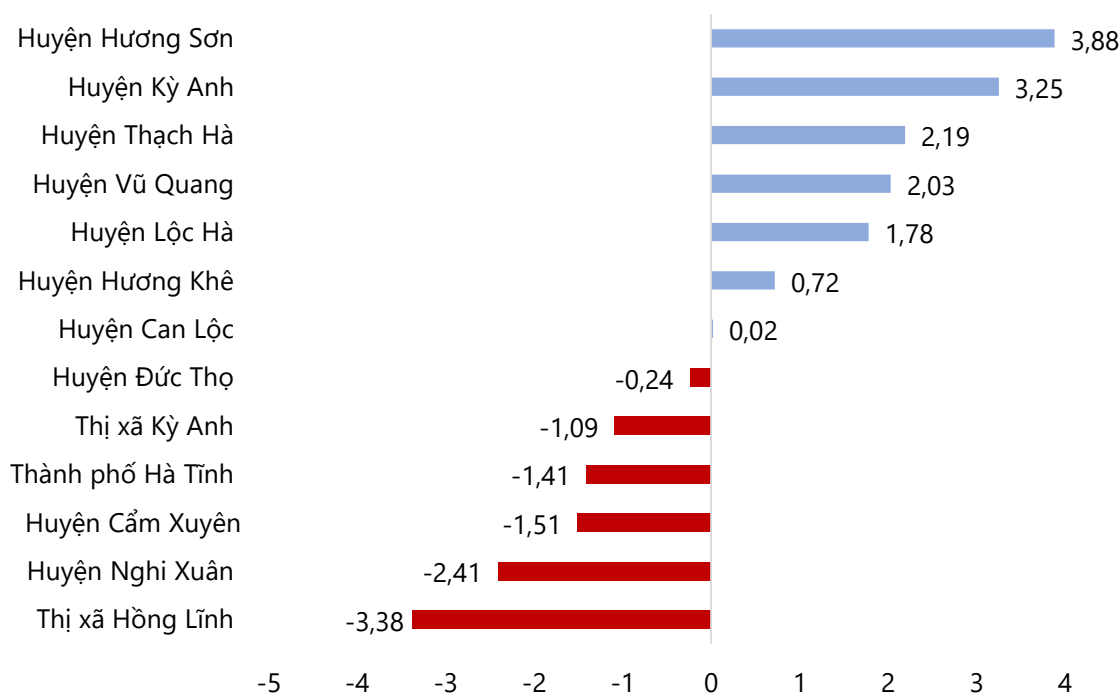
Hình 2.17 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND huyện, thành phố, thị xã ghi nhận 02 địa phương dẫn đầu với mức điểm trên 09 điểm, là huyện Thạch Hà [xếp thứ 1] với 9,32 điểm (tăng 2,19 điểm) và huyện Can Lộc [xếp thứ 2] với 9,05 điểm (tăng 0,02 điểm). Tiếp theo là huyện Kỳ Anh [xếp thứ 3] với 8.98 điểm (tăng 3,25 điểm) và huyện Hương Sơn [xếp thứ 4] với 8,23 điểm (tăng 3,88 điểm) đạt mức tăng điểm vượt trội nhất trong bảng xếp hạng CSTP này so với năm 2023. Đối lập với nhóm xuất sắc là hai huyện bị đánh giá thấp về Cạnh tranh bình đẳng, xếp nhóm cuối cùng, bao gồm: Huyện Cẩm Xuyên [xếp thứ 13] với 2,76 điểm (giảm 1,51 điểm) và huyện Nghi Xuân [xếp thứ 12] với 3,16 điểm (giảm 2,14 điểm).

Mức chênh lệch lớn giữa địa phương điểm cao nhất và điểm thấp nhất được xác lập đối với chỉ số Cạnh tranh bình đẳng (chênh 6,56 điểm), hàm ý cho thấy việc cạnh tranh bình đẳng đang diễn ra “không bình đẳng” khi đặt các địa phương lên bàn cân so sánh. Điều này tạo thuận lợi cho một số DN nhưng cũng là điểm bất lợi cho những DN khác khi mức độ xây dựng môi trường cạnh tranh bình đẳng không đồng đều trên toàn tỉnh.

Hình 2.17. Xếp hạng và điểm số CSTP Cảnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã



Hình 2.18. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cảnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.18**, giúp khẳng định tính ổn định của chỉ số, bằng việc ghi nhận sự cân xứng trong trực tăng, giảm điểm của các địa phương trên toàn tỉnh. Có 07/13 địa phương có mức cải thiện điểm tăng và 06/13 địa phương có mức cải thiện điểm giảm và mức tăng giảm gần như cân xứng nhau. Huyện Hương Sơn tăng điểm vượt trội (tăng 3,88 điểm) thì thị xã Hồng Lĩnh cũng được ghi nhận mức giảm điểm tương ứng (giảm 3,38 điểm).

Chỉ số Cảnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 03 tiêu chí đánh giá, trong đó chỉ 01/03 tiêu chí giữ nguyên từ năm 2023

và bổ sung thêm 02 tiêu chí mới thay thế cho 02 tiêu chí cũ dựa trên các khuyến nghị 2023, để thu thập được những thông tin chất lượng hơn từ góc nhìn của cộng đồng DN.

Theo kết quả phân tích 03 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.5**, các chỉ số từ đánh giá của DN cho thấy một góc nhìn về môi trường cạnh tranh bình đẳng đã và đang được cải thiện. Có 97,10% DN cho biết không có các hiện tượng CQĐP dành sự ưu tiên hơn giữa DN lớn và DN nhỏ, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, giữa DN có vốn đầu tư nước ngoài và DN trong nước (năm 2023 là 87,65%). Điều này được ghi nhận tích cực nhất khi 100% DN tham gia khảo sát đều đánh giá tốt các địa phương, như: Huyện Can Lộc, huyện Đức Thọ, huyện Hương Sơn, huyện Kỳ Anh, huyện Thạch Hà và Thành phố Hà Tĩnh. Qua đó cho thấy, Hà Tĩnh luôn tuân thủ nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa các DN, đảm bảo mọi DN đều được đối xử công bằng trong việc áp dụng Luật cạnh tranh Quốc Gia⁴⁰.

Tuy nhiên, việc DN ghi nhận được đối xử công bằng trong môi trường kinh doanh cạnh tranh là tích cực nhưng có sự không đồng đều trên địa bàn toàn tỉnh Hà Tĩnh. Vẫn còn 11,59% DN phản ánh CQĐP ưu ái cho các DN sâu sau và/hoặc DN thân hữu, 26,56% DN phản ánh những sự ưu ái này có gây ra khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Điểm trũng về những phản ánh này trong năm 2024 đang nằm tại Huyện Cẩm Xuyên, với hiện tượng vi phạm trong đầu tư công và đấu thầu trên địa bàn Huyện theo kết luận thanh tra số 69/KL-TT của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh và huyện Đức Thọ với các phản ánh liên quan đến một số gói thầu có tỉ lệ "siêu tiết kiệm"⁴¹.

Bảng 2.5. Kết quả 03 tiêu chí của CSTP Cạnh tranh bình đẳng khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

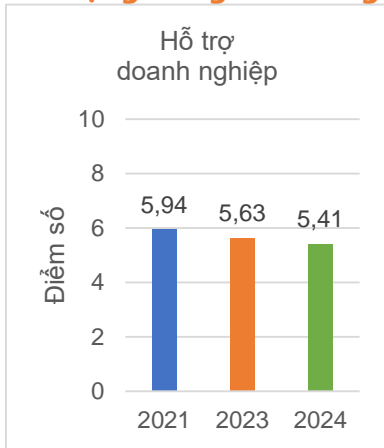
Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[e1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD không đồng ý với nhận định "Chính quyền địa phương ưu ái cho các DN sâu sau và/hoặc DN thân hữu với cán bộ của Chính quyền địa phương" (%)	Trung bình	-	88,41
	Cao nhất	-	95,45
	Thấp nhất	-	76,19
[e2]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định không bị gây khó khăn cho hoạt động SXKD (%)	Trung bình	-	73,44
	Cao nhất	-	88,89
	Thấp nhất	-	52,38
[e3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không thấy có hiện tượng địa phương ưu tiên cho các DN FDI, DNNN, và DNL so với DNNVV, HTX, HKD (%)	Trung bình	87,65	97,10
	Cao nhất	96,77	100
	Thấp nhất	80	92,31

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

⁴⁰ Chính sách cạnh tranh trong Hiệp định EVFTA (2023). Bộ Công thương Việt Nam. Nguồn: <https://moit.gov.vn/tin-tuc/thi-truong-nuoc-ngoai/chinh-sach-can-h-tranh-trong-hiep-dinh-evfta.html>

⁴¹ UBND huyện Đức Thọ dùng ngân sách đấu thầu nhiều gói tiết kiệm siêu thấp (2024). Nguồn: <https://doisongphapluat.com.vn/ubnd-huyen-duc-tho-ha-tinh-dung-ngan-sach-dau-thau-nhieu-goi-tiet-kiem-sieu-thap-a647332.html>

2.2.6. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương



Năm 2024, tiếp tục ghi nhận mức giảm điểm của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp (giảm 0,22 điểm), đưa chỉ số này về vị trí cuối cùng trong bảng chỉ số DDCCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã. Cột mốc này cũng đánh dấu giai đoạn giảm điểm liên tục của CSTP này, đưa Hỗ trợ doanh nghiệp về mức điểm trung bình, và là chỉ số duy nhất trong bộ 09 chỉ số có mức điểm thấp hơn 06 điểm. Mặc dù Hà Tĩnh có khá nhiều các chương trình, hành động nhằm hỗ trợ DN trong năm 2024 như chương trình SMEdx hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số⁴²; thành lập tổ công tác đặc biệt tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp⁴³; tổ chức các chương trình “Cà phê doanh nhân – Gặp mặt doanh nghiệp”, nhưng có lẽ vẫn chưa đáp ứng được như mong đợi theo góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương⁴⁴.

Hình 2.19 minh họa xếp hạng và điểm số của CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp ghi nhận sự bứt phá của thị xã Hồng Lĩnh [1] với 9,38 điểm (tăng 2,65 điểm). Năm 2024, thị xã Hồng Lĩnh tiếp tục được cộng đồng DN đánh giá cao trong việc tạo môi trường thuận lợi, đồng hành sát sao cùng doanh nghiệp và doanh nhân địa phương thông qua việc ban hành và áp dụng nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, gắn với xây dựng chính quyền số, cải cách hành chính...⁴⁵. Sự nỗ lực này đã giúp thị xã Hồng Lĩnh là đơn vị duy nhất đạt mức điểm trên 09 điểm đối với CSTP này trong 13 huyện, thành phố, thị xã. Đứng cuối cùng của bảng xếp hạng là thị xã Kỳ Anh [xếp thứ 13] với 2,16 điểm (giảm 1,26 điểm), tạo ra mức chênh lệch cực lớn tại CSTP này (chênh 7,22 điểm). Đối với công tác hỗ trợ doanh nghiệp, các đánh giá từ phía DN tham gia khảo sát cho thấy, ngoài thị xã Hồng Lĩnh đạt điểm rất tốt và theo sau là 04 huyện.

Hình 2.19. Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

⁴² Đẩy mạnh chương trình SMEdx (2024). UBND tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn: <https://hatinh.gov.vn/chuyen-doi-so-tinh-ha-tinh/tin-bai/21370/day-manh-chuong-trinh-smedx-ho-tro-doanh-nghiep-chuyen-doi-so-tren-dia-ban-tinh-ha-tinh>

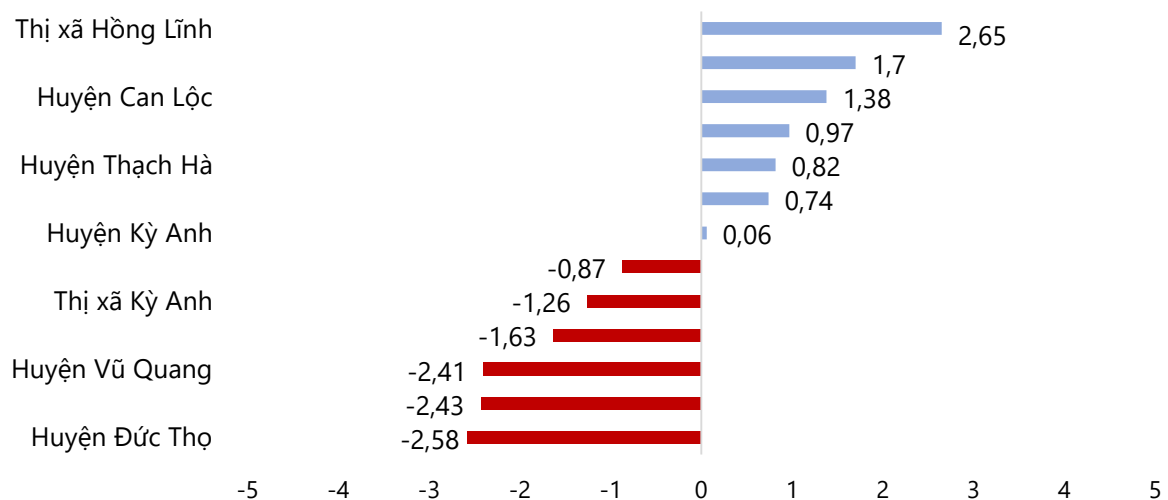
⁴³ Hà Tĩnh lập tổ công tác đặc biệt tháo gỡ khó khăn hỗ trợ doanh nghiệp (2024). Đại biểu nhân dân. Nguồn: <https://daibieunhandan.vn/ha-tinh-lap-to-cong-tac-dac-biet-thao-gu-kho-khan-ho-tro-doanh-nghiep-post333992.html>

⁴⁴ Cà phê doanh nhân gặp mặt doanh nghiệp (2024). Báo Lao động. Nguồn: <https://laodong.vn/kinh-doanh/thau-hieu-qua-ca-phe-doanh-nhan-gap-mat-doanh-nghiep-1426299.ldo>

⁴⁵ Doanh nghiệp và doanh nhân Hồng Lĩnh đồng hành cùng sự phát triển của thị xã (2024). Cổng thông tin điện tử TX Hồng Lĩnh. Nguồn: <https://honglinh.hatinh.gov.vn/portal/pages/2024-10-15/Doanh-nghiep-doanh-nhan-Hong-Linh-dong-hanh-cung-s-480275.aspx>



Hình 2.20. Mức độ cải thiện điểm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.20**, chỉ ra xu hướng tiếp tục giảm của chỉ số. Có 07/13⁴⁶ địa phương có mức cải thiện điểm tăng và 06/13⁴⁷ địa phương có mức cải thiện điểm giảm, nhưng mức giảm điểm ghi nhận tổng mức cao hơn mức tăng điểm làm đà giảm điểm của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp đi xuống trong năm 2024. Thị

⁴⁶ Bao gồm: Thị xã Hồng Lĩnh, huyện Hương Khê, huyện Can Lộc, huyện Hương Sơn, huyện Thạch Hà, huyện Lộc Hà, và huyện Kỳ Anh

⁴⁷ Bao gồm: Huyện Cẩm Xuyên, thị xã Kỳ Anh, huyện Nghi Xuân, huyện Vũ Quang, thành phố Hà Tĩnh và huyện Đức Thọ

xã Hồng Lĩnh tăng vọt bút phá (tăng 2,65 điểm) và huyện Đức Thọ giảm điểm ở mức cao nhất (giảm 2,58 điểm).

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 04 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 02 tiêu chí từ năm 2023, và bổ sung thêm 02 tiêu chí mới về kết quả hỗ trợ, đảm bảo tính đánh giá thân thiện và bao quát hơn dưới góc nhìn của cộng đồng DN so với bộ 06 tiêu chí đánh giá cũ.

Bảng 2.6. Kết quả 04 tiêu chí của CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[f1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về chất lượng, hiệu quả triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ DN (% thực chất hoặc rất thực chất)	Trung bình	100	90,60
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	100	84,38
[f2]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về việc cung cấp đầy đủ thông tin về cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ DN (% dễ tiếp cận hoặc rất dễ tiếp cận)	Trung bình	-	92,87
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	86,67
[f3]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến trên Website của CQĐP đáp ứng được nhu cầu của DN (% đáp ứng một phần hoặc đầy đủ)	Trung bình	-	89,80
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	81,82
[f4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết có hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của CQĐP (%)	Trung bình	83,57	96,03
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	50	88,46

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

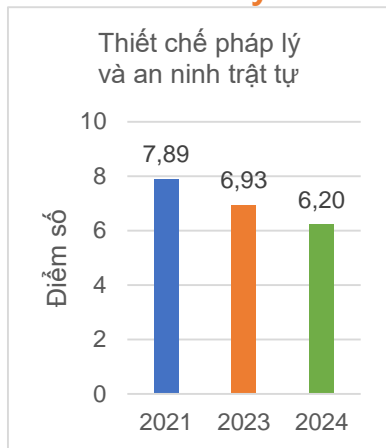
Theo kết quả phân tích 04 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.6**, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp cơ bản vẫn được DN ghi nhận ở mức độ tốt. Tuy nhiên, năm 2024, chỉ có 90,06% DN đánh giá về chất lượng và hiệu quả triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ DN của CQĐP là thực chất (năm 2023 là 100%). Điều này cho thấy khoảng 10% DN tham gia khảo sát chưa đánh giá cao các chương trình hỗ trợ trong việc giúp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Tuy việc bao quát 100% như năm 2023 là một thành tựu lớn của các CQĐP và giữ được thành tích tuyệt đối trong một năm vận hành là không dễ dàng nhưng sự phát triển của DN và sự phát triển của địa phương bắt buộc phải có sự gắn kết nên các ý kiến của cộng đồng DN tại tiêu chí đánh giá này sẽ cần có các chính sách cải thiện trong các năm tiếp theo.

Tuy nhiên, về việc hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN của các CQĐP lại có sự cải thiện đáng kể. Có 96,03% DN bày tỏ sự hào lòng về các kết quả hỗ trợ từ CQĐP (năm 2023 là 83,57%), ghi nhận 03 địa phương mang lại sự hài lòng nhất từ cộng đồng DN là huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh⁴⁸ và thị xã Hồng Lĩnh. Có 92,87% DN đánh giá CQĐP cung cấp đầy đủ thông tin về cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ DN, cụ thể là huyện Kỳ Anh, huyện Thạch Hà và thị xã Hồng Lĩnh giữ vững được sự thiện cảm của cộng đồng DN. Ngoài ra, 89,80% DN cho rằng dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến trên website của CQĐP đáp ứng được nhu cầu của DN, cụ thể, cổng thông

⁴⁸ Doanh nghiệp huyện Kỳ Anh đồng hành cùng sự phát triển bền vững (2024).
Nguồn: <https://kyanh.hatinh.gov.vn/tin-tuc-kinh-te/tin-bai/35603>

tin giao tiếp điện tử huyện Hương Khê⁴⁹ được DN địa phương ghi nhận mức độ đáp ứng cao nhất.

2.2.7. Đảm bảo thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại và tranh chấp là trọng điểm để thúc đẩy thiết chế pháp lý và an ninh trật tự tại địa phương



Trong nhóm các chỉ số có xu hướng giảm điểm của DDCI 2024, điểm số của chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự được ghi nhận là giảm điểm nhiều nhất (giảm 0,72 điểm), đánh dấu tiếp tục xu hướng lao dốc của CSTP này trong giai đoạn 2021-2024. Nhận thức được vấn đề này, như công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp được các cấp, ngành tại Hà Tĩnh đặc biệt quan tâm, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, gần nhất là “Diễn đàn Kinh doanh với Pháp luật”⁵⁰. Tuy nhiên, mức điểm giảm theo năm cho thấy các

CQDP phải tiếp tục chú trọng đảm bảo thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại và tranh chấp, đảm bảo an ninh trật tự cho DN an tâm sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

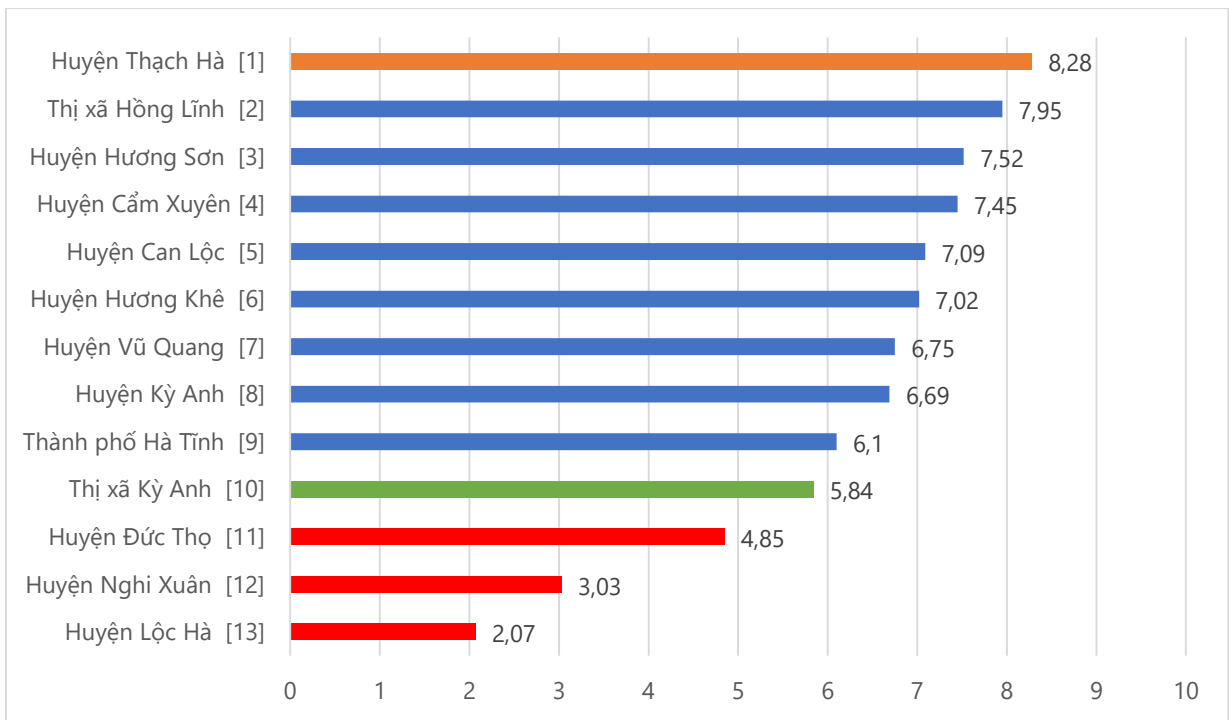
Hình 2.21 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND huyện, thành phố, thị xã. Kết quả đánh giá chỉ số này, ghi nhận duy nhất huyện dẫn đầu là huyện Thạch Hà [1] với 8,28 điểm, có mức điểm trên 08 điểm, còn lại 09/13 địa phương trên địa bàn tỉnh giữ mức điểm trung bình, khá, từ 5,84 điểm đến 7,95 điểm. Nhóm các địa phương bị đánh giá chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự ở mức Kém, bao gồm: Huyện Lộc Hà [xếp thứ 13] với 2,07 điểm (giảm 2,29 điểm), huyện Nghi Xuân [xếp thứ 12] với 3,03 điểm (giảm 3,96 điểm) và huyện Đức Thọ [xếp thứ 11] với 4,85 điểm (giảm 1,78 điểm).

Hình 2.21. Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

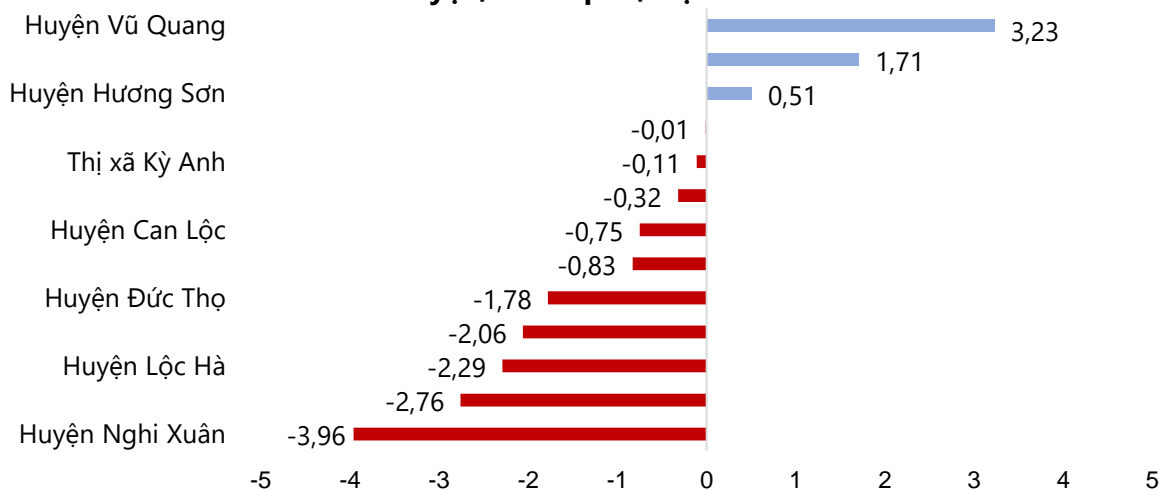
⁴⁹ Cổng thông tin giao tiếp điện tử Huyện Hương Khê: <https://huongkhe.hatinh.gov.vn/>

⁵⁰ Gỡ khó cho doanh nghiệp qua diễn đàn kinh doanh với pháp luật (2024). Báo Hà Tĩnh.

Nguồn: <https://baohatinh.vn/go-kho-cho-doanh-nghiep-qua-dien-dan-kinh-doanh-voi-phap-luat-post275172.html>



Hình 2.22. Mức độ cải thiện điểm CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Mức chênh lệch giữa địa phương có điểm cao nhất⁵¹ và địa phương có điểm thấp nhất⁵² cũng ở mức cao (chênh 6,21 điểm), tương đồng với xu thế chênh lệch của các CSTP khác. Điều này cho thấy, năng lực thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp cũng như khả năng đảm bảo an ninh trật tự của chính quyền địa phương trên địa bàn toàn tỉnh có sự khác biệt rõ nét.

Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.22**, cho thấy tính tất yếu của việc điểm chỉ số giảm trong năm 2024 khi thiếu sự cân xứng trong trục so sánh. Chỉ có 03/13⁵³ địa phương có mức cải thiện điểm tăng, và có đến 10/13⁵⁴ địa phương có mức cải thiện điểm giảm với mức giảm điểm cao, dẫn đến điểm trung bình chỉ số Thiết chế pháp lý

⁵¹ Huyện Thạch Hà (8,28 điểm)

⁵² Huyện Lộc Hà (2,07 điểm)

⁵³ Bao gồm: Huyện Vũ Quang, huyện Cẩm Xuyên và huyện Hương Sơn

⁵⁴ Bao gồm: Huyện Thạch Hà, thị xã Kỳ Anh, huyện Hương Khê, huyện Can Lộc, thị xã Hồng Lĩnh, huyện Đức Thọ, thành phố Hà Tĩnh, huyện Lộc Hà, huyện Kỳ Anh và huyện Nghi Xuân

và an ninh trật tự đi xuống trong năm 2024 là tất yếu. Trong bối cảnh đó, Huyện Vũ Quang vẫn ghi nhận tăng vọt về điểm số (tăng 3,23 điểm) và Huyện Nghi Xuân giảm điểm ở mức cao nhất (giảm 3,96 điểm).

Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 04 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 01/04 tiêu chí⁵⁵ từ năm 2023, và bổ sung thêm 03 tiêu chí mới⁵⁶ về hiệu quả hỗ trợ liên quan đến thiết chế pháp lý trong việc giúp các DN giải quyết các phản ánh, kiến nghị và khiếu nại. Các tiêu chí mới bổ sung đảm bảo giúp các DN chia sẻ được tính hiệu quả mà CQĐP đang hướng đến xoay xung quanh các yêu cầu từ DN, theo góc nhìn của DN dựa trên khuyến nghị 2023.

Theo kết quả phân tích 04 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.7**, về cơ bản, cộng đồng DN vẫn dành sự ghi nhận cho các CQĐP trong việc triển khai thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Có 89,86% DN cho biết CQĐP luôn luôn hoặc thường xuyên xử lý các khiếu nại của DN thuộc lĩnh vực hoặc phạm vi quản lý đảm bảo tính nghiêm minh và kịp thời (năm 2023 là 81,25%), thị xã Hồng Lĩnh đang đi đầu trong tiêu chí này khi 100% DN đánh giá đơn vị tích cực.

Các tiêu chí đánh giá mới của bộ tiêu chí 2024 dành cho CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự cũng đưa ra được một số nhận định khách quan. 96,59% DN cho rằng “CQĐP đã thực thi văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình và quy định”, điều này thể hiện thiết chế pháp lý được tôn trọng và DN có thể an tâm khi thực hiện sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đặc biệt là các địa phương được 100% DN đánh giá mức độ hợp lý là huyện Cẩm Xuyên, huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh và huyện Thạch Hà. Có 94,27% DN đánh giá CQĐP có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh kiến nghị, khiếu nại của DN, trong đó, tiêu biểu là Huyện Hương Khê, từ huyện được coi là điểm nóng về tình trạng khiếu nại, tố cáo vượt cấp kéo dài⁵⁷, đến nay 100% DN tham gia đánh giá đã ghi nhận huyện đã có các phương án giải quyết khiếu nại tốt. Có 95,61% DN đánh giá CQĐP tích cực hỗ trợ pháp lý cho DN khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm, năm nay, ghi nhận huyện Vũ Quang được 100% DN đánh giá tốt.

Theo một góc nhìn khác với mong muốn cải thiện chỉ số này, thực chất, ở đâu đó trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, vẫn có khoảng gần 4% DN cảm thấy CQĐP chưa thực thi văn bản quy phạm pháp luật một cách nghiêm minh, khoảng gần 6% cho thấy việc xử lý các kiến nghị và khiếu nại vẫn còn thiếu công bằng và minh bạch, và khoảng gần 5% không thấy CQĐP có hỗ trợ pháp lý khi DN đưa ra phản ánh. Đây cũng là những tiền đề để tiếp tục hoàn thiện cho những năm tiếp theo.

Bảng 2.7. Kết quả 04 tiêu chí của CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
	Trung bình	-	96,59

⁵⁵ Tiêu chí g2

⁵⁶ Tiêu chí g1, g3, và g4

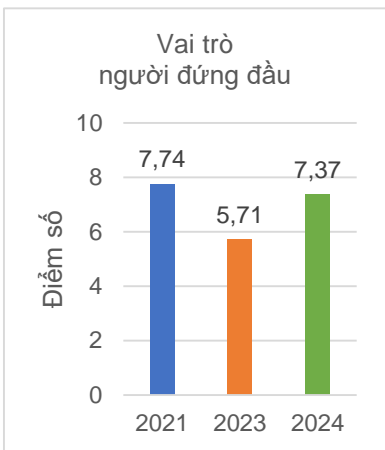
⁵⁷ Giải quyết khiếu nại tố cáo ở Hương Khê bao giờ hết nóng (2024). Báo Hà Tĩnh. Nguồn:

<https://baohatinh.vn/giai-quyet-khieu-nai-to-cao-o-huong-khe-bao-gio-het-nong-post134455.html>

[g1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định “CQĐP đã thực thi văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (%)”	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	90,63
[g2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết CQĐP có xử lý các khiếu nại của DN thuộc lĩnh vực/phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	81,25	89,86
	Cao nhất	93,33	100
	Thấp nhất	56,00	78,13
[g3]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh kiến nghị, khiếu nại của DN (%)	Trung bình	-	94,27
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	84,85
[g4]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP tích cực hỗ trợ pháp lý cho DN khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm (%)	Trung bình	-	95,61
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	90,91

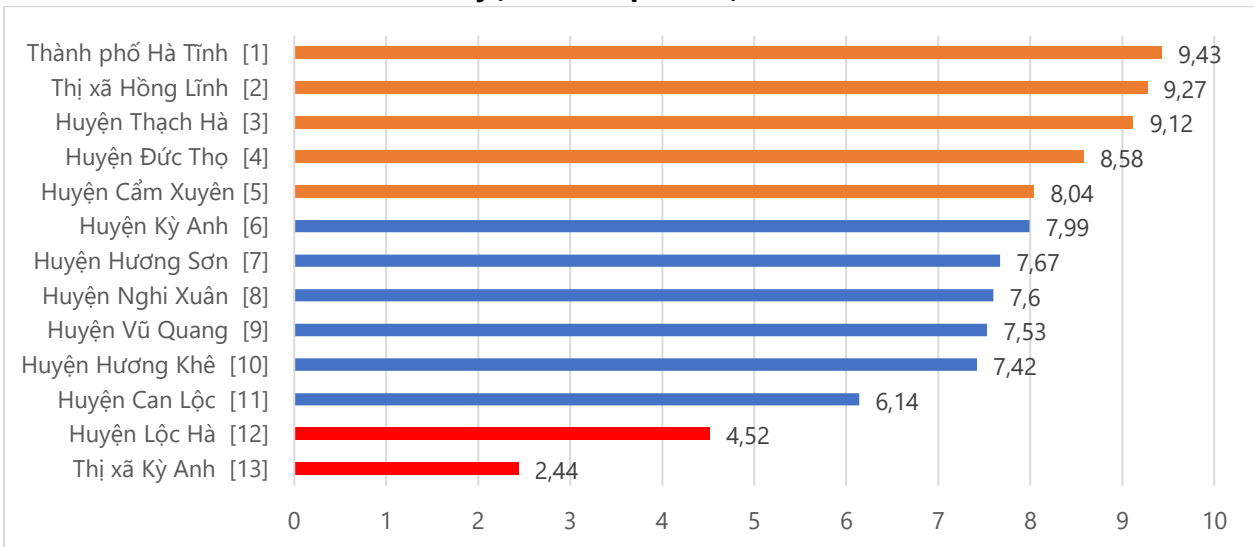
(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

2.2.8. Vai trò của người đứng đầu thể hiện nhiều chuyển biến tích cực trong cả chủ trương lẫn hành động



Năm 2024 ghi nhận sự chuyển biến vượt trội lấy lại phong độ của chỉ số Vai trò của người đứng đầu với điểm số đạt 7,37 điểm (tăng 1,66 điểm) vươn lên đứng đầu trong bảng CSTP DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã. CSTP này là sự đánh giá của cộng đồng DN dành cho lãnh đạo CQĐP như một sự ghi nhận về tính hiệu quả trong việc kiểm soát, quản lý bộ máy hành chính nhằm thúc đẩy sự phát triển của địa phương nói chung và hỗ trợ doanh nghiệp nói riêng.

Hình 2.23. Xếp hạng và điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã



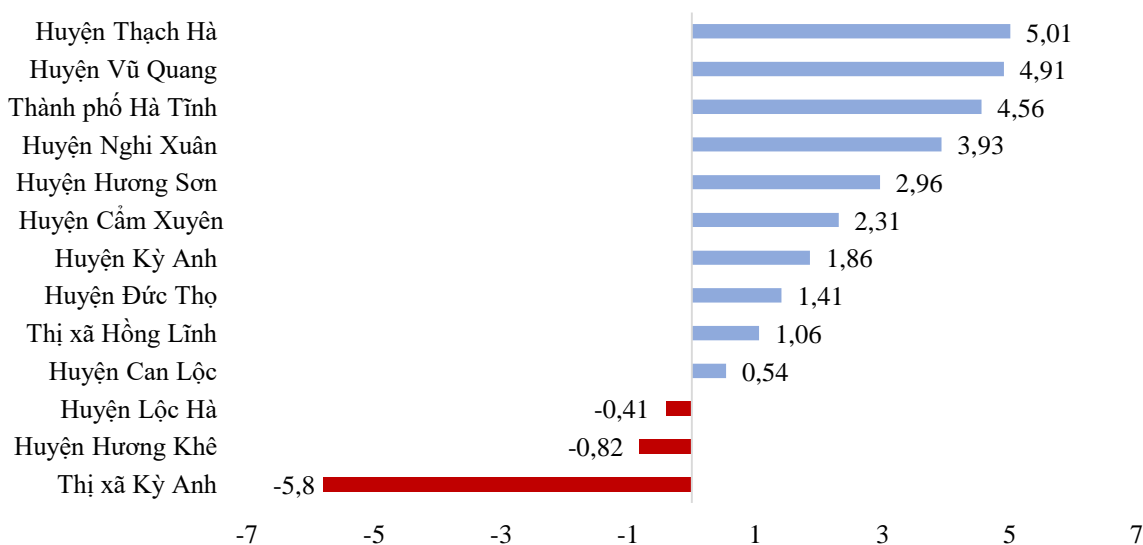
Hình 2.23 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò của người dẫn đầu của khối UBND huyện, thành phố, thị xã. Điểm sáng trong chỉ số này là ghi nhận 03/13 địa phương dẫn đầu đạt số điểm lớn hơn 09 điểm, bao gồm: Thành phố Hà Tĩnh [1] với 9,43 điểm (tăng 4,56 điểm), thị xã Hồng Lĩnh [xếp thứ 2] với 9,27 điểm (tăng 1,06 điểm),

và huyện Thạch Hà [xếp thứ 3] với 9,12 điểm (tăng 5,01 điểm). Mức điểm dưới 05 điểm chỉ ghi nhận 02 địa phương nhóm cuối, bao gồm: Huyện Lộc Hà [xếp thứ 12] với 4,52 điểm (giảm 0,41 điểm) và thị xã Kỳ Anh với 2,44 điểm (giảm 5,8 điểm). Các địa phương còn lại đều giữ điểm ở mức Khá, từ 6,14 điểm đến 7,99 điểm.

Mức chênh lệch giữa địa phương có điểm cao nhất⁵⁸ và địa phương có điểm thấp nhất⁵⁹ cũng ở mức cao (chênh 6,99 điểm), cho thấy lãnh đạo các huyện, thành phố, thị xã được DN đánh giá cao nhưng chỉ tập trung ở các đơn vị dẫn đầu, hàm ý cũng cho thấy vai trò và trách nhiệm của lãnh đạo CQĐP thể hiện rõ nét dấu ấn như thế nào trong lòng của cộng đồng DN địa phương.

Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.24**, cho thấy tính tất yếu của việc điểm chỉ số Vai trò của người dẫn đầu tăng mạnh trong năm 2024 khi trực so sánh nghiêng hẳn về nửa tăng điểm. Chỉ số này cũng là chỉ số ghi nhận mức tăng điểm cao nhất là Huyện Thạch Hà (tăng 5,01 điểm) và giảm điểm cao nhất là thị xã Kỳ Anh (giảm 5,8 điểm) đều giữ kỷ lục năm nay nhưng các tín hiệu còn lại đều cho thấy một năm mà vai trò của các lãnh đạo CQĐP được công nhận tích cực. Có tới 10/13⁶⁰ địa phương có mức cải thiện điểm tăng, và chỉ có 03/13⁶¹ địa phương có mức cải thiện điểm giảm, trong đó 02/03 là giảm nhẹ.

Hình 2.24. Mức độ cải thiện điểm CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Chỉ số Vai trò của người dẫn đầu của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 05 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 02/05 tiêu chí⁶² từ năm 2023, và bổ sung thêm 03 tiêu chí mới⁶³ để làm rõ hơn tính hành động của các lãnh đạo CQĐP, qua đó, thể hiện được vai trò thiết thực của bộ máy quản lý trong sự phát

⁵⁸ Thành phố Hà Tĩnh (9,43 điểm)

⁵⁹ Thị xã Kỳ Anh (2,44 điểm)

⁶⁰ Bao gồm: Huyện Thạch Hà, Huyện Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Huyện Nghi Xuân, Huyện Hương Sơn, Huyện Cẩm Xuyên, Huyện Kỳ Anh, Huyện Đức Thọ, Thị xã Hồng Lĩnh và Huyện Can Lộc

⁶¹ Bao gồm: Huyện Lộc Hà, Huyện Hương Khê và Thị xã Kỳ Anh

⁶² Tiêu chí h1 và h2

⁶³ Tiêu chí h3, h4 và h5

triển môi trường sản xuất kinh doanh tại địa phương theo góc nhìn của DN dựa trên khuyến nghị 2023.

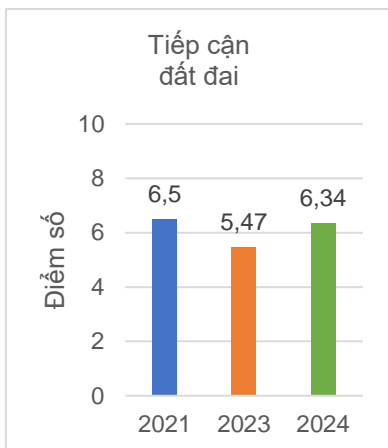
Bảng 2.8. Kết quả 05 tiêu chí của CSTP Vai trò của người đứng đầu khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[h1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định "Lãnh đạo CQĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại địa phương" (%)	Trung bình	93,85	96,14
	Cao nhất	96,67	100
	Thấp nhất	90,86	80,77
[h2] Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp của DN (%)	Trung bình	78,45	95,66
	Cao nhất	88	100
	Thấp nhất	64	81,82
[h3]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP đã có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý, và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn được DN phản ánh (%)	Trung bình	-	94,14
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	85,19
[h4]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP có hành động cụ thể, chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN (%)	Trung bình	-	93,85
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	84,62
[h5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tin tưởng rằng lãnh đạo CQĐP kiên trì giám sát và cải thiện văn hóa ứng xử, chấn chỉnh/xử lý các hành vi những nhiễu của công chức và bộ máy CQ (%)	Trung bình	-	95,60
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	80,77

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

Theo kết quả phân tích 05 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.8.** dễ dàng nhận thấy tất cả 05/05 tiêu chí đều được DN ghi nhận tích và có chuyển biến tốt so với năm 2023. Có 96,14% DN tham gia khảo sát đưa ra nhận định rằng lãnh đạo CQĐP đã chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại địa phương (năm 2023 là 93,85%), trong đó, có 04 huyện được 100% DN đánh giá cao với tiêu chí này, bao gồm: Huyện Cẩm Xuyên, huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh và huyện Vũ Quang. Có 95,66% DN cho rằng lãnh đạo CQĐP có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp của DN (năm 2023 là 78,45%), tiêu biểu như huyện Đức Thọ, huyện Hương Khê, huyện Kỳ Anh và huyện Thạch Hà. Bên cạnh đó, cộng đồng DN cũng dành sự tin tưởng lớn cho lãnh đạo CQĐP khi có 95,60% DN tin tưởng rằng lãnh đạo CQĐP luôn kiên trì giám sát và cải thiện văn hóa ứng xử, chấn chỉnh cũng như xử lý các hành vi nhiễu của công chức, cán bộ và bộ máy chính quyền địa phương. Không chỉ thế, có 94,14% khẳng định các lãnh đạo CQĐP nói là làm, luôn có biện pháp để kịp thời chấn chỉnh, xử lý và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn mà DN phản ánh. Có 93,85% DN công nhận sự chỉ đạo quyết liệt và các hành động cụ thể, thiết thực của lãnh đạo CQĐP trong giải quyết các vấn đề, khó khăn, vướng mắc theo các kiến nghị của DN.

2.2.9. Các thủ tục tiếp cận đất đai có tín hiệu thuận lợi và thỏa đáng hơn



CSTP Tiếp cận đất đai nằm trong nhóm chỉ số tăng điểm của năm 2024 sau đà sụt giảm trong giai đoạn 2021-2023. Điểm trung bình chỉ số là 6,34 điểm (tăng 0,87 điểm so với 2023) cho thấy sự cải thiện đáng kể trong khả năng tiếp cận nguồn lực đất đai, cơ sở hạ tầng, mặt bằng kinh doanh của các DN. Nguyên nhân chính đến từ sự thuận lợi của các thủ tục hành chính cũng như sự thỏa đáng và giảm thiểu rủi ro từ các công tác giải phóng mặt bằng trong năm 2024. Nội dung này cũng phù hợp với chủ trương của tỉnh khi nỗ lực đưa Luật Đất đai 2024 vào thực tiễn cuộc sống⁶⁴ và hỗ trợ tích cực trong việc hỗ trợ

DN tiếp cận với các chính sách đất đai⁶⁵.

Hình 2.25 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Tiếp cận đất đai của khối UBND huyện, thành phố, thị xã. Nhóm dẫn đầu trong CSTP này ghi nhận huyện Thạch Hà [1] với 9,22 điểm (tăng 2,38 điểm) và huyện Can Lộc [xếp thứ 2] với 8,18 điểm (tăng 2,56 điểm). Đứng cuối bảng xếp hạng là huyện Nghi Xuân [xếp thứ 13] với 3,88 điểm (giảm 0,63 điểm) và thị xã Kỳ Anh [xếp thứ 12] với 3,91 điểm (giảm 2,5 điểm). Có 04 địa phương giữ mức điểm trung bình và 05 địa phương giữa mức điểm Khá trong bảng xếp hạng năm nay.

Mức chênh lệch giữa địa phương có điểm cao nhất⁶⁶ và địa phương có điểm thấp nhất⁶⁷ cũng ở mức cao (chênh 5,34 điểm), cho thấy khoảng cách về chủ trương tiếp cận đất đai tại các địa phương càng ngày càng xa. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể đến từ sự quan tâm chưa đúng mực từ một số CQĐP nhóm cuối đến các thủ tục hành chính, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa bàn cũng như công tác giải phóng mặt bằng chưa được quan tâm đúng mức một cách đồng đều trên toàn tỉnh.

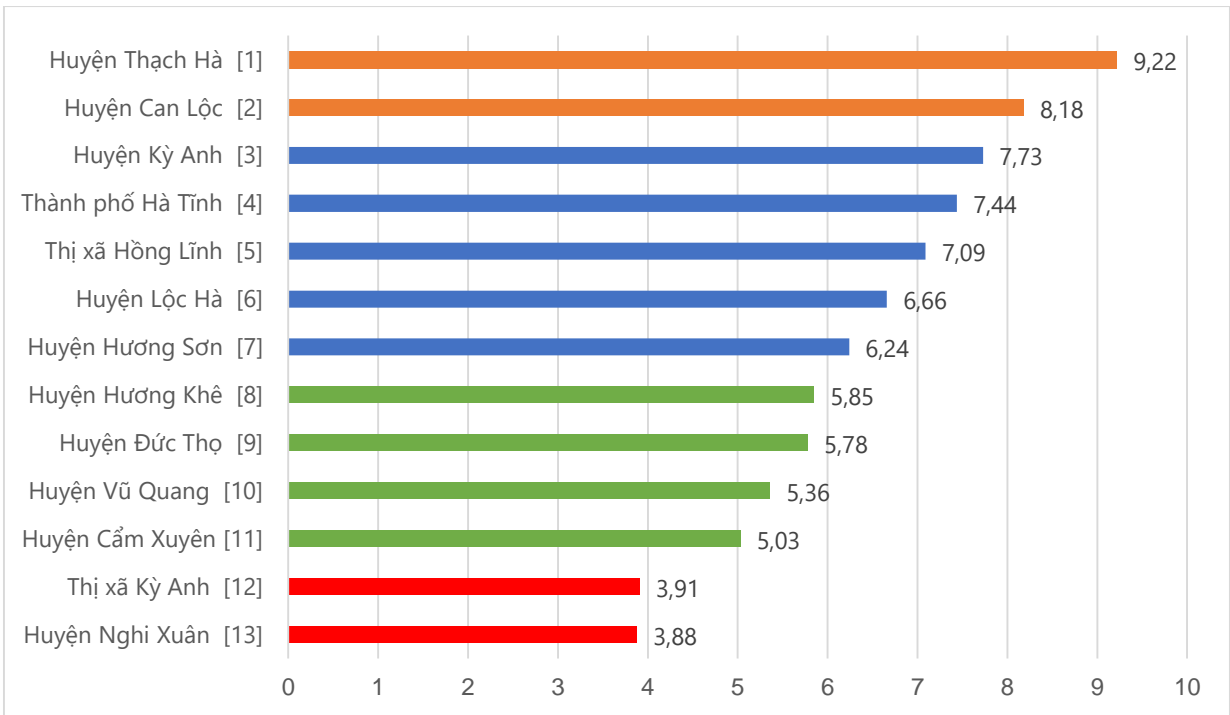
Hình 2.25. Xếp hạng và điểm số CSTP Tiếp cận đất đai của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

⁶⁴ Hà Tĩnh nỗ lực đưa luật đất đai 2024 vào thực tiễn cuộc sống (2024). UBND tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn: <https://hatinh.gov.vn/ha-tinh-no-luc-dua-luat-dat-dai-2024-vao-thuc-tien-cuoc-song>

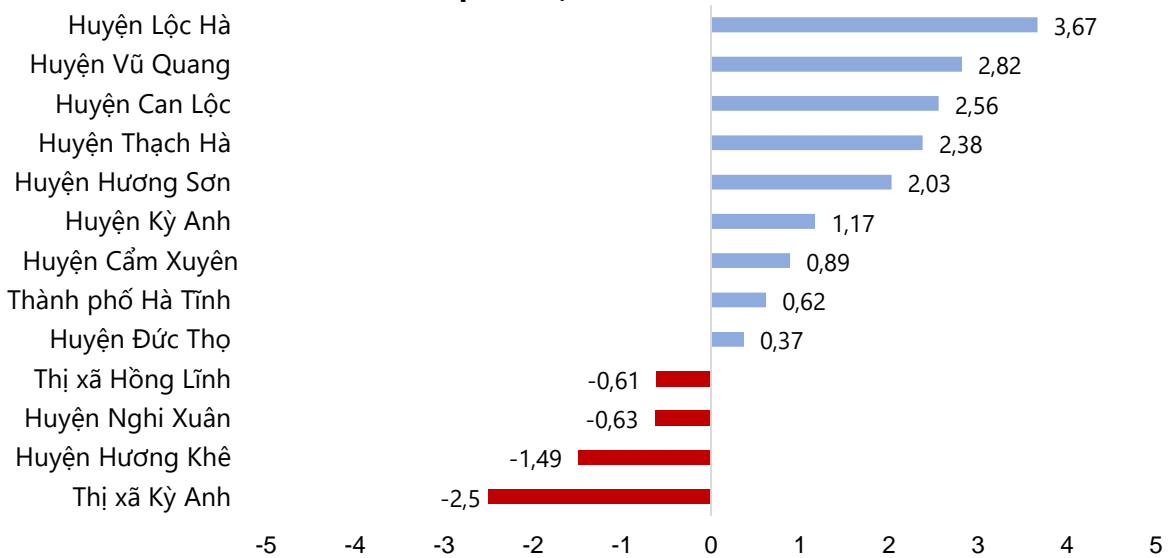
⁶⁵ Gỡ khó cho HTX Hà Tĩnh trong tiếp cận chính sách đất đai (2024). Trung tâm CTXH tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn: <https://trungtamcongtacxahoi.hatinh.vn/kinh-te-xa-hoi/go-kho-cho-hop-tac-xa-ha-tinh-trong-tiep-can-chinh-sach-dat-dai-4572.html>

⁶⁶ Huyện Thạch Hà (9,22 điểm)

⁶⁷ Huyện Nghi Xuân (3,88 điểm)



Hình 2.26. Mức độ cải thiện điểm CSTP tiếp cận đất đai của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023



Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.26**, củng cố thêm cho hiện tượng tăng điểm của chỉ số Tiếp cận đất đai trong năm 2024 khi trực so sánh nghiêng nhiều về nửa tăng điểm. Có tới 09/13⁶⁸ địa phương có mức cải thiện điểm tăng, và chỉ có 04/13⁶⁹ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Trong đó, Huyện Lộc Hà ghi nhận mức tăng điểm cao nhất (tăng 3,67 điểm) và thị xã Kỳ Anh là đơn vị có mức giảm điểm cao nhất (giảm 2,5 điểm).

Chỉ số Tiếp cận đất đai của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 05 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 02/05 tiêu chí⁷⁰ từ năm 2023, và bổ

⁶⁸ Bao gồm: Huyện Lộc Hà, huyện Vũ Quang, huyện Can Lộc, huyện Thạch Hà, huyện Hương Sơn, huyện Kỳ Anh, huyện Cẩm Xuyên, thành phố Hà Tĩnh và huyện Đức THọ

⁶⁹ Bao gồm: Thị xã Hồng Lĩnh, huyện Nghi Xuân, huyện Hương Khê và thị xã Kỳ Anh

⁷⁰ Tiêu chí i3 và i4

sung thêm 03 tiêu chí mới⁷¹ để làm rõ hơn sự hỗ trợ của CQĐP trong việc giải quyết khó khăn, vướng mắc về đất đai cho DN cũng như tiếp cận với góc nhìn của DN trong các hạn mức bồi thường cho việc thu hồi mặt bằng kinh doanh một cách thỏa đáng dựa trên khuyến nghị 2023.

Theo kết quả phân tích 05 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 2.9.** góc nhìn doanh nghiệp thực sự tích cực đối với các đánh giá liên quan đến chỉ số Tiếp cận đất đai. Về mức độ bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp nếu bị thu hồi, có 91,95% DN cho rằng mức bồi thường là thỏa đáng hoặc tạm chấp nhận được. Điều này chứng tỏ các Quy định mới về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất⁷² được cộng đồng DN đón nhận tích cực. Bên cạnh đó, có 93,92% DN được hỏi cho rằng mức độ rủi ro bị thu hồi đất khi sử dụng đất đai tại địa phương là rất thấp hoặc thấp (năm 2023 là 87,40%). Kết quả khảo sát ghi nhận 03 huyện, bao gồm: Huyện Hương Sơn, huyện Kỳ Anh và huyện Thạch được 100% DN trên địa bàn tham gia khảo sát đánh giá mức rủi ro rất thấp. Ngoài ra, có 94,76% cho rằng CQĐP luôn luôn tích cực hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng (năm 2023 là 83,29%), đáng chú ý là Huyện Thạch Hà trong nỗ lực dồn sức thực hiện giải phóng mặt bằng cho các dự án lớn⁷³, được 100% DN địa phương đánh giá cao. Ngoài ra, Trong quá trình giải phóng mặt bằng, huyện luôn chú trọng công tác đền bù hợp lý, nhanh gọn, minh bạch, rõ ràng, vì thế luôn nhận được sự đồng thuận của người dân⁷⁴.

Tuy nhiên, vẫn còn 11,39% DN phản ánh vẫn còn gặp phải khó khăn trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai tại địa phương; ví dụ như một số ghi nhận tại huyện Nghi Xuân theo Thông báo kết luận số 570/TB-UBND⁷⁵. Ngoài ra, bên cạnh 87,40% DN cho rằng CQĐP chủ động giải quyết vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương và công khai lấy ý kiến đóng góp về kế hoạch sử dụng đất tại địa phương thì vẫn còn khoảng 12,60% DN cho rằng CQĐP chưa xử lý triệt để các vướng mắc này và vẫn làm cho DN bức xúc mà chưa có phương án giải quyết công khai.

Bảng 2.9. Kết quả 05 tiêu chí của CSTP Tiếp cận đất đai khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[i1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định "DN còn gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện TTHC về đất đai tại địa phương" (% không đồng ý)	Trung bình	-	88,61
	Cao nhất	-	96,97
	Thấp nhất	-	78,13
	Trung bình	-	91,95
	Cao nhất	-	100

⁷¹ Tiêu chí i1, i2 và i5

⁷² Quy định mới về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (2024). UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Nguồn: <https://hatinh.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-bai/21851>

⁷³ Thạch Hà dồn sức thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án lớn (2024). Báo xây dựng.

Nguồn: <https://baoxaydung.com.vn/thach-ha-ha-tinh-don-suc-thuc-hien-giai-phong-mat-bang-cac-du-an-lon-375980.html>

⁷⁴ Thạch Hà phát huy tiềm năng đẩy mạnh thu hút đầu tư (2024). Báo Nhân dân.

Nguồn: <https://nhandan.vn/thach-ha-phat-huy-tiem-nang-day-manh-thu-hut-dau-tu-post801914.html>

⁷⁵ Thông báo kết luận số 570/TB-UBND.

Nguồn: [https://hscvnx.hatinh.gov.vn/ngnixuan/vbpbq.nsf/1621DE74E6C312EE47258B2E0033D09B/\\$file/Bao-cao-tinh-hinh-thuc-hien-570-Hop-TTHU-ngay-20.5.2024-CT-gop-y-cac-phong_hungbvx-20-05-2024_09h50p21.doc](https://hscvnx.hatinh.gov.vn/ngnixuan/vbpbq.nsf/1621DE74E6C312EE47258B2E0033D09B/$file/Bao-cao-tinh-hinh-thuc-hien-570-Hop-TTHU-ngay-20.5.2024-CT-gop-y-cac-phong_hungbvx-20-05-2024_09h50p21.doc)

[i2]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về mức độ bồi thường cho mặt bằng kinh doanh của doanh nghiệp nếu bị thu hồi (% bồi thường thỏa đáng hoặc tạm chấp nhận được)	Thấp nhất	-	79,37
[i3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định về mức độ rủi ro bị thu hồi đất khi sử dụng đất tại địa phương (% rất thấp hoặc thấp)	Trung bình	87,40	93,42
	Cao nhất	96,67	100
	Thấp nhất	80	84,62
[i4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP nỗ lực tích cực hỗ trợ trong công tác giải phóng mặt bằng (%)	Trung bình	83,29	94,76
	Cao nhất	92,86	100
	Thấp nhất	73,33	84,62
[i5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP chủ động giải quyết vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại ĐP và công khai lấy ý kiến đóng góp về kế hoạch sử dụng đất tại địa phương (%)	Trung bình	-	87,40
	Cao nhất	-	92,86
	Thấp nhất	-	80,26

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

2.3. Tổng hợp một số góp ý cụ thể của DN/HTX/HKD với UBND các huyện, thành phố, thị xã

Đối với **thành phố Hà Tĩnh**: DN mong muốn được tạo một môi trường **cạnh tranh bình đẳng hơn** để DN nhỏ cũng có cơ hội tiếp xúc và đấu thầu cạnh tranh như các DN lớn. Hiện nay DN nhỏ bị khó khăn trong việc tiếp cận thông tin từ CQĐP, cần cải thiện **tính minh bạch và tiếp cận** thông tin ở nội dung này;

Thị xã Kỳ Anh: DN hy vọng CQĐP giảm bớt các thủ tục hành chính – **giảm chi phí thời gian**, tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư, quyết liệt hơn trong công tác giải phóng mặt bằng – tăng tính hiệu quả của **tiếp cận đất đai** và cần có các giải pháp quan tâm đến các nhà đầu tư hơn nữa để **hỗ trợ doanh nghiệp** trên địa bàn;

Huyện Đức Thọ: DN trên địa bàn huyện mong muốn có các chính sách linh hoạt hỗ trợ về vốn, tạo điều kiện **hỗ trợ doanh nghiệp** về sản xuất kinh doanh;

Huyện Hương Khê: DN mong muốn được **hỗ trợ doanh nghiệp** thông qua đề xuất được tạo điều kiện hoàn Thuế Giá trị gia tăng tần suất 4-5 năm/lần;

Huyện Kỳ Anh: DN phản ánh các thủ tục xin phép xây dựng dân dụng còn **rườm rà và phức tạp, chồng chéo**;

Huyện Nghi Xuân: DN cảm thấy công tác **hỗ trợ doanh nghiệp** cần cải thiện vì DN bị khó khăn trong việc tiếp cận vay vốn; DN trên địa bàn huyện phản ánh tần suất **thanh tra và kiểm tra quá nhiều** trong 01 năm làm ảnh hưởng đến công việc của DN;

Huyện Cẩm Xuyên: DN mong muốn việc **tiếp cận thông tin** cần nhanh và sát sao hơn, DN đề xuất phương án sử dụng các nhóm Zalo hoặc áp dụng các hình thức chuyển đổi số tương tự; HKD do người trẻ khởi nghiệp trên các làng nghề cần được **hỗ trợ về vay vốn**; HKD trẻ phản ánh việc **thanh tra, kiểm tra quá nhiều tạo áp lực** cho các HKD trẻ. HKD lo sợ về việc **“không có người giúp đỡ” thì không thuận lợi**, việc không có hóa đơn đỏ nhưng vẫn có giấy phép kinh doanh và có đóng thuế môn bài theo tháng đầy đủ.



CHƯƠNG 3

HỒ SƠ DDCI KHÔI SỞ, BAN, NGÀNH

CHƯƠNG 03: HỒ SƠ DDCI KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH

3.1. Tổng quan DDCI khối Sở, ban, ngành Hà Tĩnh 2024

Chỉ số DDCI khối Sở, ban, ngành (SBN) là một công cụ đánh giá quan trọng được phát triển để đo lường và nhận diện những ưu điểm cần phát huy và những vấn đề cần cải thiện để hoàn thiện bộ máy cơ quan. Đây cũng là công cụ giúp các SBN hiểu rõ hơn về những khó khăn và thách thức mà DN đang phải đối diện dưới góc nhìn của cộng đồng DN, từ đó có thể đưa ra các chính sách và giải pháp hỗ trợ DN phù hợp nhằm thúc đẩy một môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh trên địa bàn toàn tỉnh.

Khối SBN của Hà Tĩnh được chia làm 03 nhóm, bao gồm:

- Nhóm 01: Sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm 15 SBN;
- Nhóm 02: Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh; bao gồm 05 SBN;
- Nhóm 03: Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm 04 SBN.

Chỉ số DDCI 2024 của tỉnh Hà Tĩnh bao gồm **08 chỉ số** chính để đưa vào đánh giá, phân loại **03 nhóm - 24 Sở, ban, ngành**, bao gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Tính năng động và hiệu lực; (3) Chi phí thời gian; (4) Chi phí không chính thức; (5) Cạnh tranh bình đẳng; (6) Hỗ trợ doanh nghiệp; (7) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; (8) Vai trò của người đứng đầu.

Phần tiếp theo của báo cáo sẽ trình bày về xếp hạng DDCI 2024 khối SBN của Hà Tĩnh theo 02 hướng: (1) Xếp hạng chung toàn khối SBN (gồm tổng cộng 24 SBN) và (2) Xếp hạng riêng với từng nhóm SBN để giúp đưa ra thêm một góc nhìn thứ hạng cho các SBN cùng nhóm với cùng một đặc điểm và mục đích hoạt động chung. Sự so sánh này là một điểm mới trong báo cáo năm này, là đề xuất để đảm bảo có cái nhìn khách quan và công bằng nhất trong việc ghi nhận hoạt động của SBN thông qua chỉ số DDCI 2024.

3.1.1. Xếp hạng chung DDCI khối SBN Hà Tĩnh 2024

Căn cứ vào kết quả khảo sát, bảng xếp hạng DDCI Hà Tĩnh 2024 khối SBN **03 nhóm**: (1) Tốt; (2) Khá; và (3) Kém (không có nhóm Trung bình); Cụ thể trình bày tại **Hình 3.1**, bao gồm:

- **Nhóm “Tốt”** là nhóm SBN có điểm số từ 80 điểm trở lên, bao gồm 10/24 SBN: Sở Giao thông Vận tải [xếp thứ 1] – 93,50 điểm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [xếp thứ 2] – 88,5 điểm, Sở Công thương [xếp thứ 3] – 88,2 điểm, Sở Y tế [xếp thứ 4] – 88 điểm, Sở Tư pháp [xếp thứ 5] – 87,37 điểm, Sở Tài chính [xếp thứ 6] – 87,30 điểm, Công an tỉnh [xếp thứ 7] – 86,11 điểm, Sở Lao động - Thương binh & Xã hội [xếp thứ 8] – 85,94 điểm, Sở thông tin và Truyền thông [xếp thứ 9] – 85,78 điểm; và Sở Giáo dục và Đào tạo [xếp thứ 10] – 80,64 điểm;

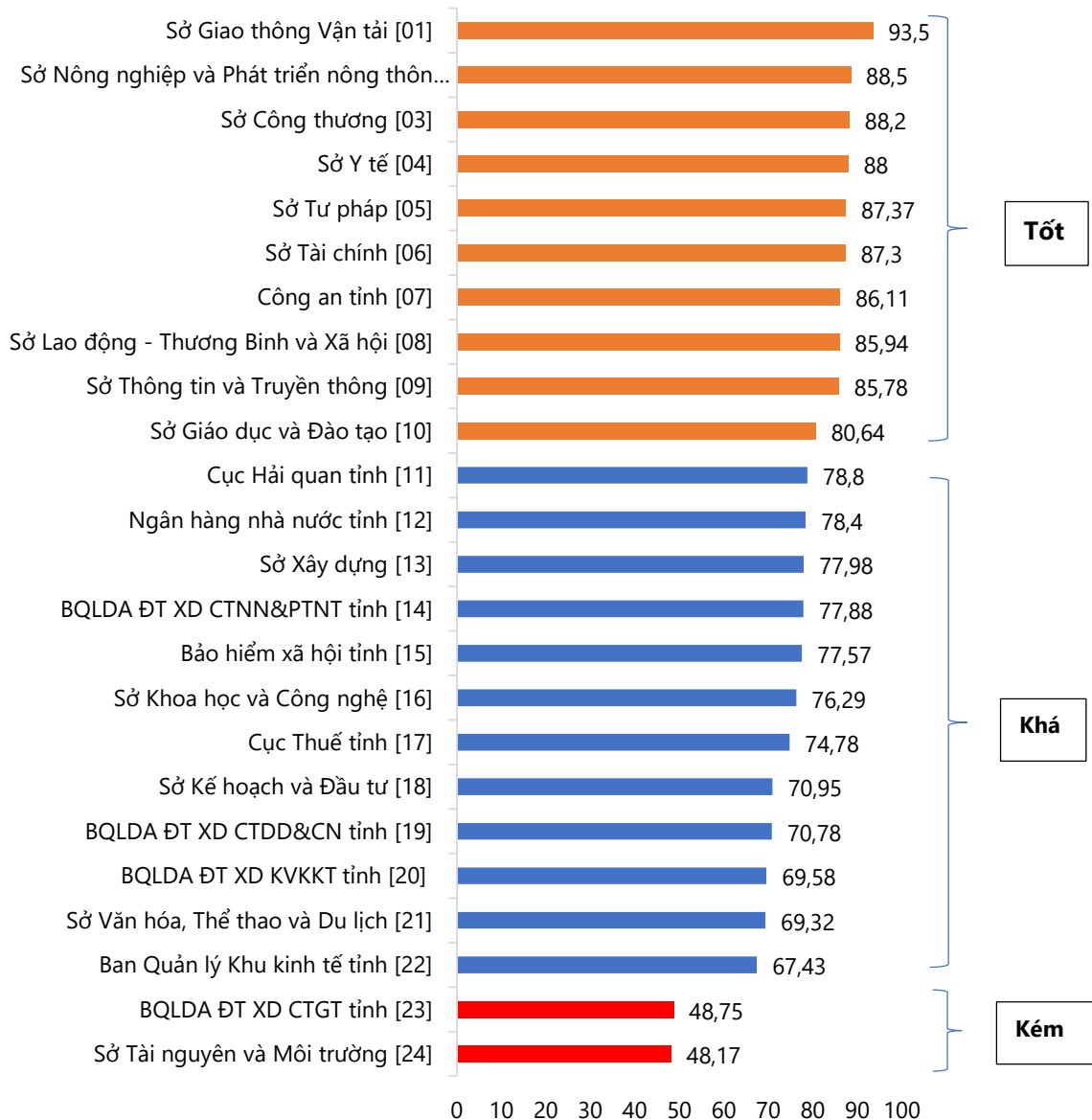
- **Nhóm “Khá”** là nhóm SBN có điểm số từ 60 tới dưới 80, bao gồm 12/24 SBN: Cục Hải Quan tỉnh [xếp thứ 11] – 78,8 điểm, Ngân hàng nhà nước tỉnh [xếp thứ 12] – 78,4 điểm, Sở Xây dựng [xếp thứ 13] – 77,98 điểm, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh [xếp thứ 14] – 77,88 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh [xếp thứ 15] – 77,57 điểm, Sở Khoa học và Công nghệ [xếp thứ 16] – 76,29 điểm, Cục Thuế tỉnh [xếp thứ 17] – 74,78 điểm, Sở Kế hoạch và Đầu tư [xếp thứ

18] – 70,95 điểm, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh [xếp thứ 19] – 70,78 điểm, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh [20] – 69,58 điểm, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch [xếp thứ 21] – 69,32 điểm, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh [xếp thứ 22] – 67,43 điểm;

- Nhóm **"Kém"** là nhóm SBN có điểm số dưới 50, bao gồm 02/13 SBN: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh [xếp thứ 23] – 48,75 điểm và Sở Tài nguyên và Môi trường [xếp thứ 24] – 48,17 điểm.

Điểm trung bình của khối SBN năm 2024 là 77,42 điểm (xếp ở mức Khá) và có xu hướng tăng so với năm 2023 là 61,93 điểm và 2021 là 68,92 điểm, xác lập mức điểm trung bình khối SBN cao nhất trong giai đoạn 2021-2024, cho thấy dưới góc nhìn của cộng đồng DN thì sự hỗ trợ từ các SBN đã mang lại những cải thiện lớn có tính tích cực tăng dần theo theo giới gian trong giai đoạn 03 năm vừa qua.

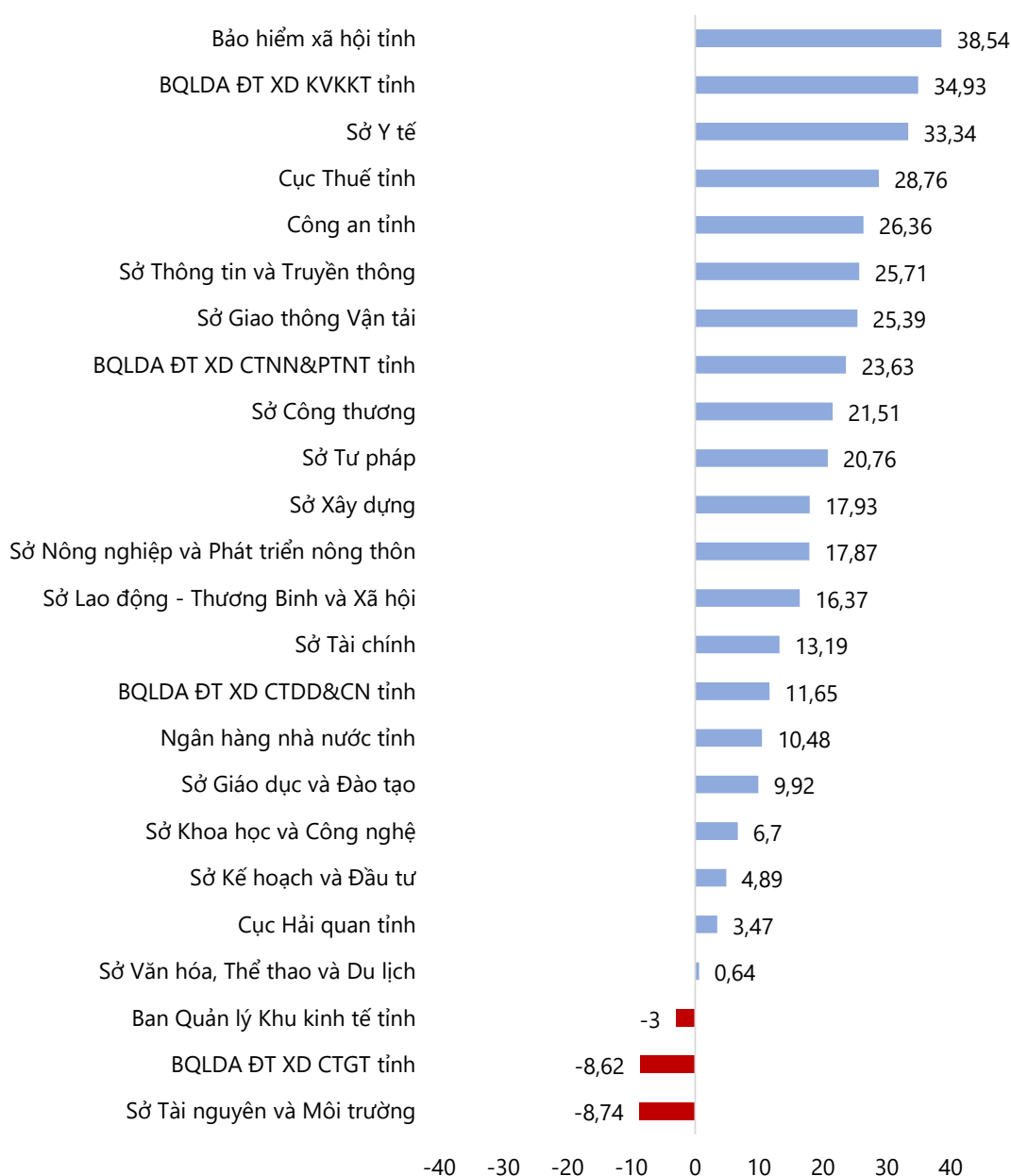
Hình 3.1. Xếp hạng và điểm số CSTP DDCI 2024 khối Sở, ban, ngành



Hình 3.2 minh họa mức cải thiện điểm số DCCI của SBN năm 2024 so với 2023, qua đó giúp thấy được bức tranh toàn cảnh về một năm phấn đấu tăng cường năng lực cạnh tranh của các SBN trên địa bàn toàn tỉnh.

Điểm số giữa SBN có vị trí xếp hạng cao nhất và thấp nhất có sự chênh lệch lớn (45,33 điểm), và tăng nhẹ so với mức chênh lệch của năm 2023 (chênh 40,68 điểm), cho thấy sự khác biệt có xu hướng rõ rệt hơn giữa các SBN khi so sánh về năng lực cạnh tranh năm 2024. Điều đáng chú ý và cũng là tín hiệu tốt là năm 2024, Hà Tĩnh đã ghi nhận một SBN dẫn đầu bảng có điểm số trên mức 90 điểm là Sở Giao thông Vận tải và hàng loạt các SBN bứt phá vượt lên mức trên 80 điểm.

Hình 3.2. Mức độ cải thiện điểm số DCCI của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Năm 2024, ghi nhận sự tăng điểm của đa số các SBN của tỉnh Hà Tĩnh, có đến 21/24 SBN xác lập các mức tăng điểm kỷ lục và chỉ có 3/24 SBN là giảm điểm, điều này là hoàn toàn trái ngược so với năm 2023⁷⁶. Dựa trên các số liệu thu được, xu hướng về sự thay đổi điểm số DDCI khối SBN giai đoạn 2023-2024 ghi nhận **05 nhóm xu hướng đáng chú ý** như sau:

Xu hướng tăng mạnh được xác lập bởi các SBN không chỉ tăng nhiều điểm mà còn tăng bậc vượt trội, nhảy vọt, làm thay đổi thứ hạng một cách ngoạn mục, cụ thể như, Sở Y tế [04] (tăng 33,34 điểm) tăng 16 bậc – là mức tăng kỷ lục trong giai đoạn 03 năm gần đây. Tiếp theo Bảo hiểm xã hội tỉnh [xếp thứ 8] (tăng 38,54 điểm, tăng 08 bậc), Sở công thương [xếp thứ 3] (tăng 21,51 điểm, tăng 08 bậc), và 02 SBN tăng 07 bậc trong bảng xếp hạng, bao gồm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh [14] (tăng 23,63 điểm, tăng 07 bậc). và Sở Tư pháp [xếp thứ 5] (tăng 20,76 điểm, tăng 07 bậc). Liên sau đó là Cục Thuế tỉnh [xếp thứ 17] (tăng 28,76 điểm, tăng 05 bậc), Công an tỉnh [xếp thứ 7] (tăng 26,36 điểm, tăng 05 bậc) và Sở thông tin và Truyền thông [xếp thứ 9] (tăng 25,71 điểm, tăng 05 bậc) và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực kinh tế tỉnh [xếp thứ 20] (tăng 34,93 điểm, tăng 04 bậc). Đây là những SBN đã có những dấu ấn rất quan trọng trong bảng xếp hạng DDCI 2024, cũng là động lực cho những sự phát triển trong các năm tiếp theo;

Xu hướng tăng nhẹ được ghi nhận với các SBN có tăng điểm nhưng sự thay đổi thứ hạng tăng không đáng kể, bao gồm Sở xây dựng [xếp thứ 13] (tăng 17,93 điểm, tăng 02 bậc) và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [xếp thứ 2] (tăng 17,87 điểm, tăng 02 bậc);

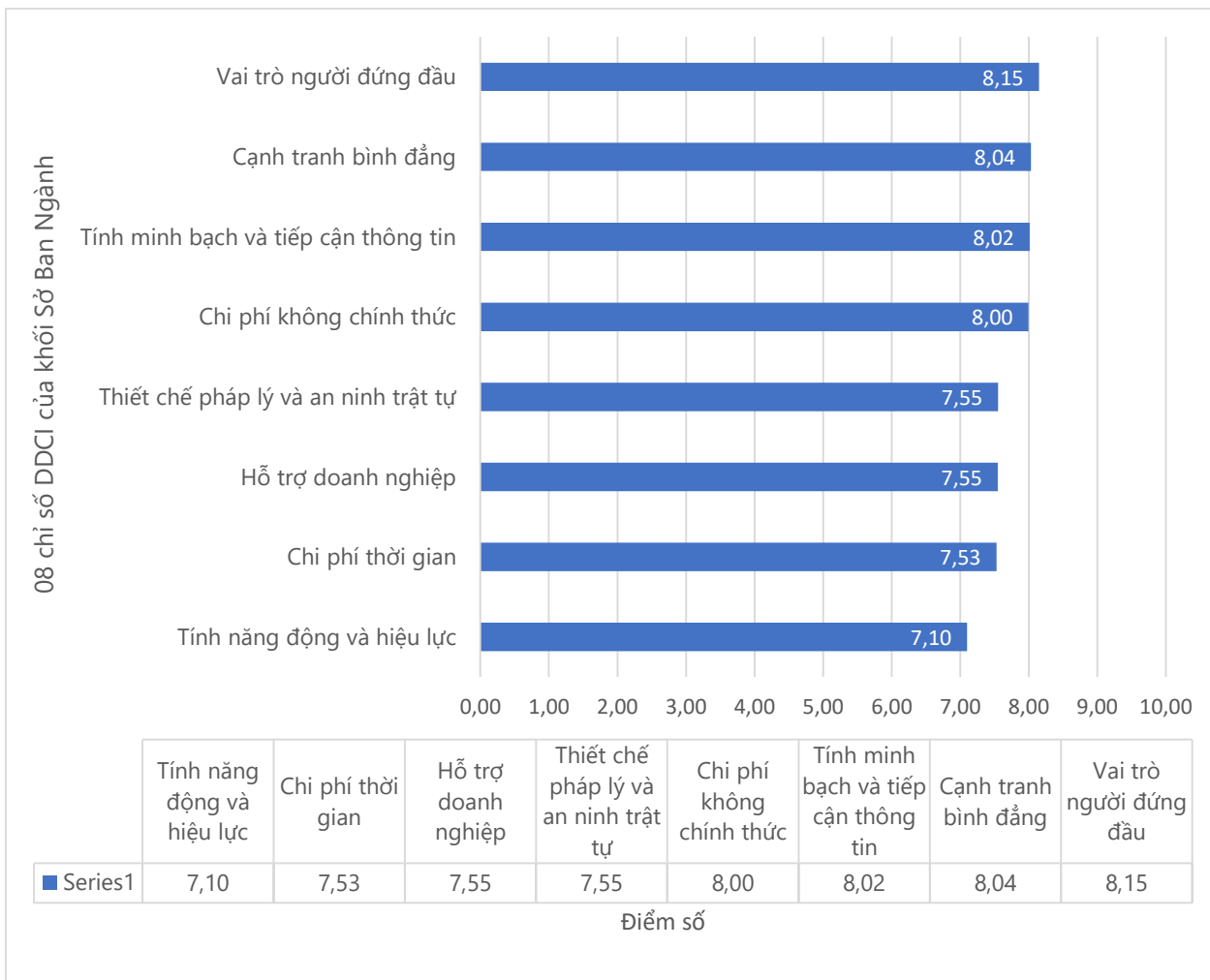
Đối lập với xu hướng tăng là xu hướng giảm mạnh của 03 SBN ở nhóm cuối trong bảng xếp hạng, vừa giảm điểm vừa giảm thứ bậc trong bảng xếp hạng. Mức thay đổi thứ hạng lớn nhất năm nay thuộc về Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh [xếp thứ 22] (giảm 3 điểm, giảm 17 bậc), tiếp theo là Sở Tài nguyên và Môi trường [xếp thứ 24] (giảm 8,74 điểm, giảm 05 bậc), Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 23] (giảm 8,62 điểm, giảm 05 bậc);

Xu hướng ổn định giảm (tăng điểm, nhưng giữ nguyên hoặc giảm bậc): ghi nhận một số SBN ở nhóm đầu của năm 2023 vẫn tiếp tục đà tăng điểm số nhưng bị giảm bậc do sức cạnh tranh mạnh mẽ đến từ một năm đa số đều có những bước tiến vượt bậc, bao gồm: Sở tài chính [xếp thứ 6] (tăng 13,19 điểm, giảm 04 bậc), Sở Lao động - Thương binh & Xã hội [xếp thứ 8] (tăng 16,37 điểm, giảm 01 bậc); ngoài ra còn có, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh [xếp thứ 19] (tăng 11,65 điểm, giảm 03 bậc), Ngân hàng nhà nước tỉnh [xếp thứ 12] (tăng 10,48 điểm, giảm 02 bậc), Sở Kế hoạch và Đầu tư [xếp thứ 18] (tăng 4,89 điểm, giảm 05 bậc)

Cuối cùng, năm nay ghi nhận rằng, kể cả tăng điểm thì cũng có thể giảm nhiều bậc, ví dụ như: Sở Giáo dục và Đào tạo [xếp thứ 10] (tăng 9,92 điểm, giảm 07 bậc), Sở Khoa học và Công nghệ [xếp thứ 16] (tăng 6,7 điểm, giảm 10 bậc), Cục hải quan tỉnh [xếp thứ 11] (tăng 3,47 điểm, giảm 10 bậc) và Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch [xếp thứ 21] (tăng 0,64 điểm, giảm 13 bậc). Điều này cho thấy trên đường đua năng lực cạnh tranh đòi hỏi rất nhiều nỗ lực của các SBN.

⁷⁶ Năm 2023, có 18/24 SBN giảm điểm

Hình 3.3. Điểm số 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành



Hình 3.3 và **Hình 3.4** minh họa điểm số 2024 và mức độ cải thiện điểm số của 08 CSTP của DDCI khối SBN 2024 so với 2023. Có 07/08⁷⁷ CSTP cải thiện tăng so với năm trước và 01/08⁷⁸ chỉ số nào giảm nhẹ. Thêm vào đó, Tất cả các chỉ số đều đạt mức điểm lớn hơn 07 điểm, đặc biệt có 04/08⁷⁹ chỉ số đạt trên 08 điểm phản ánh đa phần các SBN đều được cộng đồng DN ghi nhận vượt trội so với năm 2023, đồng thời, mức chênh lệch giữa chỉ số điểm cao nhất⁸⁰ và chỉ số điểm thấp nhất⁸¹ có xu hướng giảm (chênh 1,05 điểm), ít hơn mức chênh lệch của 2023⁸² trong bảng điểm các chỉ số. Sự chênh lệch giảm là thể hiện của sự khác biệt đang ngày càng được thu hẹp trong năng lực nghiệp vụ dẫn đến năng lực cạnh tranh đồng đều hơn giữa các SBN của tỉnh.

Hình 3.5 minh họa so sánh điểm trung bình của 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023. Tín hiệu đáng mừng là các chỉ số đều tương đương hoặc vượt qua năm cũ và mức vượt là có thể nhìn thấy rất trực quan trên biểu đồ.

⁷⁷ Bao gồm: Chi phí không chính thức, tính minh bạch và tiếp cận thông tin, vai trò người đứng đầu, cạnh tranh bình đẳng, chi phí thời gian, tính năng động và hiệu lực và thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

⁷⁸ Bao gồm Hỗ trợ doanh nghiệp

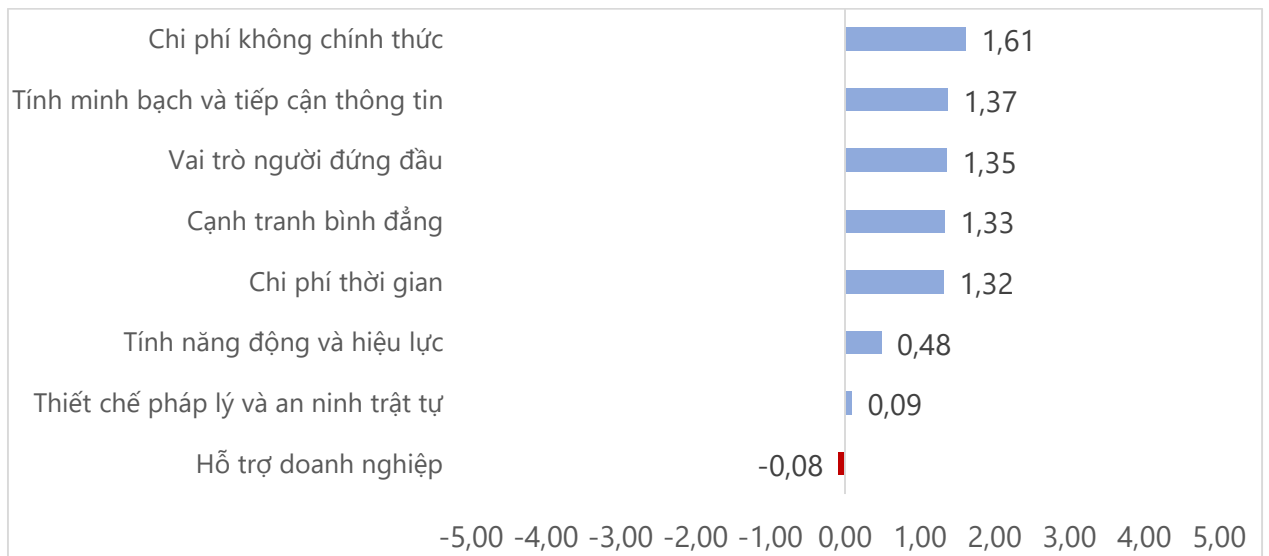
⁷⁹ Bao gồm: Vai trò người đứng đầu, Cạnh tranh bình đẳng, Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và Chi phí không chính thức

⁸⁰ Chỉ số Vai trò người đứng đầu: 8,15 điểm

⁸¹ Chỉ số Tính năng động và hiệu lực: 7,10 điểm

⁸² 2023: Chênh Lệch 1,42 điểm

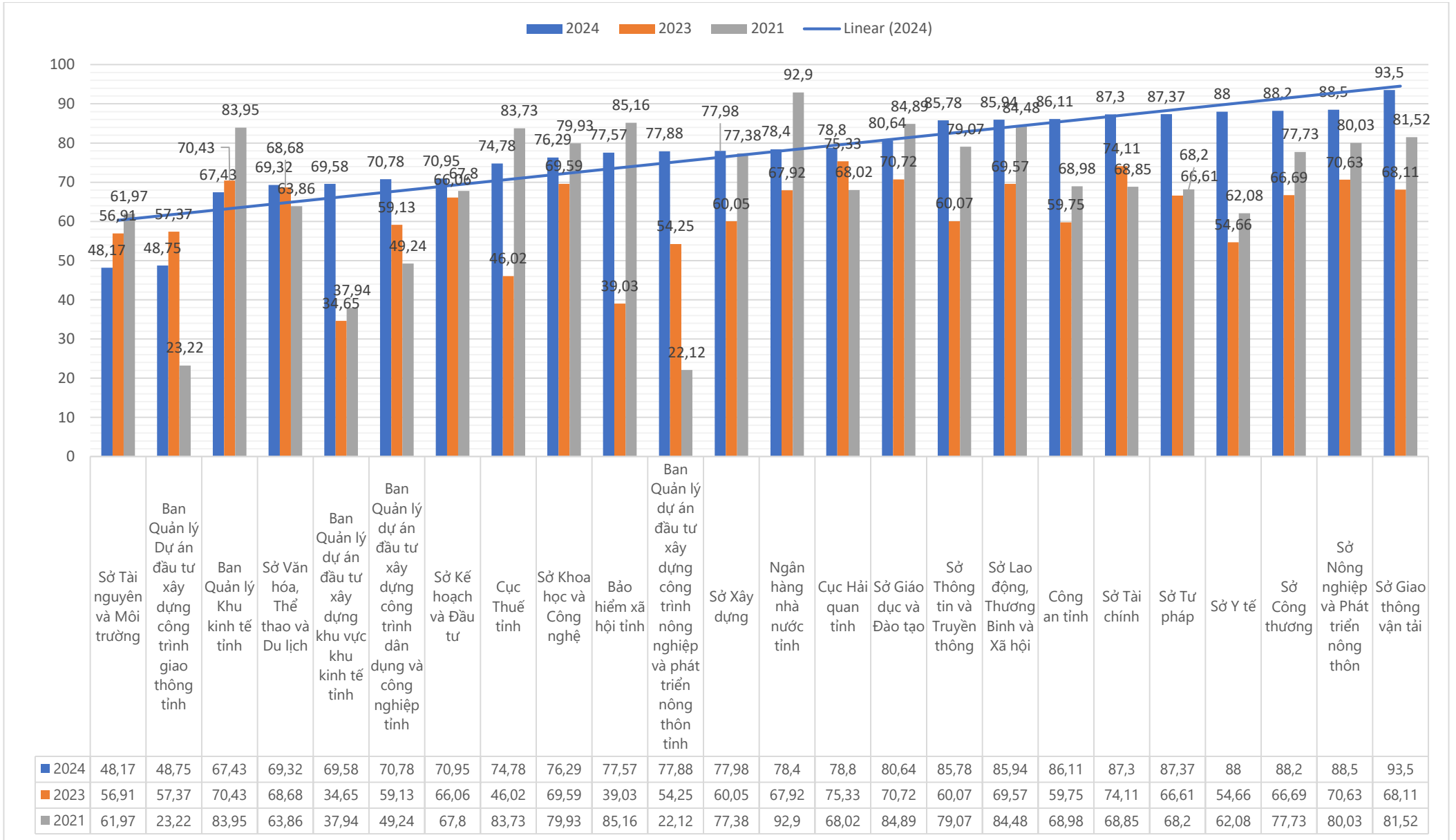
Hình 3.4. Mức độ cải thiện điểm số của 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



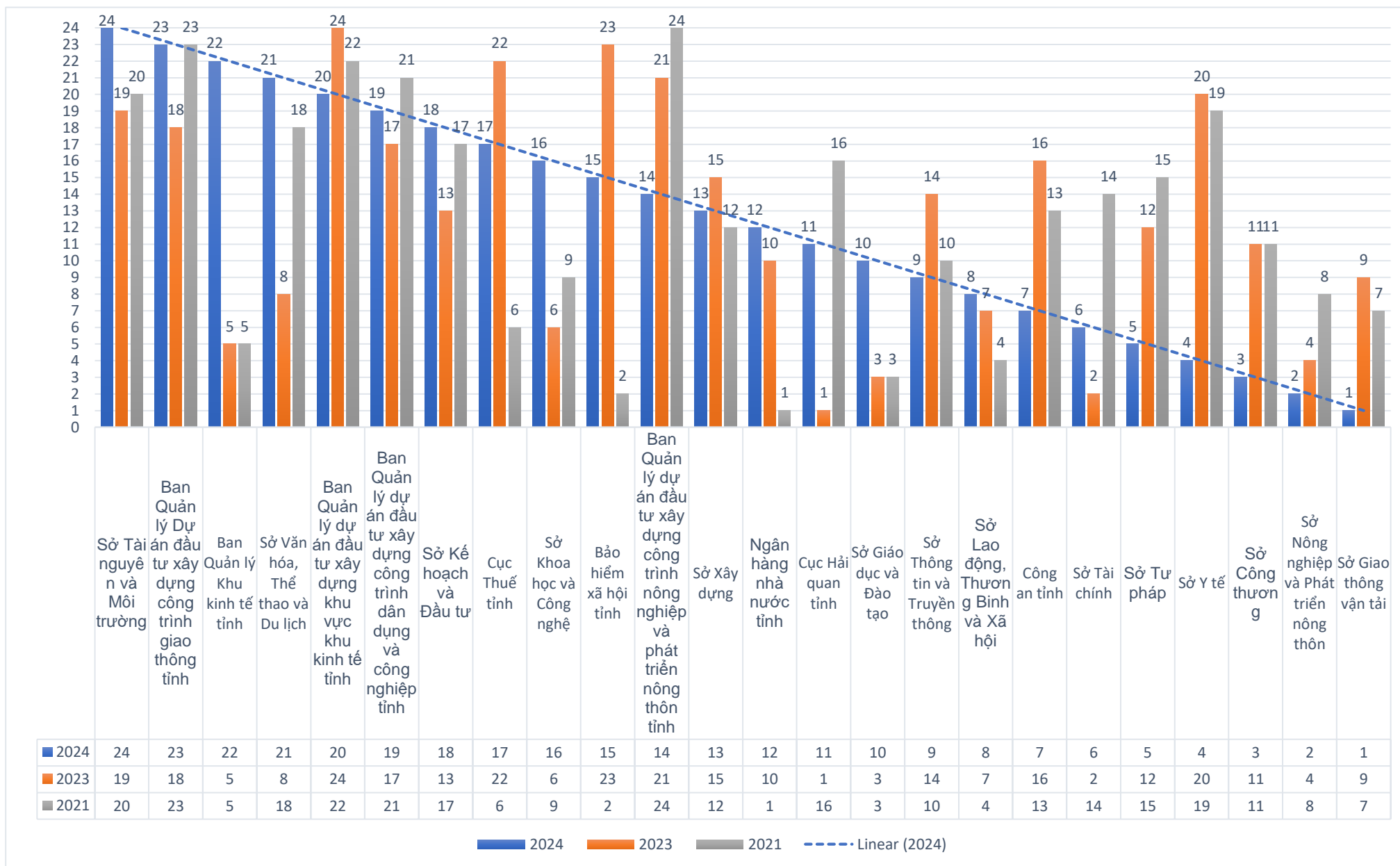
Hình 3.5. So sánh điểm trung bình của 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Hình 3.6 Xu hướng điểm số DDCI đối với nhóm SBN giai đoạn 2021-2024



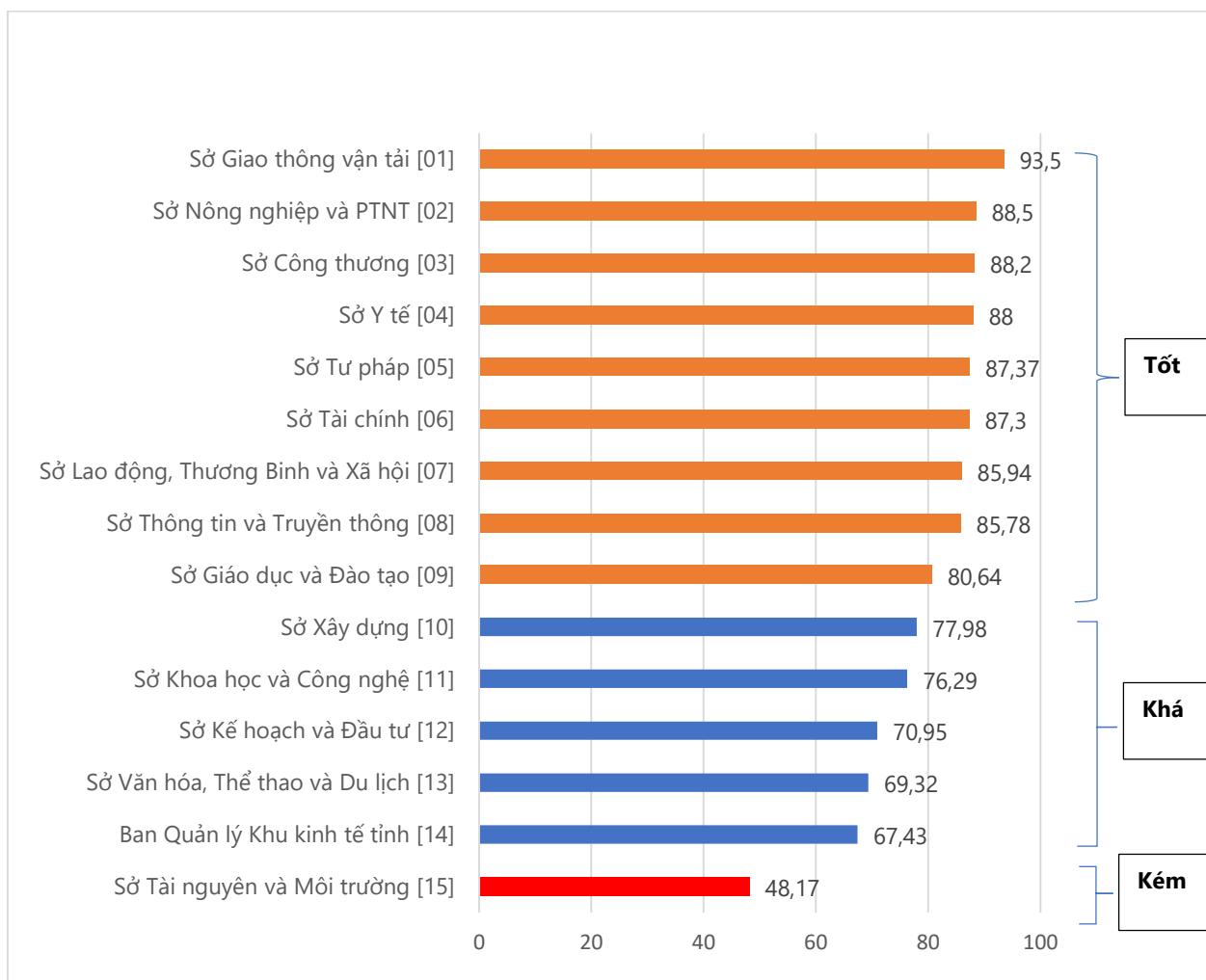
Hình 3.7 Xu hướng xếp hạng DDCL đối với khối SBN giai đoạn 2021-2024



3.1.2. Xếp hạng DDCI đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh

Nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh là bao gồm có các sở và cơ quan ngang sở (sau đây gọi chung là sở) bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và sự thống nhất, thông suốt, quản lý ngành, lĩnh vực công tác từ Trung ương đến cơ sở; tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, tổ chức sở quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Theo quy định, Sở là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh được xếp hạng DDCI 2024 bao gồm 15 đơn vị, được xếp hạng như **Hình 3.8** dưới đây:

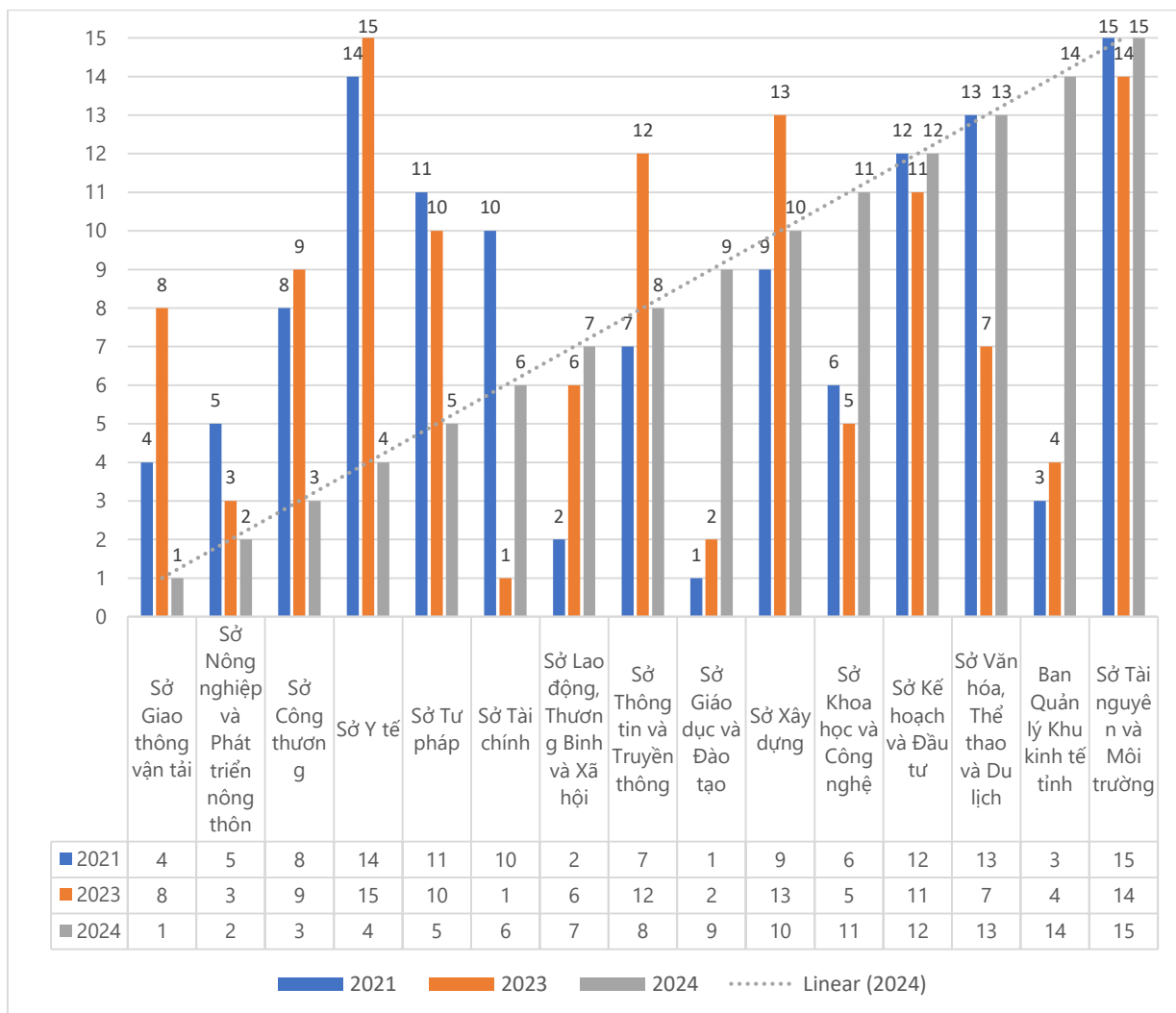
Hình 3.8 Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh



Có đến 09/10 đơn vị đạt mức điểm tốt (trên 80 điểm) nằm trong nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh, với sự dẫn đầu của nhóm đồng thời dẫn đầu trên bảng xếp hạng chung SBN toàn tỉnh là Sở Giao thông Vận tải [xếp thứ 1]. Tuy nhiên, 50% số đơn vị đạt mức điểm kém (tức là 01/02) cũng nằm trong nhóm này, là Sở Tài nguyên môi trường [xếp thứ 15] trên bảng xếp hạng chung SBN toàn tỉnh. Các đơn vị còn lại đạt mức điểm khá từ 67,43 điểm đến 77,98 điểm. **Hình 3.8** và **Hình 3.9** minh họa xu

hướng xếp hạng và xu hướng điểm số DDCI khối SBN của nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh trong giai đoạn 2021-2024, qua đó, dễ thấy các đơn vị thuộc nhóm này, chỉ có duy nhất Sở Tài nguyên và Môi trường là có xu hướng giảm⁸³, còn lại 14/15 đơn vị chủ yếu đi theo 02 xu hướng: (1) Tăng và (2) Ổn định mức Khá.

Hình 3.9 hướng xếp hạng DDCI đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024



(1) Có 09/15 Sở⁸⁴ nằm trong nhóm xu hướng Tăng đều duy trì mức Khá ở các năm trước và bứt phá đạt mức mức điểm Tốt vào năm 2024;

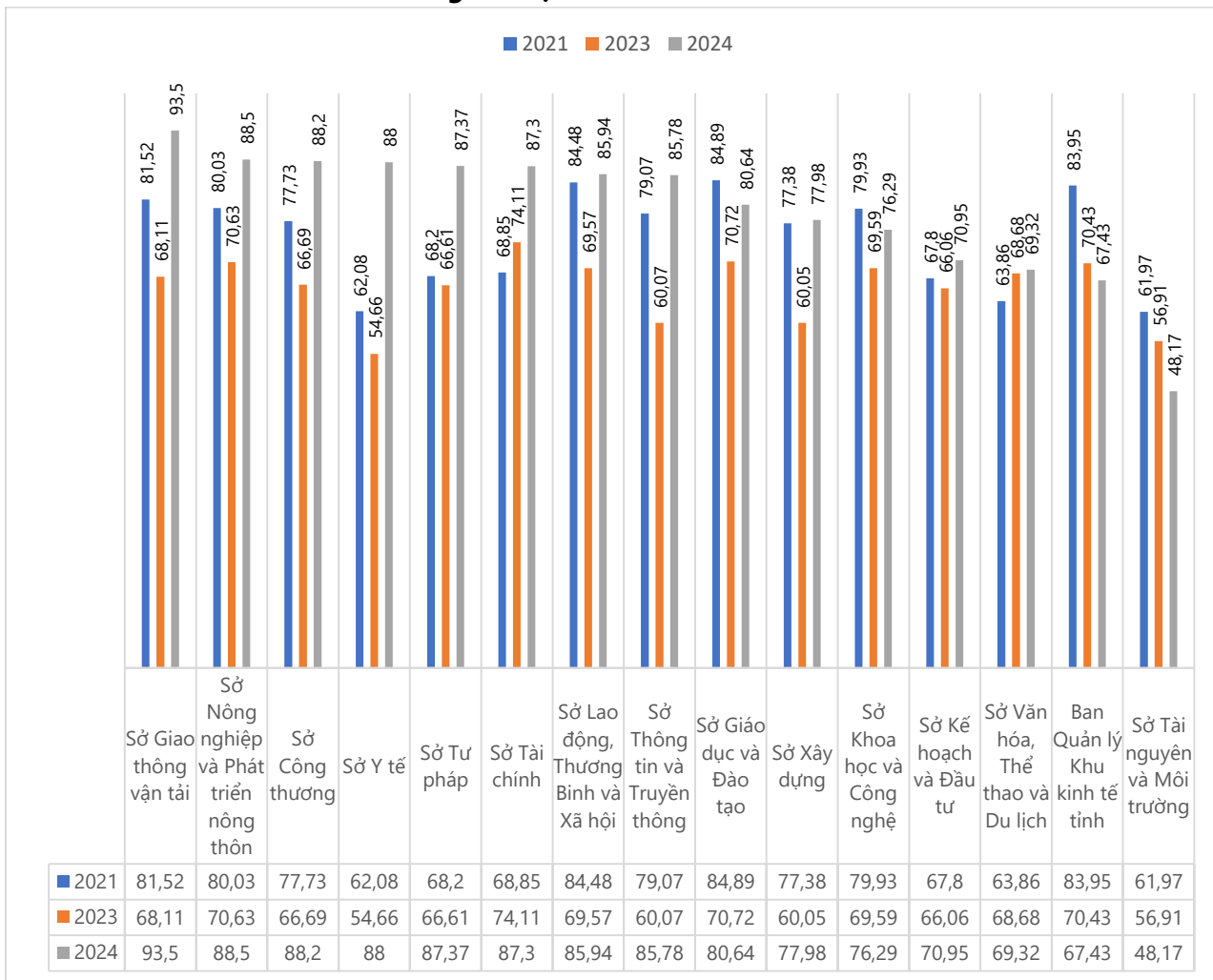
(2) Có 05/15 Sở⁸⁵ nằm trong nhóm xu hướng Ổn định mức Khá là các sở duy trì được sự ổn định và sự đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp liên tục trong xuyên suốt giai đoạn 2021-2024. Sự ổn định cũng có thể là nền tảng tốt để bứt phá và các năm tiếp theo.

⁸³ 2021 đạt Khá; 2023 đạt Trung Bình, 2024 đạt Kém

⁸⁴ Bao gồm: Sở công thương, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động, thương binh và xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở thông tin và truyền thông, Sở tư pháp và Sở Y tế

⁸⁵ Bao gồm: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở khoa học và công nghệ, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch và Sở xây dựng.

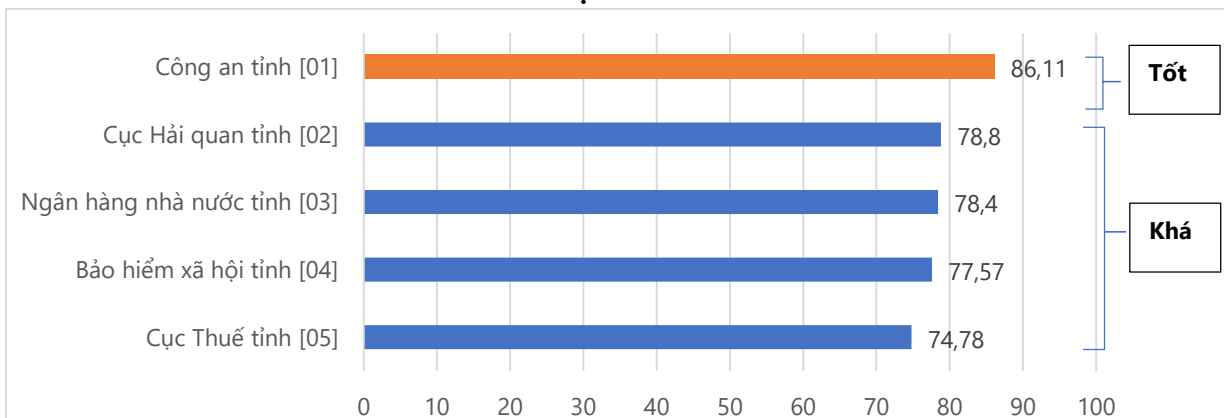
Hình 3.10 Xu hướng điểm số DDCI đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024



3.1.3. Xếp hạng DDCI đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh

Nhóm cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh là các cơ quan hành chính nhà nước của Trung ương quản lý theo ngành dọc, có tư cách pháp nhân, có trụ sở riêng, đặt tại địa phương. Nhóm cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được xếp hạng DDCI 2024 bao gồm 05 đơn vị, được xếp hạng như **Hình 3.11** dưới đây:

Hình 3.11. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh



Dẫn đầu trong nhóm cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh là Công an tỉnh (đồng thời đứng thứ 7 trong bảng xếp hạng chung) và đồng thời là đơn vị có mức điểm Tốt (86,11 điểm) duy nhất trong nhóm. Còn lại 04/05 cơ quan có mức điểm Khá từ 74,78 điểm đến 78.8 điểm, đây là những mức điểm khá tương đồng thể hiện sự đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp đối với nhóm SBN này về mặt chất lượng điều hành và năng lực cạnh tranh là tương đương nhau.

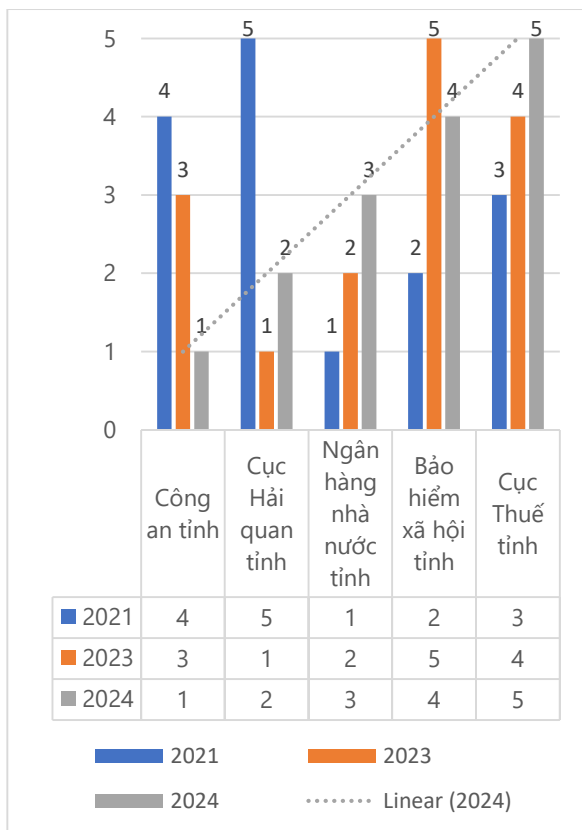
Hình 3.12 và **Hình 3.13** minh họa xu hướng xếp hạng và xu hướng điểm số DDCI của nhóm cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2024. Các đơn vị thuộc nhóm này, chủ yếu đi theo 02 xu hướng: (1) Tăng và (2) Ổn định mức Khá, không có đơn vị nào là ghi nhận giảm.

(1) Có 03/05 cơ quan⁸⁶ nằm trong nhóm xu hướng Tăng từ Kém hoặc Trung bình lên mức Khá và Tốt;

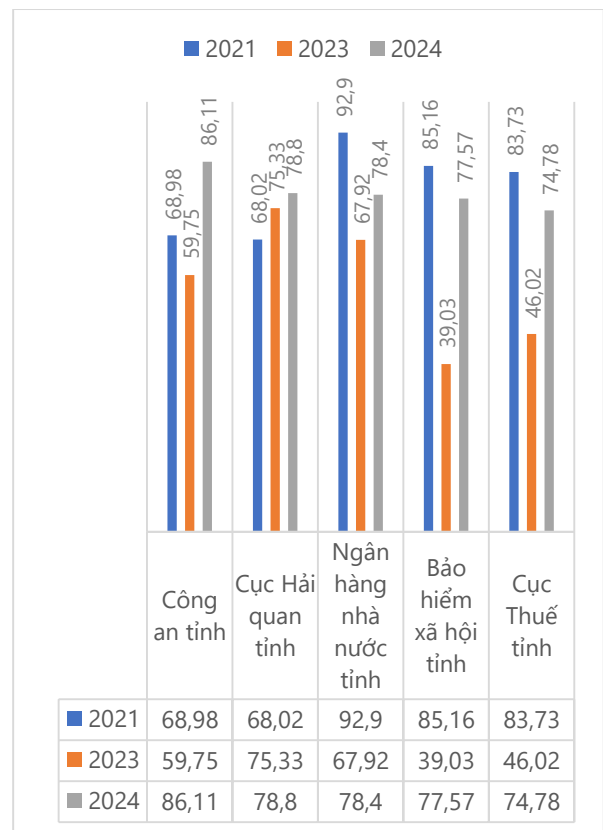
(2) Có 02/5 cơ quan⁸⁷ nằm trong nhóm xu hướng Ổn định mức Khá trong 03 năm liên tiếp.

Tuy mức xếp hạng trên bảng xếp hạng của chung nhóm SBN đối với nhóm các cơ quan ngành dọc là ở tầm trung (từ bậc 7-15) nhưng mức độ ổn định và tăng trưởng chung của các đơn vị trong nhóm về điểm số và xếp loại là một điều đáng được ghi nhận.

Hình 3.12. Xu hướng xếp hạng DDCI đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024



Hình 3.13. Xu hướng điểm số DDCI đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024



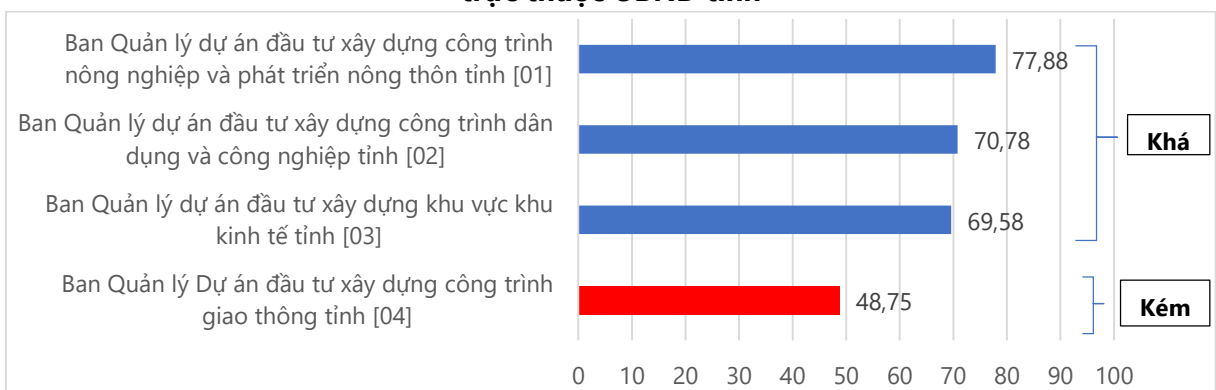
⁸⁶ Bao gồm: Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh và Cục Thuế tỉnh

⁸⁷ Bao gồm: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Xây dựng.

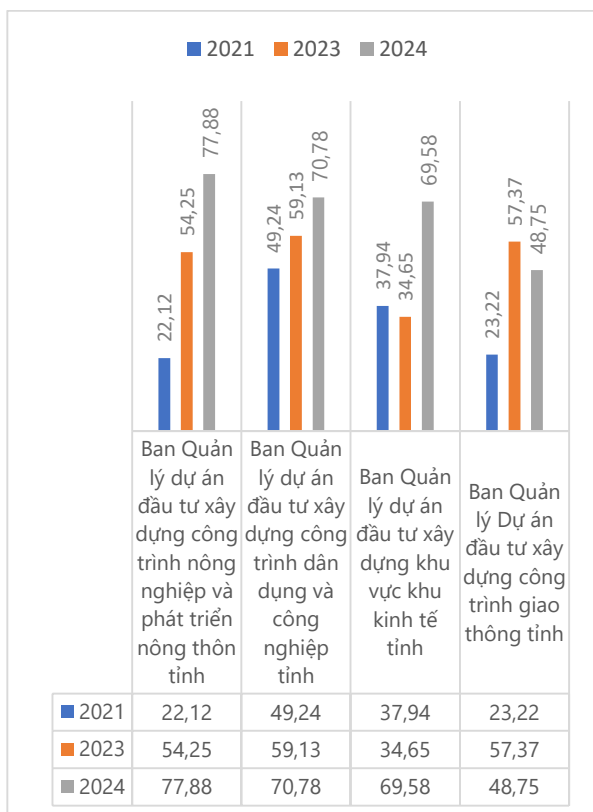
3.1.4. Xếp hạng DDCI đối với nhóm đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

Nhóm đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh. Căn cứ Luật Viên chức 2010 quy định về đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước. Nhà nước tập trung xây dựng hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập để cung cấp những dịch vụ công mà Nhà nước phải chịu trách nhiệm chủ yếu bảo đảm nhằm phục vụ nhân dân trong lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học và các lĩnh vực khác mà khu vực ngoài công lập chưa có khả năng đáp ứng. Nhóm đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh được xếp hạng DDCI 2024 bao gồm 04 đơn vị, được xếp hạng như Hình 3.14 dưới đây:

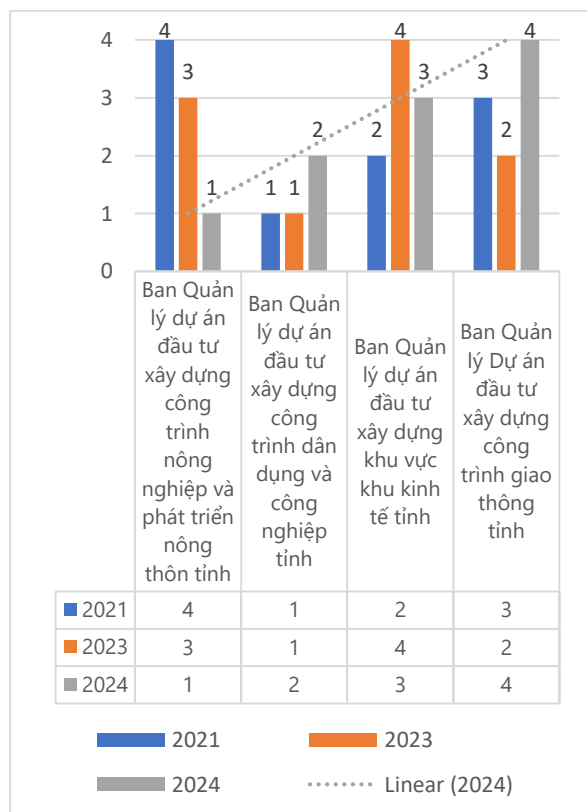
Hình 3.14. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh



Hình 3.15. Xu hướng điểm số DDCI đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024



Hình 3.16. Xu hướng xếp hạng DDCI đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024

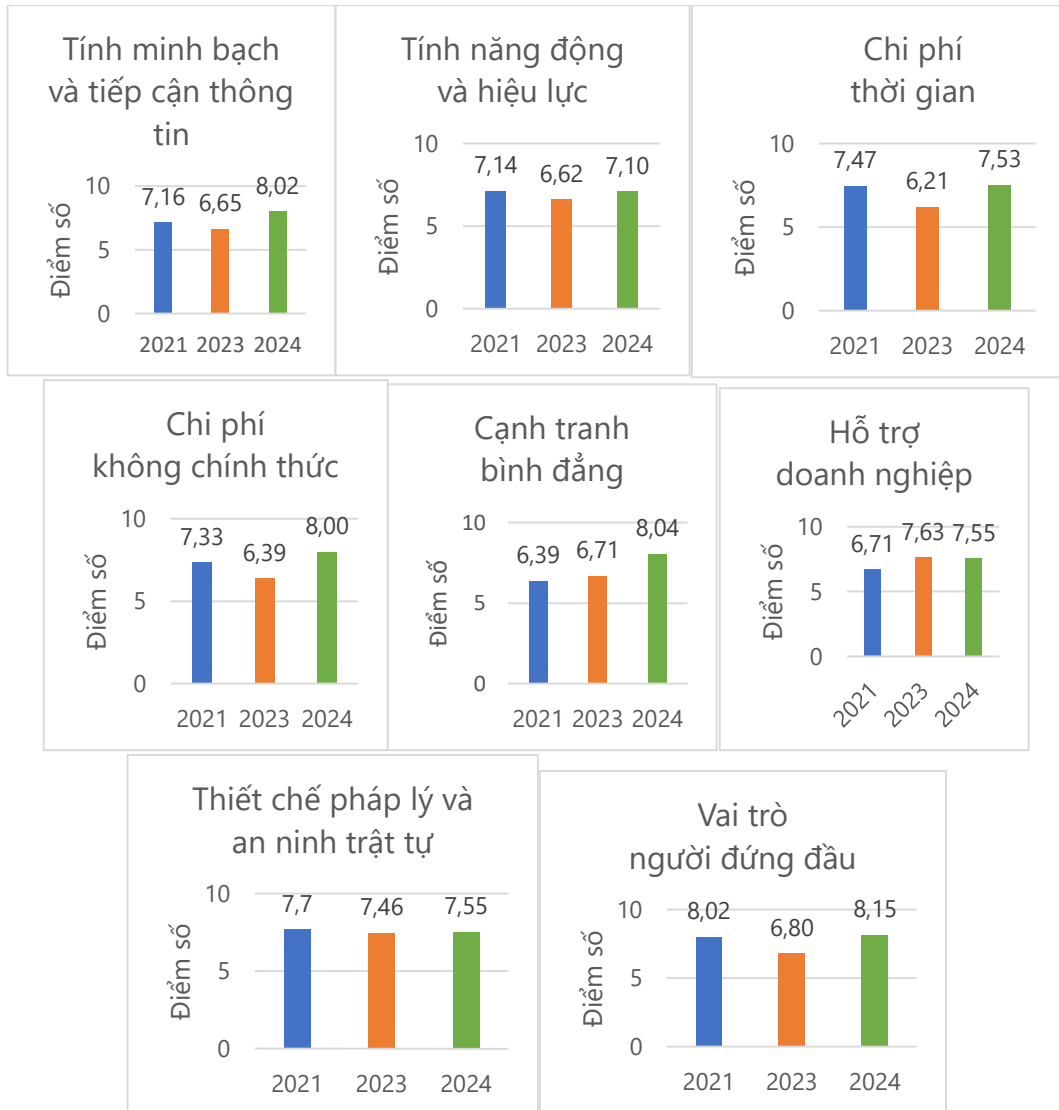


Nhóm bao gồm 04 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, trong đó 03/04 đơn vị đạt mức điểm khá từ 69,58 điểm đến 77,88 điểm và 01/04 đơn vị đạt mức điểm kém, đứng cuối bảng xếp hạng của nhóm và gần cuối trong bảng xếp hạng chung của khối SBN là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 23]. **Hình 3.15** và **Hình 3.16** minh họa xu hướng xếp hạng và xu hướng điểm số DDCI khối SBN của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh trong giai đoạn 2021-2024. Nhóm này thể hiện hai xu hướng trái chiều là (1) Tăng và (2) Giảm, không có sự ổn định xuyên suốt trong 03 năm qua.

- (1) Có 03/04 đơn vị⁸⁸ có xu hướng Tăng từ Kém hoặc Trung bình lên Khá (không có Tốt);
- (2) Có 01/04 đơn vị⁸⁹ có xu hướng Giảm từ Trung bình về Kém

3.2. Kết quả đánh giá theo từng CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024

Hình 3.17 Điểm số 08 CSTP DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024



⁸⁸ Bao gồm: BQLDA đầu tư XDCT DD&CN tỉnh, BQLDA đầu tư XDCT NN&PTNT tỉnh và BQLDA đầu tư XDKV KKT tỉnh

⁸⁹ Bao gồm: BQLDA đầu tư XDCTGT tỉnh

Sử dụng các dữ liệu đánh giá DDCI Hà Tĩnh giai đoạn 2021 – 2024, căn cứ trên sự thay đổi của điểm số 08 CSTP (CSTP) của chỉ số DDCI tại **Hình 3.17**, báo cáo ghi nhận các nét chính của năng lực cạnh tranh khối UBND của khối SBN trong giai đoạn 2021 – 2024 như sau:

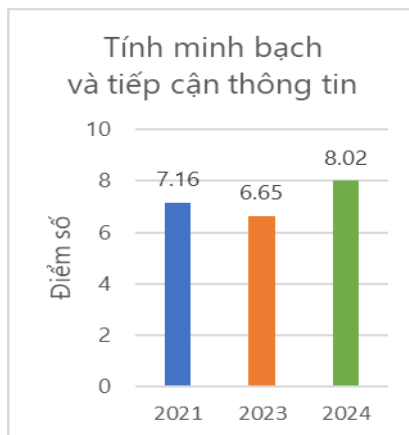
06 điểm cần phát huy:

- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin có sự bứt phát tích cực;
- Tính năng động và hiệu lực có tín hiệu khởi sắc trở lại;
- Chi phí thời gian tiếp tục được chú trọng giảm tải;
- Chi phí không chính thức giảm mạnh;
- Cạnh tranh bình đẳng có xu hướng tăng đều và mạnh mẽ trong lộ trình 03 năm;
- Vai trò của người đứng đầu ngày càng rõ nét và được đánh giá cao.

02 điểm cần cải thiện:

- Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự cần có sự bứt phá trong thời gian tới;
- Doanh nghiệp chưa thấy công tác hỗ trợ thực sự thực chất và hiệu quả so với năm trước;

3.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin có sự bứt phá tích cực



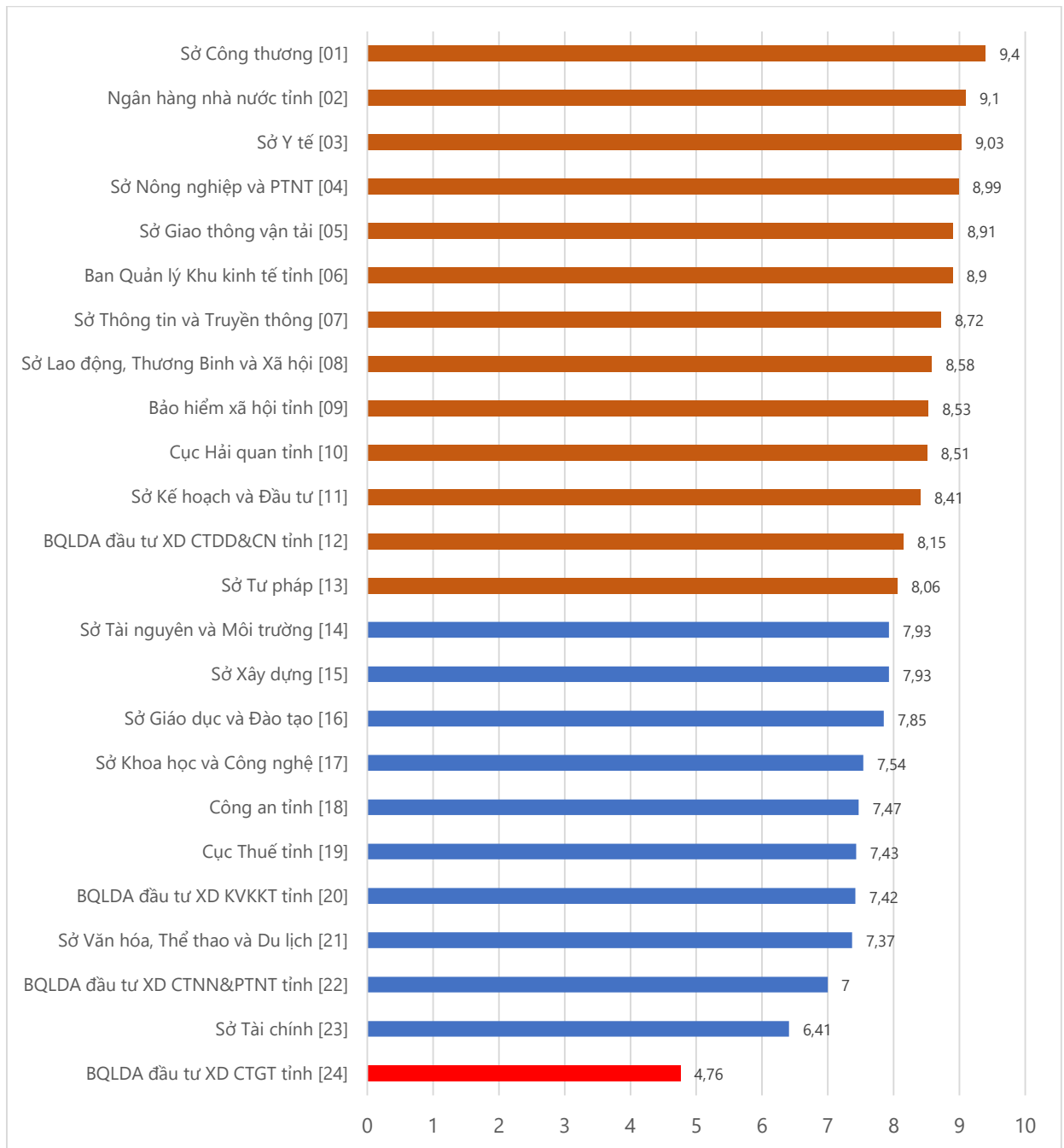
Đối với khối SBN, toàn bộ các CSTP đều ghi nhận sự tăng điểm trong năm 2024, trong đó, chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là một trong hai chỉ số có mức tăng điểm cao nhất (tăng 1,37 điểm), đạt 8,02 điểm, xếp thứ [xếp thứ 3] trong danh sách các chỉ số cao điểm của khối SBN năm 2024. Việc tăng điểm đối với CSTP này cho thấy sự thay đổi tích cực trong việc nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin của tất cả cơ quan nhằm hướng đến việc tạo môi trường thuận lợi cho DN, HTX, HKD tiếp cận thông tin một cách minh bạch, hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh doanh của

doanh nghiệp. Việc tăng điểm ngược dòng này trên đà giảm của giai đoạn 2021-2023 cũng là một thành tựu đáng ghi nhận của các SBN.

Nhóm 3 dẫn đầu đối với CSTP này có mức điểm rất cao (trên 09 điểm) là Sở Công thương [xếp thứ 1] với 9,4 điểm, Ngân hàng nhà nước tỉnh [xếp thứ 2] với 9,1 điểm và Sở Y tế [xếp thứ 3] với 9,03 điểm. Ngoài ra, có 10/24 đơn vị đạt mức điểm tốt (từ 08-09 điểm) giữ vị trí từ [xếp thứ 4] đến [xếp thứ 13]. Vị trí cuối bảng xếp hạng khi đánh giá về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin thuộc về Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 24] với 4,76 điểm. Đây cũng là mức điểm kém duy nhất trong bảng xếp hạng này. **Hình 3.18** minh họa bảng xếp hạng và điểm số chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN. Có chênh lệch đáng kể giữa SBN có điểm cao nhất⁹⁰ và thấp nhất⁹¹ (chênh 4,64 điểm).

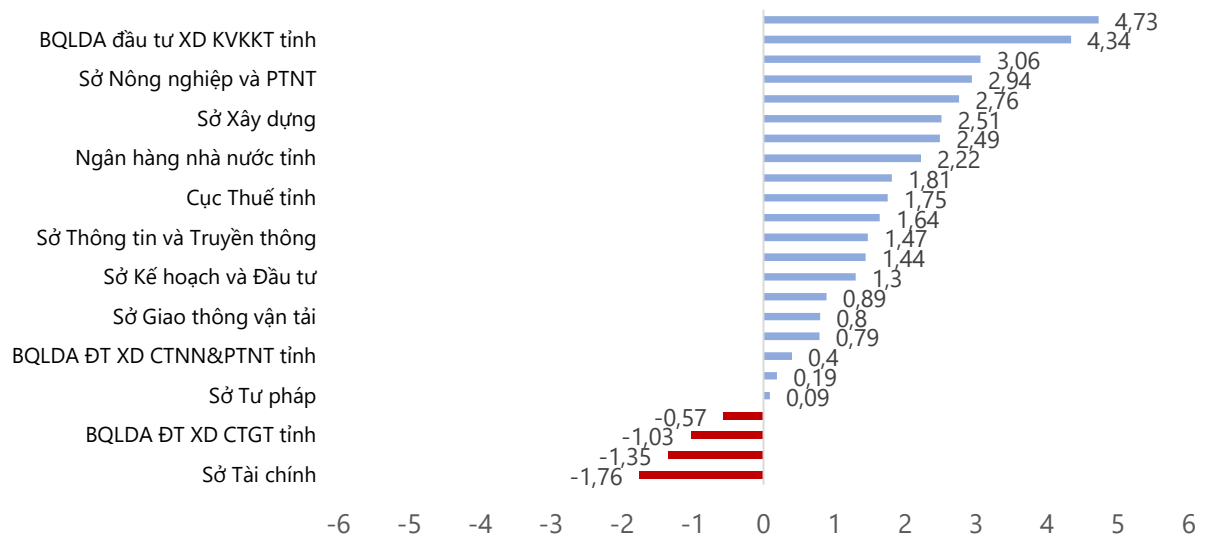
⁹⁰ Sở công thương (9,4 điểm)

⁹¹ Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (4,76 điểm)

Hình 3.18. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN

Tuy nhiên, tại **hình 3.19** về mức cải thiện điểm CSTP, ghi nhận cán cân nghiêng hẳn về trục tăng điểm, cũng là giải thích cho việc dù có sự chênh lệch đáng kể nhưng điểm của CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin lại có xu hướng tăng vọt. Cụ thể, có 20/24 đơn vị có mức cải thiện điểm tăng và chỉ có 04/24 đơn vị có mức cải thiện điểm giảm, và mức giảm không đáng kể gì so với những cột mốc tăng vượt trội như Sở Y tế (tăng 4,73 điểm), BQLDA ĐT XD KVKKKT tỉnh (Tăng 4,34 điểm). Mức giảm điểm nhiều nhất ghi nhận đối với Sở tài chính (giảm 1,76 điểm) rồi đến Cục Hải quan tỉnh (giảm 1,35 điểm).

Hình 3.19 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN 2024 so với 2023



Bảng 3.1. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[a1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ SBN là dễ tiếp cận (%)	Trung bình	96,26	94,93
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	90,74	76,19
[a2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không cần có "mối quan hệ" với SBN để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi (%)	Trung bình	79,20	93,14
	Cao nhất	86,96	100
	Thấp nhất	69,57	57,14
[a3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết thủ tục hành chính được niêm yết đầy đủ, công khai tại bảng thông tin tại Trung tâm hành chính công (%)	Trung bình	97,82	89,58
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	85,71	42,86
[a4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản (trừ thông tin bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh đại chúng khi DN đề nghị (%)	Trung bình	88,18	96,44
	Cao nhất	96,3	100
	Thấp nhất	77,5	80,95
[a5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đã từng truy cập vào website/cổng thông tin điện tử của SBN (%)	Trung bình	-	28,56
	Cao nhất	-	53,57
	Thấp nhất	-	0
[a6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng website/cổng thông tin điện tử của SBN được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, nhanh chóng và hữu ích (website) (%)	Trung bình	82,16	88,61
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	58,33	0

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của Khối SBN được cấu thành từ 06 tiêu chí đánh giá, trong đó, có 05/06 tiêu chí giữ nguyên⁹² như năm 2023 và bổ sung thêm 01 tiêu chí mới⁹³. Theo kết quả phân tích 06 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.1**, 02/06 tiêu chí đánh giá CSTP này ghi nhận mức cải thiện đáng kể trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin so với năm 2023. Ví dụ, 93,14% DN được khảo sát cho rằng không cần có "mối quan hệ" với SBN để tiếp cận các thông tin,

⁹² Tiêu chí giữ nguyên: a1, a2, a3, a4, và a6

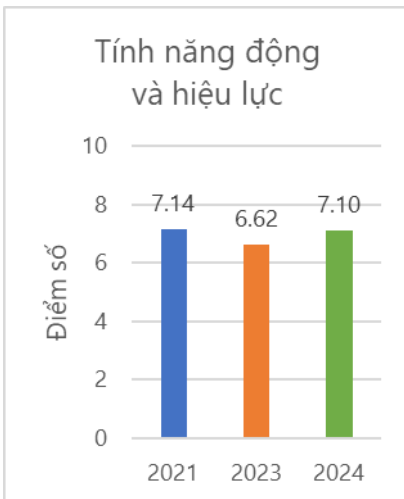
⁹³ Tiêu chí mới: a5

tài liệu (năm 2023 là 79,20%) và 96,44% DN đã nhận được sự hỗ trợ từ SBN trong việc sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn trên kênh đại chúng khi DN đề nghị (trừ thông tin bí mật nhà nước) (năm 2023 là 88,18%), được 100% DN đánh giá cao trong những tiêu chí này là Công an tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Sở thông tin và Truyền thông, Sở tư pháp.

Bên cạnh đó, vẫn còn 02/06 tiêu chí ghi nhận mức giảm nhẹ theo góc nhìn cộng đồng doanh nghiệp, trong đó, 94,93% DN đánh giá việc tiếp cận các thông tin, tài liệu theo quy định pháp luật từ SBN là dễ dàng (năm 2023 là 96,26%), đồng thời, bên cạnh những đơn vị Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, Sở Giao thông Vận tải và Sở Lao động - Thương binh & Xã hội được 100% DN đánh giá về tiêu chí này thì có 23,81% DN tham gia đánh giá cho rằng Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông cần cải thiện tiêu chí này. Thêm vào đó, có 89,58% DN cho biết TTHC được niêm yết đầy đủ công khai tại bảng thông tin tại các trung tâm hành chính công của SBN, giảm so với 2023 (97,82%).

Ngoài ra, chỉ 28,57% DN được hỏi xác nhận đã từng truy cập vào website/cổng thông tin điện tử của SBN, trong số đó, 88,61 DN đã vào các cổng thông tin có nhận định tích cực cho rằng SBN cập nhật nội dung thường xuyên, đầy đủ, nhanh chóng và hữu ích. Đáng chú ý là Sở tài chính không có DN nào ghi nhận đã từng vào website của Sở. Các công cụ truyền thông và truyền tin số sẽ trở thành cầu nối tốt nhất giữa SBN và DN trong hiện tại và tương lai, việc định hướng DN sử dụng thông qua truyền thông mạnh mẽ về các kênh thông tin của đơn vị có thể sẽ là giải pháp đẩy mạnh đà tăng của tiêu chí Tính minh bạch và tiếp cận thông tin trong thời gian tới.

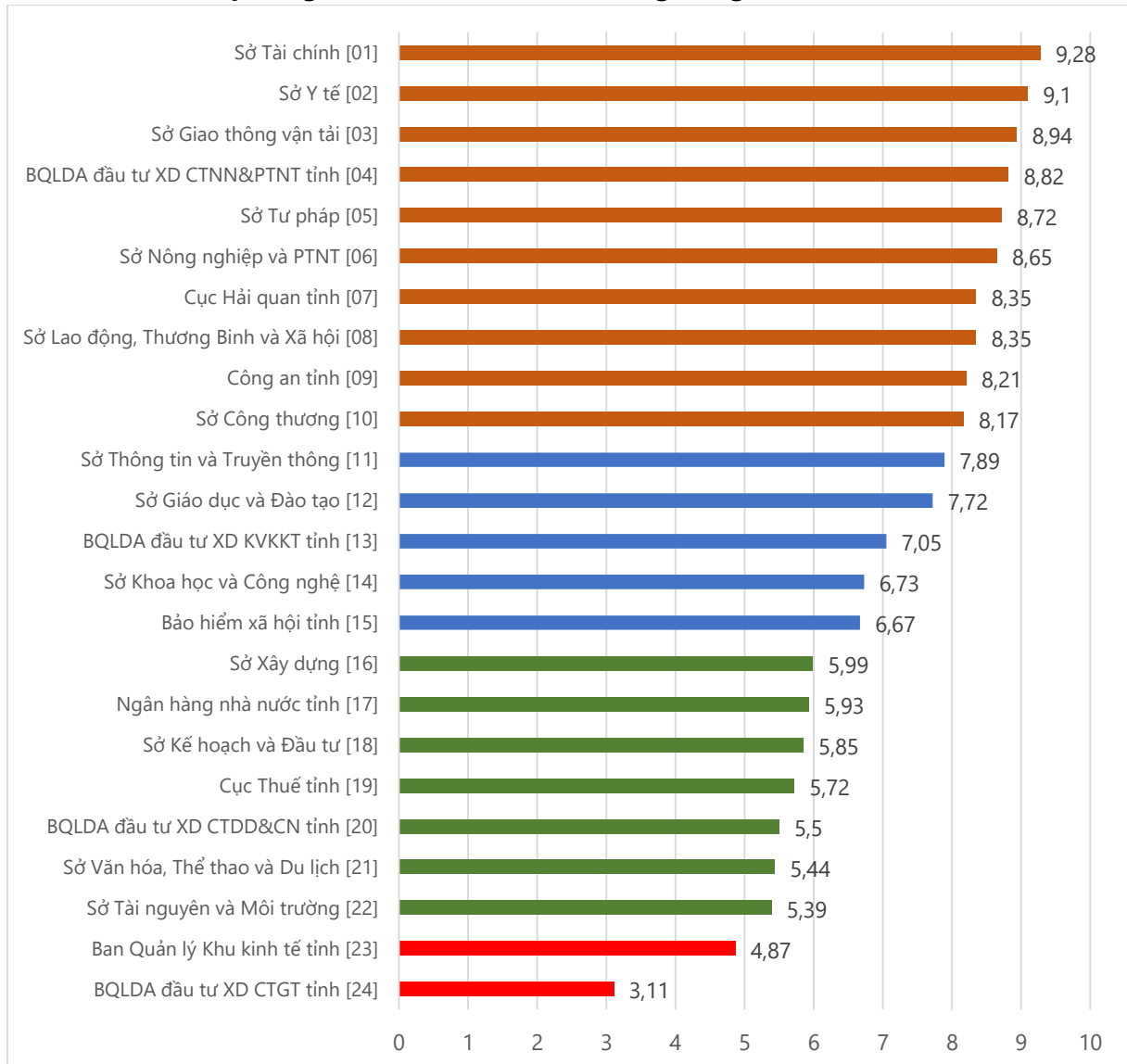
3.2.2. Tính năng động và hiệu lực có tín hiệu tăng nhiệt trở lại



Tính năng động và hiệu lực của SBN là chỉ số có ghi nhận sự hồi phục sau sự sụt giảm của năm 2023. Đến 2024, CSTP Tính năng động và hiệu lực đạt 7,10 điểm (tăng 0,48 điểm) gần tương đương với CSTP này vào năm 2021 (7,14 điểm) cho thấy vai trò của các SBN ngày càng rõ rệt hơn thông qua sự sáng tạo, linh hoạt trong việc thực thi chính sách hay sáng kiến nhằm là cầu nối cho DN được phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn toàn tỉnh.

Hình 3.20 minh họa bảng xếp hạng và điểm số chỉ số Tính năng động và hiệu lực của khối SBN. Mức điểm trung bình của CSTP tăng, kéo theo những điểm số ấn tượng trong bảng xếp hạng chung chỉ số và các mức tăng đáng kể. Nhóm dẫn đầu bảng xếp hạng với mức điểm trên 09 điểm, bao gồm: Sở Tài chính [xếp thứ 1] với 9,28 điểm (tăng 2,31 điểm) và Sở Y tế [xếp thứ 2] với 9,1 điểm (tăng 3 điểm). Đứng cuối bảng xếp hạng là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 24] với 3,11 điểm ở mức Kém, đồng thời ghi nhận giảm 2,01 điểm so với 2023, tiếp theo là Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh [xếp thứ 23] với 4,87 điểm (giảm 2,09 điểm). Có sự chênh lệch điểm lớn giữa các SBN trong CSTP này giữa Sở có mức điểm cao nhất và Ban có mức điểm thấp nhất (chênh 6,17 điểm) cho thấy thiếu tính đồng đều trong sự năng động của các SBN.

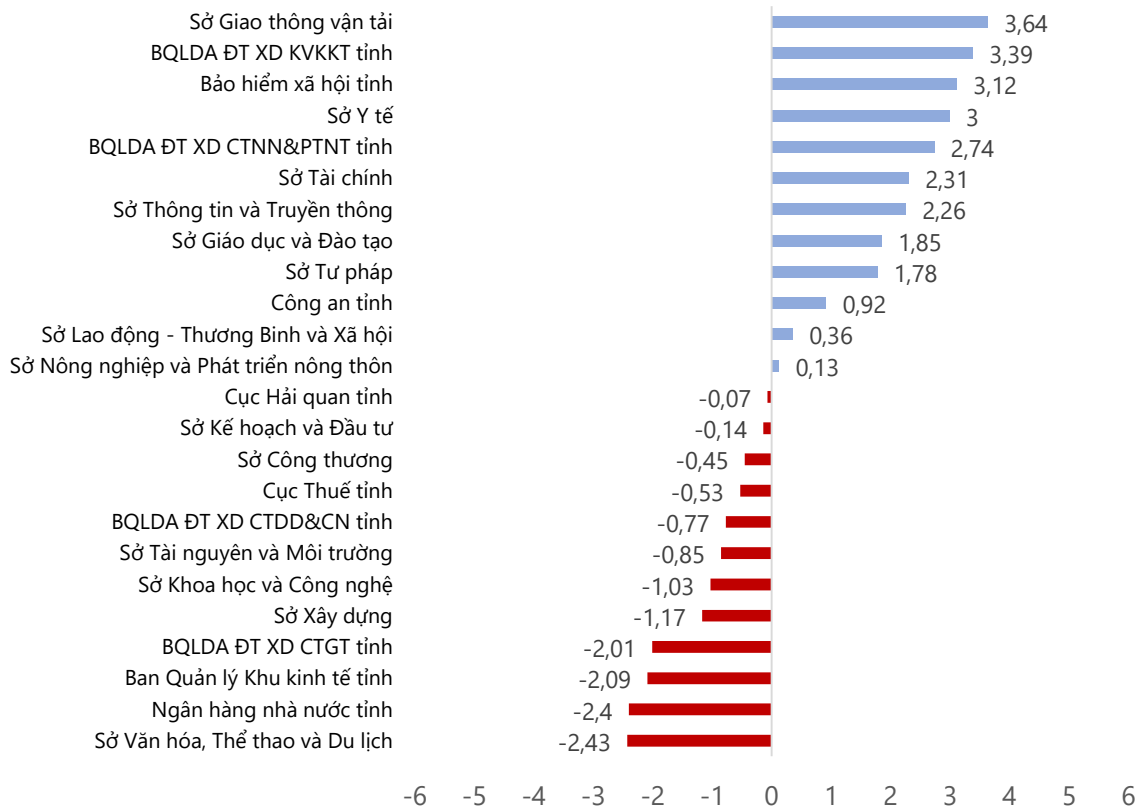
Hình 3.20 Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN



Thêm vào đó, mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 3.21**, ghi nhận chỉ có 50% SBN có mức cải thiện điểm tăng và 50% SBN có mức cải thiện điểm giảm. Sự cân xứng trong trực so sánh càng khẳng định CSTP này hồi phục về điểm số là hoàn toàn hợp lý. Ngoài ra, tỷ trọng cải thiện điểm số tăng vượt trội hơn so với điểm số giảm để thấy được nỗ lực của các SBN trong nửa trên tăng điểm xuyên suốt 2024. Mức cải thiện điểm tăng cao nhất là Sở Giao thông Vận tải (tăng 3,64 điểm) còn mức giảm điểm cao nhất thuộc về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (giảm 2,43 điểm).

Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của Khối SBN được cấu thành từ 06 tiêu chí đánh giá, được kế thừa từ năm 2023 và không bổ sung tiêu chí mới. Điểm đáng chú ý trong kết quả phân tích Tính năng động và hiệu lực năm 2024 là điểm trung bình CSTP tăng nhẹ nhưng tất cả 06/06 tiêu chí đánh giá CSTP đều có mức đánh giá cao hơn hẳn so với 2023, từ đó, cho thấy, công tác triển khai chủ trương từ Tỉnh và TW nhằm hỗ trợ DN và cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn huyện/tỉnh so với năm 2023 của các SBN đạt được hiệu quả dưới góc nhìn của cộng đồng DN.

Hình 3. 21. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN 2024 so với 2023



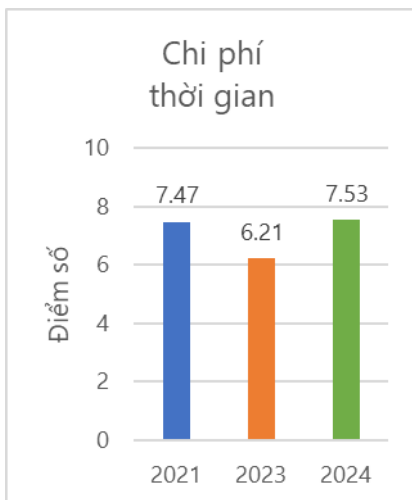
Theo kết quả phân tích 06 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.2**, điều đáng chú ý nhất của năm 2024 đối với CSTP này là 06/06 tiêu chí ghi nhận mức cao nhất đánh giá tích cực tại một số SBN là 100%, chứng tỏ thiện cảm của DN dành cho các SBN là cao. Có 96,46% DN đánh giá cao sự chủ động của SBN trong việc tham mưu và kiến nghị đến UBND tỉnh các giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh (năm 2023 là 81,30%). Thêm vào đó, có 86,56% DN cho rằng SBN luôn luôn hoặc thường xuyên mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường ĐTKD (năm 2023 là 84,36%). Ngoài ra, có 95,73% DN đánh giá SBN thực hiện các chủ trương của UBND Tỉnh rất hiệu quả (năm 2023 là 83,82%). Như vậy, dưới góc nhìn của DN, các SBN đa số đã và đang vừa chủ động sáng tạo, vừa chủ động tham mưu lại thực hiện hiệu quả các chủ trương từ TW, chứng tỏ một năm tích cực để hồi phục sau những đánh giá tụt hạng vào năm 2023.

Sự cải thiện đáng kể còn đến từ các hoạt động hỗ trợ DN như tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp vướng mắc với DN, có 91,77% DN ghi nhận điều này (năm 2023 là 83,50%) và 96,08% DN cho rằng SBN rất tích cực trong việc thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN. Tuy nhiên, vẫn còn số ít DN (chiếm 2,65%) cho rằng các chủ trương của Tỉnh/TW là tốt nhưng khi thực hiện tại SBN thì bị thực hiện không đúng, tỷ lệ này có giảm nhiều so với 2023 (18,22%) cũng là một tín hiệu tốt cho các SBN lấy đà thúc đẩy phát triển vào các năm tiếp theo.

Bảng 3.2. Kết quả 06 tiêu chí của chỉ số Tính năng động và hiệu lực của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[b1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường ĐTKD (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	84,36	86,56
	Cao nhất	96,15	100
	Thấp nhất	54,17	68,18
[b2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND Tỉnh các giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường trên địa bàn huyện/tỉnh (%)	Trung bình	81,30	96,46
	Cao nhất	96	100
	Thấp nhất	67,5	85,71
[b3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng hiện tượng các chủ trương của Tỉnh/TW là tốt nhưng khi thực hiện tại SBN thì bị thực hiện không đúng (% không thấy hoặc không phổ biến)	Trung bình	81,78	97,35
	Cao nhất	93,75	100
	Thấp nhất	64	90,91
[b4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN thực hiện có hiệu quả các chủ trương/quyết định của UBND Tỉnh (%)	Trung bình	83,82	95,73
	Cao nhất	95,83	100
	Thấp nhất	67,5	85,71
[b5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN tích cực thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp vướng mắc với DN (%)	Trung bình	83,56	91,77
	Cao nhất	92,31	100
	Thấp nhất	60	79,31
[b6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (%)	Trung bình	89,50	96,08
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	70,83	85,71

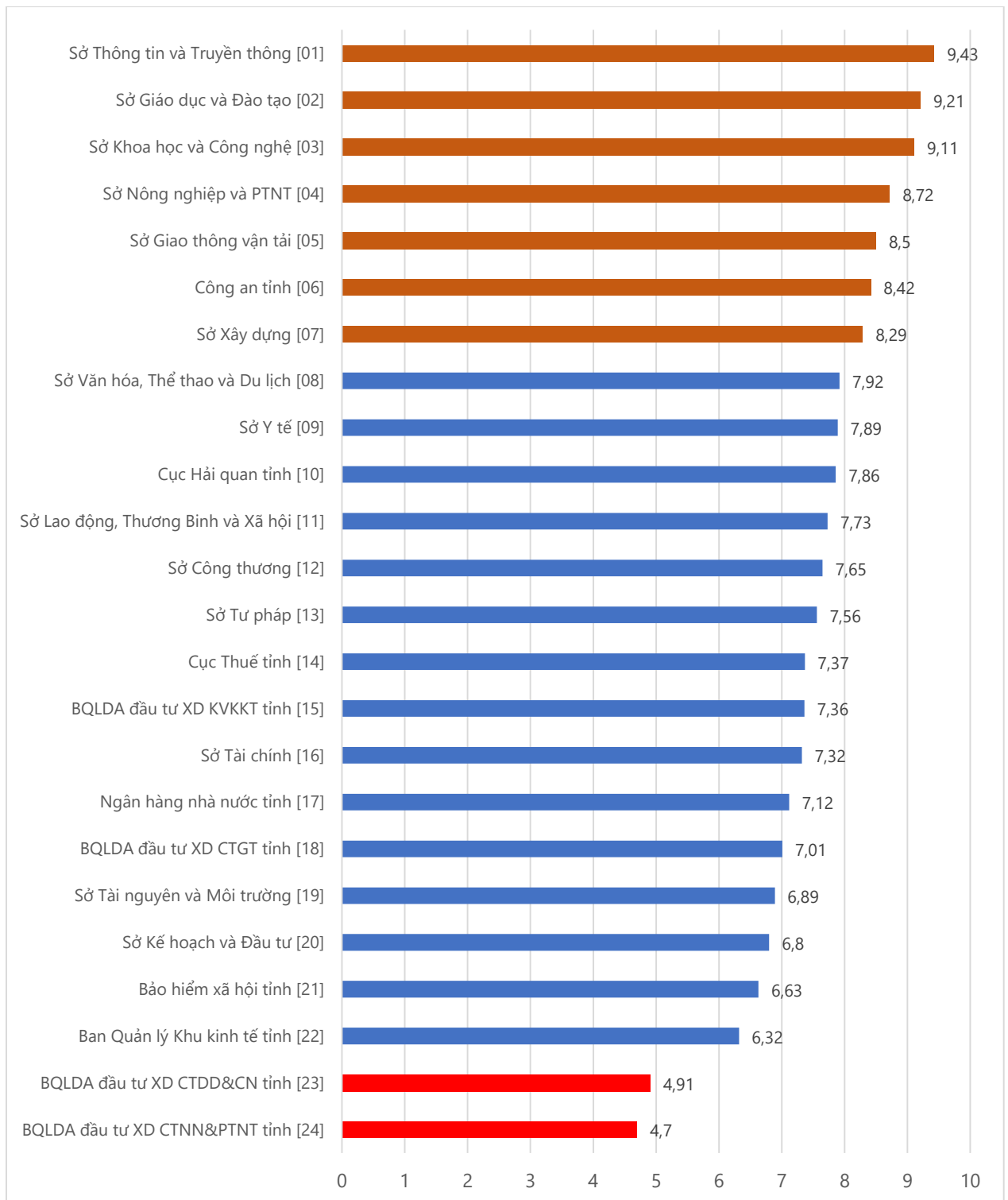
3.2.3. Chi phí thời gian có xu hướng giảm đáng kể



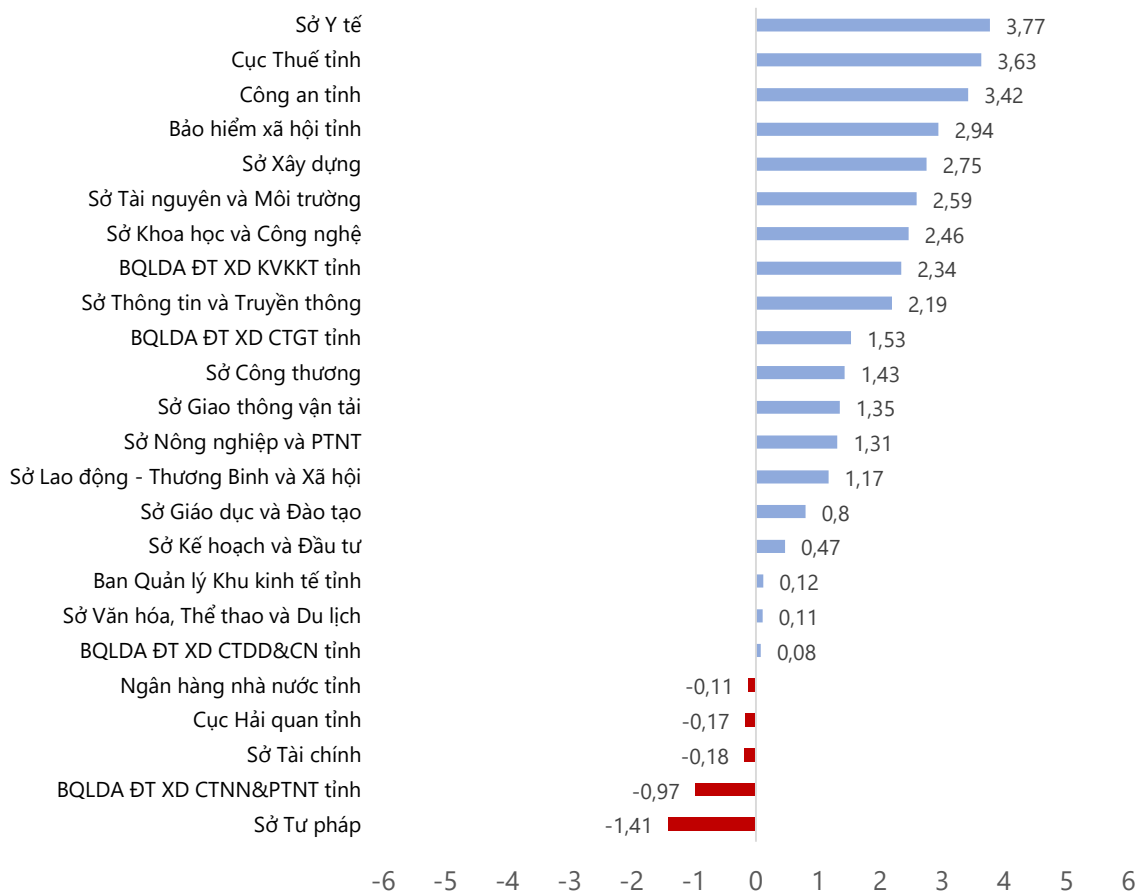
Chi phí thời gian với 7,53 điểm không phải là CSTP thành phần nằm trong nhóm cao điểm nhất khi đánh giá khối SBN năm 2024 nhưng lại là CSTP có mức điểm cải thiện đáng kể (tăng 1,32 điểm), cho thấy tinh thần cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh đã mang lại những kết quả đáng mừng thông qua việc giảm bớt thời gian mà DN phải bỏ ra để thực hiện các TTHC hay thời gian thanh tra kiểm tra trong năm qua. Tuy nhiên, khi tiến hành phân tích sâu, DN vẫn đưa những đánh giá và góp ý để có thể tiếp tục cải thiện CSTP này trong những năm tiếp được hiệu quả hơn.

Hình 3.22 minh họa bảng xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN với 03 Sở dẫn đầu đạt mức điểm trên 09 điểm, bao gồm: Sở thông tin và Truyền thông [xếp thứ 1] với 9,43 điểm (tăng 2,19 điểm), Sở Giáo dục và Đào tạo [xếp thứ 2] với 9,21 điểm (tăng 0,8 điểm) và Sở Khoa học và Công nghệ [xếp thứ 3] với 9,11 điểm (tăng 2,46 điểm) và 02 Ban cuối bảng đạt mức điểm dưới 05 điểm, bao gồm: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh [xếp thứ 23] với 4,91 điểm (giảm 0,08 điểm) và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh [xếp thứ 24] với 4,7 điểm (giảm 0,97 điểm). Sự chênh lệch về điểm giữa các SBN ở đầu và cuối vẫn còn cao, cụ thể đối với CSTP mức chênh lệch là 4,7 điểm.

Hình 3.22 Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN



Hình 3.23 minh họa mức độ cải thiện điểm chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN ghi nhận trực tăng điểm vượt trội so với trực giảm điểm cả về số lượng lẫn mức điểm. Có 19/24 SBN được ghi nhận cải thiện điểm tăng và 05/24 SBN được ghi nhận mức điểm giảm so với năm 2023. Trong đó, Sở Y tế là sở có mức điểm tăng cao nhất (tăng 3,77 điểm) còn Sở Tư pháp có mức giảm cao nhất (giảm 1,41 điểm).

Hình 3.23 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối SBN 2024 so với 2023

Chỉ số Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 06 tiêu chí đánh giá, trong đó 05/06⁹⁴ tiêu chí giữ nguyên từ năm 2023 và bổ sung thêm 01 tiêu chí mới⁹⁵ dựa trên các khuyến nghị 2023. Theo kết quả phân tích 06 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.3**, có 03 tiêu chí tăng so với năm trước, 01 tiêu chí gần như tương đồng và 01 tiêu chí giảm mạnh.

Có 97,49% DN đánh giá thời gian giải quyết công việc TTHC của SBN là sớm hơn hoặc đúng theo giấy hẹn (năm 2023 là 89,72%), đáng chú ý là 13/24 SBN được 100% DN đánh giá ghi nhận việc này. Bên cạnh đó, các giải pháp giải quyết TTHC qua DVC trực tuyến và DVBC công ích theo quy định được 86,68% DN cho rằng luôn luôn hoặc thường xuyên mang lại hiệu quả (năm 2023 là 77,42%). Đây là kết quả của việc các cán bộ tư vấn luôn sẵn sàng tư vấn về những lợi ích khi giải quyết TTHC trực tuyến hoặc DVBC công ích cho DN, có 85,88% DN ghi nhận được hưởng lợi từ việc này. Tuy nhiên, tỷ lệ DN cho biết vẫn phải đi lại nhiều lần để hoàn thành TTHC là tương đương với năm 2023 (gần 18%), cụ thể tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, có đến 75% DN phản hồi về tần suất phải đi lại nhiều lần khi giải quyết các TTHC liên quan đến Ban.

Để đánh giá sát sao hơn về các hiện tượng liên quan đến thanh tra, kiểm tra có hay không gây cản trở cho DN liên quan đến chi phí thời gian, bộ tiêu chí đối với CSTP này đã tăng thêm 01 tiêu chí mới. Dựa trên kết quả thu thập được, Có 94,98% DN ghi

⁹⁴ Tiêu chí c1, c2, c3, c4 và c6

⁹⁵ Tiêu chí c5

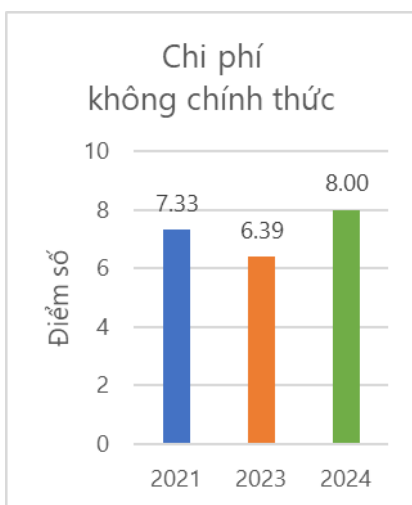
nhận tần suất các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra HDSXKD là tối đa 01 lần trong năm qua. Nhưng chỉ có 63,64% DN cho rằng việc thanh tra kiểm tra là không gây cản trở đến HDSXKD, đúng phạm vi của QĐ thanh tra, kiểm tra và nội dung thanh tra kiểm tra không chồng chéo, trùng lặp, 1/3 DN còn lại vẫn chưa thực sự hài lòng vì hoạt động thanh - kiểm tra có gây ra cản trở HDSXKD làm lãng phí thời gian của DN.

Bảng 3.3. Kết quả 06 tiêu chí của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[c1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá thời gian giải quyết công việc TTHC của SBN (% sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn)	Trung bình	89,72	97,49
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	72,5	85,71
[c2] Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng có thể giải quyết TTHC qua DVC trực tuyến hoặc DVBC công ích theo quy định khi có yêu cầu (% luôn hoặc hoặc thường xuyên)	Trung bình	77,42	86,68
	Cao nhất	92	100
	Thấp nhất	62,5	68,18
[c3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD được cán bộ tư vấn và hướng dẫn về những lợi ích khi giải quyết TTHC trực tuyến hoặc qua DVBC công ích (% luôn hoặc hoặc thường xuyên)	Trung bình	84,08	85,88
	Cao nhất	96	100
	Thấp nhất	70,37	61,9
[c4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính (% không có hoặc ít khi)	Trung bình	82,51	82,79
	Cao nhất	96	96,43
	Thấp nhất	66,67	25
[c5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết về tần suất được các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra HDSXKD (% bằng hoặc ít hơn 01 lần)	Trung bình	-	94,98
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	60,71
[c6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá HĐ thanh/kiểm tra không gây cản trở đến HDSXKD, đúng phạm vi của QĐ thanh/kiểm tra và ND thanh/kiểm tra không chồng chéo/trùng lặp (%)	Trung bình	93,48	63,64
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	76,6	0

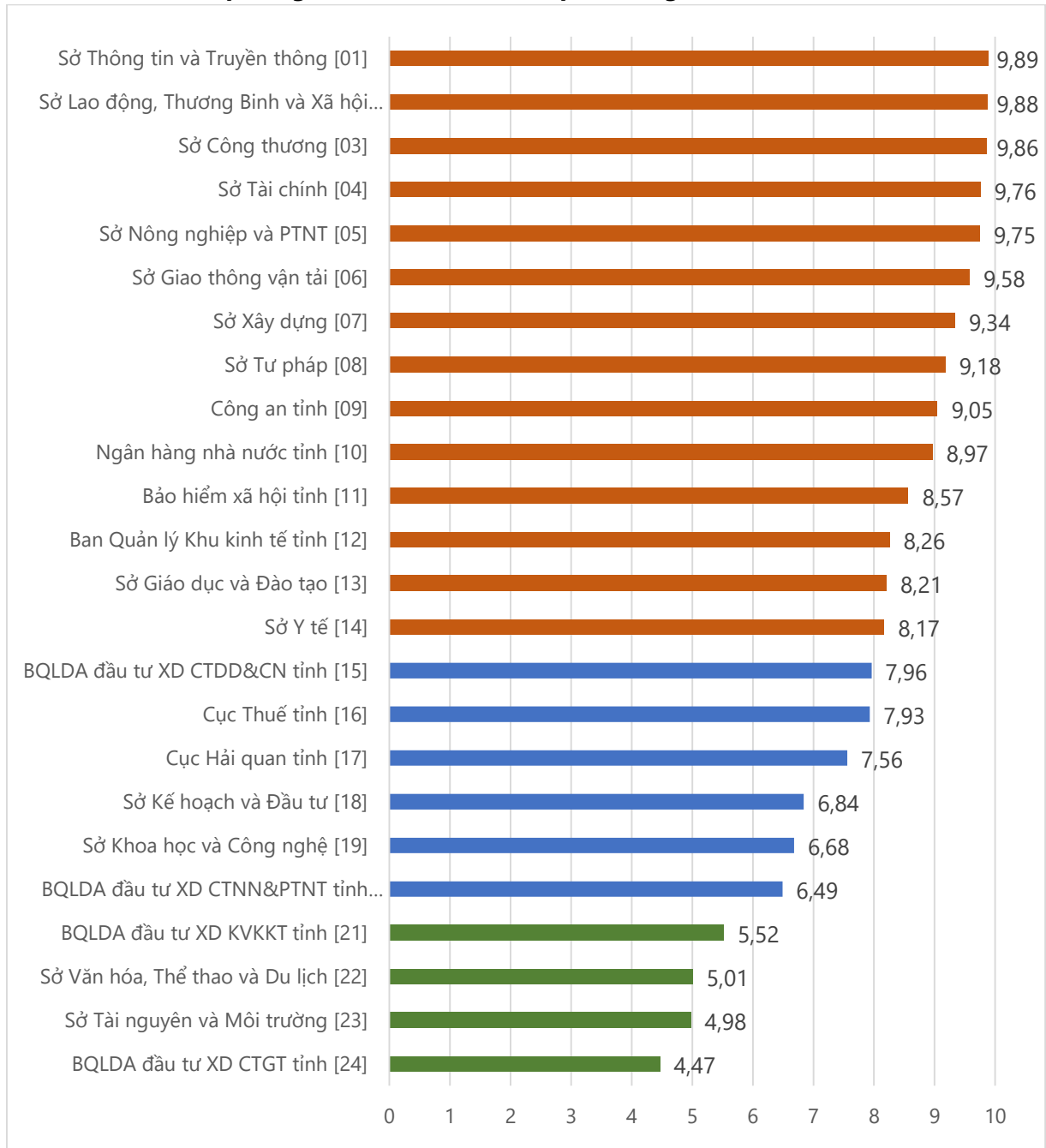
(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

3.2.4. Chi phí không chính thức được cải thiện tích cực



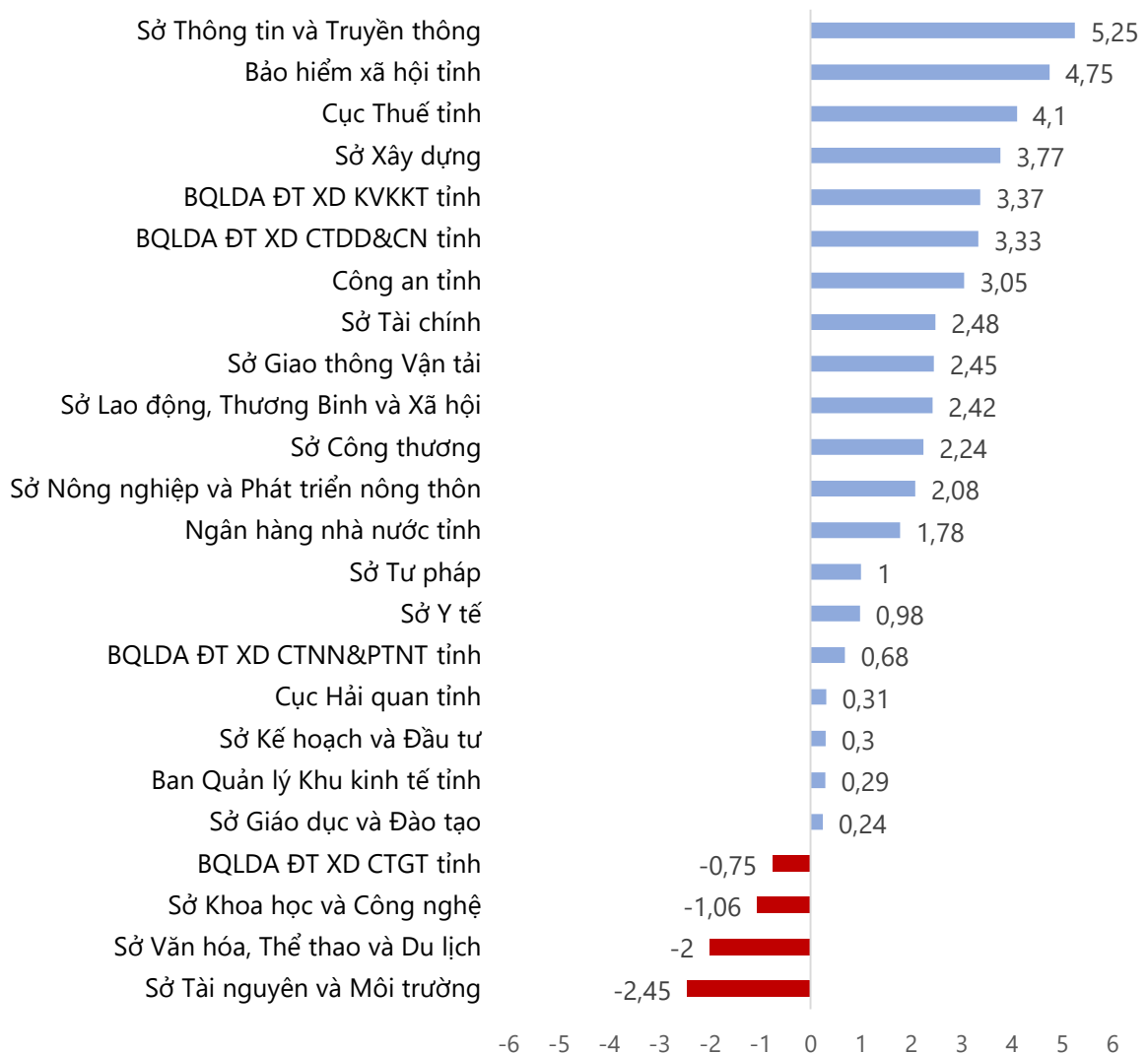
Chi phí không chính thức (CPKCT) của khối SBN năm 2024 là một năm có sự cải thiện rất mạnh mẽ, với mức tăng điểm so với 2023 là 1,61 điểm, cũng là mức tăng cao nhất trong danh sách các CSTP đánh giá khối SBN. Điều này cho thấy các chỉ đạo quyết liệt trên toàn tỉnh đã giúp cho DN được hạn chế trong việc phải chấp nhận các chi phí không chính thức trong quá trình giải quyết các TTHC liên quan.

Hình 3.24 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN với sự dẫn đầu của Sở thông tin và Truyền thông [xếp thứ 1] với 9,89 điểm, tăng ngoạn mục 5,25 điểm so với 2023 và cũng là mức tăng cao nhất trong nhóm các SBN thể hiện ở **Hình 3.25**.

Hình 3.24 Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN

Bám sát ở vị trí tiếp theo là Sở Lao động - Thương binh & Xã hội với 9,88 điểm (tăng 2,42 điểm). Điểm đáng chú ý là có đến 09/24 SBN được đánh giá Chi phí không chính thức ở mức Tốt trên 09 điểm). Đứng vị trí cuối bảng là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 24] với 4,47 điểm, ghi nhận là đơn vị duy nhất có mức điểm Kém trong bảng xếp hạng của Chi phí không chính thức. Sự chênh lệch giữa mức điểm cao nhất và mức điểm thấp nhất đối với CSTP này là 5,42 điểm cho thấy tại các SBN khác nhau, đặc biệt là các SBN thấp điểm, vẫn có những chi phí không chính thức khác nhau mà DN phải chi trả do DN phản ánh qua khảo sát. Ngoài ra, Hình 3.23 cũng ghi nhận 20/24 SBN có xu hướng tăng điểm và tăng nhiều, chỉ có 04/24 SBN có xu hướng giảm điểm với mức giảm điểm khiêm tốn hơn, củng cố cho kết quả tăng vượt trội đối với sự đánh giá tích cực từ cộng đồng DN về tiêu chí này.

Hình 3.25 Mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN 2024 so với 2023



Chỉ số Chi phí không chính thức (CPKCT) của Khối SBN được cấu thành từ 04 tiêu chí đánh giá, nghĩa là giữ nguyên số lượng so với năm 2023, tuy nhiên, dựa trên khuyến nghị từ năm trước, bộ tiêu chí năm nay chỉ giữ 03/04 tiêu chí⁹⁶ và thay thế 01 tiêu chí mới⁹⁷. Phản ánh kết quả tăng điểm của chỉ số Chi phí không chính thức là việc tất cả các tiêu chí đánh giá CSTP này đều có mức cải thiện tăng so với 2023. Theo kết quả phân tích 04 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.4**, cho thấy, ở cả 04/04 tiêu chí, có những SBN được 100% DN đánh giá tốt, cho thấy những nỗ lực phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 trên toàn tỉnh đã mang lại những hiệu quả tối ưu ở một số SBN cụ thể. Có 94,30% DN cho biết các cán bộ không có hiện tượng nhũng nhiễu, gây khó khăn khi giải quyết các TTHC để trực lợi (năm 2023 là 77,57%). Có 96,83% DN cho biết không phải đưa quà hay trả CPKCT cho cán bộ thanh tra, kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra (năm 2023 là 85,59%).

⁹⁶ Tiêu chí d2, d3 và d4

⁹⁷ Tiêu chí d1

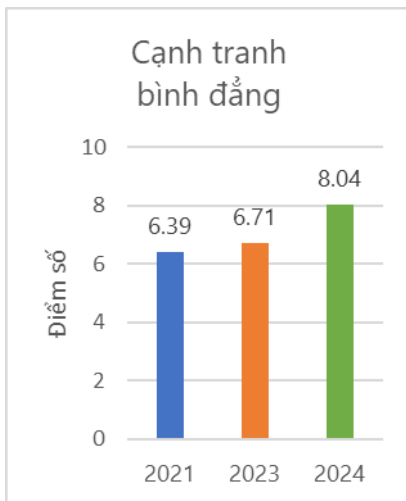
Bảng 3.4. Kết quả tiêu chí của CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[d1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết phải trả CPKCT nếu muốn công việc được thuận lợi (% không đồng ý)	Trung bình	-	81.30
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	17.86
[d2] Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết các cán bộ không có hiện tượng những nhiễu, gây khó khăn khi giải quyết thủ tục hành chính để trực lợi (%)	Trung bình	77.57	94.30
	Cao nhất	89.29	100
	Thấp nhất	64.29	80.95
[d3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không phải đưa quà hay trả CPKCT cho cán bộ thanh/kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra (%)	Trung bình	85.59	96.83
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	62.5	85.71
[d4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết mức độ chi trả CPKCT cho SBN so với năm 2023 (% không phải trả hoặc phải trả không đáng kể)	Trung bình	91.75	98.65
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	75	90.48

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

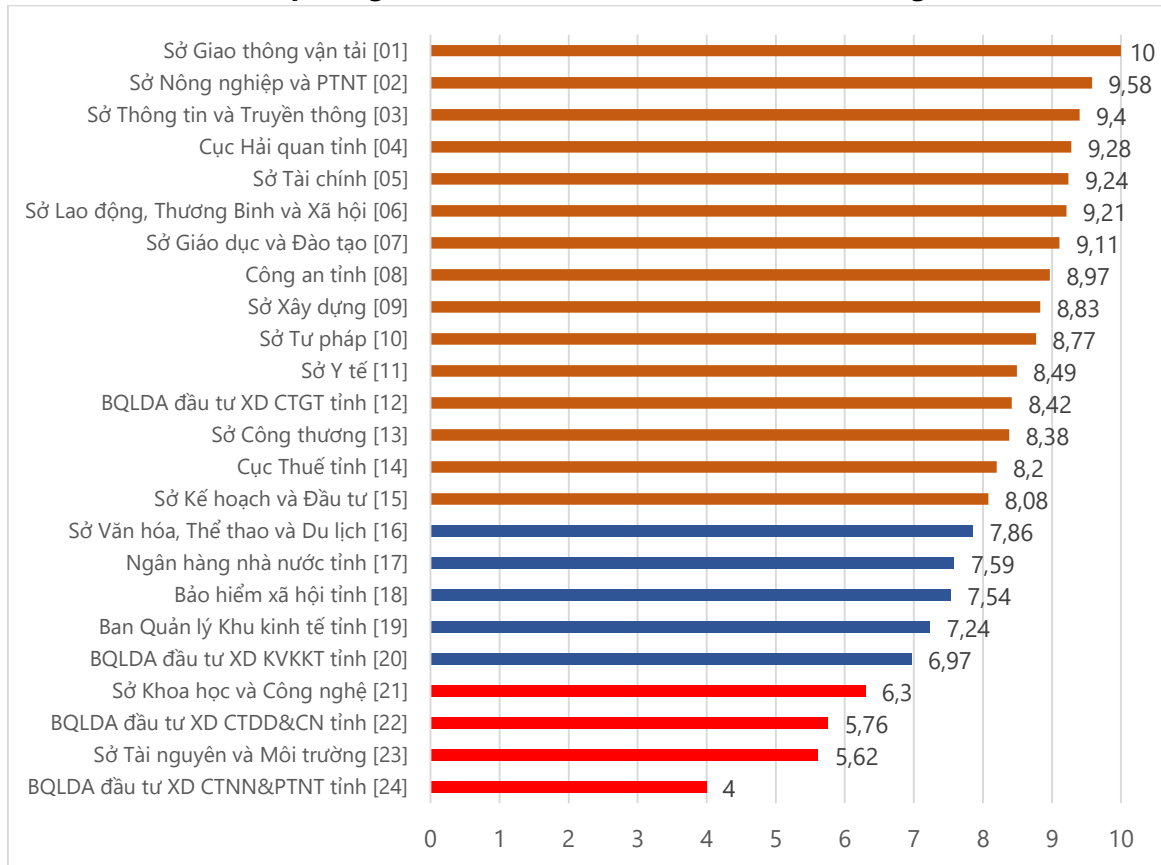
Tuy nhiên, vẫn còn 18,70% DN tham gia khảo sát phản ánh, nếu muốn công việc được thuận lợi thì vẫn phải trả CPKCT, chỉ duy nhất Sở Giao thông Vận tải được 100% DN ghi nhận là không có hiện tượng này. Và, 98,65% DN khẳng định mức độ chi trả CPKCT cho SBN so với năm 2023 là không phải trả hoặc trả không đáng kể, có đến 17/24 SBN được 100% DN đánh giá ghi nhận việc này.

3.2.5. Cuộc đua bình đẳng có xu hướng tăng đều và mạnh mẽ

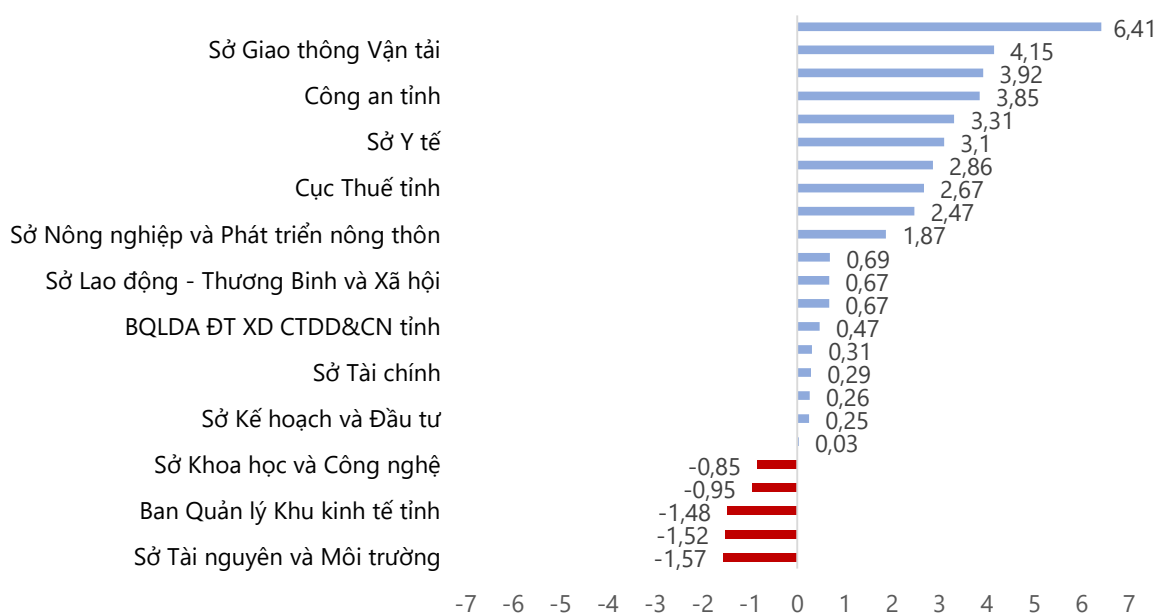


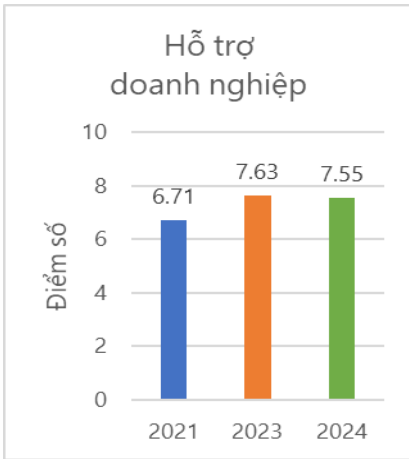
Chỉ số cuộc đua bình đẳng nằm trong nhóm chỉ số tăng bứt phá với 8,04 điểm (tăng 1,33 điểm). Điều đáng chú ý là trong giai đoạn 2021-2024, CSTP này liên tục có cải thiện qua các năm và năm 2024 đánh dấu một cột mốc mới trong sự tăng trưởng đều đặn và mạnh mẽ này. Chỉ báo này thấy các SBN đang giữ vững tinh thần tiếp tục cải thiện và phát triển môi trường cuộc đua bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp.

Hình 3.26 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Cuộc đua bình đẳng của khối SBN, ghi nhận Sở Giao thông Vận tải [xếp thứ 1] dẫn đầu bảng xếp hạng với điểm 10 (tăng 4,15 điểm). Dải điểm trên 08 điểm xuất hiện trong bảng xếp hạng từ vị trí thứ [xếp thứ 2] đến [15]. Đơn vị có điểm số thấp nhất đứng cuối bảng xếp hạng là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh [xếp thứ 24] với 4 điểm (giảm 1,52 điểm). Mức chênh lệch giữa Sở có điểm cao nhất và Ban có điểm thấp nhất là 06 điểm, mức chênh này được đánh giá là mức chênh cao so với các CSTP khác năm nay.

Hình 3.26. Xếp hạng và điểm số CSTP Cảnh tranh bình đẳng của khối SBN

Hình 3.25 với 19/24 SBN có mức cải thiện điểm tăng và 05/24 SBN có mức cải thiện điểm giảm; mức tăng giảm không cân xứng với trực tăng có đối trọng nặng hơn. Bảo hiểm xã hội tỉnh có mức tăng điểm vượt trội (tăng 6,41 điểm) còn Sở Tài nguyên và Môi trường có mức giảm điểm cao nhất đối với chỉ số này (giảm 1,57 điểm).

Hình 3.27. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cảnh tranh bình đẳng của khối SBN 2024 so với 2023



Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN được cấu thành từ 03 tiêu chí đánh giá, trong đó chỉ 01/03⁹⁸ tiêu chí giữ nguyên từ năm 2023 và bổ sung thêm 02 tiêu chí mới⁹⁹ thay thế cho 03 tiêu chí cũ dựa trên các khuyến nghị 2023, để thu thập được những thông tin chất lượng hơn từ góc nhìn của cộng đồng DN. Theo kết quả phân tích 03 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.5**, các con số từ đánh giá của DN cho thấy môi trường cạnh tranh thực sự đang ngày càng bình đẳng hơn đối với doanh nghiệp.

Có 98,73% DN cảm thấy được đối xử công bằng vì không thấy có hiện tượng SBN ưu tiên cho các DN FDI, DNNN, và DNL so với DNNVV, HTX, HKD (năm 2023 là 97,38%), việc này được 100% DN ghi nhận đồng ý tại 18/24 SBN trên toàn tỉnh.

Tuy nhiên, để thúc đẩy chỉ số này hơn nữa, các DN cũng đưa ra những phản ánh hết sức thẳng thắn. Trong đó, có đến 15,81% DN vẫn có cảm nhận SBN ưu ái cho các DN sân sau và DN thân hữu với SBN, trong đó, khoảng 28% DN cho rằng sự ưu ái của các SBN cho DN sân sau đó có thể gây khó khăn cho hoạt động SXKD của DN. Chỉ duy nhất Sở Giao thông Vận tải dành được đánh giá tuyệt đối từ các DN cho hai tiêu chí trên.

Bảng 3.5 Kết quả tiêu 03 chỉ của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[e1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD không đồng ý với nhận định "SBN ưu ái cho các DN sân sau và/hoặc DN thân hữu với cán bộ của SBN" (%)	Trung bình	-	84,19
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	21,43
[e2]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định không bị gây khó khăn cho hoạt động SXKD (%)	Trung bình	-	72,49
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	14,29
[e3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không thấy có hiện tượng SBN ưu tiên cho các DN FDI, DNNN, và DNL so với DNNVV, HTX, HKD (%)	Trung bình	87,38	98,73
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	70,83	90,48

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

3.2.6. Doanh nghiệp chưa thấy công tác hỗ trợ thực chất và hiệu quả hơn so với năm trước

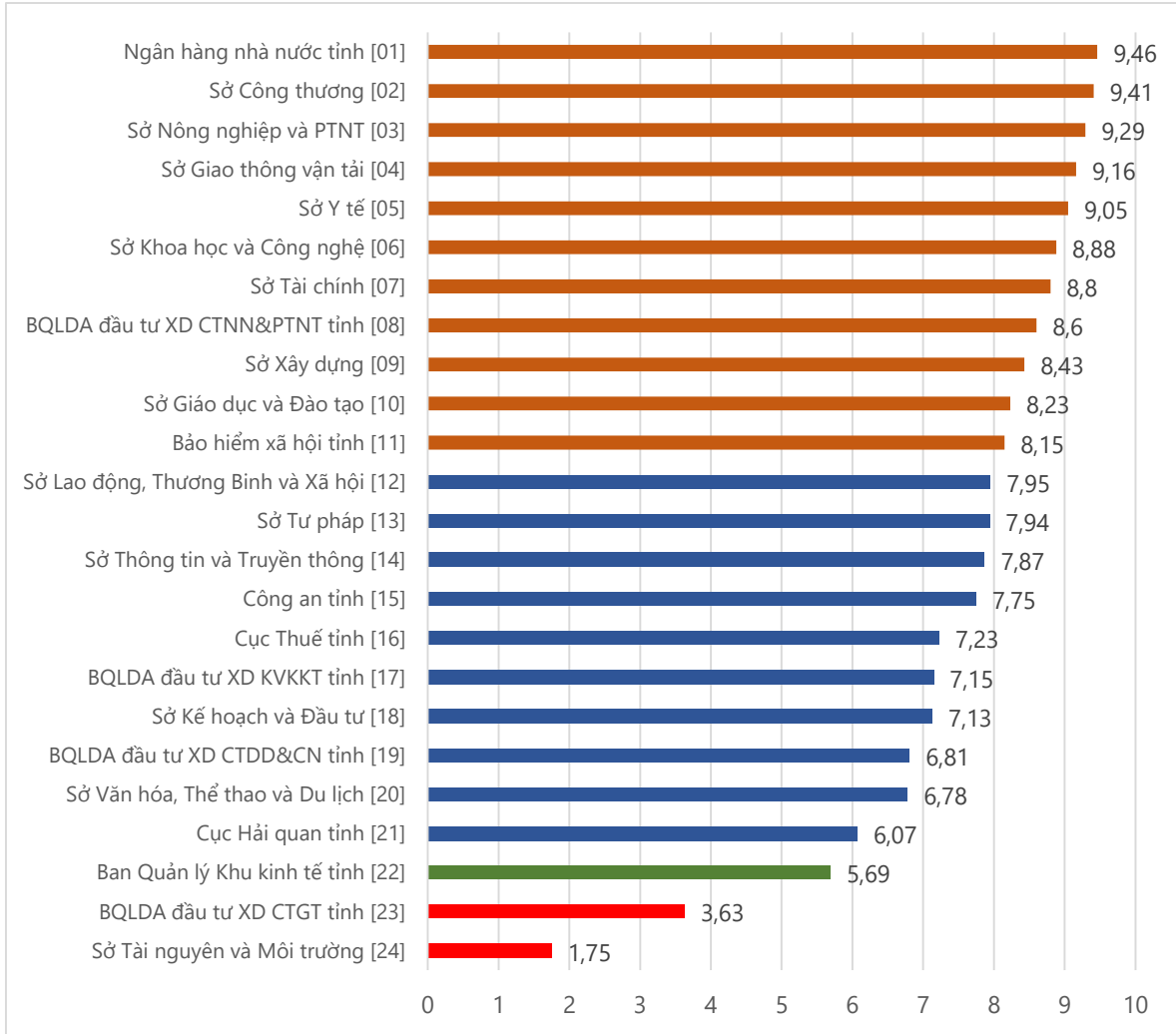
Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp là chỉ số duy nhất trên bảng xếp hạng các chỉ số 2024 có mức điểm trung bình giảm nhẹ (0,08 điểm) nên mức điểm của CSTP là 7,55 điểm gần như tương xứng với năm 2023. Tuy nhiên, các đánh giá giảm điểm dưới góc nhìn của DN cho thấy các SBN cần rà soát lại hoạt động này một cách nghiêm túc để thúc đẩy mạnh mẽ hơn vào những năm tiếp theo. **Hình 3.28** minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN, ghi nhận vị trí đứng đầu thuộc về Ngân hàng nhà nước tỉnh [xếp thứ 1] với 9,46 điểm (tăng 1,46 điểm) và đối lập trong

⁹⁸ Tiêu chí c1, c2, c3 và c6

⁹⁹ Tiêu chí c4 và c5

bảng xếp hạng là Sở Tài nguyên và Môi trường [xếp thứ 24] với 1,75 điểm (giảm 5,95 điểm), một mức giảm điểm rất lớn nếu tính về sự tín nhiệm trong năm qua. Cùng nằm trong nhóm cuối với mức điểm Kém là Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 23] với 3,63 điểm (giảm 4,29 điểm). Các SBN còn lại trong nhóm xếp hạng từ [xếp thứ 3] đến [22] đều trên mức trung bình với số điểm chạy đều từ 5,69 điểm đến 9,29 điểm.

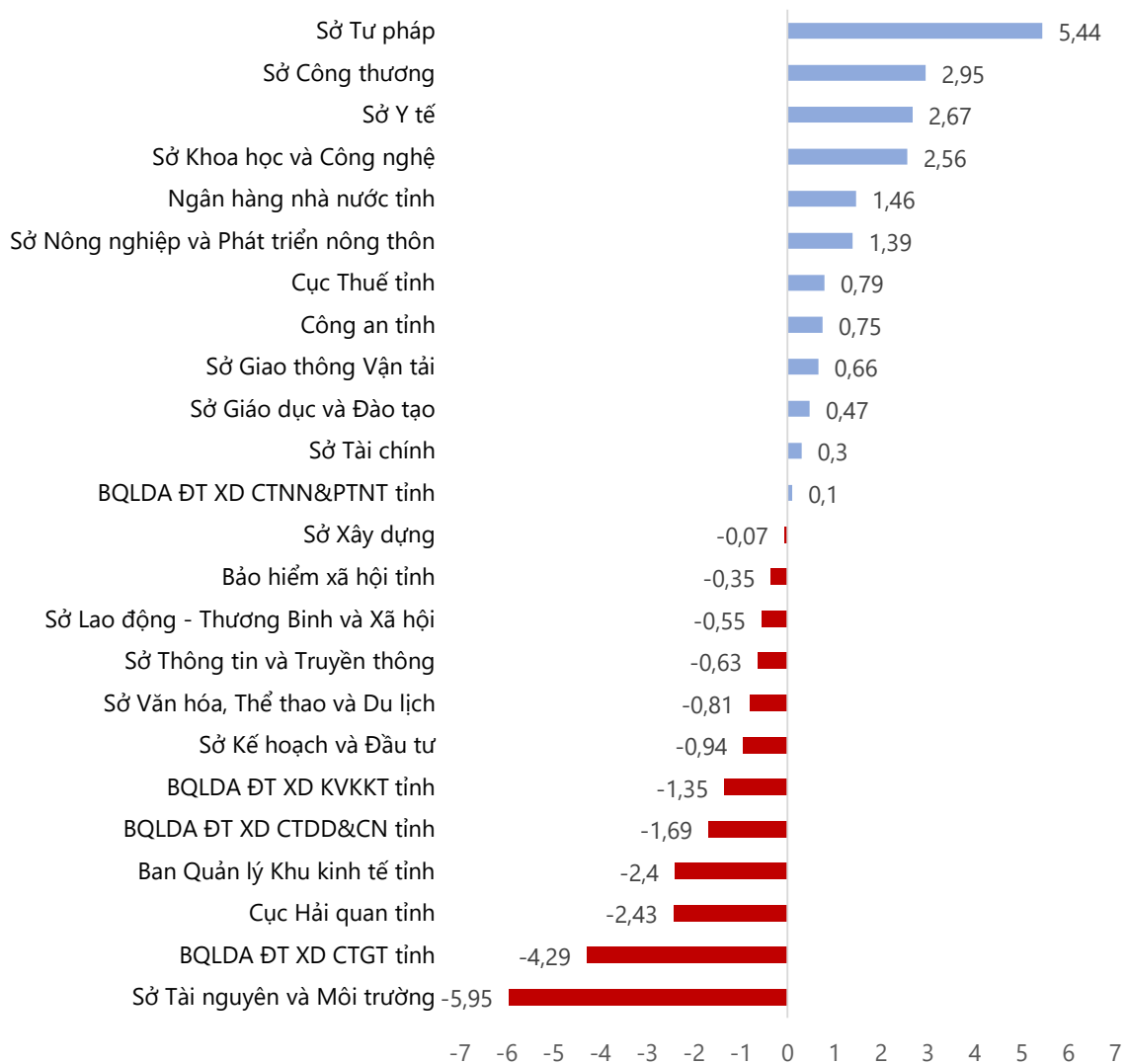
Hình 3.28 Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN



Mức chênh lệch giữa đơn vị có điểm cao nhất và thấp nhất đối với CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp năm 2024 là rất lớn (chênh 7,71 điểm) làm khoảng cách trong chất lượng của công tác hỗ trợ DN tại các SBN ngày càng xa. Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 3.29**, chỉ ra xu hướng cân bằng giữa việc tăng và giảm điểm của các SBN trong năm 2024 với 12/24 đơn vị có mức cải thiện điểm tăng và 12/24 đơn vị có mức cải thiện điểm giảm. Trong đó, Sở Tư Pháp được ghi nhận tăng điểm mạnh mẽ nhất (Tăng 5,44 điểm) và Sở tài nguyên môi trường giảm mức cao (giảm 5,95 điểm).

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của Khối UBND cấp huyện, thành phố, thị xã được cấu thành từ 04 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 02 tiêu chí từ năm 2023, và bổ sung thêm 02 tiêu chí mới về kết quả hỗ trợ, đảm bảo tính đánh giá thân thiện và bao quát hơn dưới góc nhìn của cộng đồng DN so với bộ 06 tiêu chí đánh giá cũ.

Hình 3.29 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN 2024 so với 2023



Theo kết quả phân tích 04 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.6**, các hoạt động hỗ trợ DN của các SBN tiếp tục được ghi nhận tốt. Cụ thể, có 94,25% DN cho rằng các thông tin về cơ chế, chính sách và chương trình hỗ trợ mà SBN cung cấp cho DN là rất dễ tiếp cận. Bên cạnh đó, có 93,54% DN thấy dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến trên Website của SBN đáp ứng được một phần hoặc đầy đủ nhu cầu của DN, được đánh giá cao nhất của cộng đồng DN là Ngân hàng nhà nước tỉnh, Sở công thương và Sở Xây dựng với 100% đánh giá tốt về các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến.

Tuy nhiên, vẫn còn số ít 3,8% DN tham gia khảo sát cho rằng chất lượng và hiệu quả của các chương trình hỗ trợ DN, các cơ chế và chính sách của các SBN vẫn còn thiếu thực chất, và 2,61% DN còn chưa hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của SBN khi DN có đề nghị, một số điểm nóng diễn ra ở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh¹⁰⁰.

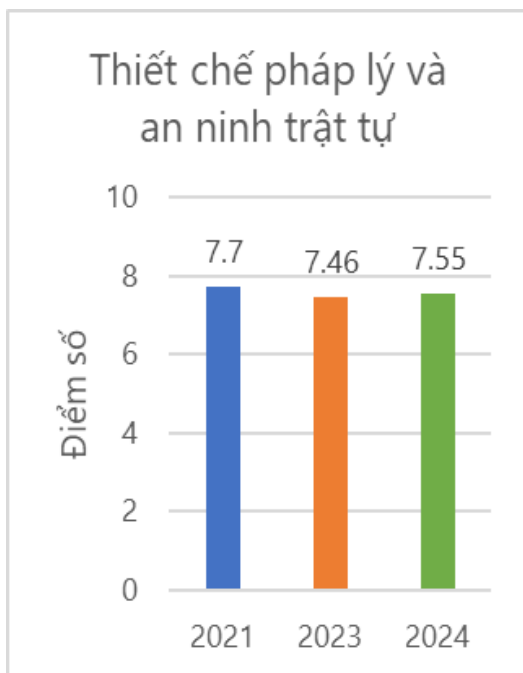
¹⁰⁰ Hà Tĩnh phê bình Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (2024). Báo Xây Dựng. Nguồn: <https://baoxaydung.com.vn/ha-tinh-phe-binh-ban-quan-ly-du-an-dau-tu-xay-dung-cong-trinh-giao-thong-tinh-va-ubnd-huyen-huong-khe-370901.html>

Bảng 3.6. Kết quả tiêu chí của CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[f1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về chất lượng, hiệu quả triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ DN (% thực chất hoặc rất thực chất)	Trung bình	93,96	96,20
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	0	85,71
[f2]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về việc cung cấp đầy đủ thông tin về cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ DN (% dễ tiếp cận hoặc rất dễ tiếp cận)	Trung bình	-	94,25
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	80,95
[f3]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết dịch vụ hỏi đáp/hỗ trợ trực tuyến trên Website của SBN đáp ứng được nhu cầu của DN (% đáp ứng một phần hoặc đầy đủ)	Trung bình	-	93,54
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	80,95
[f4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết có hài lòng về kết quả hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc của SBN (%)	Trung bình	94,79	97,39
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	0	85,71

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

3.2.7. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự cần có thêm giải pháp để bứt phá trong thời gian tới



Năm 2024 ghi nhận sự tăng nhẹ của CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự đối với khối SBN (tăng 0.09 điểm), giúp cho CSTP này đạt 7,55 điểm, giữ mức gần như ổn định xuyên suốt giai đoạn 2021-2024. Đây cũng là chỉ số duy nhất trong bộ chỉ số DDCI đối với khối SBN có xu hướng đi ngang trong nhiều năm. Điều này thể hiện sự ổn định trong triển khai thiết chế pháp lý ở mức Khá nhưng cũng cho thấy việc cải thiện chỉ số phải cần thêm các giải pháp quyết liệt hơn nữa trong giai đoạn sắp tới.

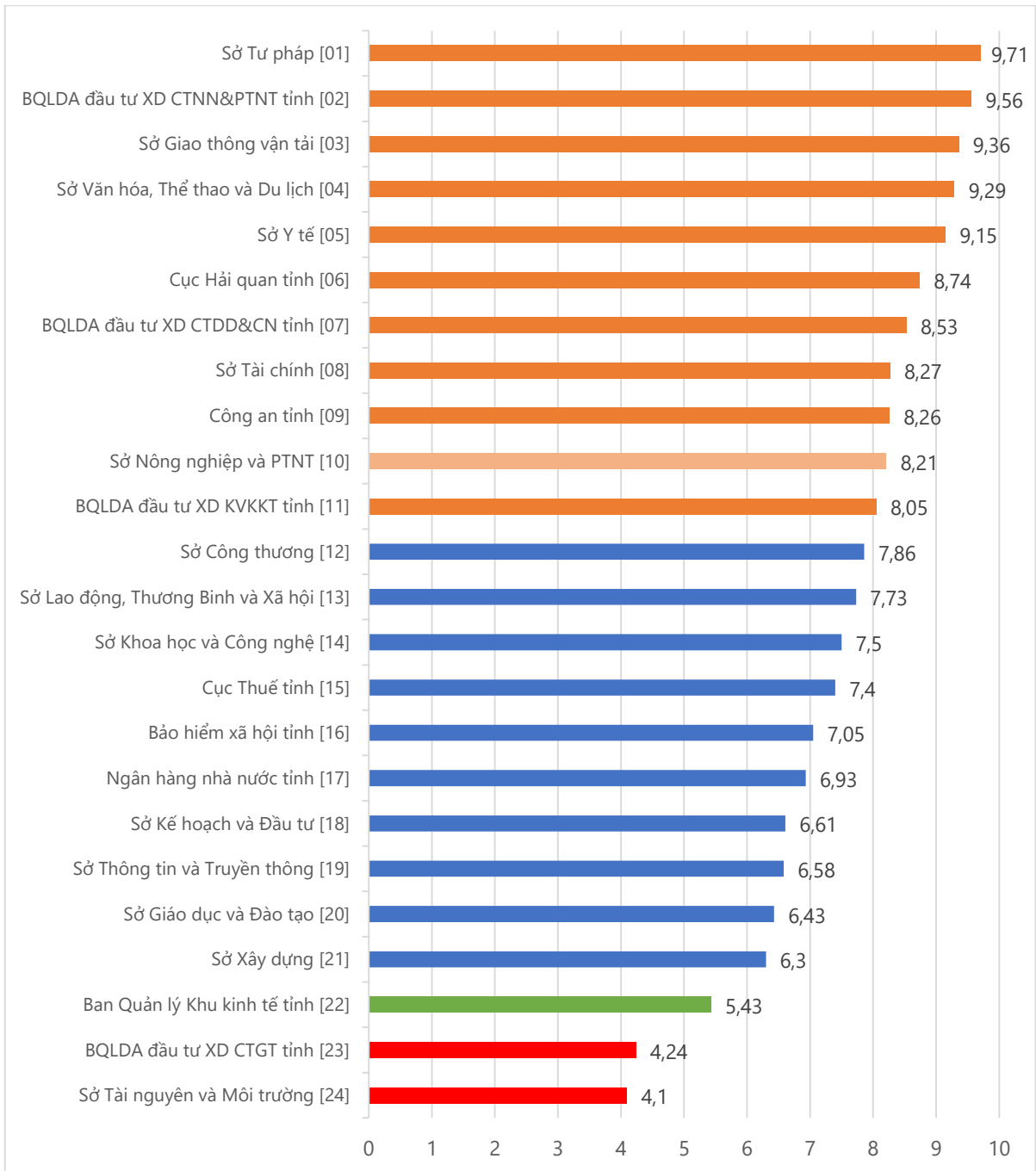
Hình 3.30 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN, ghi nhận đơn vị đứng đầu bảng cũng là đơn vị đầu ngành về pháp lý của tỉnh – Sở Tư pháp [xếp thứ 1] với 9,71 điểm (tăng 3,52 điểm) với công tác tư pháp đạt nhiều kết quả

nổi bật¹⁰¹, đồng thời xác lập vị trí thứ [xếp thứ 1] đến thứ [05] đều đạt mức điểm trên 09 điểm. Đứng cuối bảng xếp hạng lần lượt là hai đơn vị với mức điểm Kém là Sở Tài nguyên và Môi trường [xếp thứ 24] với 4,1 điểm (giảm 3,58 điểm) và Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 23] với 4,24 điểm (giảm 3,45 điểm). Duy nhất Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh [22] đạt mức điểm trung bình là 5,43 điểm, còn lại ghi nhận các đơn vị còn lại có mức điểm Khá và tốt từ 6,3 điểm đến 8,74 điểm. Mức

¹⁰¹ Công tác tư pháp tại Hà Tĩnh đạt nhiều kết quả nổi bật (2024). Báo Hà Tĩnh. Nguồn: <https://baohatinh.vn/cong-tac-tu-phap-tai-ha-tinh-dat-nhieu-ket-qua-noi-bat-post270177.html>

chênh lệch giữa đơn vị điểm cao nhất và đơn vị điểm thấp nhất là 5,61 điểm, do khác biệt về năng lực cạnh tranh lớn giữa các SBN của tỉnh trên diện rộng.

Hình 3.30. Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN



Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 3.31** vẫn thể hiện mức độ cân bằng giữa xu hướng tăng và xu hướng giảm với 11/24 đơn vị có mức cải thiện tăng còn 13/24 đơn vị có mức cải thiện điểm giảm. Mức tăng lớn nhất thuộc về Sở Y tế (Tăng 3,88 điểm).

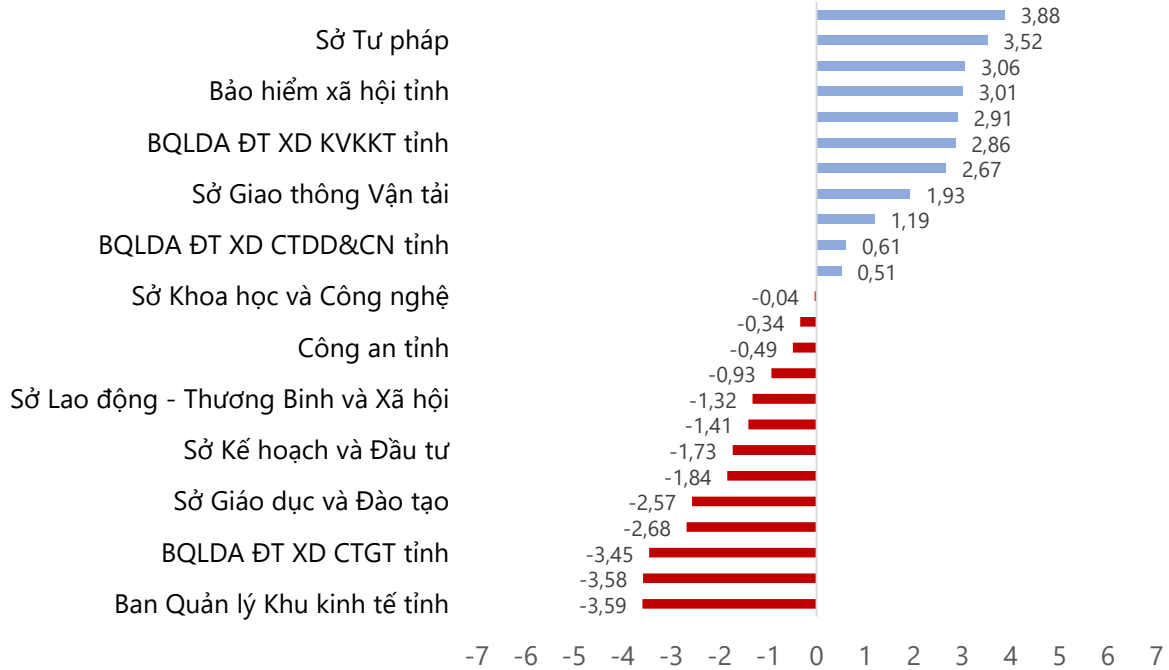
Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của Khối SBN được cấu thành từ 04 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 01/04 tiêu chí¹⁰² từ năm 2023, và bổ sung thêm 03 tiêu chí mới¹⁰³ về hiệu quả hỗ trợ liên quan đến thiết chế pháp lý trong việc giúp

¹⁰² Tiêu chí g2

¹⁰³ Tiêu chí g1, g3, và g4

các DN giải quyết các phản ánh, kiến nghị và khiếu nại. Các tiêu chí mới bổ sung đảm bảo giúp các DN chia sẻ được tính hiệu quả mà CQĐP đang hướng đến xoay xung quanh các yêu cầu từ DN, theo góc nhìn của DN dựa trên khuyến nghị 2023.

Hình 3.31 Mức độ cải thiện điểm chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN 2024 so với 2023



Theo kết quả phân tích 04 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.7**, về cơ bản, việc triển khai thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của các SBN vẫn đi theo xu hướng ổn định chung. Có 86,64% DN cho biết SBN luôn luôn hoặc thường xuyên xử lý các khiếu nại của DN thuộc lĩnh vực hoặc phạm vi quản lý đảm bảo tính nghiêm minh và kịp thời (năm 2023 là 84,61%), Cục Hải quan tỉnh đang đi đầu trong tiêu chí này khi 100% DN đánh giá đơn vị tích cực.

Bảng 3.7. Kết quả tiêu chí của chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN giai đoạn 2023-2024

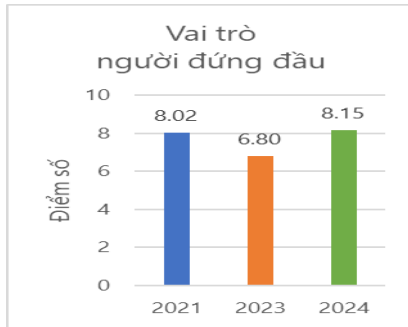
Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[g1]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định "SBN đã thực thi văn bản quy phạm pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định" (%)	Trung bình	-	96,28
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	87,5
[g2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết SBN có xử lý các khiếu nại của DN thuộc lĩnh vực/phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	84,61	86,64
	Cao nhất	92,86	100
	Thấp nhất	65	63,64
[g3]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh kiến nghị, khiếu nại của DN (%)	Trung bình	-	96,40
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	85,71
[g4]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN tích cực hỗ trợ pháp lý cho DN khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hành vi vi phạm (%)	Trung bình	-	95,93
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	76,19

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

Bên cạnh tiêu chí cũ, bộ tiêu chí năm nay mở rộng thêm các câu hỏi khách quan hơn về Thiết chế pháp lý đối với khối SBN. Có 96,28% DN đồng ý với nhận định

rằng các SBN đã và đang thực thi văn bản quy phạm pháp luật một cách nghiêm minh, theo đúng quy trình và quy định. Bên cạnh đó, 96,40% DN cho rằng các SBN có cơ chế đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, kiến nghị cũng như khiếu nại của DN. Các nhận định này cũng phù hợp với kết quả thực tế nổi bật trong công tác xử lý khiếu nại tại Hà Tĩnh¹⁰⁴. Tuy nhiên, khoảng 4% DN được khảo sát vẫn chưa nhận được các hỗ trợ tích cực về pháp lý khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại các hành vi vi phạm từ các SBN, có 23,81% DN có cảm giác này khi làm việc với Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

3.2.8. Vai trò của người đứng đầu SBN ngày càng rõ nét và được đánh giá cao



Chỉ số Vai trò người đứng đầu trong đánh giá DDCI khối SBN cũng dẫn đầu giống với khối Địa phương, nhưng mức điểm đạt được là ấn tượng, 8,15 điểm (tăng 1,35 điểm). CSTP này được DN đánh giá và ghi nhận cho chủ trương và hành động của lãnh đạo các SBN trong năm qua Năm 2024 là một năm đầy quyết liệt trong việc nâng cao ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đặc biệt trong việc thực hiện các mục

tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phòng chống tham nhũng, tiêu cực¹⁰⁵. Bên cạnh đó, UBND Tỉnh cũng kiên quyết trong công tác đánh giá cán bộ để thúc đẩy chất lượng cán bộ có năng lực¹⁰⁶.

Hình 3.32 minh họa xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò của người dẫn đầu của khối SBN. Điểm sáng trong CSTP này là ghi nhận 03/24 đơn vị được các DN đánh giá điểm 10 tức là Lãnh đạo của các SBN ngày nhận được sự tín nhiệm của 100% DN tham gia khảo sát của đơn vị, bao gồm: Công an tỉnh (tăng 2,88 điểm), Sở Giao thông Vận tải (tăng 0,89 điểm) và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh (tăng 5,19 điểm). Và nhiều đơn vị được đánh giá mức điểm Khá và Tốt với CSTP này. Tuy nhiên, đứng cuối bảng xếp hạng, ghi nhận Sở Tài nguyên và Môi trường [xếp thứ 24] với 3,97 điểm (giảm 1,26 điểm) và Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông [xếp thứ 23] với 4,87 điểm (giảm 2,51 điểm). Với kết quả như vậy, mức chênh lệch giữa đơn vị điểm cao nhất và thấp nhất là ở mức cao (chênh 6,03 điểm).

¹⁰⁴ Thanh tra tỉnh Hà Tĩnh giải quyết xong 100% đơn tố cáo (2024). Thanhtra.com.vn.

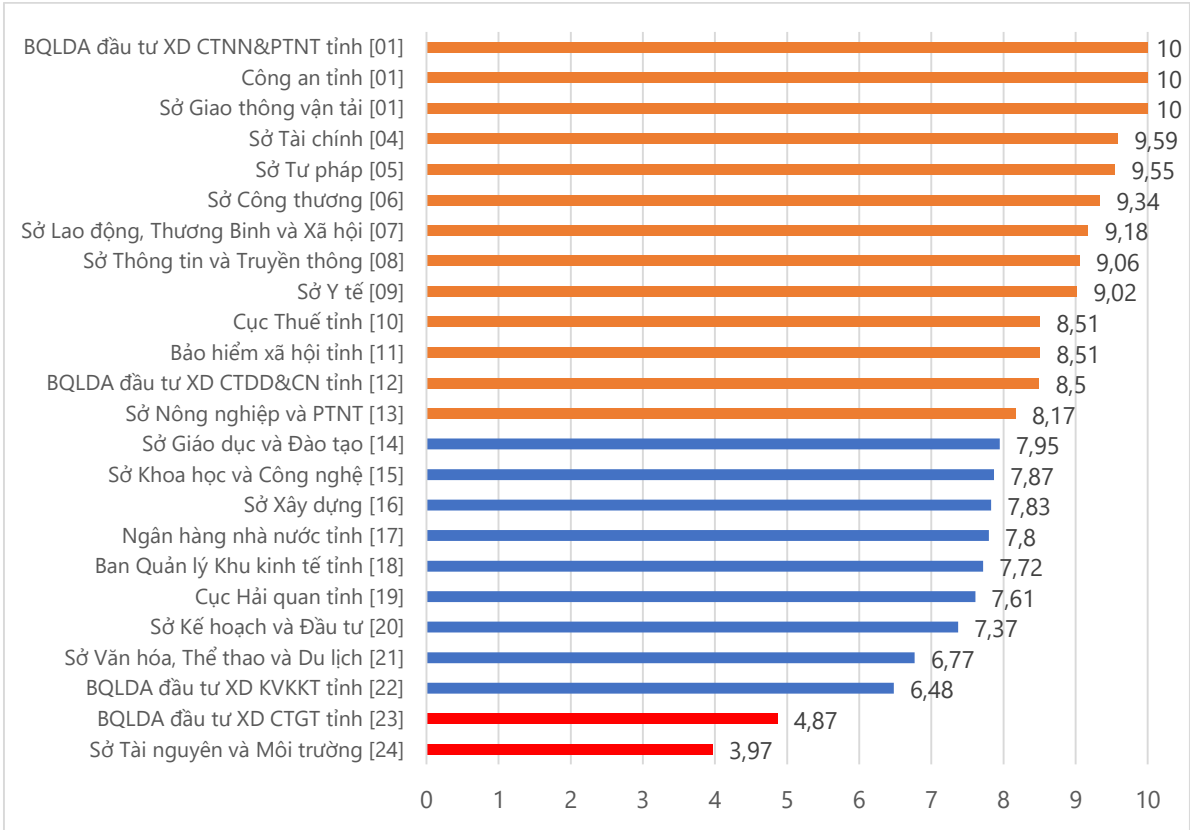
Nguồn: <https://thanhtra.com.vn/khieu-nai-to-cao/thanh-tra-tinh-ha-tinh-giai-quyet-xong-100-don-to-cao-232331.html>

¹⁰⁵ Hà Tĩnh xử lý trách nhiệm người đứng đầu và cấp phó để xảy ra tham nhũng (2024). Thanhtra.com.vn.

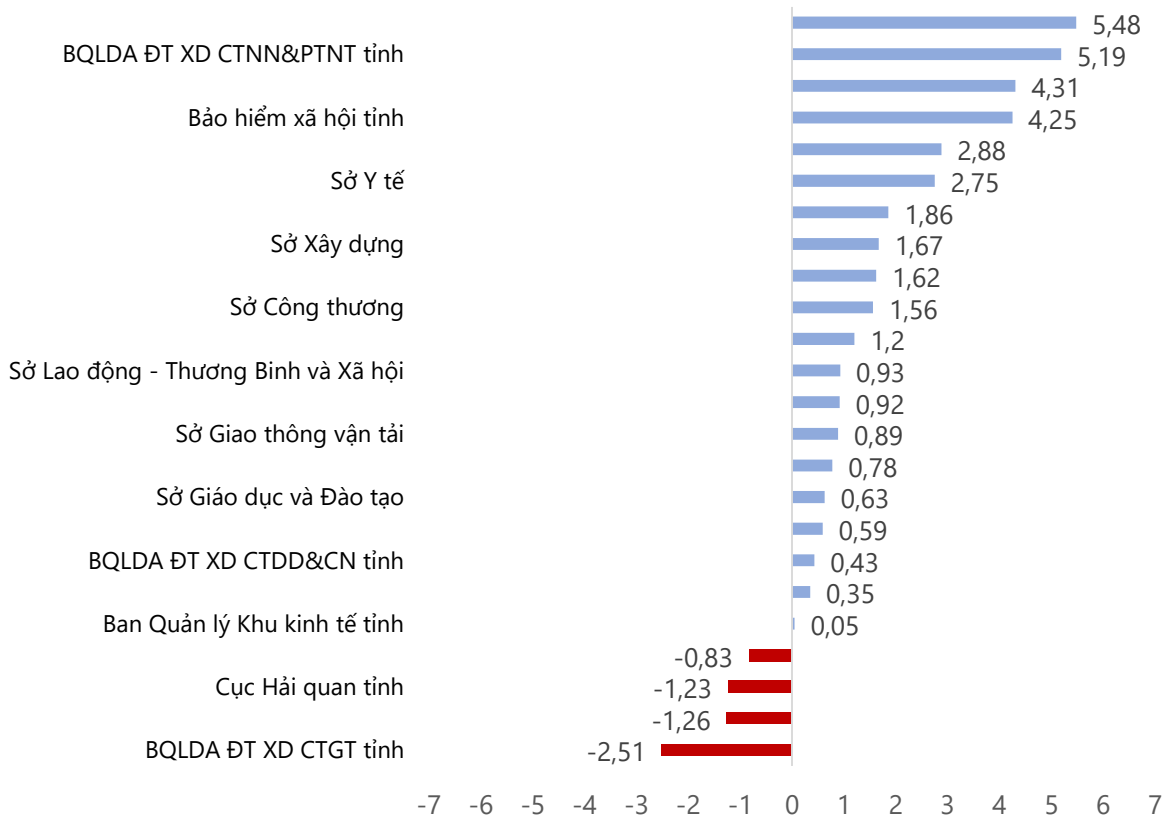
Nguồn: <https://thanhtra.com.vn/phong-chong-tham-nhung/tin-tuc/ha-tinh-xu-ly-trach-nhiem-nguoi-dung-dau-va-cap-pho-de-xay-ra-tham-nhung-221611.html>

¹⁰⁶ Hà Tĩnh kiên quyết thay thế cán bộ năng lực yếu (2024). Dantri.com.vn. Nguồn: <https://dantri.com.vn/xa-hoi/ha-tinh-kien-quyet-thay-the-can-bo-nang-luc-yeu-de-du-an-cham-tien-do-20241119155115684.htm>

Hình 3.32 Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò của người đứng đầu của khối SBN



Hình 3.33 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối SBN 2024 so với 2023



Mức cải thiện điểm CSTP tại **Hình 2.33**, cho thấy tính tất yếu của việc điểm chỉ số Vai trò của người dẫn đầu trong khối SBN tăng mạnh trong năm 2024 khi trực so

sánh nghiêng hẳn về nửa tăng điểm. Có 20/24 đơn vị ghi nhận tăng điểm và 04/24 đơn vị ghi nhận giảm điểm.

Chỉ số Vai trò của người dẫn đầu của Khối SBN được cấu thành từ 05 tiêu chí đánh giá, trong đó, chỉ kế thừa 02/05 tiêu chí¹⁰⁷ từ năm 2023, và bổ sung thêm 03 tiêu chí mới¹⁰⁸ để làm rõ hơn tính hành động của các lãnh đạo CQĐP, qua đó, thể hiện được vai trò thiết thực của bộ máy quản lý trong sự phát triển môi trường sản xuất kinh doanh tại địa phương theo góc nhìn của DN dựa trên khuyến nghị 2023. Theo kết quả phân tích 05 tiêu chí CSTP giai đoạn 2023-2024 trình bày tại **Bảng 3.8**, dễ dàng nhận thấy, mức tăng điểm là tất yếu do các đánh giá từ phía DN đều được ghi nhận tích cực cao. Có 98,43% DN nhận thấy rõ ràng sự quyết liệt của các lãnh đạo SBN trong việc chỉ đạo việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại cơ quan SBN. Bên cạnh đó, 96,11% DN có cảm nhận được sự lắng nghe và tiếp thu từ các lãnh đạo SBN đối với các ý kiến đóng góp của DN, từ đó, DN cũng cảm thấy có động lực trong việc đưa ra ý kiến góp ý xây dựng SBN và địa phương được tốt hơn.

Ngoài chủ trương thì việc hành động của các lãnh đạo SBN cũng được DN đánh giá cao. Có 96,75% DN cho rằng lãnh đạo SBN có biện pháp kịp thời chấn chỉnh, xử lý và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn khi được DN phản ánh. Có 96,82% DN cho rằng lãnh đạo SBN có hành động cụ thể, có chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc cũng như kiến nghị từ DN và có đến 96,62% DN dành sự tin tưởng vào lãnh đạo SBN mà có nhiều sự tin tưởng tuyệt đối từ cộng đồng doanh nghiệp đối với các lãnh đạo cơ quan.

Bảng 3.8. Kết quả tiêu chí của CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối SBN giai đoạn 2023-2024

Tiêu chí	Giá trị	2023	2024
[h1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định “Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại cơ quan” (%)	Trung bình	95,82	98,43
	Cao nhất	100	100
	Thấp nhất	86,11	90,48
[h2] Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp của DN (%)	Trung bình	83,61	96,11
	Cao nhất	96	100
	Thấp nhất	62,5	80,95
[h3]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN đã có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý, và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn được DN phản ánh (%)	Trung bình	-	96,75
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	86,36
[h4]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN có hành động cụ thể, chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN (%)	Trung bình	-	96,82
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	85,71
[h5]*. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tin tưởng rằng lãnh đạo SBN kiên trì giám sát và cải thiện văn hóa ứng xử, chấn chỉnh/xử lý các hành vi những nhiễu của công chức và hệ thống bộ máy (%)	Trung bình	-	96,26
	Cao nhất	-	100
	Thấp nhất	-	80,95

(*) là tiêu chí mới bổ sung hoặc thay đổi để đánh giá CSTP năm 2024

¹⁰⁷ Tiêu chí h1 và h2

¹⁰⁸ Tiêu chí h3, h4 và h5

3.3. Tổng hợp một số góp ý của DN/HTX/KDH từ các đơn vị khảo sát DDCI khối Sở, ban, ngành

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh: DN mong muốn UBND tỉnh **tăng cường giám sát chặt chẽ** SBN để qua đó có phương án **hỗ trợ doanh nghiệp** phát triển thuận lợi hơn; DN mong muốn UBND tỉnh **tăng cường khảo sát** để DN có cơ hội tiếp xúc đánh giá các SBN;

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh: DN **đánh giá cao** thủ tục hành chính của đơn vị, mong đơn vị phát huy hơn nữa **thủ tục hành chính trực tuyến**; DN mong muốn SBN giải quyết thủ tục **"hoàn toàn trực tuyến"** và **rút ngắn thời gian** xử lý hơn nữa để đáp ứng thời đại công nghệ 4.0;

Cục Thuế tỉnh: HKD phản ánh cục thuế **thanh tra, kiểm tra "quá nhiều"**; DN kinh doanh dược phẩm mong muốn được **giảm thuế** vì DN cho rằng đang phải đóng các **khoản thuế chồng nhau**, bao gồm: thuế trên hóa đơn, thuế môn bài và thuế khoán;

Ngân hàng nhà nước tỉnh: DN mong muốn Ngân hàng nhà nước tỉnh "cố gắng hoàn thiện hơn nữa"; HKD có nhu cầu tiếp cận vốn ngân sách cảm thấy rất khó khăn, mất thời gian và mất cơ hội;

Sở Kế hoạch và Đầu tư: DN phản ánh rằng hồ sơ DN **không được hướng dẫn** cụ thể mà phải tự tìm hiểu trong việc hoàn thành hồ sơ; một số cán bộ Sở làm việc tại Trung tâm HCC tỉnh có chuyên môn **chưa cao**, dẫn đến **lúng túng khi hướng dẫn** DN, làm **chậm quá trình xử lý** hồ sơ; DN ghi nhận Sở có nhiều **hỗ trợ giúp DN vượt qua khó khăn**; DN đề nghị website của đơn vị cần **công khai đầy đủ, minh bạch các thông tin** chỉ đạo, điều hành, các hồ sơ đầu tư, các văn bản giải đáp kiến nghị, vướng mắc của các cá nhân, tổ chức, hạn chế **tình trạng website bị lỗi**, không truy cập được;

Sở Khoa học và Công nghệ: DN rất **khó tiếp cận** với các hỗ trợ chính sách từ phía TW và UBND tỉnh, thậm chí, DN hầu như **không biết có chính sách** đó hay không;

Sở Tài nguyên và Môi trường: DN mong muốn Sở **đẩy nhanh tốc độ** giải quyết hồ sơ hơn;

Sở Xây dựng: DN phản ánh cán bộ Sở **xử lý hồ sơ còn chậm**.



CHƯƠNG 4

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Năm 2024 là một năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm 2021-2025, đồng thời chuẩn bị cho Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Trong năm, mặc dù phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức, nhưng tỉnh Hà Tĩnh vẫn đạt được một số kết quả đáng khích lệ trên nhiều lĩnh vực. Nền kinh tế tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khá, nhờ sự nỗ lực trong triển khai các dự án công nghiệp trọng điểm. Nhiều dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ, như: Dự án Khu công nghiệp Bắc Thạch Hà (do VSIP đầu tư): Dự án này có tổng vốn gần 1.600 tỷ đồng, được kỳ vọng trở thành một "cực" thu hút đầu tư hiệu quả, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 2: Đây là trung tâm sản xuất điện quy mô lớn, với mức giải ngân lũy kế đạt khoảng 35.000 tỷ đồng. Hiện tiến độ thi công đã hoàn thành 70% và đang được đẩy nhanh để hoàn tất; Nhà máy Sản xuất Pin Lithium VinES-Gotion: Dự án chiến lược trong lĩnh vực năng lượng sạch, góp phần phát triển bền vững cho ngành công nghiệp địa phương; Dự án Khu đô thị gần 2.000 tỷ đồng ở TP Hà Tĩnh: Dự án này thuộc kế hoạch mở rộng đô thị và nâng cấp hạ tầng theo hướng hiện đại hóa; Dự án cao tốc Bắc – Nam đoạn qua Hà Tĩnh đã hoàn thành 65% kế hoạch. Mặc dù đạt được những thành tựu quan trọng, nền kinh tế công nghiệp của tỉnh chưa phục hồi rõ nét. Tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp chỉ đạt 6,54%, thấp hơn mục tiêu đề ra, khiến áp lực dồn vào các tháng cuối năm. Ngoài ra, một số dự án du lịch và dịch vụ vẫn triển khai chậm, như: Khu du lịch Xuân Thành (huyện Nghi Xuân), dự án nghỉ dưỡng Tre Nguồn (khu du lịch Thiên Cầm), dự án xây dựng chợ - khách sạn - trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp Cẩm Xuyên (thị trấn Cẩm Xuyên),... Các vấn đề chung làm chậm tiến độ bao gồm thủ tục pháp lý phức tạp, khó khăn trong giải phóng mặt bằng và sự phối hợp chưa hiệu quả giữa nhà đầu tư với các cơ quan chức năng.

Bên cạnh đó, căn cứ theo các dữ liệu công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn từ 2021-2023 được ghi nhận như sau:

Năm 2021: PCI Hà Tĩnh đạt 64,87 điểm xếp hạng 27 trên 63 tỉnh, thành phố, thuộc nhóm các tỉnh có mức điều hành khá. Trong đó, các chỉ số thành phần như Gia nhập thị trường, Chi phí thời gian, và Tính năng động đạt mức điểm tương đối tốt (trên 07 điểm);

Năm 2022: PCI Hà Tĩnh tăng 9 bậc, đạt 67,18 điểm và xếp hạng 18 toàn quốc. Đây là điểm số cao nhất của tỉnh trong 6 năm gần đây, cho thấy sự cải thiện rõ rệt trong chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Trong đó, các chỉ số thành phần như Chi phí thời gian, Chi phí không chính thức và Thiết chế pháp lý đạt mức điểm tương đối tốt (trên 07 điểm);

Năm 2023: PCI Hà Tĩnh đạt 63,76/100 điểm, không thuộc nhóm 30 tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành tốt nhất; xếp thứ 5 trong 6 tỉnh Bắc Trung Bộ. Như vậy, PCI Hà Tĩnh 2024 ghi nhận sự tụt giảm về điểm số và thứ hạng so với năm 2022 (giảm 3,42 điểm; thứ hạng xếp thứ 54/63 tỉnh thành, thành phố). Trong 10 chỉ số thành phần

của PCI có 04/10 số chỉ số tăng điểm: Gia nhập thị trường (tăng 0,41); tính minh bạch (tăng 0,25 điểm); cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,29 điểm) và chỉ số Thiết chế pháp lý & an ninh trật tự (tăng 0,14 điểm). Có 06/10 chỉ số giảm điểm gồm: Tiếp cận đất đai (giảm 0,25 điểm); chi phí thời gian (giảm 0,54 điểm); chi phí không chính thức (giảm 0,49 điểm); tính năng động và tiên phong của chính quyền (giảm 0,91 điểm); chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (giảm 0,09 điểm); đào tạo lao động (giảm 1,45 điểm);

Trong bối cảnh đó, tỉnh Hà Tĩnh đã đưa ra những chỉ đạo quyết liệt để khắc phục những tồn tại, hạn chế, góp phần cải thiện, nâng cao điểm số và thứ hạng PCI Hà Tĩnh trong năm 2024 và các năm tiếp theo thông qua hàng loạt các kế hoạch cụ thể như: Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; Văn bản số 4581/UBND-KT1 ngày 08/08/2024 về rà soát tham mưu giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số Xanh cấp tỉnh. Một trong những giải pháp được đưa ra là tiếp tục tổ chức đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã (DDCI) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2024 để đánh giá về năng lực điều hành, quản trị và hỗ trợ doanh nghiệp của các SBN và địa phương; qua đó, nắm bắt chính xác bức tranh về môi trường kinh doanh tại địa bàn và năng lực cạnh tranh của các SBN và địa phương dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp. Việc triển khai khảo sát, đánh giá bộ chỉ số DDCI không chỉ dừng lại ở việc đo lường các chỉ số quan trọng, có tính tiệm cận bộ chỉ số PCI mà còn giúp các SBN và UBND các huyện, thành phố, thị xã có cơ hội lắng nghe ý kiến, đề xuất từ cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, nhằm xây dựng và cải thiện toàn diện môi trường kinh doanh của tỉnh, tiến đến cải thiện chỉ số PCI 2024 và cho những năm tiếp theo.

Kết quả khảo sát DDCI 2024 tại Hà Tĩnh có 05 nội dung đáng chú ý sau:

(01) Kết quả nổi bật trong xếp hạng của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã:

Thị xã Hồng Lĩnh là địa phương duy trì thành tích Tốt liên tục trong 03 năm đánh giá của giai đoạn 2021-2024. Tuy nhiên, năm nay thị xã Hồng Lĩnh mất vị trí dẫn đầu do chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và chỉ số Cạnh tranh bình đẳng tại địa phương giảm mạnh. Bên cạnh đó, có 04 địa phương duy trì thành tích Khá, bao gồm: Huyện Can Lộc, Huyện Đức Thọ, Huyện Hương Sơn và Huyện Kỳ Anh. Huyện Thạch Hà và huyện Vũ Quang là hai địa phương có nhiều bứt phá trong năm vừa qua; cụ thể: Huyện Thạch Hà tăng từ Khá lên Tốt còn huyện Vũ Quang tăng từ Kém lên Khá. Cả 02 huyện đều ghi nhận một năm tăng trưởng mạnh với 08/09 chỉ số tăng điểm đáng kể và 01/09 chỉ số giảm điểm nhẹ. Nhờ vậy, huyện Thạch Hà vươn lên vị trí dẫn đầu trong bảng xếp hạng còn huyện Vũ Quang cũng tăng 06 bậc, rời khỏi vị trí cuối bảng của năm 2023. Các địa phương còn lại của tỉnh đều ở trạng thái đang trên đà giảm. Trừ thành phố Hà Tĩnh và huyện Hương Khê giảm từ Tốt về Khá, còn lại thị xã Kỳ Anh, huyện Cẩm Xuyên, huyện Lộc Hà và huyện Nghi Xuân đều giảm về Trung bình và Kém. Các địa phương giảm điểm cũng đi kèm với một số sự kiện và điểm nóng làm mất niềm tin từ cộng đồng doanh nghiệp.

(02) Kết quả nổi bật trong xếp hạng của khối Sở ban ngành

Năm 2024, Hà Tĩnh thực hiện xếp hạng DDCI khối Sở ban ngành theo 02 hướng, bao gồm: (1) Xếp hạng chung toàn khối SBN (gồm tổng cộng 24 SBN) và (2) Xếp hạng riêng với từng nhóm SBN (gồm 03 nhóm: 15 SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh; 05 Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh; và 04 Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh). Việc xếp hạng riêng theo nhóm này là một điểm mới trong báo cáo năm nay, cung cấp thêm ý nghĩa cho các khuyến nghị tiếp theo. Đứng đầu trong bảng xếp hạng nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh là Sở Giao thông Vận tải – đây cũng là đơn vị đứng đầu trong bảng xếp hạng chung 24 SBN; đứng đầu trong bảng xếp hạng các cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh là Công an tỉnh; và đứng đầu trong nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh.

Xét trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay thì 2024 là một năm khởi sắc của các SBN, khi có 15/24 SBN có chuyển dịch tích cực trong nhóm tăng mức xếp loại. Trong đó, nhóm tiến bộ vượt bậc chuyển dịch từ Trung bình lên Tốt có 02 SBN là Công an tỉnh và Sở Y tế, từ Kém lên Khá có BQLDA đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh và Bảo hiểm xã hội tỉnh; nhóm tăng từ Khá lên Tốt ghi nhận Cục Thuế Tỉnh, Sở Công thương, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông Vận tải, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp; nhóm tăng từ Trung bình lên Khá xác lập đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Khối SBN không ghi nhận đơn vị nào có mức xếp loại ổn định Tốt, mà chỉ có 07/24 đơn vị hoạt động được đánh giá ở mức ổn định Khá, bao gồm: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, Ngân hàng nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở khoa học & Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, và Sở Xây dựng. Bên cạnh đó, có 02/24 đơn vị ghi nhận giảm từ mức Trung bình về Kém là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường;

(03) Một số xu hướng của các chỉ số đánh giá DDCI Hà Tĩnh 2024

Thông qua kết quả phân tích chỉ số DDCI năm 2024 và theo giai đoạn 2021-2024, xu hướng của các chỉ số DDCI Hà Tĩnh gồm **02 xu hướng** sau:

Xu hướng tăng và đồng bộ:

Vai trò của người đứng đầu SBN và UBND các huyện, thành phố, thị xã thể hiện nhiều chuyển biến tích cực trong cả chủ trương lẫn hành động, qua đó ghi dấu ấn tích cực rõ nét trong cộng đồng doanh nghiệp. Các chi phí không chính thức có chiều hướng giảm đối với khối UBND các huyện, thành phố, thị xã và chỉ báo giảm mạnh đối với khối SBN. Doanh nghiệp ghi nhận được chính quyền các địa phương và các SBN đối xử ngày càng bình đẳng hơn; cạnh tranh công bằng có xu hướng đi lên mạnh mẽ và đều đặn xuyên suốt giai đoạn 2021-2024 vừa qua. Phong trào và các kết quả cải cách hành chính tích cực ở cả UBND cấp huyện và khối các SBN cấp tỉnh đã giúp các DN giảm tải được chi phí thời gian một cách hiệu quả. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đã được cải thiện ở các địa phương và có sự bứt phá vượt trội ở các SBN. Các thủ tục tiếp cận đất đai có xu hướng thuận lợi và được ghi nhận thỏa đáng hơn. Tính

năng động và hiệu lực được cải thiện toàn diện, có biểu hiện tăng nhiệt trở lại nhưng vẫn thiếu sự đồng đều giữa các đơn vị của khối UBND huyện, thành phố, thị xã và khối SBN trên toàn tỉnh;

Xu hướng giảm và thiếu đồng bộ

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp vẫn chưa đạt được hiệu quả tối ưu dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nghiệp mong muốn các hoạt động tiếp tục đi vào thực chất hơn nữa; Đảm bảo thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại và tranh chấp là trọng điểm để thúc đẩy thiết chế pháp lý và an ninh trật tự trên toàn tỉnh vì đây là chỉ số cần có sự bứt phá trong thời gian tới.

(04) Khó khăn chung mà các doanh nghiệp đang gặp phải trong năm 2024

Chi phí không chính thức: Vẫn còn các doanh nghiệp phản ánh hiện tượng cần phải chi thêm chi phí để thủ tục hành chính được giải quyết thuận lợi hơn; Tiếp cận đất đai: Đây là khó khăn phổ biến với doanh nghiệp, đặc biệt ở các huyện có quy hoạch phức tạp hoặc quá trình giải phóng mặt bằng chậm; Thiếu thông tin minh bạch: Một số doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm hiểu và tiếp cận thông tin quy hoạch và chính sách hỗ trợ; Thủ tục hành chính phức tạp: Các quy trình giải quyết thủ tục vẫn gây mất nhiều thời gian, đặc biệt ở các sở liên quan đến tài nguyên, xây dựng và đầu tư;

(05) Xu hướng DDCI 2024 và PCI 2023

Kết quả khảo sát DDCI 2024 cho thấy một số xu hướng trong việc cải thiện PCI 2023 và hướng tới PCI 2024, như sau:

Năm 2023, PCI Hà Tĩnh ghi nhận **06/10 chỉ số giảm điểm**, qua đó, UBND tỉnh đã có những chỉ đạo quyết liệt để cải thiện các chỉ số này, dưới góc nhìn của DDCI 2024, nhận thấy 04/06 chỉ số giảm điểm tại PCI đã có sự cải thiện đáng kể thông qua kết quả DDCI 2024 khởi sắc, bao gồm: **Chỉ số tiếp cận đất đai, Chi phí thời gian, Chi phí không chính thức, và Tính năng động và tiên phong của CQĐP**. Đáng chú ý là chỉ số Vai trò của người dẫn đầu trong đánh giá DDCI là chỉ số đứng đầu trong bảng chỉ số trên toàn tỉnh, cũng được dự đoán sẽ bổ sung vào sự chuyển dịch tích cực đối với chỉ số Tính năng động và tiên phong PCI; Tuy nhiên, 01/06 chỉ số giảm điểm của PCI cũng có dấu hiệu bị đánh giá thấp hơn trong bảng chỉ số DDCI là chỉ số **Hỗ trợ doanh nghiệp**; Ngoài ra, cũng có một số ý kiến DN phản ánh về chất lượng và trình độ chuyên môn của các cán bộ SBN nên có thể các chỉ số liên quan đến nhân lực cũng không có xu hướng tích cực;

Các chỉ số tăng điểm của PCI 2023 bao gồm **04/10 chỉ số**, trong đó, ghi nhận 02 chỉ số tiếp tục được cộng đồng DN đánh giá có cải thiện đáng kể là **Tính minh bạch và tiếp cận thông tin và Cảnh tranh bình đẳng**, tuy nhiên Cảnh tranh bình đẳng thiếu sự đồng bộ và ổn định trên toàn tỉnh; Riêng chỉ số **Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự** là chỉ số tăng điểm đối với PCI 2023 và nhưng lại có xu hướng giảm đối với DDCI 2024;

Nhìn chung, thông qua chỉ số DDCI 2024, nhiều chỉ số giảm của PCI đã được cải thiện, một số chỉ số tăng tiếp tục được phát huy và 01/10 chỉ số giảm vẫn chưa có xu hướng được đánh giá cao hơn ở trên địa bàn tỉnh. Đây sẽ là những lưu ý quan trọng trong các chính sách và khuyến nghị tiếp theo để hỗ trợ tỉnh trong việc cải thiện PCI trong các năm tiếp theo.

4.2. Khuyến nghị

Từ những kết luận trên đây, báo cáo đưa ra kiến nghị chính sách như sau nhằm cải thiện mạnh mẽ và thực chất hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh tại tỉnh Hà Tĩnh, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong giai nửa cuối của giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

4.2.1. Khuyến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh

Để nâng cao chất lượng môi trường đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tỉnh Hà Tĩnh cần triển khai các giải pháp mang tính thực tiễn, phù hợp với đặc thù địa phương. Với lợi thế có cụm cảng biển Vũng Áng – Sơn Dương, Khu kinh tế Vũng Áng – một trong những khu kinh tế trọng điểm của cả nước, cùng các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và lực lượng lao động trẻ, Hà Tĩnh có nhiều động lực phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như luyện kim, năng lượng tái tạo, sản xuất ô tô và logistics.

Đồng thời, tỉnh cần chú trọng cải thiện hạ tầng giao thông, nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tiếp cận nguồn vốn và công nghệ. Việc tạo môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và thân thiện sẽ là nền tảng để thu hút các tập đoàn lớn trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ công nghệ cao và phát triển du lịch sinh thái gắn liền với di sản văn hóa, như khu du lịch Thiên Cầm, ngã ba Đồng Lộc, khu di tích Nguyễn Du, chùa Hương Tích hay các làng nghề truyền thống.

Thứ nhất, để phát huy tối đa tiềm năng kinh tế và thu hút đầu tư, UBND tỉnh Hà Tĩnh cần đặt hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở vị trí trọng tâm, xem đây là đòn bẩy chiến lược để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và toàn diện. Cụ thể:

(1) Hoàn thiện chính sách hỗ trợ minh bạch và hiệu quả, bao gồm: rà soát, bổ sung và xây dựng hệ thống chính sách minh bạch, đồng bộ, đáp ứng đúng nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp tại Hà Tĩnh. Đặc biệt, cần tập trung hỗ trợ các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như công nghiệp nặng tại Khu kinh tế Vũng Áng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch sinh thái gắn với các di sản văn hóa địa phương;

(2) Triển khai các chương trình ưu đãi cho ngành trọng điểm, bao gồm: Thực hiện các chính sách ưu đãi vượt trội về thuế, đất đai và tín dụng nhằm thu hút nguồn lực đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh;

(3) Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, rút ngắn thủ tục hành chính bằng việc xây dựng quy trình làm việc hiệu quả giữa các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, qua đó tạo môi trường làm việc thuận lợi;

(4) Đầu tư vào hạ tầng công nghệ, cụ thể là công nghệ thông tin, giao thông, và các khu sản xuất tập trung để xây dựng một môi trường kinh doanh hiện đại, phù hợp với nhu cầu của các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Đặc biệt, cần khai thác tối đa tiềm năng cụm cảng biển Vũng Áng – Sơn Dương và các trục giao thông kết nối liên vùng; '

(5) Bên cạnh việc xây dựng cổng thông tin điện tử chuyên biệt, tỉnh cần chú trọng vấn đề truyền thông, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ hội đầu tư tại tỉnh Hà Tĩnh một cách trọng điểm;

Thứ hai, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho DN trong việc giảm thiểu các thời gian không cần thiết, tỉnh nên tiếp tục tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính, cụ thể:

(1) Cải cách thủ tục hành chính thông qua đơn giản hóa quy trình làm việc, số hóa hồ sơ và xây dựng hệ thống một cửa điện tử hoàn thiện hơn, bao gồm: rà soát và cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép;

(2) Hướng đến việc xây dựng chính quyền điện tử hiện đại thông qua việc cung cấp tăng thêm các dịch vụ công trực tuyến, các kênh thông tin chung, các nhóm giao tiếp trực tuyến với doanh nghiệp, đồng thời, nghiên cứu việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong vận hành để tự động hóa các quy trình cũng như tăng cường hiệu quả công việc, giảm thiểu sai sót liên quan đến các việc hướng dẫn các thủ tục cho DN;

(3) và Xây dựng cộng đồng doanh nghiệp trực tuyến, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kết nối, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau, DN có kinh nghiệm truyền đạt lại cho DN chưa có kinh nghiệm, qua đó, chi phí thời gian của các DN sẽ được tiết kiệm tối đa;

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cả về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị và đạo đức công vụ; tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giao tiếp và truyền đạt, thái độ làm việc, đặc biệt với đội ngũ tiếp xúc trực tiếp với DN với DN; Xây dựng các cơ chế giám sát cán bộ, đi cùng với hoạt động tạo động lực cho cán bộ, công chức thông qua động viên, khen thưởng, thăng tiến; Đi cùng với đó là cơ chế giám sát chặt chẽ và chế tài kỉ luật nghiêm minh đối với hành vi vi phạm.

Thứ tư, để thu hút dòng vốn đầu tư và hướng đến phát triển bền vững, tỉnh cần hành động quyết liệt vì một môi trường kinh doanh minh bạch, an toàn và hấp dẫn, thông qua việc:

(1) Ưu tiên hoàn thiện các hệ thống pháp lý, đảm bảo rõ ràng, dễ tiếp cận và thân thiện với nhà đầu tư;

(2) Tỉnh cần đẩy mạnh các chương trình hướng dẫn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tăng cường tổ chức tọa đàm như “Kinh doanh và pháp luật” để giúp DN và các nhà đầu tư nắm bắt được các chủ trương, chính sách pháp lý mới;

(3) Tăng cường vai trò của các Trung tâm tư vấn pháp luật để đảm bảo có thêm những cánh tay nối dài hiểu biết chính xác và có kỹ năng tư vấn chuyên sâu, gần gũi nhằm hỗ trợ pháp lý cho DN và các nhà đầu tư;

(4) Nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, bảo vệ quyền lợi cho DN thông qua việc có phương án ngăn chặn các hành vi tiêu cực, những nhiễu, ảnh hưởng đến hoạt động của DN

Thứ năm, để nâng cao việc tiếp cận đất đai trên địa bàn tỉnh, tỉnh cần tập trung:

(1) Tăng cường công khai minh bạch thông tin về đất đai, bao gồm: cập nhật thường xuyên các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên các trang thông tin chung của tỉnh để các DN có thể dễ dàng tiếp cận được và nên phát triển thêm các kênh thông tin khác nhau để truyền thông các nội dung trên để đảm bảo các thông tin đến với DN trước hoặc DN có cơ hội chủ động tiếp xúc với các thông tin liên quan đến đất đai mà mình muốn biết;

(2) Triệt để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các thủ tục đất đai như giải phóng mặt bằng nhanh chóng hơn, tối giản hóa các thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục xác định giá đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

(3) Hướng đến việc chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai hiện đại, đảm bảo việc khai thác đất được hiệu quả, chính xác và công khai;

Thứ sáu, đối với việc tồn tại các chi phí không chính thức, tỉnh cần tiếp tục có các chủ trương và hành động cụ thể thông qua việc tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra để kịp thời có các biện pháp chấn chỉnh, xử lý nghiêm những đơn vị, cán bộ có hành vi nhũng nhiễu gây phiền hà cho DN; Tiếp tục đặt trọng tâm thực hiện nghiêm túc chỉ thị Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, giảm thiểu số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra nhưng vẫn giữ được chất lượng, đảm bảo chất lượng giám sát, kiểm tra hiệu quả;

Thứ bảy, khuyến khích đổi mới sáng tạo, sự chủ động và linh hoạt của chính quyền địa phương và cơ quan sở ban ngành nói chung và của lãnh đạo cơ quan nói riêng, tiếp tục phát huy vai trò tham vấn, đẩy mạnh công tác phối hợp, có thêm nhiều kênh thông tin hiệu quả giữa UBND tỉnh và các tổ chức, hội, hiệp hội DN trên toàn tỉnh nhằm được tiếp xúc gần, lắng nghe các ý kiến sát và được tham vấn những giải pháp phù hợp;

Cuối cùng, để khai thác tối đa tiềm năng của bộ Chỉ số DDCI nhằm làm tiền đề cho PCI, cũng như giúp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, sau khi công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) tỉnh Hà Tĩnh 2024, UBND tỉnh cần chỉ đạo khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai, thực hiện một số nội dung như:

(1) Rà soát, phân tích kết quả đánh giá DDCI 2024, xác định các điểm cần phát huy, điểm cần cải thiện;

(2) Từ đó, xây dựng kế hoạch cải thiện chi tiết, cụ thể;

(3) Triển khai thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh trong quý IV hàng năm, Tổng kết, đánh giá các giải pháp nâng cao DDCI, tiến đến nâng cao PCI của tỉnh.

4.2.2. Khuyến nghị với các UBND các huyện, thành phố, thị xã

Các CQĐP cần căn cứ trên ý kiến phản hồi góp ý của DN để nghiên cứu, rà soát và chấn chỉnh một số vấn đề nhằm nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, như sau:

Thứ nhất, tăng cường các giải pháp truyền thông, công khai minh bạch các thông tin đến với cộng đồng DN, đặc biệt các thông tin liên quan đến đầu tư và đấu thầu; có phương án truyền thông và truyền tin đa kênh, đặc biệt hướng đến các kênh thân thiện, gần gũi, quen thuộc của cộng đồng DN; nghiên cứu việc các thông tin công khai là các thông tin mà DN cần để đảm bảo làm minh bạch môi trường kinh doanh trên địa bàn;

Thứ hai, có giải pháp đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận thông tin, không có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ;

Thứ ba, rà soát công tác cải cách hành chính để tiếp tục đưa ra các giải pháp tinh gọn, chuyển đổi số phù hợp, nhằm giảm tải các thủ tục hành chính; Ngoài ra, trong giai đoạn chuyển đổi, cần thêm sự hỗ trợ trong công tác đào tạo, hướng dẫn DN trong việc phối hợp với CQĐP để giải quyết thủ tục hành chính; Nghiên cứu các giải pháp đối với những sự vụ có dấu hiệu quá hạn, rà soát nguyên nhân và đưa ra phương án kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp;

Thứ tư, nghiên cứu và triển khai các chính sách vốn linh hoạt đối với đa dạng đối tượng DN trên địa bàn;

Thứ năm, tăng cường các hoạt động kết nối, đối thoại với doanh nghiệp, định kỳ và đột xuất để kịp thời nắm bắt các vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp địa phương trong quá trình áp dụng và thực hiện các chính sách, quy định phù hợp, linh hoạt, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh sản xuất.

Và thứ sáu, có biện pháp kiểm soát tốt hơn nhằm hạn chế tối đa các hiện tượng phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính; Bên cạnh đó, rà soát công tác thanh tra, kiểm tra để đảm bảo tính hợp lý về tần suất và nội dung thanh tra kiểm tra, tránh gây áp lực cho cộng đồng DN, đặc biệt là đối với các DN trẻ trên địa bàn.

4.3.2. Khuyến nghị với các Sở, ban, ngành

Các SBN cần căn cứ trên ý kiến phản hồi góp ý của DN để nghiên cứu, rà soát và chấn chỉnh một số vấn đề nhằm nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, như sau:

Thứ nhất, nâng cao việc tăng cường kết nối với các doanh nghiệp thông qua các hoạt động như: truyền thông đa kênh nhằm cung cấp thông tin, chính sách, cơ chế hỗ trợ công khai trên website, báo chí và mạng xã hội; Tổ chức các diễn đàn, hội thảo nhằm tạo cơ hội gặp gỡ, trao đổi trực tiếp giữa DN và các cơ quan quản lý; Xây dựng cổng thông tin điện tử giúp DN dễ dàng tiếp cận thông tin và thủ tục hành chính; và tăng cường tổ chức các khảo sát để DN có cơ hội tiếp xúc đánh giá các SBN nhằm đưa ra những ý kiến đóng góp tích cực và thường xuyên hơn;

Thứ hai, phát huy các dịch vụ công và thủ tục hành chính trực tuyến đang được các DN đánh giá cao; tiến tới chuyển đổi số 100%, ứng dụng các công nghệ AI trong hỗ trợ DN;

Thứ ba, rà soát các công tác thanh tra, kiểm tra về tần suất và nội dung để đảm bảo không có hiện tượng “thanh tra, kiểm tra quá nhiều lần” trong một năm, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN;

Thứ tư, rà soát hiện tượng “chồng thuế”, có phương án truyền thông, hướng dẫn và công khai danh mục các loại thuế mà các đối tượng DN có nghĩa vụ;

Thứ năm, nghiên cứu các phương án đảm bảo sự bình đẳng trong tiếp cận thông tin và nguồn vốn ngân sách, không có sự phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin và nguồn vốn, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ;

Thứ sáu, nâng cao tinh thần “dịch vụ” đối với các cán bộ, công chức trong quá trình làm việc với DN; Đồng thời, có phương án rà soát, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ của các cán bộ, công chức đang bị đánh giá là “chuyên môn yếu”, “chưa hiểu luật” nhằm thúc đẩy công tác hỗ trợ doanh nghiệp một cách toàn diện từ các SBN;

Thứ bảy, rà soát, thường xuyên đăng tải và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành và văn bản quản lý hành chính có liên quan đến doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử/website của SBN, đảm bảo chất lượng đường truyền và công nghệ, không để xuất hiện hiện tượng “website lỗi”, “không truy cập được”;

Thứ tám, rà soát công tác cải cách hành chính để tiếp tục đưa ra các giải pháp tinh gọn, chuyển đổi số phù hợp, nhằm giảm tải các thủ tục hành chính; Ngoài ra, trong giai đoạn chuyển đổi, cần thêm sự hỗ trợ trong công tác đào tạo, hướng dẫn DN trong việc phối hợp với SBN để giải quyết thủ tục hành chính; Nghiên cứu các giải pháp đối với những sự vụ có dấu hiệu quá hạn, rà soát nguyên nhân và đưa ra phương án kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, không để tình trạng “xử lý hồ sơ chậm” trong những năm tiếp theo;

Cuối cùng, có biện pháp kiểm soát tốt hơn nhằm hạn chế tối đa các hiện tượng phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính; Xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hiện tượng gợi ý, gây khó khăn cho DN;

4.2.4. Khuyến nghị đối với công tác triển khai đánh giá DDCI các năm tiếp theo

Đánh giá **DDCI** (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã) đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện điểm **PCI** (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) vì **05 lý do** sau:

Thứ nhất, DDCI giúp **tăng cường hiệu quả điều hành** của các cấp cơ sở thông qua việc đo lường và phản ánh rõ ràng hiệu quả điều hành của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã. Khi các đơn vị này cải thiện chất lượng điều hành, sẽ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, trực tiếp nâng cao các chỉ tiêu của PCI;

Thứ hai, đánh giá DDCI cung cấp thông tin chi tiết về những hạn chế và thách thức mà doanh nghiệp đang gặp phải ở cấp sở, ban, ngành và địa phương, qua đó, giúp phát hiện và **khắc phục những yếu điểm** còn tồn tại, từ đó, UBND tỉnh có thể triển khai các biện pháp khắc phục kịp thời, cải thiện các tiêu chí PCI như Hỗ trợ doanh nghiệp, Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự và Cạnh tranh bình đẳng. Thậm chí, từ các góp ý của DN, có một số góp ý về chất lượng chuyên môn của công chức, cán bộ cũng được nêu lên nhằm cảnh báo về việc cần có các phương án tăng cường và cải thiện kịp thời cả với chỉ số Đào tạo lao động trong PCI;

Thứ ba, DDCI tạo ra động lực và **khuyến khích cạnh tranh nội bộ** tỉnh. Khi các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã nỗ lực cải thiện điểm số DDCI, hiệu quả điều hành chung của tỉnh cũng được nâng cao, góp phần cải thiện điểm PCI toàn diện;

Thứ tư, PCI và DDCI đánh giá môi trường kinh doanh và chất lượng điều hành kinh tế địa phương từ góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp. Khi DDCI cải thiện, doanh nghiệp sẽ cảm nhận được **môi trường kinh doanh thuận lợi**, cởi mở, minh bạch, và ít rào cản hơn, từ đó giúp các đánh giá đối với PCI cũng tăng lên;

Và, *thứ năm*, DDCI nhấn mạnh vào sự phản hồi của doanh nghiệp đối với các dịch vụ công và chính sách tại địa phương. Khi các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố, thị xã lắng nghe kết quả DDCI và tiến hành cải thiện dịch vụ công dựa trên phản hồi này sẽ giúp **tăng cường sự tham gia và hài lòng doanh nghiệp**, kéo theo điểm PCI cũng được cải thiện.

Nhìn chung, DDCI đóng vai trò như một công cụ phản ánh và thúc đẩy cải tiến ở cấp cơ sở, giúp nâng cao chất lượng điều hành và năng lực cạnh tranh tổng thể của địa phương, từ đó cải thiện điểm PCI. Trong giai đoạn 2021-2024, Hà Tĩnh đã tiến hành đánh giá DDCI trong 03 năm, bao gồm: 2021, 2023 và 2024 căn cứ theo Quyết định số

190/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc “Phê duyệt bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”. Để việc đánh giá DDCI tiếp tục mang đến những hiệu quả thiết thực giúp cải thiện điểm PCI, báo cáo đưa ra một số khuyến nghị đối với công tác triển khai đánh giá DDCI các năm tiếp theo, như sau:

(1) Thành lập ban chỉ đạo DDCI 2025 với các nhiệm vụ trọng điểm, bao gồm: nghiên cứu cải tiến các tiêu chí đánh giá DDCI (so với tiêu chí từ năm 2021) cho phù hợp với bối cảnh hiện tại cũng như cập nhật tiêu chí có độ tiệm cận cao đến các tiêu chí PCI; Tăng cường truyền thông để tăng nhận thức về tầm quan trọng của DDCI thông qua các hội nghị chuyên đề, các phương tiện truyền thông đa kênh, tài liệu hướng dẫn; Nghiên cứu tích hợp DDCI vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức tại các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố, thị xã nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cán bộ về tầm quan trọng của DDCI trong việc cải thiện năng lực cạnh tranh PCI;

(2) Xây dựng các kế hoạch phương án hành động, nhấn mạnh trọng tâm vào các tiêu chí thấp điểm của DDCI và PCI để có các biện pháp cải thiện thiết thực dựa trên góp ý của cộng đồng doanh nghiệp cũng như cảm nhận từ đội ngũ lãnh đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã;

(3) Nghiên cứu các đơn vị có thành tích DDCI tốt nói chung và/hoặc các đơn vị có các CSTP đánh giá DDCI tốt nói riêng để chia sẻ các bài học tích cực, nêu gương và nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

(4) Căn cứ trên phương án sắp xếp, hợp nhất các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ¹⁰⁹ vào ngày 17/12/2024, theo định hướng Ban chỉ đạo TW về thực hiện nghị quyết 18-NQ/TW, tổ chức bộ máy của Chính phủ sẽ được tinh gọn từ 30 xuống còn 21 đầu mối (giảm 09 đầu mối): gồm 13 bộ, 04 cơ quan ngang bộ và 04 cơ quan thuộc Chính phủ), đảm bảo quan điểm xây dựng bộ máy nhà nước “Tinh – Gọn – Mạnh – Hiệu năng – Hiệu lực – Hiệu quả”. Đây là một bước đi quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tối ưu hóa nguồn lực và cải thiện khả năng phối hợp giữa các cơ quan. Tuy nhiên, sự thay đổi này cũng sẽ có những ảnh hưởng đáng kể đến các sở ban ngành tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc nói chung và Hà Tĩnh nói riêng, bao gồm:

- Thay đổi về cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ dẫn đến cần phải phân bổ lại các trách nhiệm, phạm vi công việc phù hợp với cơ cấu mới nhưng phải đảm bảo đơn giản hóa để giúp các SBN tại tỉnh dễ dàng tiếp cận và thực hiện các chính sách và phương hướng nhiệm vụ mới;

- Tăng cường hiệu quả phối hợp và quản lý thông qua cải thiện sự phối hợp sau khi sáp nhập nhưng vẫn cần đảm bảo giảm sự chồng chéo trong nhiệm vụ giữa các SBN, từ đó, tăng cường hiệu quả làm việc ở mức tối đa theo chủ trương từ Trung ương;

¹⁰⁹ Phương án sắp xếp, hợp nhất các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ (2024). Báo điện tử Chính phủ. Nguồn: <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/phuong-an-sap-xep-sap-nhap-hop-nhat-cac-bo-co-quan-ngang-bo-co-quan-thuoc-chinh-phu-119241204151528912.htm>

- Phân bổ nguồn lực và tài chính cần đảm bảo công bằng, phù hợp với các nguồn lực mới và tính trọng điểm sau khi tiến hành sắp xếp và hợp nhất;

- Tập trung đào tạo và nâng cao năng lực trong chuyển giao công nghệ và kiến thức sau tái cấu trúc để giúp các cán bộ tại các sở ban ngành đáp ứng được yêu cầu mà nhiệm vụ mới giao phó, đồng thời nâng cao năng lực để thích nghi được với các thay đổi trong cơ cấu tổ chức;

Từ đó, việc đánh giá DDCL 2025 sẽ có sự thay đổi lớn trong các đối tượng được đánh giá đối với khối SBN. Đây là một áp lực không nhỏ đối với các SBN sau sắp xếp và hợp nhất khi vừa phải thích nghi với cơ cấu mới và vừa phải đảm bảo các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh. Chính vì vậy, nâng cao khả năng giám sát và đánh giá hoạt động để đáp ứng các yêu cầu mới thông qua DDCL 2025 sẽ cung cấp một góc nhìn để giúp đánh giá việc thực hiện các chính sách trong quá trình tái cấu trúc. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và đáp ứng điều kiện xây dựng, góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bộ chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024	5
Bảng 1.2. Trọng số của CSTP khối sở, ban, ngành.....	6
Bảng 1.3. Trọng số của CSTP khối UBND các huyện, thành phố, thị xã	6
Bảng 1.4. Số phiếu phát ra và thu về của khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024	7
Bảng 1.5. Thống kê cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024	8
Bảng 2.1. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024	19
Bảng 2.2. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Tính năng động và hiệu lực khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	22
Bảng 2.3. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Chi phí thời gian khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	26
Bảng 2.4. Kết quả 04 tiêu chí của CSTP Chi phí không chính thức khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	29
Bảng 2.5. Kết quả 03 tiêu chí của CSTP Cạnh tranh bình đẳng khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	32
Bảng 2.6. Kết quả 04 tiêu chí của CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	35
Bảng 2.7. Kết quả 04 tiêu chí của CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024	38
Bảng 2.8. Kết quả 05 tiêu chí của CSTP Vai trò của người đứng đầu khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	41
Bảng 2.9. Kết quả 05 tiêu chí của CSTP Tiếp cận đất đai khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2023-2024.....	44
Bảng 3.1. Kết quả 06 tiêu chí của CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN giai đoạn 2023-2024	63
Bảng 3.2. Kết quả 06 tiêu chí của chỉ số Tính năng động và hiệu lực của khối SBN giai đoạn 2023-2024	67
Bảng 3.3. Kết quả 06 tiêu chí của chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN giai đoạn 2023-2024	70
Bảng 3.4. Kết quả tiêu chí của CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN giai đoạn 2023-2024	73
Bảng 3.5. Kết quả tiêu 03 chí của chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN giai đoạn 2023-2024	75
Bảng 3.6. Kết quả tiêu chí của CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN giai đoạn 2023-2024	78
Bảng 3.7. Kết quả tiêu chí của chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN giai đoạn 2023-2024.....	80
Bảng 3.8. Kết quả tiêu chí của CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối SBN giai đoạn 2023-2024	83
Bảng 4.1. Mức điểm và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024.....	107
Bảng 4.2. Mức xếp loại DDCI giai đoạn 2021-2024.....	107
Bảng 4.3. Mức điểm và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024.....	121
Bảng 4.4. Mức xếp loại DDCI giai đoạn 2021-2024.....	122
Bảng 4.5. Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10.....	148
Bảng 4.6. Mức xếp hạng và điểm số DDCI (thang điểm 100).....	149

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Hình 1.1. Cơ cấu phiếu đánh giá Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã DDCI Hà Tĩnh 2024	8
Hình 1.2. Cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được lựa chọn khảo sát trong DDCI Hà Tĩnh 2024.....	8
Hình 2.1. Xếp hạng và điểm số DDCI năm 2024 khối UBND các huyện, thành phố, thị xã	10
Hình 2.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023	11
Hình 2.3. Xu hướng xếp hạng DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2014	13
Hình 2.4. Xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2014	13
Hình 2.5. Điểm số 09 CSTP của DDCI 2024 khối UBND các huyện, thành phố, thị xã	14
Hình 2.6. Mức độ cải thiện điểm số của 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023.....	15
Hình 2.7. So sánh điểm trung bình của 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023.....	15
Hình 2.8. Điểm số 09 CSTP của DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021-2024	16
Hình 2.9. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã	17
Hình 2.10. Mức độ cải thiện điểm CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023	18
Hình 2.11. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	20
Hình 2.12. Mức độ cải thiện điểm CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023.....	21
Hình 2.13. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	24
Hình 2.14. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023	25
Hình 2.15. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	27
Hình 2.16. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023.....	28
Hình 2.17. Xếp hạng và điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	31
Hình 2.18. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023.....	31
Hình 2.19. Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	33
Hình 2.20. Mức độ cải thiện điểm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023.....	34
Hình 2.21. Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã	36
Hình 2.22. Mức độ cải thiện điểm CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023	37
Hình 2.23. Xếp hạng và điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã.....	39

Hình 2.24. Mức độ cải thiện điểm CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023	40
Hình 2.25. Xếp hạng và điểm số CSTP Tiếp cận đất đai của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã	42
Hình 2.26. Mức độ cải thiện điểm CSTP tiếp cận đất đai của khối UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024 so với 2023	43
Hình 3.1. Xếp hạng và điểm số CSTP DDCI 2024 khối Sở, ban, ngành	48
Hình 3.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	49
Hình 3.3. Điểm số 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành	51
Hình 3.4. Mức độ cải thiện điểm số của 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	52
Hình 3.5. So sánh điểm trung bình của 08 CSTP của DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	52
Hình 3.6 Xu hướng điểm số DDCI đối với nhóm SBN giai đoạn 2021-2024	53
Hình 3.7 Xu hướng xếp hạng DDCI đối với khối SBN giai đoạn 2021-2024	54
Hình 3.8 Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh	55
Hình 3.9 hướng xếp hạng DDCI đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024	56
Hình 3.10 Xu hướng điểm số DDCI đối với nhóm SBN thuộc và trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024	57
Hình 3.11. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh	57
Hình 3.12. Xu hướng xếp hạng DDCI đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024	58
Hình 3.13. Xu hướng điểm số DDCI đối với nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2024	58
Hình 3.14. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh	59
Hình 3.15. Xu hướng điểm số DDCI đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024	59
Hình 3.16. Xu hướng xếp hạng DDCI đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2021-2024	59
Hình 3.17 Điểm số 08 CSTP DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2014	60
Hình 3.18. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN ...	62
Hình 3.19 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN 2024 so với 2023	63
Hình 3.20 Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN	65
Hình 3. 21. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN 2024 so với 2023	66
Hình 3.22 Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí thời gian của khối SBN	67
Hình 3.23 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối SBN 2024 so với 2023 ..	69
Hình 3.24 Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN	71
Hình 3.25 Mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN 2024 so với 2023	72
Hình 3.26. Xếp hạng và điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN	74
Hình 3.27 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN 2024 so với 2023	74
Hình 3.28 Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN	76

Hình 3.29 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN 2024 so với 2023	77
Hình 3.30. Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN	79
Hình 3.31 Mức độ cải thiện điểm chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN 2024 so với 2023	80
Hình 3.32 Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò của người đứng đầu của khối SBN	82
Hình 3.33 Mức độ cải thiện điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối SBN 2024 so với 2023	82



PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Bảng xếp hạng DDCI khối UBND huyện, thành phố, thị xã

Xếp hạng	Tên huyện, thị xã, thành phố,	CSTP									DDCI (Thang điểm 100)	Xếp loại
		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động và hiệu lực	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Vai trò người đứng đầu	Tiếp cận đất đai		
1	Huyện Thạch Hà	9.31	9.32	8.03	10	9.32	7.36	8.28	9.12	9.22	89.18	Tốt
2	Thị xã Hồng Lĩnh	6.91	7.79	9.16	8.87	5.56	9.38	7.95	9.27	7.09	80.51	Tốt
3	Huyện Kỳ Anh	7.16	6.59	8.53	8.99	8.98	7.64	6.69	7.99	7.73	77.59	Khá
4	Huyện Hương Sơn	6.09	8.38	8.03	9.22	8.23	7.18	7.52	7.67	6.24	76.59	Khá
5	Thành phố Hà Tĩnh	6.64	6.75	5.78	7.9	5.18	5.2	6.1	9.43	7.44	68.51	Khá
6	Huyện Can Lộc	4.35	6.28	7.16	8.49	9.05	4.13	7.09	6.14	8.18	67.08	Khá
7	Huyện Vũ Quang	6.64	6.49	7.35	6.49	7.97	4.31	6.75	7.53	5.36	65.9	Khá
8	Huyện Hương Khê	6.18	5.17	5.3	8.46	6.01	7.15	7.02	7.42	5.85	64.86	Khá
9	Huyện Đức Thọ	6.16	5.96	3.77	7.97	6.23	4.42	4.85	8.58	5.78	60.99	Khá
10	Huyện Cẩm Xuyên	6.52	3.41	4.34	4.11	2.76	3.19	7.45	8.04	5.03	50.58	Trung bình
11	Huyện Nghi Xuân	4.85	5.8	4.18	5.95	3.16	3.49	3.03	7.6	3.88	48.64	Kém
12	Thị xã Kỳ Anh	6.46	6.87	6.38	4.26	5.24	2.16	5.84	2.44	3.91	48.22	Kém
13	Huyện Lộc Hà	4.77	3.01	4.29	3.88	6.85	4.7	2.07	4.52	6.66	44.52	Kém

Phụ lục 2: Bảng xếp hạng DDCI khối Sở, ban, ngành

STT	Tên huyện, thành phố, sở, ban, ngành	Chỉ số thành phần và tiêu chí								DDCI (Thang điểm 100)	Xếp hạng
		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động và hiệu lực	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Vai trò người đứng đầu		
1	Sở Giao thông vận tải	8,91	8,94	8,5	9,58	10	9,16	9,36	10	93,5	Tốt
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8,99	8,65	8,72	9,75	9,58	9,29	8,21	8,17	88,5	Tốt
3	Sở Công thương	9,4	8,17	7,65	9,86	8,38	9,41	7,86	9,34	88,2	Tốt
4	Sở Y tế	9,03	9,1	7,89	8,17	8,49	9,05	9,15	9,02	88	Tốt
5	Sở Tư pháp	8,06	8,72	7,56	9,18	8,77	7,94	9,71	9,55	87,37	Tốt
6	Sở Tài chính	6,41	9,28	7,32	9,76	9,24	8,8	8,27	9,59	87,3	Tốt
7	Công an tỉnh	7,47	8,21	8,42	9,05	8,97	7,75	8,26	10	86,11	Tốt
8	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	8,58	8,35	7,73	9,88	9,21	7,95	7,73	9,18	85,94	Tốt
9	Sở Thông tin và Truyền thông	8,72	7,89	9,43	9,89	9,4	7,87	6,58	9,06	85,78	Tốt
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	7,85	7,72	9,21	8,21	9,11	8,23	6,43	7,95	80,64	Tốt
11	Cục Hải quan tỉnh	8,51	8,35	7,86	7,56	9,28	6,07	8,74	7,61	78,8	Khá
12	Ngân hàng nhà nước tỉnh	9,1	5,93	7,12	8,97	7,59	9,46	6,93	7,8	78,4	Khá
13	Sở Xây dựng	7,93	5,99	8,29	9,34	8,83	8,43	6,3	7,83	77,98	Khá
14	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	7	8,82	4,7	6,49	4	8,6	9,56	10	77,88	Khá
15	Bảo hiểm xã hội tỉnh	8,53	6,67	6,63	8,57	7,54	8,15	7,05	8,51	77,57	Khá
16	Sở Khoa học và Công nghệ	7,54	6,73	9,11	6,68	6,3	8,88	7,5	7,87	76,29	Khá
17	Cục Thuế tỉnh	7,43	5,72	7,37	7,93	8,2	7,23	7,4	8,51	74,78	Khá

STT	Tên huyện, thành phố, sở, ban, ngành	Chỉ số thành phần và tiêu chí								DDCI (Thang điểm 100)	Xếp hạng
		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động và hiệu lực	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Vai trò người đứng đầu		
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8,41	5,85	6,8	6,84	8,08	7,13	6,61	7,37	70,95	Khá
19	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	8,15	5,5	4,91	7,96	5,76	6,81	8,53	8,5	70,78	Khá
20	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh	7,42	7,05	7,36	5,52	6,97	7,15	8,05	6,48	69,58	Khá
21	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7,37	5,44	7,92	5,01	7,86	6,78	9,29	6,77	69,32	Khá
22	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	8,9	4,87	6,32	8,26	7,24	5,69	5,43	7,72	67,43	Khá
23	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	4,76	3,11	7,01	4,47	8,42	3,63	4,24	4,87	48,75	Kém
24	Sở Tài nguyên và Môi trường	7,93	5,39	6,89	4,98	5,62	1,75	4,1	3,97	48,17	Kém

Phụ lục 3: Bảng xếp hạng DDCI khối Sở, ban, ngành (Chia theo nhóm)

Xếp hạng	Tên Sở, ban, ngành	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động và hiệu lực	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Vai trò người đứng đầu	DDCI (Thang điểm 100)	Xếp loại
Nhóm Sở, ban, ngành thuộc và trực thuộc UBND tỉnh											
1	Sở Giao thông Vận tải	8.91	8.94	8.5	9.58	10	9.16	9.36	10	93.5	Tốt
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	8.99	8.65	8.72	9.75	9.58	9.29	8.21	8.17	88.5	Tốt
3	Sở Công thương	9.4	8.17	7.65	9.86	8.38	9.41	7.86	9.34	88.2	Tốt
4	Sở Y tế	9.03	9.1	7.89	8.17	8.49	9.05	9.15	9.02	88	Tốt
5	Sở Tư pháp	8.06	8.72	7.56	9.18	8.77	7.94	9.71	9.55	87.37	Tốt
6	Sở Tài chính	6.41	9.28	7.32	9.76	9.24	8.8	8.27	9.59	87.3	Tốt
7	Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội	8.58	8.35	7.73	9.88	9.21	7.95	7.73	9.18	85.94	Tốt
8	Sở thông tin và Truyền thông	8.72	7.89	9.43	9.89	9.4	7.87	6.58	9.06	85.78	Tốt
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	7.85	7.72	9.21	8.21	9.11	8.23	6.43	7.95	80.64	Tốt
10	Sở Xây dựng	7.93	5.99	8.29	9.34	8.83	8.43	6.3	7.83	77.98	Khá
11	Sở Khoa học và Công nghệ	7.54	6.73	9.11	6.68	6.3	8.88	7.5	7.87	76.29	Khá
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.41	5.85	6.8	6.84	8.08	7.13	6.61	7.37	70.95	Khá
13	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	7.37	5.44	7.92	5.01	7.86	6.78	9.29	6.77	69.32	Khá
14	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	8.9	4.87	6.32	8.26	7.24	5.69	5.43	7.72	67.43	Khá
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	7.93	5.39	6.89	4.98	5.62	1.75	4.1	3.97	48.17	Kém
Nhóm Cơ quan ngành dọc TW trên địa bàn tỉnh											
1	Công an tỉnh	7.47	8.21	8.42	9.05	8.97	7.75	8.26	10	86.11	Tốt

Xếp hạng	Tên Sở, ban, ngành	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Tính năng động và hiệu lực	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Vai trò người đứng đầu	DDCI (Thang điểm 100)	Xếp loại
2	Cục Hải quan tỉnh	8.51	8.35	7.86	7.56	9.28	6.07	8.74	7.61	78.8	Khá
3	Ngân hàng nhà nước tỉnh	9.1	5.93	7.12	8.97	7.59	9.46	6.93	7.8	78.4	Khá
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	8.53	6.67	6.63	8.57	7.54	8.15	7.05	8.51	77.57	Khá
5	Cục Thuế tỉnh	7.43	5.72	7.37	7.93	8.2	7.23	7.4	8.51	74.78	Khá
Nhóm Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh											
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	7	8.82	4.7	6.49	4	8.6	9.56	10	77.88	Khá
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	8.15	5.5	4.91	7.96	5.76	6.81	8.53	8.5	70.78	Khá
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh	7.42	7.05	7.36	5.52	6.97	7.15	8.05	6.48	69.58	Khá
4	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	4.76	3.11	7.01	4.47	8.42	3.63	4.24	4.87	48.75	Kém

Phụ lục 4: Hồ sơ DDCI chi tiết của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024

Bảng 4.1. Mức điểm và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

STT	UBND huyện, thành phố, thị xã	2021		2023		2024		Xu hướng thay đổi thứ hạng 2023- 2024
		Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
1	Thành phố Hà Tĩnh	80,26	3	85,42	2	68,51	5	-3
2	Thị xã Hồng Lĩnh	89,45	1	98,42	1	80,51	2	-1
3	Thị xã Kỳ Anh	73,07	6	77,24	5	48,22	12	-7
4	Huyện Cẩm Xuyên	13,77	13	63,26	10	50,58	10	0
5	Huyện Can Lộc	80,25	4	73,79	8	67,08	6	+2
6	Huyện Đức Thọ	71,56	8	74,79	7	60,99	9	-2
7	Huyện Hương Khê	79,12	5	82,6	3	64,86	8	-5
8	Huyện Hương Sơn	70,84	9	65,45	9	76,59	4	+5
9	Huyện Kỳ Anh	72,08	7	75,27	6	77,59	3	+3
10	Huyện Lộc Hà	54,52	12	53,87	12	44,52	13	-1
11	Huyện Nghi Xuân	69,87	10	58,89	11	48,64	11	0
12	Huyện Thạch Hà	83,24	2	78,2	4	89,18	1	+3
13	Huyện Vũ Quang	68,85	11	40,69	13	65,9	7	+6

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm bậc trong thứ hạng; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng bậc trong thứ hạng

Bảng 4.2. Mức xếp loại DDCI giai đoạn 2021-2024

STT	UBND huyện, thành phố, thị xã	2021	2023	2024	Xu hướng xếp loại
1	Thành phố Hà Tĩnh	Tốt	Tốt	Khá	Giảm
2	Thị xã Hồng Lĩnh	Tốt	Tốt	Tốt	Ổn định Tốt
3	Thị xã Kỳ Anh	Khá	Khá	Kém	Giảm
4	Huyện Cẩm Xuyên	Kém	Khá	Trung bình	Giảm
5	Huyện Can Lộc	Tốt	Khá	Khá	Ổn định Khá
6	Huyện Đức Thọ	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
7	Huyện Hương Khê	Khá	Tốt	Khá	Giảm
8	Huyện Hương Sơn	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
9	Huyện Kỳ Anh	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
10	Huyện Lộc Hà	Trung bình	Trung bình	Kém	Giảm
11	Huyện Nghi Xuân	Khá	Trung bình	Kém	Giảm
12	Huyện Thạch Hà	Tốt	Khá	Tốt	Tăng
13	Huyện Vũ Quang	Khá	Kém	Khá	Tăng

5.3.1. Thành phố Hà Tĩnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	80,26	85,42	68,51
Xu hướng điểm số so với năm trước		5,16	-16,91
Xếp hạng	3	2	5
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+1	-3

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 3	Giảm 6
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,4	6,19	6,64	0,45	
		Xếp hạng	4	6	4		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	7,64	8,04	6,75		-1,29
		Xếp hạng	5	3	5		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,37	8,35	5,78		-2,57
		Xếp hạng	4	2	8		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,21	9,63	7,9		-1,73
		Xếp hạng	6	1	8		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8,19	6,59	5,18		-1,41
		Xếp hạng	3	4	11		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,89	7,63	5,2		-2,43
		Xếp hạng	8	1	6		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9,69	8,16	6,1		-2,06
		Xếp hạng	2	4	9		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,26	4,87	9,43	4,56	
		Xếp hạng	3	9	1		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	6,16	6,82	7,44	0,62	
		Xếp hạng	9	4	4		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN mong muốn được tạo một môi trường **cạnh tranh bình đẳng hơn** để DN nhỏ cũng có cơ hội tiếp xúc và đấu thầu cạnh tranh như các DN lớn. Hiện nay DN nhỏ bị khó khăn trong việc tiếp cận thông tin từ CQĐP, cho rằng có thể CQĐP ưu tiên các DN lớn, cần cải thiện **tính minh bạch và tiếp cận** thông tin ở nội dung này.

5.3.2. Thị xã Hồng Lĩnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	89,45	98,42	80,51
Xu hướng điểm số so với năm trước		+8,97	-17,91
Xếp hạng	1	1	2
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+3	-1

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 3	Giảm 6
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	9,21	9,56	6,91		-2,65
		Xếp hạng	1	1	3		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,99	9,33	7,79		-1,54
		Xếp hạng	1	1	3		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,97	9,1	9,16	0,06	
		Xếp hạng	1	1	1		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,77	9,41	8,87		-0,54
		Xếp hạng	2	2	4		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,74	8,94	5,56		-3,38
		Xếp hạng	4	2	9		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8,54	6,73	9,38	2,65	
		Xếp hạng	1	4	1		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9,78	8,78	7,95		-0,83
		Xếp hạng	1	2	2		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,72	8,21	9,27	1,06	
		Xếp hạng	1	3	2		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	8,36	7,7	7,09		-0,61
		Xếp hạng	3	1	5		

5.3.3. Thị xã Kỳ Anh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	73,07	77,24	48,22
Xu hướng điểm số so với năm trước		+4,17	-29,02
Xếp hạng	2	5	12
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-3	-7

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						2	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,29	6,05	6,46	0,41	
		Xếp hạng	7	10	7		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,35	5,79	6,87	1,08	
		Xếp hạng	9	10	4		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,24	7,57	6,38		-1,19
		Xếp hạng	6	3	7		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,81	8,99	4,26		-4,73
		Xếp hạng	7	3	11		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9,04	6,33	5,24		-1,09
		Xếp hạng	2	6	10		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,01	3,42	2,16		-1,26
		Xếp hạng	11	12	13		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,92	5,95	5,84		-0,11
		Xếp hạng	8	10	10		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,74	8,24	2,44		-5,8
		Xếp hạng	7	1	13		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	6,64	6,41	3,91		-2,5
		Xếp hạng	8	6	12		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN hy vọng CQĐP giảm bớt các thủ tục hành chính – **giảm chi phí thời gian**, tiếp tục kêu gọi các nhà đầu tư, quyết liệt hơn trong công tác giải phóng mặt bằng – tăng tính hiệu quả của **tiếp cận đất đai** và cần có các giải pháp quan tâm đến các nhà đầu tư hơn nữa để **hỗ trợ doanh nghiệp** trên địa bàn.

5.3.4. Huyện Cẩm Xuyên

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	13,77	63,26	50,58
Xu hướng điểm số so với năm trước		+49,49	-12,68
Xếp hạng	13	10	10
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+3	0

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 4	Giảm 5
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	1	6,37	6,52	0,15	
		Xếp hạng	13	5	6		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	1,15	6,42	3,41		-3,01
		Xếp hạng	13	9	12		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	2,58	5,7	4,34		-1,36
		Xếp hạng	13	8	10		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	1,23	6,81	4,11		-2,7
		Xếp hạng	13	8	12		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	1,89	4,27	2,76		-1,51
		Xếp hạng	13	13	13		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	1,85	4,06	3,19		-0,87
		Xếp hạng	13	10	12		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	1	5,74	7,45	1,71	
		Xếp hạng	13	11	4		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	1	5,73	8,04	2,31	
		Xếp hạng	13	6	5		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	1	4,14	5,03	0,89	
		Xếp hạng	13	11	11		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN mong muốn việc **tiếp cận thông tin** cần nhanh và sát sao hơn, DN đề xuất phương án sử dụng các nhóm Zalo hoặc áp dụng các hình thức chuyển đổi số tương tự; HKD do người trẻ khởi nghiệp trên các làng nghề cần được **hỗ trợ về vay vốn**; HKD trẻ phản ánh việc **thanh tra, kiểm tra quá nhiều tạo áp lực** cho các HKD trẻ. HKD lo sợ về việc **“không có người giúp đỡ” thì không thuận lợi**, việc không có hóa đơn đỏ nhưng vẫn có giấy phép kinh doanh và có đóng thuế môn bài theo tháng đầy đủ.

5.3.5. Huyện Can Lộc

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	80,25	73,79	67,08
Xu hướng điểm số so với năm trước		-6,46	-6,71
Xếp hạng	1	8	6
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-7	+2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng	Giảm
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						6	3
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,65	6,58	4,35		-2,23
		Xếp hạng	6	3	13		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	7,05	6,7	6,28		-0,42
		Xếp hạng	6	7	8		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,32	6,81	7,16	0,35	
		Xếp hạng	5	5	6		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	9,62	7,15	8,49	1,34	
		Xếp hạng	1	6	5		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9,64	9,03	9,05	0,02	
		Xếp hạng	1	1	2		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,8	2,75	4,13	1,38	
		Xếp hạng	4	13	10		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,56	7,84	7,09		-0,75
		Xếp hạng	6	5	5		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,73	5,6	6,14	0,54	
		Xếp hạng	8	7	11		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	7,5	5,62	8,18	2,56	
		Xếp hạng	4	7	2		

5.3.6. Huyện Đức Thọ

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	71,56	74,79	60,99
Xu hướng điểm số so với năm trước		+3,23	-13,8
Xếp hạng	11	7	9
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+4	-2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 3	Giảm 6
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,22	6,49	6,16		-0,33
		Xếp hạng	8	4	9		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,1	7,37	5,96		-1,41
		Xếp hạng	10	5	9		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,27	5,6	3,77		-1,83
		Xếp hạng	9	9	13		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,19	5,34	7,97	2,63	
		Xếp hạng	10	11	7		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4,42	6,47	6,23		-0,24
		Xếp hạng	11	5	7		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7,55	7	4,42		-2,58
		Xếp hạng	2	3	8		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,66	6,63	4,85		-1,78
		Xếp hạng	9	9	11		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,35	7,17	8,58	1,41	
		Xếp hạng	2	4	4		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	7,07	5,41	5,78	0,37	
		Xếp hạng	6	8	9		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN trên địa bàn huyện mong muốn có các chính sách linh hoạt hỗ trợ về vốn, tạo điều kiện **hỗ trợ doanh nghiệp** về sản xuất kinh doanh.

5.3.7. Huyện Hương Khê

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	79,12	82,6	64,86
Xu hướng điểm số so với năm trước		+3,48	-17,74
Xếp hạng	5	3	8
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+2	-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 2	Giảm 7
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,07	7,54	6,18		-1,36
		Xếp hạng	5	2	8		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,22	8,37	5,17		-3,2
		Xếp hạng	4	2	11		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,04	5,38	5,3		-0,08
		Xếp hạng	10	10	9		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,26	8,85	8,46		-0,39
		Xếp hạng	4	4	6		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,23	5,29	6,01	0,72	
		Xếp hạng	5	10	8		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,47	5,45	7,15	1,7	
		Xếp hạng	6	8	5		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,68	7,34	7,02		-0,32
		Xếp hạng	5	6	6		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,07	8,24	7,42		-0,82
		Xếp hạng	5	1	10		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	7,43	7,34	5,85		-1,49
		Xếp hạng	5	2	8		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN mong muốn được **hỗ trợ doanh nghiệp** thông qua đề xuất được tạo điều kiện hoàn Thuế Giá trị gia tăng tần suất 4-5 năm/lần.

5.3.8. Huyện Hương Sơn

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	70,84	65,45	76,59
Xu hướng điểm số so với năm trước		-5,39	+11,14
Xếp hạng	8	9	4
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-1	+5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						9	0
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,78	3,09	6,09	3	
		Xếp hạng	3	13	10		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,94	6,93	8,38	1,45	
		Xếp hạng	7	6	2		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,53	6,36	8,03	1,67	
		Xếp hạng	8	6	3		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,66	5,84	9,22	3,38	
		Xếp hạng	8	10	2		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6,37	4,35	8,23	3,88	
		Xếp hạng	8	12	4		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	4,7	6,21	7,18	0,97	
		Xếp hạng	12	7	4		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,18	7,01	7,52	0,51	
		Xếp hạng	7	7	3		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,48	4,71	7,67	2,96	
		Xếp hạng	10	10	7		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	6	4,21	6,24	2,03	
		Xếp hạng	10	10	7		

5.3.9. Huyện Kỳ Anh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	72,08	75,27	77,59
Xu hướng điểm số so với năm trước		+3,19	+2,32
Xếp hạng	12	6	3
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+6	+3

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 8	Giảm 1
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6,19	6,1	7,16	1,06	
		Xếp hạng	11	7	2		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,59	4,52	6,59	2,07	
		Xếp hạng	2	12	6		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,51	6,34	8,53	2,19	
		Xếp hạng	3	7	2		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,55	7,99	8,99	1	
		Xếp hạng	9	5	3		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4,16	5,73	8,98	3,25	
		Xếp hạng	12	8	3		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,7	7,58	7,64	0,06	
		Xếp hạng	5	2	2		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9,48	9,45	6,69		-2,76
		Xếp hạng	3	1	8		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,89	6,13	7,99	1,86	
		Xếp hạng	6	5	6		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	4,78	6,56	7,73	1,17	
		Xếp hạng	12	5	3		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN phản ánh các thủ tục xin phép xây dựng dân dụng thường xuyên bị làm khó, với các **thủ tục rườm rà và phức tạp, chông chéo** .

5.3.10. Huyện Lộc Hà

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	54,52	53,87	44,52
Xu hướng điểm số so với năm trước		-0,65	-9,35
Xếp hạng	10	12	13
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-2	-1

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 4	Giảm 5
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	5,48	5,8	4,77		-1,03
		Xếp hạng	12	11	12		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	4,87	5,67	3,01		-2,66
		Xếp hạng	12	11	13		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	4,08	3,72	4,29	0,57	
		Xếp hạng	12	13	11		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	5,58	6,58	3,88		-2,7
		Xếp hạng	12	9	13		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4,49	5,07	6,85	1,78	
		Xếp hạng	10	11	6		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,6	3,96	4,7	0,74	
		Xếp hạng	9	11	7		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	5,55	4,36	2,07		-2,29
		Xếp hạng	12	12	13		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,04	4,93	4,52		-0,41
		Xếp hạng	11	8	12		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	5,88	2,99	6,66	3,67	
		Xếp hạng	11	12	6		

5.3.11. Huyện Nghi Xuân

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	69,87	58,89	48,64
Xu hướng điểm số so với năm trước		-10,98	-10,25
Xếp hạng	7	11	11
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-4	0

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 1	Giảm 7
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6,65	6,06	4,85		-1,21
		Xếp hạng	10	9	11		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,48	6,55	5,8		-0,75
		Xếp hạng	8	8	10		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,7	4,18	4,18	0	
		Xếp hạng	2	11	12		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,22	4,34	5,95		1,61
		Xếp hạng	5	12	10		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6,6	5,57	3,16		-2,41
		Xếp hạng	7	9	12		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,28	5,12	3,49		-1,63
		Xếp hạng	7	9	11		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,09	6,99	3,03		-3,96
		Xếp hạng	11	8	12		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	6,49	3,67	7,6	3,93	
		Xếp hạng	12	12	8		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	6,89	4,51	3,88		-0,63
		Xếp hạng	7	9	13		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN cảm thấy công tác **hỗ trợ doanh nghiệp** cần cải thiện vì DN bị khó khăn trong việc tiếp cận vay vốn; DN trên địa bàn huyện phản ánh tần suất **thanh tra và kiểm tra quá nhiều** trong 01 năm làm ảnh hưởng đến công việc của DN.

5.3.12. Huyện Thạch Hà

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	83,24	78,2	89,18
Xu hướng điểm số so với năm trước		-5,04	+10,98
Xếp hạng	6	4	1
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+2	+3

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng 8	Giảm 1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.88	6.09	9.31	3.22	
		Xếp hạng	2	8	1		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8.24	7.92	9.32	1.4	
		Xếp hạng	3	4	1		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8.17	7.01	8.03	1.02	
		Xếp hạng	7	4	3		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.48	6.95	10	3.05	
		Xếp hạng	3	7	1		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.67	7.13	9.32	2.19	
		Xếp hạng	6	3	1		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.14	6.54	7.36	0.82	
		Xếp hạng	3	6	3		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.45	8.29	8.28		-0.01
		Xếp hạng	4	3	1		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.09	4.11	9.12	5.01	
		Xếp hạng	4	11	3		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	8.44	6.84	9.22	2.38	
		Xếp hạng	2	3	1		

5.3.13. Huyện Vũ Quang

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	68,85	40,69	65,9
Xu hướng điểm số so với năm trước		-28,16	25,21
Xếp hạng	8	13	7
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-5	6

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 09 CSTP của DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						8	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,02	5,02	6,64	1,62	
		Xếp hạng	9	12	4		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	5,99	1,76	6,49	4,73	
		Xếp hạng	11	13	7		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	6,62	4,18	7,35	3,17	
		Xếp hạng	11	11	5		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	6,79	1,84	6,49	4,65	
		Xếp hạng	11	13	9		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6,37	5,94	7,97	2,03	
		Xếp hạng	8	7	5		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,1	6,72	4,31		-2,41
		Xếp hạng	10	5	9		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,64	3,52	6,75	3,23	
		Xếp hạng	10	13	7		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,71	2,62	7,53	4,91	
		Xếp hạng	9	13	9		
9	Tiếp cận đất đai	Điểm số	8,77	2,54	5,36	2,82	
		Xếp hạng	1	13	10		

Phụ lục 5: Hồ sơ DDCI chi tiết của UBND các huyện, thành phố, thị xã 2024

Bảng 4.3. Mức điểm và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

STT	Sở, ban, ngành	2021		2023		2024		Xu hướng thay đổi thứ hạng 2023-2024
		Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	61,97	20	59,13	17	70,78	19	-2
2	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	77,38	12	57,37	18	48,75	23	-5
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	67,8	17	54,25	21	77,88	14	+7
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh	79,07	10	34,65	24	69,58	20	+4
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	63,86	18	70,43	5	67,43	22	-17
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh	79,93	9	39,03	23	77,57	15	+8
7	Công an tỉnh	68,98	13	59,75	16	86,11	7	+9
8	Cục Hải quan tỉnh	77,73	11	75,33	1	78,8	11	-10
9	Cục Thuế tỉnh	80,03	8	46,02	22	74,78	17	+5
10	Ngân hàng nhà nước tỉnh	84,89	3	67,92	10	78,4	12	-2
11	Sở Công thương	22,12	24	66,69	11	88,2	3	+8
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	92,9	1	70,72	3	80,64	10	-7
13	Sở Giao thông Vận tải	49,24	21	68,11	9	93,5	1	+8
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	68,85	14	66,06	13	70,95	18	-5
15	Sở Khoa học và Công nghệ	84,48	4	69,59	6	76,29	16	-10
16	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	68,02	16	69,57	7	85,94	8	-1
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23,22	23	70,63	4	88,5	2	+2
18	Sở Tài chính	85,16	2	74,11	2	87,3	6	-4
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	62,08	19	56,91	19	48,17	24	-5
20	Sở thông tin và Truyền thông	83,73	6	60,07	14	85,78	9	+5
21	Sở Tư pháp	83,95	5	66,61	12	87,37	5	+7
22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	68,2	15	68,68	8	69,32	21	-13
23	Sở Xây dựng	81,52	7	60,05	15	77,98	13	+2
24	Sở Y tế	37,94	22	54,66	20	88	4	+16

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm bậc trong thứ hạng; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng bậc trong thứ hạng

Bảng 4. 4 Mức xếp loại DDCL giai đoạn 2021-2024

STT	Sở, ban, ngành	2021	2023	2024	Xu hướng xếp loại
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Kém	Trung bình	Khá	Tăng
2	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	Kém	Trung bình	Kém	Giảm
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	Kém	Trung bình	Khá	Tăng
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh	Kém	Kém	Khá	Tăng
5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Tốt	Khá	Khá	Ổn định Khá
6	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Tốt	Kém	Khá	Tăng
7	Công an tỉnh	Khá	Trung bình	Tốt	Tăng
8	Cục Hải quan tỉnh	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
9	Cục Thuế tỉnh	Tốt	Kém	Khá	Tăng
10	Ngân hàng nhà nước tỉnh	Tốt	Khá	Khá	Ổn định Khá
11	Sở Công thương	Khá	Khá	Tốt	Tăng
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tốt	Khá	Tốt	Tăng
13	Sở Giao thông Vận tải	Tốt	Khá	Tốt	Tăng
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
15	Sở Khoa học và Công nghệ	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
16	Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội	Tốt	Khá	Tốt	Tăng
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tốt	Khá	Tốt	Tăng
18	Sở Tài chính	Khá	Khá	Tốt	Tăng
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	Khá	Trung bình	Kém	Giảm
20	Sở thông tin và Truyền thông	Khá	Khá	Tốt	Tăng
21	Sở Tư pháp	Khá	Khá	Tốt	Tăng
22	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
23	Sở Xây dựng	Khá	Khá	Khá	Ổn định Khá
24	Sở Y tế	Khá	Trung bình	Tốt	Tăng

5.4.1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	61,97	59,13	70,78
Xu hướng điểm số so với năm trước		-2,84	+11,65
Xếp hạng	20	17	19
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+3	-2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng	Giảm
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						6	2
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	4,57	6,51	8,15	1,64	
		Xếp hạng	22	14	12		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	4,84	6,27	5,5		-0,77
		Xếp hạng	21	13	20		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	6,45	4,83	4,91	0,08	
		Xếp hạng	22	20	23		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	4,02	4,63	7,96	3,33	
		Xếp hạng	22	21	15		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	3,17	5,29	5,76	0,47	
		Xếp hạng	24	21	22		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,32	8,5	6,81		-1,69
		Xếp hạng	12	1	19		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	4,38	7,92	8,53	0,61	
		Xếp hạng	22	11	7		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	4,95	8,07	8,5	0,43	
		Xếp hạng	21	6	12		

5.4.2. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	77,38	57,37	48,75
Xu hướng điểm số so với năm trước		-20,01	-8,62
Xếp hạng	12	18	23
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-6	-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	1,96	6,51	4,76		-1,75
		Xếp hạng	26	14	24		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	2,23	6,27	3,11		-3,16
		Xếp hạng	25	13	24		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	3,14	4,83	7,01	2,18	
		Xếp hạng	26	20	18		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	2,09	4,63	4,47		-0,16
		Xếp hạng	26	21	24		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	1,87	5,29	8,42	3,13	
		Xếp hạng	25	21	12		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	3,22	8,5	3,63		-4,87
		Xếp hạng	21	1	23		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	1,93	7,92	4,24		-3,68
		Xếp hạng	25	11	23		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	2,03	8,07	4,87		-3,2
		Xếp hạng	25	6	23		

5.4.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	67,8	54,25	77,88
Xu hướng điểm số so với năm trước		-13,55	+23,63
Xếp hạng	17	21	14
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-4	+7

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số		
						Tăng 6	Giảm 2	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024								
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	2,16	6,6	7	0,4		
		Xếp hạng	25	13	22			
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	2,02	6,08	8,82	2,74		
		Xếp hạng	26	17	4			
3	Chi phí thời gian	Điểm số	4,43	5,67	4,7		-0,97	
		Xếp hạng	25	15	24			
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	2,42	5,81	6,49	0,68		
		Xếp hạng	24	17	20			
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	3,65	5,52	4		-1,52	
		Xếp hạng	22	18	24			
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	1	8,5	8,6	0,1		
		Xếp hạng	26	1	8			
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	1,76	6,65	9,56	2,91		
		Xếp hạng	26	18	2			
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	1,59	4,81	10	5,19		
		Xếp hạng	26	21	1			

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN mong muốn UBND tỉnh **tăng cường giám sát chặt chẽ** SBN để qua đó có phương án **hỗ trợ doanh nghiệp** phát triển thuận lợi hơn; DN mong muốn UBND tỉnh **tăng cường khảo sát** để DN có cơ hội tiếp xúc đánh giá các SBN.

5.4.4. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	79,07	34,65	69,58
Xu hướng điểm số so với năm trước		-44,42	+34,93
Xếp hạng	10	24	20
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-14	+4

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng	Giảm
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	3,26	3,08	7,42	4,34	
		Xếp hạng	24	24	20		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	3,5	3,66	7,05	3,39	
		Xếp hạng	24	23	13		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,45	5,02	7,36	2,34	
		Xếp hạng	15	18	15		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	3,25	2,15	5,52	3,37	
		Xếp hạng	23	24	21		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	1,85	3,66	6,97	3,31	
		Xếp hạng	26	23	20		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	3,02	8,5	7,15		-1,35
		Xếp hạng	22	1	17		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	3,93	5,19	8,05	2,86	
		Xếp hạng	23	22	11		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	4,21	1	6,48	5,48	
		Xếp hạng	24	24	22		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN **đánh giá cao** thủ tục hành chính của đơn vị, mong đơn vị phát huy hơn nữa **thủ tục hành chính trực tuyến**; DN mong muốn SBN giải quyết thủ tục **"hoàn toàn trực tuyến"** và **rút ngắn thời gian** xử lý hơn nữa để đáp ứng thời đại công nghệ 4.0.

5.4.5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	63,86	70,43	67,43
Xu hướng điểm số so với năm trước		+6,57	-3
Xếp hạng	18	5	22
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+13	-17

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						4	4
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,77	8,11	8,9	0,79	
		Xếp hạng	7	3	6		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,5	6,96	4,87		-2,09
		Xếp hạng	2	11	23		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,66	6,2	6,32	0,12	
		Xếp hạng	11	14	22		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,81	7,97	8,26	0,29	
		Xếp hạng	3	2	12		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,85	8,72	7,24		-1,48
		Xếp hạng	5	4	19		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8,53	8,09	5,69		-2,4
		Xếp hạng	3	11	22		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,35	9,02	5,43		-3,59
		Xếp hạng	9	5	22		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8,98	7,67	7,72	0,05	
		Xếp hạng	8	9	18		

5.4.6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	79,93	39,03	77,57
Xu hướng điểm số so với năm trước		-40,9	+38,54
Xếp hạng	9	23	15
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-14	+8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,64	6,72	8,53	1,81	
		Xếp hạng	4	12	9		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,31	3,55	6,67	3,12	
		Xếp hạng	4	24	15		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,89	3,69	6,63	2,94	
		Xếp hạng	9	24	21		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,79	3,82	8,57	4,75	
		Xếp hạng	6	23	11		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8,28	1,13	7,54	6,41	
		Xếp hạng	3	24	18		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7,86	8,5	8,15		-0,35
		Xếp hạng	6	1	11		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9,05	4,04	7,05	3,01	
		Xếp hạng	3	24	16		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,13	4,26	8,51	4,25	
		Xếp hạng	6	22	10		

5.4.7. Công an tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	68,98	59,75	86,11
Xu hướng điểm số so với năm trước		-9,23	+26,36
Xếp hạng	13	16	7
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-3	+9

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6,19	6,03	7,47	1,44	
		Xếp hạng	17	17	18		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,77	7,29	8,21	0,92	
		Xếp hạng	14	8	9		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,24	5	8,42	3,42	
		Xếp hạng	18	19	6		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	6,8	6	9,05	3,05	
		Xếp hạng	17	16	9		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5,23	5,12	8,97	3,85	
		Xếp hạng	19	22	8		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,46	7	7,75	0,75	
		Xếp hạng	16	19	15		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,81	8,75	8,26		-0,49
		Xếp hạng	14	7	9		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8,69	7,12	10	2,88	
		Xếp hạng	12	14	1		

5.4.8. Cục Hải quan tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	77,73	75,33	78,8
Xu hướng điểm số so với năm trước		-2,4	3,47
Xếp hạng	11	1	11
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		10	-10

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 3	Giảm 5
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,4	9,86	8,51		-1,35
		Xếp hạng	12	1	10		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,47	8,42	8,35		-0,07
		Xếp hạng	17	3	7		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	9,29	8,03	7,86		-0,17
		Xếp hạng	1	3	10		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,13	7,25	7,56	0,31	
		Xếp hạng	15	10	17		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5,89	9,25	9,28	0,03	
		Xếp hạng	15	1	4		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	4,36	8,5	6,07		-2,43
		Xếp hạng	19	1	21		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	6,72	5,68	8,74	3,06	
		Xếp hạng	20	20	6		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,68	8,84	7,61		-1,23
		Xếp hạng	17	3	19		

5.4.9. Cục Thuế tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	80,03	46,02	74,78
Xu hướng điểm số so với năm trước		-34,01	28,76
Xếp hạng	8	22	17
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-14	5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	9	5,68	7,43	1,75	
		Xếp hạng	2	20	19		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,25	6,25	5,72		-0,53
		Xếp hạng	6	14	19		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,57	3,74	7,37	3,63	
		Xếp hạng	13	23	14		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,33	3,83	7,93	4,1	
		Xếp hạng	7	22	16		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,48	5,53	8,2	2,67	
		Xếp hạng	7	17	14		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8,18	6,44	7,23	0,79	
		Xếp hạng	4	21	16		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,33	6,89	7,4	0,51	
		Xếp hạng	10	17	15		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,19	4,2	8,51	4,31	
		Xếp hạng	5	23	10		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

HKD phản ánh cục thuế **thanh tra, kiểm tra "quá nhiều"**; DN kinh doanh được phẩm mong muốn được **giảm thuế** vì DN cho rằng đang phải đóng các **khoản thuế chồng nhau**, bao gồm: thuế trên hóa đơn, thuế môn bài và thuế khoán.

3.3.10. Ngân hàng nhà nước tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	84,89	67,92	78,4
Xu hướng điểm số so với năm trước		-16,97	10,48
Xếp hạng	3	10	12
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-7	-2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						5	3
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	9,35	6,88	9,1	2,22	
		Xếp hạng	1	11	2		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	9,37	8,33	5,93		-2,4
		Xếp hạng	1	4	17		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	9,28	7,23	7,12		-0,11
		Xếp hạng	2	8	17		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	9,2	7,19	8,97	1,78	
		Xếp hạng	1	11	10		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,18	7,33	7,59	0,26	
		Xếp hạng	11	11	17		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	9,64	8	9,46	1,46	
		Xếp hạng	1	13	1		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9,78	9,61	6,93		-2,68
		Xếp hạng	1	2	17		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,8	6,88	7,8	0,92	
		Xếp hạng	1	15	17		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN mong muốn Ngân hàng nhà nước tỉnh “cố gắng hoàn thiện hơn nữa”; HKD có nhu cầu tiếp cận vốn ngân sách cảm thấy rất khó khăn, mất thời gian và mất cơ hội.

5.4.11. Sở Công thương

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	22,12	66,69	88,2
Xu hướng điểm số so với năm trước		44,57	21,51
Xếp hạng	24	11	3
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		13	8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,63	6,34	9,4	3,06	
		Xếp hạng	10	15	1		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,02	8,62	8,17		-0,45
		Xếp hạng	10	1	10		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,45	6,22	7,65	1,43	
		Xếp hạng	15	13	12		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,02	7,62	9,86	2,24	
		Xếp hạng	8	6	3		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,26	7,69	8,38	0,69	
		Xếp hạng	10	10	13		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,63	6,46	9,41	2,95	
		Xếp hạng	10	20	2		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,99	5,19	7,86	2,67	
		Xếp hạng	11	22	12		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8,7	7,78	9,34	1,56	
		Xếp hạng	11	8	6		

5.4.12. Sở Giáo dục và Đào tạo

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	92,9	70,72	80,64
Xu hướng điểm số so với năm trước		-22,18	9,92
Xếp hạng	1	3	10
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-2	-7

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,42	6,96	7,85	0,89	
		Xếp hạng	6	10	16		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,21	5,87	7,72	1,85	
		Xếp hạng	8	19	12		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,44	8,41	9,21	0,8	
		Xếp hạng	17	2	2		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,76	7,97	8,21	0,24	
		Xếp hạng	11	2	13		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8,39	8,44	9,11	0,67	
		Xếp hạng	2	7	7		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7,58	7,76	8,23	0,47	
		Xếp hạng	7	16	10		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9,66	9	6,43		-2,57
		Xếp hạng	2	6	20		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,78	7,32	7,95	0,63	
		Xếp hạng	2	12	14		

5.4.13. Sở Giao thông Vận tải

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	49,24	68,11	93,5
Xu hướng điểm số so với năm trước		18,87	25,39
Xếp hạng	21	9	1
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		12	8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng	Giảm
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						8	0
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,43	8,11	8,91	0,8	8,43
		Xếp hạng	5	3	5		5
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,22	5,3	8,94	3,64	8,22
		Xếp hạng	7	21	3		7
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,88	7,15	8,5	1,35	7,88
		Xếp hạng	10	9	5		10
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,95	7,13	9,58	2,45	7,95
		Xếp hạng	9	13	6		9
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,34	5,85	10	4,15	7,34
		Xếp hạng	9	15	1		9
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7,37	8,5	9,16	0,66	7,37
		Xếp hạng	8	1	4		8
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,52	7,43	9,36	1,93	8,52
		Xếp hạng	5	15	3		5
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,01	9,11	10	0,89	9,01
		Xếp hạng	7	1	1		7

5.4.14. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	68,85	66,06	70,95
Xu hướng điểm số so với năm trước		-2,79	4,89
Xếp hạng	14	13	18
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		1	-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 5	Giảm 3
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6,48	7,11	8,41	1,3	
		Xếp hạng	16	9	11		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,71	5,99	5,85		-0,14
		Xếp hạng	15	18	18		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	6,49	6,33	6,8	0,47	
		Xếp hạng	21	12	20		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,03	6,54	6,84	0,3	
		Xếp hạng	16	15	18		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5,4	7,83	8,08	0,25	
		Xếp hạng	18	8	15		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,86	8,07	7,13		-0,94
		Xếp hạng	15	12	18		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,86	8,34	6,61		-1,73
		Xếp hạng	13	8	18		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,84	6,17	7,37	1,2	
		Xếp hạng	15	18	20		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN phản ánh rằng hồ sơ DN **không được hướng dẫn** cụ thể mà phải tự tìm hiểu trong việc hoàn thành hồ sơ; một số cán bộ Sở làm việc tại Trung tâm HCC tỉnh có chuyên môn **chưa cao**, dẫn đến **lúng túng khi hướng dẫn** DN, làm **chậm quá trình xử lý** hồ sơ; DN ghi nhận Sở có nhiều **hỗ trợ giúp DN vượt qua khó khăn**; DN đề nghị website của đơn vị cần **công khai đầy đủ, minh bạch các thông tin** chỉ đạo, điều hành, các hồ sơ đầu tư, các văn bản giải đáp kiến nghị, vướng mắc của các cá nhân, tổ chức, hạn chế **tình trạng website bị lỗi**, không truy cập được.

5.4.15. Sở Khoa học và Công nghệ

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	84,48	69,59	76,29
Xu hướng điểm số so với năm trước		-14,89	+6,7
Xếp hạng	4	6	16
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-2	-10

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,07	8,11	7,54		-0,57
		Xếp hạng	14	3	17		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,29	7,76	6,73		-1,03
		Xếp hạng	5	7	14		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,61	6,65	9,11	2,46	
		Xếp hạng	12	10	3		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,68	7,74	6,68		-1,06
		Xếp hạng	12	4	19		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5,71	7,15	6,3		-0,85
		Xếp hạng	16	13	21		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	9,01	6,32	8,88	2,56	
		Xếp hạng	2	23	6		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,37	7,54	7,5		-0,04
		Xếp hạng	7	14	14		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8,76	8,7	7,87		-0,83
		Xếp hạng	9	4	15		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN rất **khó tiếp cận** với các hỗ trợ chính sách từ phía Trung Ương và UBND tỉnh, thậm chí, DN hầu như **không biết có chính sách** đó hay không.

5.4.16. Sở Lao động, Thương Binh và Xã hội

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	68,02	69,57	85,94
Xu hướng điểm số so với năm trước		+1,55	+16,37
Xếp hạng	16	7	8
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+9	-1

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8,84	5,82	8,58	2,76	
		Xếp hạng	3	18	8		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,5	7,99	8,35	0,36	
		Xếp hạng	2	5	7		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,95	6,56	7,73	1,17	
		Xếp hạng	8	11	11		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	9	7,46	9,88	2,42	
		Xếp hạng	2	7	2		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5,97	8,54	9,21	0,67	
		Xếp hạng	14	5	6		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8,01	8,5	7,95	-0,55	
		Xếp hạng	5	1	12		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,92	9,05	7,73		-1,32
		Xếp hạng	4	4	13		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,52	8,25	9,18	0,93	
		Xếp hạng	3	5	7		

5.4.17. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	23,22	70,63	88,5
Xu hướng điểm số so với năm trước		+47,41	+17,87
Xếp hạng	23	4	2
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+19	+2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 7	Giảm 1
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,46	6,05	8,99	2,94	
		Xếp hạng	11	16	4		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	8,11	8,52	8,65	0,13	
		Xếp hạng	9	2	6		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,45	7,41	8,72	1,31	
		Xếp hạng	4	6	4		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,84	7,67	9,75	2,08	
		Xếp hạng	10	5	5		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,71	7,71	9,58	1,87	
		Xếp hạng	6	9	2		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7,25	7,9	9,29	1,39	
		Xếp hạng	9	15	3		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,36	9,14	8,21		-0,93
		Xếp hạng	8	3	10		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8,59	7,39	8,17	0,78	
		Xếp hạng	13	10	13		

5.4.18. Sở Tài chính

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	85,16	74,11	87,3
Xu hướng điểm số so với năm trước		-11,05	13,19
Xếp hạng	2	2	6
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		0	-4

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
						Tăng 5	Giảm 3
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024							
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	5.86	8.17	6.41		-1.76
		Xếp hạng	19	2	23		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6.96	6.97	9.28	2.31	
		Xếp hạng	13	10	1		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8.26	7.5	7.32		-0.18
		Xếp hạng	7	5	16		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	6	7.28	9.76	2.48	
		Xếp hạng	20	9	4		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.68	8.95	9.24	0.29	
		Xếp hạng	17	2	5		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.2	8.5	8.8	0.3	
		Xếp hạng	13	1	7		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7.52	9.68	8.27		-1.41
		Xếp hạng	17	1	8		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7.89	9	9.59	0.59	
		Xếp hạng	14	2	4		

5.4.19. Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	62,08	56,91	48,17
Xu hướng điểm số so với năm trước		-5,17	-8,74
Xếp hạng	19	19	24
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		0	-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	5,38	5,44	7,93	2,49	
		Xếp hạng	21	21	14		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	5,78	6,24	5,39		-0,85
		Xếp hạng	19	15	22		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	7,55	4,3	6,89	2,59	
		Xếp hạng	14	21	19		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	5,99	7,43	4,98		-2,45
		Xếp hạng	21	8	23		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6,15	7,19	5,62		-1,57
		Xếp hạng	12	12	23		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	3,86	7,7	1,75		-5,95
		Xếp hạng	20	17	24		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,44	7,68	4,1		-3,58
		Xếp hạng	19	13	24		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,5	5,23	3,97		-1,26
		Xếp hạng	18	20	24		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN mong muốn Sở **đẩy nhanh tốc độ** giải quyết hồ sơ hơn.

5.4.20. Sở thông tin và Truyền thông

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	83,73	60,07	85,78
Xu hướng điểm số so với năm trước		-23,66	+25,71
Xếp hạng	6	14	9
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-8	+5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						6	2
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,67	7,25	8,72	1,47	
		Xếp hạng	8	7	7		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	7,67	5,63	7,89	2,26	
		Xếp hạng	11	20	11		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,86	7,24	9,43	2,19	
		Xếp hạng	3	7	1		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8,8	4,64	9,89	5,25	
		Xếp hạng	5	20	1		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8,25	5,48	9,4	3,92	
		Xếp hạng	4	19	3		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,04	8,5	7,87		-0,63
		Xếp hạng	14	1	14		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,5	6,92	6,58		-0,34
		Xếp hạng	18	16	19		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8,71	7,2	9,06	1,86	
		Xếp hạng	10	13	8		

5.4.21. Sở Tư pháp

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	83,95	66,61	87,37
Xu hướng điểm số so với năm trước		-17,34	+20,76
Xếp hạng	5	12	5
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-7	+7

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.66	7.97	8.06	0.09	
		Xếp hạng	9	6	13		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	5.6	6.94	8.72	1.78	
		Xếp hạng	20	12	5		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8.27	8.97	7.56		-1.41
		Xếp hạng	6	1	13		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.81	8.18	9.18	1	
		Xếp hạng	3	1	8		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4.82	8.46	8.77	0.31	
		Xếp hạng	20	6	10		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5.42	2.5	7.94	5.44	
		Xếp hạng	17	24	13		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7.95	6.19	9.71	3.52	
		Xếp hạng	12	19	1		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7.08	7.93	9.55	1.62	
		Xếp hạng	19	7	5		

5.4.22. Sở Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	68,2	68,68	69,32
Xu hướng điểm số so với năm trước		+0,48	+0,64
Xếp hạng	15	8	21
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		7	-13

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						4	4
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6,6	7,18	7,37	0,19	
		Xếp hạng	15	8	21		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,67	7,87	5,44		-2,43
		Xếp hạng	16	6	21		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	6,86	7,81	7,92	0,11	
		Xếp hạng	20	4	8		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,37	7,01	5,01		-2
		Xếp hạng	14	14	22		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4,24	8,81	7,86		-0,95
		Xếp hạng	21	3	16		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5,11	7,59	6,78		-0,81
		Xếp hạng	18	18	20		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,53	8,1	9,29	1,19	
		Xếp hạng	16	10	4		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	6,79	6,42	6,77	0,35	
		Xếp hạng	20	16	21		

5.4.23. Sở Xây dựng

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	81,52	60,05	77,98
Xu hướng điểm số so với năm trước		-21,47	+17,93
Xếp hạng	7	15	13
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		-8	+2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						5	3
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7,16	5,42	7,93	2,51	
		Xếp hạng	13	22	14		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	7,59	7,16	5,99		-1,17
		Xếp hạng	12	9	16		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	8,32	5,54	8,29	2,75	
		Xếp hạng	5	16	7		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	7,54	5,57	9,34	3,77	
		Xếp hạng	13	18	7		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6,03	6,36	8,83	2,47	
		Xếp hạng	13	14	9		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6,48	8,5	8,43		-0,07
		Xếp hạng	11	1	9		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8,49	8,14	6,3		-1,84
		Xếp hạng	6	9	21		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9,37	6,16	7,83	1,67	
		Xếp hạng	4	19	16		

c. Góp ý từ Doanh nghiệp:

DN phản ánh cán bộ Sở xử lý hồ sơ còn chậm.

5.4.24. Sở Y tế

a. Điểm số và xếp hạng DDCI giai đoạn 2021-2024

Năm	2021	2023	2024
Điểm số	37,94	54,66	88
Xu hướng điểm số so với năm trước		+16,72	+33,34
Xếp hạng	22	20	4
Xu hướng thứ hạng so với năm trước		+2	+16

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 08 CSTP DDCI 2024 giai đoạn 2021-2024

STT	CSTP	Năm	2021	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2021-2024						Tăng	Giảm
						8	0
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6,17	4,3	9,03	4,73	
		Xếp hạng	18	23	3		
2	Tính năng động và hiệu lực	Điểm số	6,33	6,1	9,1	3	
		Xếp hạng	18	16	2		
3	Chi phí thời gian	Điểm số	5,31	4,12	7,89	3,77	
		Xếp hạng	24	22	9		
4	Chi phí không chính thức	Điểm số	6,16	7,19	8,17	0,98	
		Xếp hạng	19	11	14		
5	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7,43	5,39	8,49	3,1	
		Xếp hạng	8	20	11		
6	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	2,84	6,38	9,05	2,67	
		Xếp hạng	23	22	5		
7	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7,7	5,27	9,15	3,88	
		Xếp hạng	15	21	5		
8	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7,78	6,27	9,02	2,75	
		Xếp hạng	16	17	9		

Phụ lục 6: Phương pháp tính chỉ số DDCI Hà Tĩnh 2024

5.5.1. Công thức tính điểm các tiêu chí

Điểm số các CSTP được xây dựng dựa trên cơ sở tính toán điểm số các tiêu chí. Theo đó các tiêu chí sau khi thu thập, sẽ được chuẩn hóa theo thang điểm 10 (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1). Những đánh giá còn lại nằm giữa được quy về điểm số tương ứng trong khoảng điểm còn lại. Đối với khảo sát DDCI 2024 các tiêu chí đều là tiêu chí thuận (tức là điểm tiêu chí càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt). Công thức chuẩn hóa điểm số các tiêu chí như sau:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị Z} = 1 + 9 * \frac{X - \text{min}}{\text{max} - \text{min}}$$

Trong đó:

- + X là giá trị của đơn vị Z.
- + Min: Điểm thấp nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.
- + Max: Điểm cao nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.

Ví dụ: Tiêu chí % doanh nghiệp hài lòng về thái độ, ứng xử của cán bộ tại bộ phận một cửa. Đây là tiêu chí thuận, giá trị của đơn vị Z là 40%; đơn vị cao nhất tại tiêu chí này đạt 60%; đơn vị thấp nhất là 17%. Theo đó, điểm quy chuẩn của đơn vị Z ở tiêu chí này đạt:

$$1 + 9 * \frac{40 - 17}{60 - 17} = 5,81 \text{ điểm}$$

Đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 60%) được 10 điểm; đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 17%) chỉ được 1 điểm.

5.5.2. Công thức tính điểm chỉ số thành

CSTP = Trung bình cộng điểm các tiêu chí trong CSTP

5.5.3. Công thức tính điểm DDCI có gán trọng số

Điểm DDCI (có gán trọng số) chuẩn hóa theo thang điểm 100 = $\frac{\sum (\text{CSTP} \times \text{trọng số})}{\sum \text{trọng số}} \times 10$

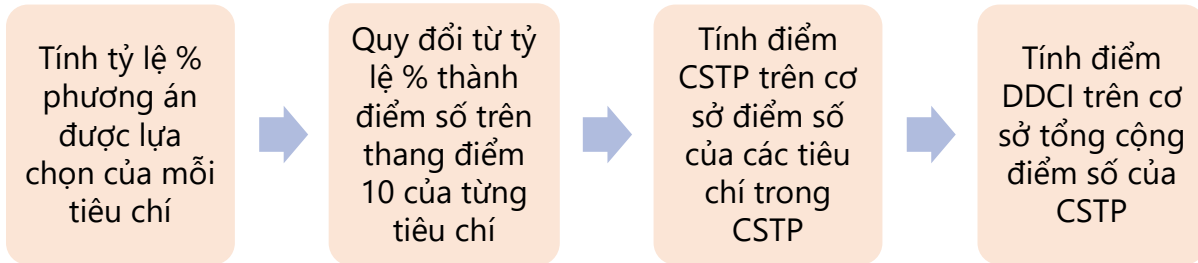
5.5.4. Quy trình tổng hợp và chuẩn hóa điểm số DDCI có gán trọng số

Về cách tính điểm chỉ số DDCI, phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DDCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hoá về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà mỗi đơn vị đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện. Chính vì vậy, với cách tính điểm này, khoảng cách điểm số giữa vị trí đầu bảng và cuối bảng có thể chênh lệch lớn.

Điểm số DDCI năm 2024 được tính dựa trên áp dụng công thức quy đổi điểm số các tiêu chí trong mỗi CSTP từ tỷ lệ % thành điểm số trên thang điểm 10. Đây là công thức chuẩn đang được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sử dụng để tính điểm chỉ số PCI. Công thức quy đổi điểm sẽ đánh giá đối với các đơn vị có tỷ lệ % cao nhất sẽ đạt điểm tuyệt đối (10 điểm); các đơn vị có tỷ lệ % thấp nhất sẽ đạt điểm thấp nhất (1 điểm); các đơn vị khác trong nhóm xếp hạng sẽ được xếp điểm tương ứng với tỷ lệ % từ cao xuống thấp. Mỗi đơn vị khi tham gia khảo sát sẽ được đánh giá dựa trên CSTP tương ứng với các tiêu chí (câu hỏi). Mỗi

tiêu chí (câu hỏi) sẽ được thiết kế theo hình thức trả lời trắc nghiệm lựa chọn phương án. Tỷ lệ % lựa chọn phương án của mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được dùng để quy thành điểm số trên thang điểm 10 của từng tiêu chí. Các tiêu chí sẽ được tổng hợp điểm thành điểm của CSTP. Từ điểm của các CSTP tổng cộng thành điểm DDCL của mỗi đơn vị, cụ thể quy trình như sau:

Hình 4.1 Quy trình tổng hợp điểm DDCL năm 2024



Bảng 4.5 đưa ra ví dụ về tính điểm chỉ số Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính của các địa phương như sau:

Bảng 4.5 Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10

Tên đơn vị	DN/HTX/HKD có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu được không? (A. Luôn luôn; B. Thường xuyên; C. thỉnh thoảng; D. Không bao giờ)	
	Tỷ lệ %	Điểm số
I	93,15	10
II	88,51	8,4
III	89,58	8,77
IV	85,45	7,34
V	84,21	6,91
VI	87,25	7,96
VII	67,11	1
Cao nhất	93,15	10
Thấp nhất	67,11	1
Trung vị	80,13	5,5

Như vậy có thể hiểu đơn vị I có 93,15% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho rằng công việc, thủ tục hành chính luôn được giải quyết sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn; 93,15% cho rằng có thể luôn luôn hoặc thường xuyên giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Từ tỷ lệ % phương án của mỗi tiêu chí được lựa chọn, sẽ áp dụng công thức để chuẩn hoá điểm theo hệ số 10 như sau:

$$\text{Điểm chuẩn hoá} = 9 * \frac{\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất}}{\text{Điểm lớn nhất} - \text{Điểm nhỏ nhất}} + 1$$

$$\text{Ví dụ về điểm chuẩn hoá của đơn vị II trong Bảng 1.4} = 9 * \frac{88,51 - 67,11}{93,15 - 67,11} + 1 = 8,4$$

5.5.5 Điểm số và mức xếp hạng chỉ số DDCL

Xếp hạng DDCL của các đơn vị căn cứ theo điểm số từ cao xuống thấp. Đơn vị nào có điểm số cao xếp trên, điểm số thấp xếp dưới trong bảng xếp hạng. Điểm số DDCL là cơ sở để xác định mức xếp hạng đối với cơ quan, đơn vị. Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ được xếp hạng khi có

tối thiểu từ 20 phiếu hợp lệ trở lên trả lời về cơ quan, đơn vị. Nếu cơ quan, đơn vị được khảo sát có dưới 20 phiếu hợp lệ trả lời thì không tiến hành xếp hạng cơ quan, đơn vị đó. Trong trường hợp các cơ quan, đơn vị trong nhóm xếp hạng có điểm số DDCI bằng nhau thì sẽ dùng điểm CSTP theo thứ tự ưu tiên CSTP có trọng số cao hơn để xếp hạng. Các cơ quan, đơn vị điểm CSTP có trọng số lớn nhất cao hơn sẽ xếp hạng bên trên. **Bảng 4.6** bên dưới trình bày về điểm và mức xếp hạng DDCI Hà Tĩnh 2024.

Bảng 4. 6 Mức xếp hạng và điểm số DDCI (thang điểm 100)

STT	Mức xếp hạng	Điểm số DDCI đạt được (Thang điểm 100)
1	Tốt	DDCI \geq 80 điểm
2	Khá	60 điểm $= < \text{DDCI} < 80$ điểm
3	Trung bình	50 điểm $= < \text{DDCI} < 60$ điểm
4	Kém	DDCI < 50 điểm

Phụ lục 7: Phương pháp khảo sát DDCI Hà Tĩnh 2024

5.6.1. Đối tượng tham gia khảo sát DDCI 2024

Đối tượng đánh giá: Các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hợp tác xã; hộ kinh doanh đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp). Quy mô tổng số phiếu khảo sát hợp lệ thu về là 1.142 phiếu

Đối tượng được đánh giá: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm:

-Nhóm 1: gồm 24 sở, ban, ngành cấp tỉnh: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Xây dựng, (5) Sở Giao thông Vận tải, (6) Sở Công Thương, (7) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (8) Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, (9) Sở thông tin và Truyền thông, (10) Sở Y tế, (11) Sở Khoa học và Công nghệ, (12) Sở Giáo dục và Đào tạo, (13) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (14) Sở Tư pháp, (15) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, (16) Công an tỉnh, (17) Cục Thuế tỉnh, (18) Cục Hải quan tỉnh, (19) Bảo hiểm Xã hội tỉnh, (20) Ngân hàng Nhà nước tỉnh, (21) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, (22) Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh, (23) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực khu kinh tế tỉnh, (24) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh;

-Nhóm 2: 13 UBND các huyện, thành phố, thị xã: (1) Thành phố Hà Tĩnh, (2) Thị xã Hồng Lĩnh, (3) Thị xã Kỳ Anh, (4) Huyện Thạch Hà, (5) Huyện Hương Khê, (6) Huyện Kỳ Anh, (7) Huyện Đức Thọ, (8) Huyện Can Lộc, (9) Huyện Hương Sơn, (10) Huyện Cẩm Xuyên, (11) Huyện Nghi Xuân, (12) Huyện Lộc Hà, (13) Huyện Vũ Quang.

5.6.2. Phương pháp chọn mẫu

Mẫu khảo sát DDCI khối sở, ban, ngành

Với khối Sở, ban, ngành thì phương pháp được sử dụng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có tương tác với Sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có quan tâm, hiểu biết về Sở, ban, ngành và đánh giá từ các Hội, Hiệp hội, chi hội... đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hội viên có hiểu biết, tương tác với Sở, ban, ngành). Đối với một số sở, ban, ngành có ít doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu toàn bộ danh sách mà sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm mẫu dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về sở, ban, ngành đó. Đồng thời để cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các sở, ban, ngành, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với sở, ban, ngành có số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tương tác lớn (Cơ quan Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan....) cho phù hợp.

Tổng số lượng phiếu khảo sát hợp lệ thu được đối với 24 Sở, ban, ngành cấp tỉnh Hà Tĩnh là **673 phiếu trên 1.142 phiếu hợp lệ** (chiếm tỷ lệ 58,93%).

Mẫu khảo sát DDCI khối UBND các huyện, thành phố, thị xã

Phương pháp chọn mẫu DDCI khối địa phương đã được cân nhắc đến sự khác biệt về địa lý, tình hình kinh tế xã hội, đặc trưng của địa phương. Do đó, phương pháp chọn mẫu dựa

trên mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh...

Tổng số lượng phiếu khảo sát hợp lệ thu được đối với 13 UBND huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Hà Tĩnh năm 2024 là **469 phiếu trên 1.142 phiếu hợp lệ** (chiếm tỷ lệ 41.07%)

5.6.3 Phương pháp khảo sát

Khảo sát DDCI được thực hiện hoàn toàn tự động trên hệ thống khảo sát trực tuyến: <https://ddcihatinh.vn/>, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai khảo sát DDCI. Phiếu khảo sát được đăng tải trên hệ thống để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh truy cập và trả lời trực tuyến.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh khi được lựa chọn là mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một mã khảo sát của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát thông qua hệ thống tin nhắn, cuộc gọi tự động hoặc Đơn vị tư vấn trực tiếp gọi điện mời và hướng dẫn đối tượng tham gia khảo sát. Sau khi khảo sát xong, hệ thống khảo sát trực tuyến tự động tính toán và tổng hợp kết quả khảo sát, không có sự can thiệp của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong việc tổng hợp kết quả khảo sát. Kết quả khảo sát hoàn toàn được tổng hợp từ chính phiếu khảo sát do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đã trả lời và gửi trên hệ thống khảo sát trực tuyến. Kết quả khảo sát chỉ số DDCI năm 2024 được kết xuất từ hệ thống khảo sát trực tuyến, qua đó quá trình tổ chức triển khai khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát đảm bảo an toàn, bảo mật, khách quan và chính xác.